

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

---

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

**CÔNG BÁO**  
**SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**  
**TẬP A**

\*\*\*

**OFFICIAL GAZETTE**  
**OF INDUSTRIAL PROPERTY**  
**VOLUME A**

1-2008

---

238

---

HÀ NỘI



**MÃ SỐ HAI CHỮ CÁI THỂ HIỆN TÊN NƯỚC VÀ CÁC THỰC THỂ KHÁC TRONG CÁC TƯ LIỆU SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP THEO TIÊU CHUẨN ST3 CỦA WIPO**

AE	United Arab Emirates	CN	China	HK	Hong Kong
AF	Afganistan	CO	Colombia	HN	Honduras
AG	Antihua and Barbuda	CR	Costa Rica	HR	Croatia
AI	Anguilla	CU	Cuba	HT	Haiti
AL	Albania	CV	Cape Verde	HU	Hungary
AN	Netherlands Antilles	CY	Cyprus	ID	Indonesia
AO	Angola	CZ	Czech Republic	IE	Ireland
AR	Argentina	DE	Germany	IL	Israel
AT	Austria	DJ	Djibouti	IN	India
AU	Australia	DK	Denmark	IQ	Iraq
AW	Aruba	DM	Dominica	IR	Iran (Islamic Republic of)
BB	Barbados	DO	Dominican Republic	IS	Iceland
BD	Bangladesh	DZ	Algeria	IT	Italy
BE	Belgium	EC	Ecuador	JM	Jamaica
BF	Burkina Faso	EE	Estonia	JO	Jordan
BG	Bulgaria	EG	Egypt	JP	Japan
BH	Bahrain	ES	Spain	KE	Kenya
BI	Burundi	ET	Ethiopia	KH	Cambodia
BJ	Benin	FI	Finland	KI	Kiribati
BM	Bermuda	FJ	Fiji	KM	Comoros
BN	Brunei Darussalam	FK	Falkand Islands (Malvinas)	KN	Saint Kitts and Nevis
BO	Bolivia	FR	France	KP	Democratic People's Republic of Korea
BR	Brazil	GA	Gabon	KR	Republic of Korea
BS	Bahamas	GB	United Kingdom	KW	Kuwait
BT	Bhutan	GD	Grenada	KY	Cayman Islands
BW	Botswana	GE	Georgia	KZ	Kazakhstan
BY	Belarus	GH	Ghana	LA	Laos
BZ	Belize	GI	Gibraltar	LB	Lebanon
CA	Canada	GM	Gambia	LC	Saint Lucia
CF	Central African Republic	GN	Guinea	LI	Liechtenstein
CG	Congo	GQ	Equatorial Guinea	LK	SriLanka
CH	Switzerland	GR	Greece	LR	Liberia
CI	Côte d'Ivoire	GT	Guatemala	LS	Lesotho
CL	Chile	GW	Guinea-Bissau	LT	Lithuania
CM	Cameroon	GY	Guyana	TC	Turk and Caicos Islands
LU	Luxembourg	PA	Panama	TD	Chad
LV	Latvia	PE	Peru	TG	Togo

**CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 238 TẬP A (01.2008)**

LY	Lybya	PG	Papua New Guinea	TH	Thailand
MA	Morocco	PH	Philippines	TN	Tunisia
MC	Monaco	PK	Pakistan	TO	Tonga
MD	Republic of Moldova	PL	Poland	TR	Turkey
MG	Madagascar	PT	Portugal	TT	Trinidad and Tobago
ML	Mali	PY	Paraguay	TV	Tuvalu
MM	Myanmar	QA	Qatar	TW	Taiwan, Province of China
MN	Mongolia	RO	Rumania	TZ	United Republic of Tanzania
MO	Macau	RU	Russian Federation	UA	Ukraine
MR	Mauritania	RW	Rwanda	UG	Uganda
MS	Montserrat	SA	Saudi Arabia	US	United States of America
MT	Malta	SB	Solomon Islands	UY	Uruguay
MU	Mauritius	SC	Seychelles	UZ	Uzbekistan
MV	Maldives	SD	Sudan	VA	Holy see
MW	Malawi	SE	Sweden	VC	Saint Vincent and the Grenadines
MX	Mexico	SG	Singapore	VE	Venezuela
MY	Malaysia	SH	Saint Helena	VG	Virgin Islands (British)
MZ	Mozambique	SL	Slovenia	VN	Vietnam
NA	Namibia	SK	Slovakia	VU	Vanuatu
NE	Niger	SL	Sierra Leone	WS	Samoa
NG	Nigeria	SM	San Marino	YE	Yemen
NJ	Nicaragua	SN	Senegal	YU	Yugoslavia
NL	Netherlands	SO	Somalia	ZA	South Africa
NO	Norway	SR	Suriname	ZM	Zambia
NP	Nepal	ST	Sao Tome and Principe	ZR	Zaire
NR	Nauru	SV	El Sanvador	ZW	Zimbabwe
NZ	New Zealand	SY	Syria		
OM	Oman	SZ	Swaziland		

**CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ**

AO	African Intellectual Property Organization (OAPI)
AP	African Regional Industrial Property Organization (ARIPO)
BX	Benelux Trademark Office and Benelux Designs Office
EP	European Patent Office (EPO)
IB, WO	International Bureau of the World Intellectual Property Organization (WIPO)

## MỤC LỤC

	Trang
<u>PHẦN I</u> : Đơn yêu cầu cấp Bằng độc quyền sáng chế	9
<u>PHẦN II</u> : Đơn yêu cầu cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích	230
<u>PHẦN III</u> : Đơn yêu cầu cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp	235
<u>PHẦN IV</u> : Đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá	397
<u>PHẦN V</u> : Yêu cầu xét nghiệm nội dung	1342
<u>PHẦN VI</u> : Sửa đổi đơn	1345
<u>PHẦN VII</u> : Chuyển giao đơn	1348

## CONTENTS

<u>PART I</u> : Applications for Invention Patents	9
<u>PART II</u> : Applications for Utility Solution Patents	230
<u>PART III</u> : Applications for Industrial Design Patents	235
<u>PART IV</u> : Applications for Trademark Registrations	397
<u>PART V</u> : Requests on Substantive Examination	1342
<u>PART VI</u> : Amendment of Applications	1345
<u>PART VII</u> : Transfer of Applications	1348



PHẦN I

**ĐƠN SÁNG CHẾ YÊU CẦU CẤP BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ**

- (11) **16082**
- (21) 1-2006-01022 (51)<sup>7</sup> **C10G 3/00, C10L 1/00**
- (22) 26.06.2006 (43) 25.01.2008
- (75) **HỒ XUÂN THIÊN (VN)**  
574A Võ Thị Sáu, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
- (74) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)
- (54) **QUY TRÌNH SẢN XUẤT DẦU DIESEL SINH HỌC TỪ MỠ CÁ BASA, CÁ TRA VÀ DẦU DIESEL SINH HỌC THU ĐƯỢC TỪ QUY TRÌNH NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất dầu diesel sinh học từ mỡ cá basa, cá tra bao gồm các công đoạn: (a) tinh chế mỡ cá basa, cá tra bằng phương pháp hoá học; (b) đun nóng mỡ cá basa, cá tra thu được ở công đoạn (a) đến 35°C và trộn với metanol trong đó tỷ lệ metanol và mỡ cá là 1:5 và khuấy đảo hỗn hợp; (c) trộn thêm một lượng natri metoxit bằng 12% lượng mỡ, duy trì nhiệt độ hỗn hợp trong khoảng từ 60°C đến 70°C ở áp suất thường, sau đó để lắng tự nhiên, trong đó natri metoxit có tỷ lệ thành phần là 0,12 lít metanol và 3,2 gam xút cho mỗi lít mỡ đã tinh chế, (d) tách dầu diesel sinh học ra khỏi hỗn hợp ở công đoạn (c); (e) tẩy dầu diesel sinh học thu được ở công đoạn (d); (g) sấy dầu diesel sinh học thu được ở công đoạn (e) ở nhiệt độ 130°C, áp suất thường.

(11) **16083**

(21) 1-2006-01122

(51)<sup>7</sup> **C12P 19/12**

(22) 10.07.2006

(43) 25.01.2008

(75) 1. TRỊNH THỊ KIM VÂN (VN)

301 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

2. HOÀNG ĐÌNH HOÀ (VN)

Ngách 97/44, phố Phạm Ngọc Thạch, thành phố Hà Nội, Việt Nam

(54) QUY TRÌNH SẢN XUẤT ĐƯỜNG CHỨC NĂNG FRUCTOOLIGOSACARIT BẰNG ENZYM FRUCTOSYLTRANSFERAZA TỪ CHỦNG ASPERGILLUS FLAVIPES VVTP84

(57) Sáng chế đề cập đến qui trình công nghệ sản xuất đường fructooligosacarit (FOS). Cụ thể qui trình bao gồm các bước nuôi cấy nhân giống và lên men chủng *Aspergillus flavipes* VVTP 84, để thu nhận sinh khối chứa enzym fructosyltransferaza (FTS). Dùng sinh khối chứa enzym FTS trên để chuyển hoá dịch đường sacaroza thành đường fructooligosacarit (FOS). Qui trình khác biệt ở chỗ môi trường nhân giống chứa đường sacaroza, agar, và khoai tây. Giống được tiếp vào quá trình lên men dưới dạng dịch bào tử huyền phù. Lượng giống tiếp là (1-2). 10<sup>7</sup> bào tử/lít môi trường. Môi trường lên men chứa sacaroza ở nồng độ 10% (w/v) - 17% (w/v). Sinh khối chứa enzym được coi như là enzym thô và được dùng trực tiếp cho việc chuyển hoá đường FOS từ dịch 50% (w/v) - 60% (w/v) đường sacaroza. Sản phẩm đường FOS thu được sau chuyển hoá có nồng độ phần trăm đường FOS so với tổng lượng chất khô có trong dịch là từ 40% (w/v) đến 50% (w/v). Sản phẩm dịch đường FOS sau đó được đem cô lại đến nồng độ chất khô là 60% đến 70% rồi đóng chai 200 ml hoặc thùng 10 lít. Mẫu sản phẩm đóng trong 200 ml được thanh trùng ở nhiệt độ 115° C trong 20 phút dùng để ăn trực tiếp như là loại đường chức năng thay thế cho đường sacaroza. Một sản phẩm đóng trong thùng 10 lít bảo quản ở nhiệt độ lạnh 4°C dùng để làm nguyên liệu bổ sung cho chế biến các sản phẩm thực phẩm chức năng như sữa, đồ uống, bánh kẹo . . .



(11) **16084**

(21) 1-2006-01174

(51)<sup>7</sup> **C01B 31/08**, 31/12

(22) 17.07.2006

(43) 25.01.2008

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 17.07.2006

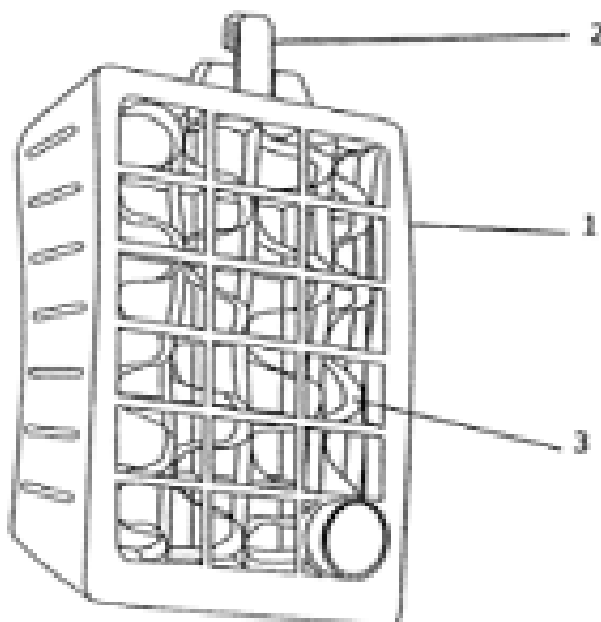
(75) CAO THẾ HÀ (VN)

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, T3, 334 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(54) **PHƯƠNG PHÁP CHẾ TẠO THAN HOẠT TÍNH TỪ LIGNIN**

(57) Sáng chế đề cập đến việc chế tạo than hoạt tính từ lignin bằng phương pháp hoạt hoá hoá học. Lignin sau khi được tách từ dịch đen nhà máy giấy, được tẩm thêm tác nhân hoạt hoá và sau đó được hoạt hoá trong các điều kiện về nhiệt độ hoạt hoá và thời gian tại nhiệt độ hoạt hoá xác định tùy thuộc vào từng loại tác nhân hoạt hoá, sau cùng sản phẩm được rửa lọc để thu được than hoạt tính và thu hồi quay vòng tác nhân hoạt hoá nhằm giảm bớt chi phí hoá chất. Sản phẩm than hoạt tính được chế tạo theo sáng chế có các chỉ số chất lượng như diện tích bề mặt và chỉ số iod tương đương các loại than hoạt tính thương mại hiện có trên thị trường Việt Nam hiện nay.

- (11) **16085**  
(21) 1-2006-01233 (51)<sup>7</sup> **A01M 1/20**  
(22) 24.07.2006 (43) 25.01.2008  
(71) FUMAKILLA MALAYSIA BERHAD (MY)  
Plot 256, Tingkat Perusahaan 5, Prai Industrial Estate 2, 13600 Prai, Penang, Malaysia  
(72) Ridzuan Ismail (MA), Yee Ming Shiang (MA), Tan Chik Leong (MA)  
(74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)  
(54) DỤNG CỤ TRỪ SÂU  
(57) Sáng chế đề cập đến dụng cụ trừ sâu để phát tán các thành phần hoạt tính vào môi trường xung quanh. Dụng cụ này được gắn vào thiết bị tạo gió và dòng không khí làm bay hơi các thành phần hoạt tính để bay hơi chứa trong chất mang. Dụng cụ này có thể xách tay, cô lại và kinh tế để sản xuất.



(11) **16086**

(21) 1-2006-01496

(51)<sup>7</sup> **C07K 14/61**, C12N 15/62

(22) 23.06.2004

(43) 25.01.2008

(86) PCT/IN2004/000182 23.06.2004

(87) WO2006/001027

05.01.2006

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 12.12.2007

(71) USV LIMITED (IN)

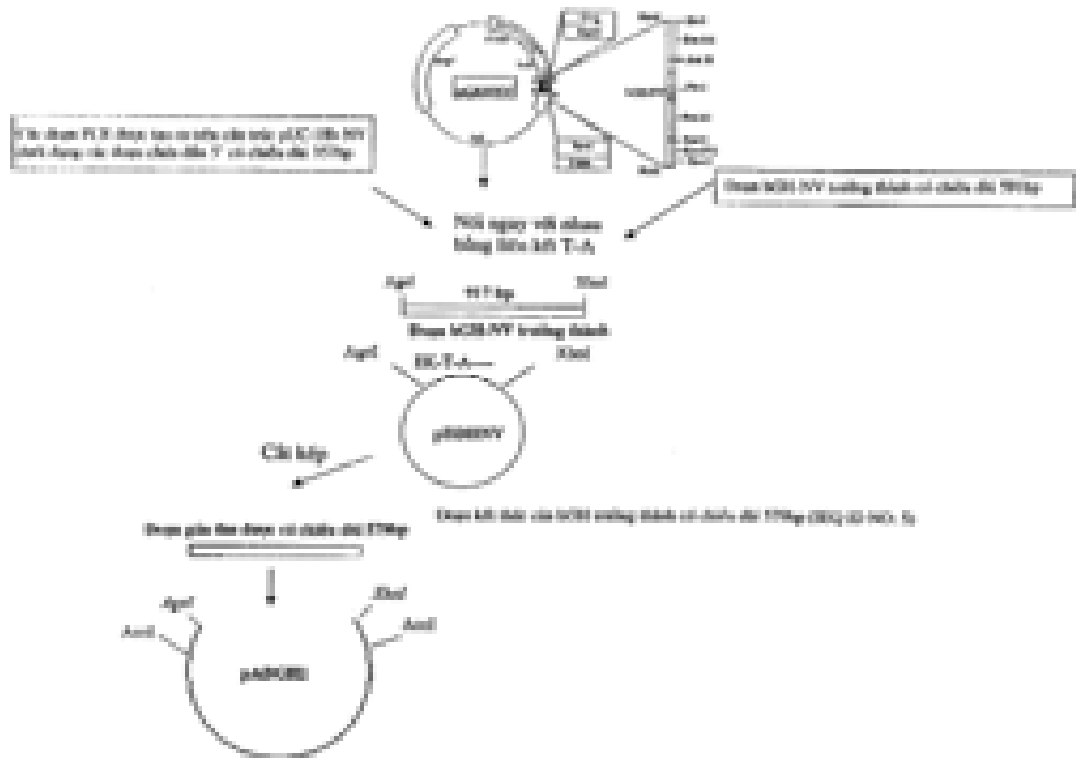
B.S.D. Marg, Station Road, Govandi, Mumbai - 400 088, Maharashtra, India

(72) MAITI, Dipanwita (IN), MISHRA, SHRIKANT (IN), RAO, Srinivas, Laxmi (IN), NIPHADKAR, Prabhakar, Milind (IN), BORBHUIYA, Ahmed Monsur (IN), KHARE, Ganesh Aruna (IN)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) THỂ KHẢM VÀ QUY TRÌNH TẠO RA NÓ

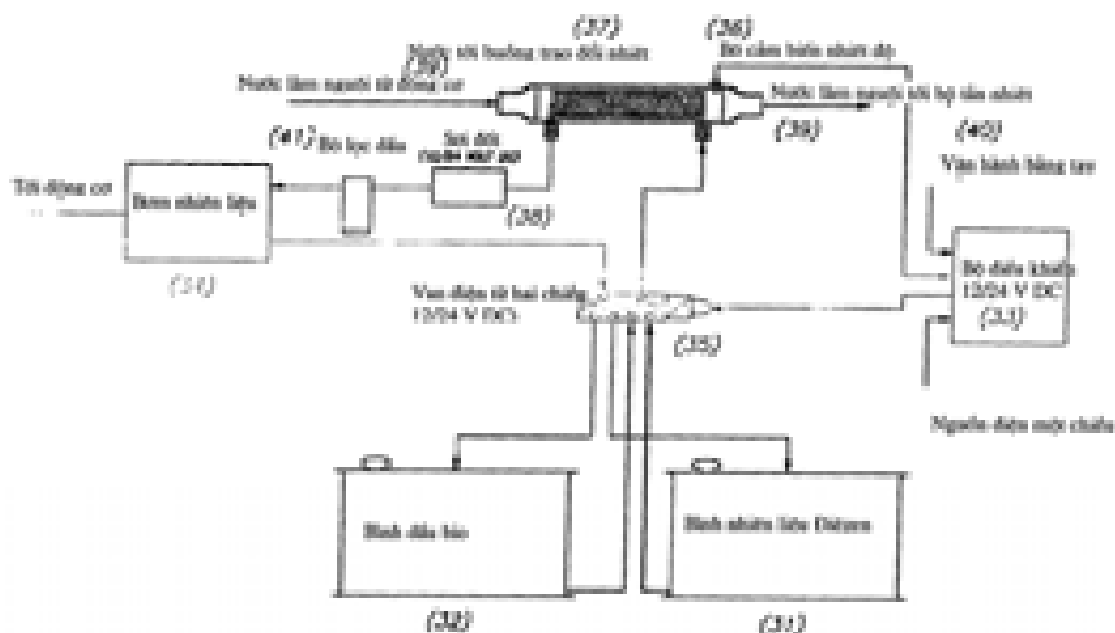
(57) Sáng chế đề cập đến thể khảm cADN mới là hGH - NV có trình tự nhận biết SEQ ID NO: 3 mã hoá hormon sinh trưởng của người. Sáng chế còn đề cập đến quy trình tạo ra thể khảm cADN mới là hGH - NV từ các đồng dạng cADN của nhau thai người và ARN của tuyến yên, bằng cách khuếch đại các đồng dạng cADN bằng cách phiên mã ngược sử dụng các đoạn môi đặc hiệu gen, tách dòng các đồng dạng cADN đã khuếch đại này, cắt các đồng dạng cADN đã tách dòng ở các vị trí cắt đặc hiệu bằng endonucleaza, sau đó thay thế vùng đặc hiệu của đoạn hGH-V của đồng dạng cADN đã cắt bằng đoạn hGH-N để thu được thể khảm cADN là hGH - NV. Ngoài ra, thể khảm cADN mới là hGH - NV được sử dụng làm khuôn để thu được cấu trúc biểu hiện chứa đoạn có trình tự nhận biết SEQ ID NO: 5 để tạo ra hormon sinh trưởng của người trưởng thành.



- (11) **16087**
- (21) 1-2006-01676 (51)<sup>7</sup> **F02M 31/16, F02D 19/00**
- (22) 29.06.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/ID2006/000005 29.06.2006 (87) WO2007043031 19.04.2007
- (30) S00200600064 10.10.2005 ID

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 11.10.2006

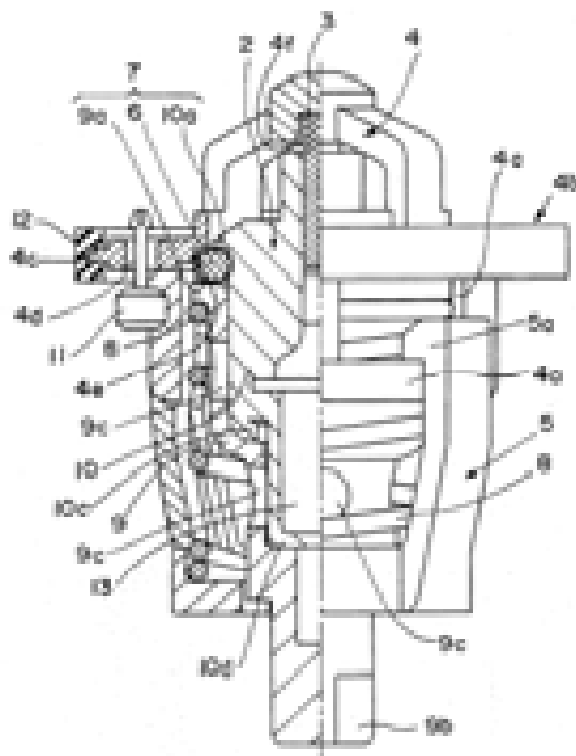
- (71) PT. PURA BARUTAMA (ID)  
JI. AKBP R. Agil Kusumadya Kudus 59348, Jawa Tengah, Indonesia
- (72) AGUNG WIBOWO (ID)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) **THIẾT BỊ BIẾN ĐỔI DẦU THỰC VẬT THÀNH NHIÊN LIỆU DÙNG CHO ĐỘNG CƠ ĐIÊZEN**
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị biến đổi dầu thực vật thành nhiên liệu thay thế nhiên liệu điêzen trong máy vận hành bằng nhiên liệu điêzen. Theo sáng chế, thiết bị sẽ làm nóng dầu thực vật tới điểm cháy sao cho nó sẵn sàng vào đường dẫn cháy của động cơ điêzen. Thiết bị theo sáng chế bao gồm đường nạp và đường xả dầu thực vật, đường nạp và đường xả nhiên liệu điêzen, buồng làm nóng, đường nạp và đường xả nước nóng, thiết bị điều khiển, bộ lọc, thiết bị đo nhiệt độ, và thiết bị chuyển đường dẫn nhiên liệu.



- (11) **16088**
- (21) 1-2006-01833 (51)<sup>7</sup> **A23B 4/027**, 4/12
- (22) 07.11.2006 (43) 25.01.2008
- (30) 2006-163941 13.06.2006 JP
- (71) NEWTON LABORATORIES, INC. (JP)  
1-11 Shinbashi 6-chome, Minato-ku, Tokyo 105-0004 Japan
- (72) Nobuyuki HIGUCHI (JP)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)
- (54) **CHẤT BẢO QUẢN ĐỘNG VẬT GIÁP XÁC VÀ PHƯƠNG PHÁP BẢO QUẢN ĐỘNG VẬT GIÁP XÁC**
- (57) Sáng chế đề cập đến chất bảo quản động vật giáp xác an toàn về mặt vệ sinh thay cho các hợp chất sulfit thông thường được sử dụng để bảo quản động vật giáp xác, trong đó chất bảo quản có thể ngăn ngừa sự hư hỏng về vẻ bề ngoài, màu sắc và hương vị đồng thời nó có thể ngăn chặn việc tạo ra vị không ngon và mùi không ngon bằng cách sử dụng ưu điểm của các chất hữu cơ đã biết làm thực phẩm hoặc chất phụ gia thực phẩm.
- Chất bảo quản động vật giáp xác chứa thành phần thứ nhất bao gồm một lượng hiệu quả hợp chất ascorbic, hợp chất axit đa chức hữu cơ với lượng nhỏ hơn tương đương với hàm lượng của thành phần thứ nhất, và thành phần thứ hai chứa ít nhất một hợp chất được chọn từ hợp chất axit amin với lượng nhỏ hơn tương đương với hàm lượng của thành phần thứ nhất, hàm lượng của thành phần thứ hai là nhỏ hơn tương đương với hàm lượng của thành phần thứ nhất. Động vật giáp xác ở trạng thái sống, ở trạng thái tươi biểu kiến nhưng không mất các phản xạ sống của nó hoặc ở trạng thái đông lạnh có thể hồi phục phản xạ sống sau khi làm rã đông bằng cách cho động vật giáp xác tiếp xúc với dung dịch xử lý bảo quản động vật giáp xác; và bảo quản động vật giáp xác đã xử lý bằng cách làm lạnh hoặc làm đông lạnh.

- (11) **16089**  
 (21) 1-2006-01862 (51)<sup>7</sup> **F16K 31/68**, F01P 7/16, G01K 5/44  
 (22) 18.11.2004 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/JP2004/017198 18.11.2004 (87) WO/2006/054347 26.05.2006  
 (71) NIPPON THERMOSTAT CO., LTD. (JP)  
 59-2, Nakazato 6-chome, Kiyose-shi, Tokyo 204-0003, Japan  
 (72) YAJIMA, Noriyasu (JP)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)  
 (54) **BỘ ỔN NHIỆT**

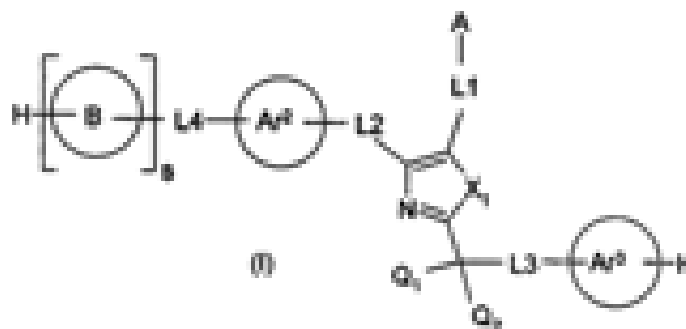
(57) Sáng chế đề cập đến bộ ổn nhiệt có trọng lượng và giá thành hạ và dễ tháo lắp. Bộ ổn nhiệt này bao gồm nhiệt ngẫu (2) kích hoạt van được tạo gờ (7) theo tác động đẩy tiến lên và lùi lại của pittông (3), pittông này trượt do các thay đổi về nhiệt độ, lò xo (8) được bố trí sao cho bao quanh nhiệt ngẫu (2) và một đầu của nó tiếp xúc có áp lực một cách đàn hồi với mặt sau của van được tạo gờ (7), khung trên (4) mà tại đó mặt tựa van tỳ vào mặt trên của van được tạo gờ (7) được tạo ra, và khung dưới (5) tiếp xúc có áp lực nhờ đầu kia của lò xo. Các khung cài định vị (4a) được tạo ra trên khung trên (4) và các móc cài định vị (5a) cài vào các khung cài định vị (4a) được tạo ra trên khung dưới (5), khung trên (4) và khung dưới (5) được chế tạo liên khối nhờ chế tạo khung dưới (4) bằng vật liệu đàn hồi và sử dụng tính đàn hồi này để cài và cố định các móc cài định vị (5a) vào các khung cài định vị (4a).



- (11) **16090**  
 (21) 1-2006-02129 (51)<sup>7</sup> **C07D 277/30**, 417/06, 417/04, A61K 31/426, 31/427, A61P 11/06  
 (22) 30.05.2005 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/EP2005/005882 30.05.2005 (87) WO2005/116001 08.12.2005  
 (30) 0412198.4 29.05.2004 GB  
 0414194.1 24.06.2004 GB  
 0424016.4 29.10.2004 GB

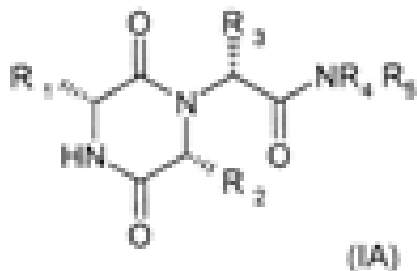
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 19.11.2007

- (71) 7TM PHARMA A/S (DK)  
 Fremtidsvej 3, DK-2970 Hoersholm, Denmark  
 (72) ULVEN Trond (NO), FRIMURER Thomas (DK), RIST Oystein (NO), KOSTENIS Evi (DE), HOGBERG Thomas (SE), RECEVEUR Jean-Marie (FR), GRIMSTRUP Marie (NO)  
 (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
 (54) HỢP CHẤT THIAZOLAXETIC ĐƯỢC THỂ LÀM CÁC PHỐI TỬ CỦA THỤ THỂ CRTH2, THUỐC CHỨA CHỨNG VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT THUỐC  
 (57) Sáng chế đề xuất các hợp chất có công thức (I) hữu ích để điều trị bệnh đáp lại sự điều biến của hoạt tính của thụ thể CRTH2, như bệnh hen, viêm mũi, hội chứng đường khí đạo dị ứng, và tiền viêm phế quản dị ứng :



trong đó  $X_1$  là -S-, -O-, -N=N-, -NR<sub>7</sub>-, CR<sub>7</sub>=CR<sub>8</sub>-, -CR<sub>7</sub>=N-, trong đó R<sub>7</sub> và R<sub>8</sub> độc lập là hydro hoặc C<sub>1</sub>-C<sub>3</sub> alkyl; A là nhóm carboxyl -COOH, hoặc carboxyl bioisostere; mỗi vòng Ar<sup>2</sup> và Ar<sup>3</sup> độc lập là phenyl hoặc vòng heteroaryl đơn vòng có 5 hoặc 6 cạnh, hoặc hệ vòng vòng đôi gồm vòng cacbon hoặc vòng dị vòng có 5 hoặc 6 cạnh mà nó được ngưng tụ benz hoặc được ngưng tụ với vòng heteroaryl đơn vòng có 5 hoặc 6 cạnh, nhân hoặc hệ vòng nêu trên tùy ý là được thế; vòng B là như được xác định đối với Ar<sup>2</sup> và Ar<sup>3</sup>, hoặc N-pyrrolidinyl, N-piperidinyl hoặc nhân N-azepinyl được thế một cách tùy ý; s bằng 0 hoặc 1; L<sub>1</sub>, L<sub>2</sub> và L<sub>4</sub> là các gốc liên kết như được xác định trong phần mô tả; Q<sub>1</sub> và Q<sub>2</sub> là nhóm thế như được xác định trong phần mô tả.

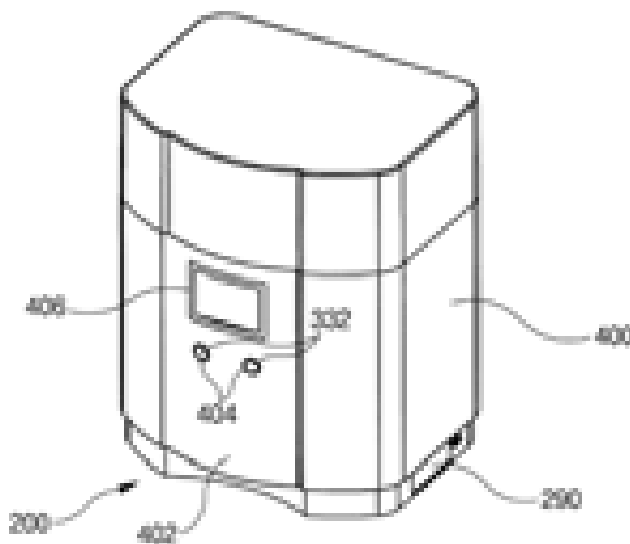
- (11) **16091**  
(21) 1-2007-00154 (51)<sup>7</sup> **C07D 403/06**, A61K 31/496, A61P 15/06  
(22) 21.06.2005 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/EP2005/006761 21.06.2005 (87) WO2006/000400 05.01.2006  
(30) 0414092.7 23.06.2004 GB  
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 20.09.2007  
(71) **GLAXO GROUP LIMITED (GB)**  
Glaxo Wellcome House, Berkeley Avenue, Greenford, Middlesex, UB6 0NN, Great Britain  
(72) Allan David BORTHWICK (GB), Steven Leslie SOLLIS (GB)  
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)  
(54) **HỢP CHẤT DIKETOPIPERAZIN ĐƯỢC THỂ, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY**  
(57) Sáng chế đề xuất hợp chất có công thức (IA)



trong đó R<sub>1</sub> là 2-indanyl, R<sub>2</sub> là 1-metylpropyl, R<sub>3</sub> là 1-metyl-indazol-5-yl, R<sub>4</sub> là metyl và R<sub>5</sub> là hydro hoặc metyl, và các dẫn xuất dược dụng của hợp chất này. Sáng chế cũng đề xuất quy trình điều chế hợp chất này, và dược phẩm chứa chúng.



- (11) **16092**
- (21) 1-2007-00184 (51)<sup>7</sup> C02F 1/34, 9/08, B67D 5/00
- (22) 25.01.2007 (43) 25.01.2008
- (30) 10-2006-0063142 05.07.2006 KR
- (71) SEUNG GWANG CO., LTD. (KR)  
160B 10L, Namdong Ind. Zone, 731-7 Gojan-dong, Namdong-gu, Incheon, Republic of Korea 405-822
- (72) JEONG, Seung Hoon (KR)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
- (54) THIẾT BỊ LỌC SẠCH NƯỚC VÀ PHƯƠNG PHÁP LỌC SẠCH NƯỚC SỬ DỤNG THIẾT BỊ NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị lọc sạch nước, có khả năng phát hiện chính xác mức độ nhiễm bẩn của bộ lọc dựa vào lượng nước tinh khiết sử dụng thực tế và thông báo cho người sử dụng về mức độ nhiễm bẩn phát hiện được để người sử dụng thay thế bộ lọc, sử dụng và bảo dưỡng thiết bị lọc sạch nước một cách đơn giản và thuận tiện, và đề xuất phương pháp lọc sạch nước sử dụng thiết bị này. Thiết bị lọc sạch nước làm sạch nước thô và xả nước tinh khiết bao gồm: các thùng, mỗi thùng chứa một bộ lọc; thân chính được kết hợp với các thùng và có ống dẫn nước thô để cấp nước thô vào, ống dẫn nước tinh khiết để xả nước tinh khiết ra, và các đường dẫn nối ống dẫn nước thô với ống dẫn nước thô với ống dẫn nước tinh khiết thông qua các thùng, trong đó các thùng và sau đó được xả tới ống dẫn nước tinh khiết; bộ phận đo thứ nhất đo lượng nước thô cung cấp được cấp tới ống dẫn nước thô; và bộ điều khiển tính toán mức độ nhiễm bẩn của bộ lọc dựa vào kết quả đo của bộ phận đo thứ nhất.



- (11) **16093**
- (21) 1-2007-00228 (51)<sup>7</sup> **C07D 451/02**, A61K 31/46, A61P 29/00
- (22) 02.08.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2005/027568 02.08.2005 (87) WO2007/030089 15.03.2007
- (30) 60/599,131 05.08.2004 US
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 17.12.2007
- (71) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)  
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse, Belgium
- (72) Scott L. Dax (US), Bart Decorte (US), Li Liu (US), Mark McDonnell (US), James J. McNally (US)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) HỢP CHẤT BA VÒNG, DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG VÀ QUY TRÌNH BÀO CHẾ DƯỢC PHẨM
- (57) Sáng chế đề cập đến các chất điều biến thụ thể delta opioit. Cụ thể hơn, sáng chế đề cập đến hợp chất ba vòng điều biến  $\delta$ -opioit. Sáng chế cũng đề cập đến dược phẩm dùng cho người và dược phẩm và chế phẩm dùng cho thú y và quy trình bào chế dược phẩm.

(11) **16094**

(21) 1-2007-00272

(51)<sup>7</sup> **B60T 01/06**

(22) 07.02.2007

(43) 25.01.2008

(30) 095123309 28.06.2006 TW

(71) SANYANG INDUSTRY CO., LTD. (TW)

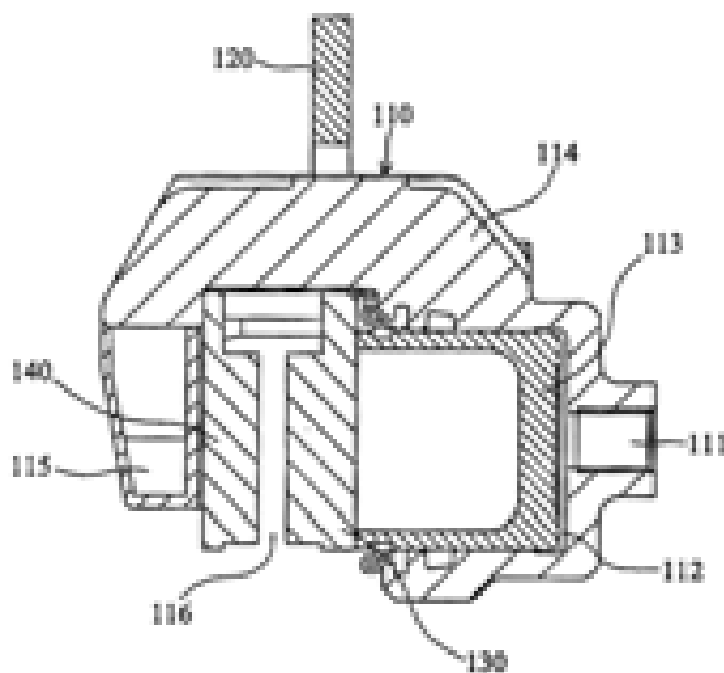
No. 184, Keng Tzu Kou, Shang Keng Village, Hsin Fong Shiang, Hsinchu County 304, Taiwan

(72) Rong-Bin GUO (TW)

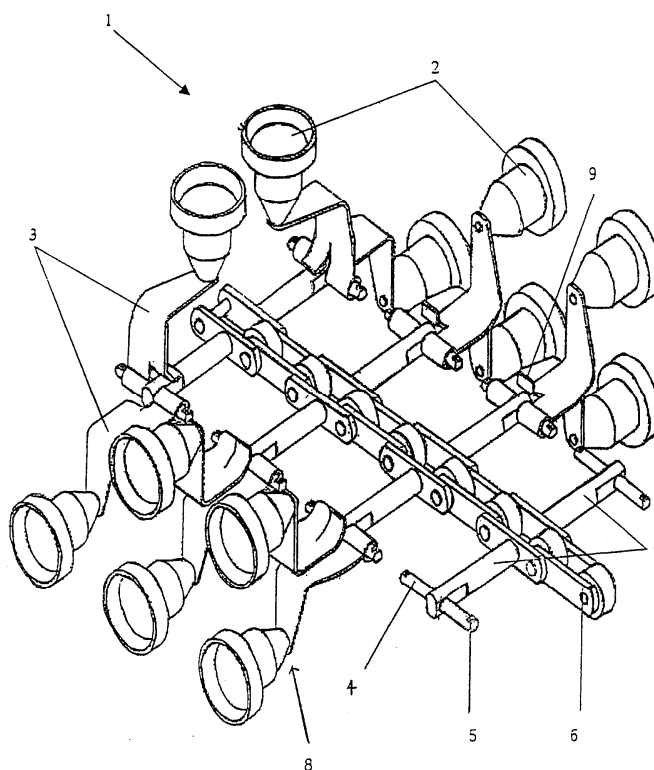
(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS)

(54) **NGÀM PHANH ĐĨA**

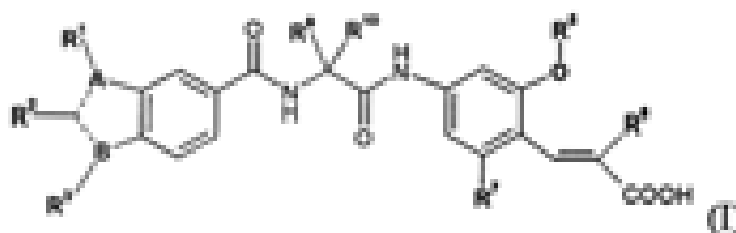
(57) Ngàm phanh đĩa bao gồm thân ngàm gồm có cửa vào, khoang chứa dầu, pittông, phần thân chính, phần thân rỗng, và miệng ngàm. Cửa vào nối thông với khoang chứa dầu nằm đối diện với phần thân rỗng. Pittông được bố trí trong khoang chứa có thể dịch chuyển được. Phần thân chính liên kết khoang chứa dầu và phần thân rỗng. Miệng ngàm nằm giữa phần thân chính, khoang chứa dầu và phần thân rỗng. Giá lắp được gắn cứng bao quanh phần thân chính, phần thân chính nằm giữa giá lắp và miệng ngàm. Guốc phanh thứ nhất được bố trí trong miệng ngàm và tỳ vào pittông. Guốc phanh thứ hai được bố trí trong miệng ngàm và nằm ngay sát với phần thân rỗng. Có ít nhất một chốt lắp gắn cứng trên thân ngàm để lắp giá lắp và guốc phanh thứ hai với thân ngàm.



- (11) **16095**  
(21) 1-2007-00307 (51)<sup>7</sup> **A41D 19/00**, 19/04, B65G 47/22, 47/26, 49/00  
(22) 11.07.2005 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/SG2005/000227 11.07.2005 (87) WO2006/006941 19.01.2006  
(30) PI 20042773 12.07.2004 MY  
(71) SENTINEL ENGINEERING (M) SDN BHD (MY)  
Lot 9, Jalan Kuang Bulan, Taman Kepong Industrial Estate, 52100 Kuala Lumpur, Malaysia  
(72) HOW, Joon Shiou (MY)  
(74) Công ty TNHH Dịch vụ Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)  
(54) CƠ CẤU GIÁ MANG DƯỠNG CHÉP HÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP LẮP RÁP CƠ CẤU GIÁ MANG NÀY  
(57) Sáng chế nhằm đề xuất hệ bố trí và phương pháp lắp ráp cơ cấu giá mang dưỡng chép hình để thay thế phương pháp dụng cụ đỡ dưỡng dẫn đơn thông thường để tăng số lượng và năng suất trong quá trình sản xuất găng tay. Phương pháp lắp ráp cơ cấu giá mang dưỡng chép hình trong quá trình sản xuất găng tay theo sáng chế bao gồm chốt được gắn ở đầu của mỗi trục nêu trên kéo dài từ xích nêu trên; hai bản lề được gắn với chốt nêu trên với mỗi chốt mang đồ gá dụng cụ đỡ nghĩa là hai cơ cấu giá mang dưỡng chép hình cùng trên một trục kéo dài, nhờ đó cặp bản lề trên cùng trục kéo dài có nửa trên chồng lên nửa dưới trong quá trình sản xuất găng tay; và cặp dụng cụ đỡ dưỡng dẫn ở đầu mỗi trục kéo dài nêu trên được tách riêng với một trong số cặp dụng cụ đỡ dưỡng dẫn được làm nghiêng 90 độ ra xa vị trí ban đầu trong quá trình sản xuất giống như việc in và tháo khuôn găng tay.



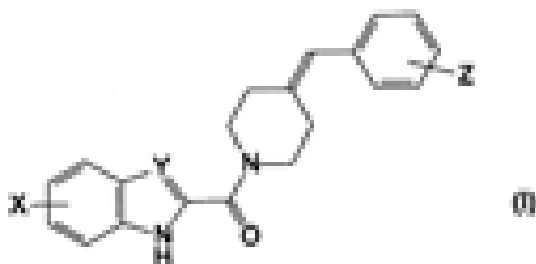
- (11) **16096**  
 (21) 1-2007-00348 (51)<sup>7</sup> **C07D 417/04**, A61P 31/14, A61K 31/4439, 31/506, 31/497, 31/4155, 31/404, 31/427, C07D 209/42, 401/04, 403/04, 405/04, 409/04  
 (22) 15.07.2005 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/CA2005/001103 15.07.2005 (87) WO2006/007693 26.01.2006  
 (30) 60/588,670 16.07.2004 US  
 Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 13.12.2007  
 (71) BOEHRINGER INGELHEIM INTERNATIONAL GMBH (DE)  
 Binger Strasse 173, 55216 Ingelheim, Germany  
 (72) BEAULIEU, Pierre, L. (CA), BROCHU, Christian (CA), KAWAI, Stephen (CA), RANCOURT, Jean (CA), STAMMERS, Timothy, A. (CA), THAVONEKHAM, Bounkham (CA), TSANTRIZOS, Youla, S. (CA)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) HỢP CHẤT ỨC CHẾ POLYMERAZA VIRUT, DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY VÀ QUY TRÌNH BÀO CHẾ DƯỢC PHẨM NÀY  
 (57) Hợp chất, có công thức (I):



trong đó A, B, R<sup>1</sup>, R<sup>2</sup>, R<sup>3</sup>, R<sup>5</sup>, R<sup>6</sup>, R<sup>7</sup>, R<sup>9</sup>, và R<sup>10</sup> là như được xác định ở trên, hoặc chất đồng phân đối ảnh, chất đồng phân không đối quang hoặc tautome của chúng, bao gồm muối, este hoặc dẫn xuất của chúng, đóng vai trò chất ức chế HCV NS5B polymeraza.

- (11) **16097**  
(21) 1-2007-00370 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/435**, 31/57, A61L 31/16, 27/54
- (62) 1-2004-00752  
(22) 09.01.2003 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/EP03/00153 09.01.2003 (87) WO03/057218 17.07.2003  
(30) 60/347,264 10.01.2002 US
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 07.05.2007
- (71) NOVARTIS AG (CH)  
Lichtstrasse 35, CH-4056 Basel, Switzerland
- (72) PRESCOTT, Margaret Forney (US), SCHULER, Walter (DE)
- (74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)
- (54) **DUỐC PHẨM CHỨA RAPAMYXIN HOẶC DẪN XUẤT CỦA NÓ VÀ HỆ PHÂN PHỐI CHÚNG ĐỂ PHÒNG NGỪA VÀ ĐIỀU TRỊ CÁC BỆNH VỀ MẠCH**
- (57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm chứa rapamycin hoặc dẫn xuất của nó có tính chất ức chế mTOR, tùy ý kết hợp với một hoặc nhiều đồng hoạt chất và hệ phân phối chúng để phòng ngừa và điều trị bệnh tăng sinh, đặc biệt là các bệnh về mạch.

- (11) **16098**  
 (21) 1-2007-00417 (51)<sup>7</sup> **C07D 401/06**, A61K 31/445, A61P 25/28  
 (22) 21.07.2005 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/HU2005/000082 21.07.2005 (87) WO2006/010969 02.02.2006  
 (30) P0401527 29.07.2004 HU  
 Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 05.09.2007  
 (71) RICHTER GEDEON VEGYESZETI GYAR RT. (HU)  
 Gyomrői út 19-21, H-1103 Budapest, Hungary  
 (72) BORZA István (HU), HORVATH Csilla (HU), FARKAS Sándor (HU),  
 GYERTYÁN István (HU), NAGY József (HU), KOLOK Sándor (HU),  
 GALGOCZY Kornél (HU), SAGHY Katalin (HU)  
 (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
 (54) **CHẤT DẪN XUẤT AMIT CỦA AXIT CARBOXYCLIC DỊ VÒNG, DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG VÀ QUY TRÌNH BÀO CHẾ CHÚNG**  
 (57) Sáng chế đề xuất các chất dẫn xuất amit của axit carboxylic dị vòng có công thức (I)



trong đó nghĩa của

X là nguyên tử hydro hoặc halogen, hydroxy, xyano, C<sub>1</sub>-C<sub>4</sub> alkylsulfonamido được tùy ý thế bằng một hoặc nhiều nguyên tử halogen, C<sub>1</sub>-C<sub>4</sub> alkanoylamido được tùy ý thế bằng một hoặc nhiều nguyên tử halogen, các nhóm arylsulfonamido,

Y là nhóm -CH= hoặc nguyên tử -N=

Z là một hoặc nhiều nguyên tử hydro hoặc halogen, nhóm C<sub>1</sub>-C<sub>4</sub> alkyl, C<sub>1</sub>-C<sub>4</sub> alkoxy, xyano, triflorometyl, triflorometoxy

và các muối của nó, là các chất đối kháng của thụ thể NMDA hoặc là chất trung gian để điều chế chúng.

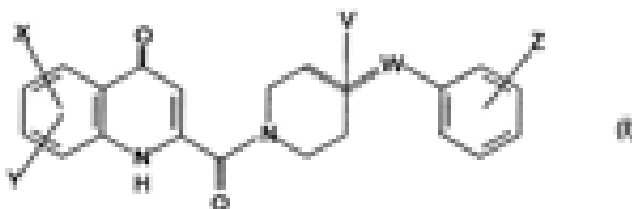
Khía cạnh khác của sáng chế là dược phẩm chứa chất dẫn xuất amit của axit carboxylic dị vòng có công thức (I) hoặc các muối của nó làm hoạt chất.

Khía cạnh khác của sáng chế là quy trình bào chế chất dẫn xuất amit của axit carboxylic dị vòng các chất dẫn xuất có công thức (I), và bào chế dược phẩm chứa các hợp chất này, cũng như quy trình điều trị bằng cách dùng các hợp chất này, mà nó có nghĩa là cho động vật có vú cần được điều trị - kể cả người - dùng chất dẫn xuất amit của axit carboxylic dị vòng có công thức (I) theo sáng chế với lượng có tác dụng điều trị ở dạng hợp chất hoặc dạng thuốc.

- (11) **16099**  
(21) 1-2007-00418 (51)<sup>7</sup> **C07D 401/06**, 491/04, A61K  
31/4709, A61P 25/04  
(22) 21.07.2005 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/HU2005/000080 21.07.2005 (87) WO2006/010967 02.02.2006  
(30) P0401525 29.07.2004 HU

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 07.09.2007

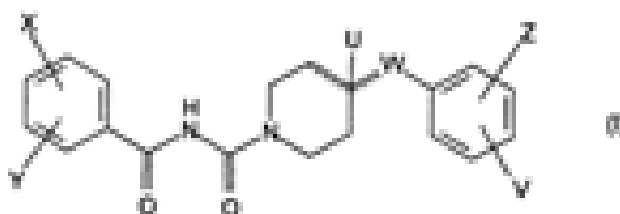
- (71) RICHTER GEDEON VEGYESZETI GYAR RT. (HU)  
Gyomrői út 19-21, H-1103 Budapest, Hungary  
(72) BORZA István (HU), HORVATH Csilla (HU), FARKAS Sándor (HU), NAGY  
József (HU), KOLOK Sándor (HU)  
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
(54) CHẤT DẪN XUẤT AMIT CỦA AXIT KYNURENIC, DƯỢC PHẨM CHỨA  
CHỨNG VÀ QUY TRÌNH BÀO CHẾ CHỨNG  
(57) Sáng chế đề xuất chất dẫn xuất amit của axit kynurenic có công thức (I)



và các thể đối quang, các chất triệt quang và các muối của nó là chất đối kháng có hiệu quả và tính chọn lọc cao của thụ thể NMDA, và hơn thế nữa hầu hết các hợp chất này là chất đối kháng chọn lọc thuộc phân nhóm NR2B của thụ thể NMDA.



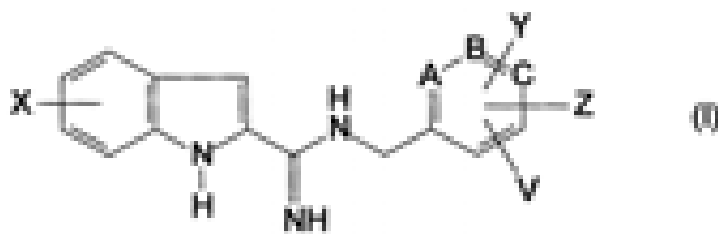
- (11) **16100**  
 (21) 1-2007-00419 (51)<sup>7</sup> **C07D 295/20**, A61K 31/445, A61P 25/28, 25/30  
 (22) 21.07.2005 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/HU2005/000079 21.07.2005 (87) WO2006/010966 02.02.2006  
 (30) P0401524 29.07.2004 HU  
 Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 07.09.2007  
 (71) RICHTER GEDEON VEGYESZETI GYAR RT. (HU)  
 Gyomrői út 19-21, H-1103 Budapest, Hungary  
 (72) BORZA István (HU), BARTANE SZALAI Gizella (HU), BOZO Eva (HU), KISS Csilla (HU), HORVATH Csilla (HU), FARKAS Sándor (HU), NAGY József (HU), KOLOK Sándor (HU)  
 (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
 (54) CHẤT DẪN XUẤT BENZOYL URE, DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG VÀ QUY TRÌNH BÀO CHẾ CHÚNG  
 (57) Sáng chế đề xuất chất dẫn xuất benzyl ure mới có công thức (I)



trong đó X, Y, V, Z, U và W được xác định như trong bản mô tả và các thể đối quang, các chất triệt quang và các muối của chúng làm các chất đối kháng có tác dụng mạnh và tính lựa chọn cao đối với thụ thể NMDA, và hơn thế nữa làm các chất đối kháng chọn lọc thuộc phân nhóm NR2B của thụ thể NMDA.

Ngoài ra, sáng chế đề xuất dược phẩm chứa các chất dẫn xuất benzoyl ure có công thức (I) hoặc các thể đối quang hoặc các chất triệt quang hoặc các muối của nó làm hoạt chất và quy trình điều chế chất dẫn xuất này và quy trình bào chế dược phẩm.

- (11) **16101**  
 (21) 1-2007-00420 (51)<sup>7</sup> **C07D 209/42**, 401/12, 405/12, A61K 31/405, A61P 25/00  
 (22) 21.07.2005 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/HU2005/000078 21.07.2005 (87) WO2006/010965 02.02.2006  
 (30) P0401523 29.07.2004 HU  
 Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 05.09.2007  
 (71) RICHTER GEDEON VEGYESZETI GYAR RT. (HU)  
 Gyomrői út 19-21, H-1103 Budapest, Hungary  
 (72) BORZA István (HU), HORVATH Csilla (HU), FARKAS Sándor (HU), NAGY József (HU), KOLOK Sándor (HU)  
 (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
 (54) **CHẤT DẪN XUẤT INĐOL 2-CARBOXAMIDIN, DƯỢC PHẨM CHỨA CHỨNG VÀ QUY TRÌNH BÀO CHẾ CHỨNG**  
 (57) Sáng chế đề xuất chất dẫn xuất indol-2-carboxamidin có công thức (I)



trong đó các nhóm X, Y, V và Z, A, B và C được xác định như trong bản mô tả; và các muối của chúng.

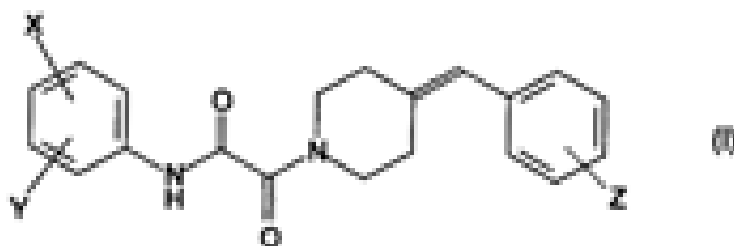
Sáng chế còn đề xuất quy trình điều chế các chất dẫn xuất indol-2-carboxamidin có công thức (I), và quy trình bào chế dược phẩm chứa chất dẫn xuất này.

Chất dẫn xuất indol-2-carboxamidin có công thức (I) theo sáng chế là chất đối kháng có hiệu quả và tính chọn lọc cao của thụ thể NMDA, và hơn thế nữa hầu hết các hợp chất là chất đối kháng có tính chọn lọc thuộc phân nhóm NR2B của thụ thể NMDA.

- (11) **16102**  
(21) 1-2007-00421 (51)<sup>7</sup> **C07D 401/12**, 417/12, 413/12, A61K 31/445, A61P 25/28  
(22) 21.07.2005 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/HU2005/000077 21.07.2005 (87) WO2006/010964 02.02.2006  
(30) P0401522 29.07.2004 HU

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 05.09.2007

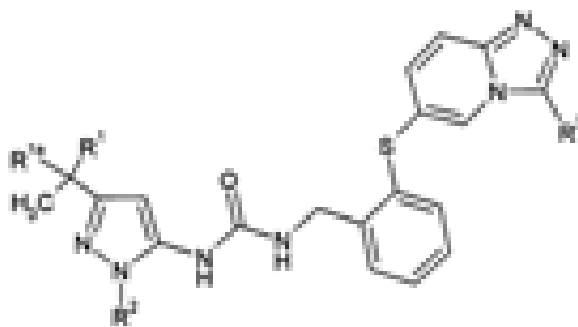
- (71) RICHTER GEDEON VEGYESZETI GYAR RT. (HU)  
Gyomrői út 19-21, H-1103 Budapest, Hungary  
(72) BORZA István (HU), HORVATH Csilla (HU), FARKAS Sándor (HU),  
GYERTYAN Istvan (HU), NAGY József (HU), KOLOK Sándor (HU),  
GALGOCZY Kornél (HU), SAGHY Katalin (HU)  
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
(54) CHẤT DẪN XUẤT 4-BENZYLIĐEN-PIPERIDIN, DƯỢC PHẨM CHỨA CHỨNG  
VÀ QUY TRÌNH BẢO CHẾ CHỨNG  
(57) Sáng chế đề xuất các chất dẫn xuất 4-benzyliden-piperidin có công thức (I)



làm chất đối kháng của thụ thể NMDA, cụ thể là chất đối kháng thụ thể chứa cấu trúc siêu phân tử NR2B, và làm chất giảm đau.

- (11) **16103**
- (21) 1-2007-00488 (51)<sup>7</sup> C12N 15/49, C07K 14/16, A61K 39/21, 39/295, C12N 15/62
- (22) 03.08.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2005/008434 03.08.2005 (87) WO2006/013106 09.02.2006
- (30) 0417494.2 05.08.2004 GB
- (71) GLAXOSMITHKLINE BIOLOGICALS S.A. (BE)  
Rue de l' Institut 89, B-1330 Rixensart, Belgium
- (72) ABRECHT, Helge (DE), DELCHAMBRE, Martine (BE), MARCHAND, Martine (BE), MATHY, Nathalie, Louise (BE), PERMANNE, Philippe, Jean, Gervais, Ghislain (BE), VOSS, Gerald, Hermann (DE)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) POLYPEPTIT BAO GỒM NEF, GAG VÀ POL
- (57) Sáng chế đề cập đến các dung hợp polypeptit và polynucleotit mới gồm Gag, Pol và Nef hữu dụng trong các chế phẩm gây miễn dịch và các vaccin. Sáng chế đề cập cụ thể đến polypeptit chứa Nef hoặc mảnh gây miễn dịch của nó, và p17 Gag và/hoặc p24 Gag hoặc mảnh gây miễn dịch của nó, trong đó khi cả hai p17 và p24 Gag có mặt có ít nhất một kháng nguyên HIV hoặc mảnh gây miễn dịch ở giữa chúng. Polypeptit có thể cũng chứa Pol hoặc RT hoặc mảnh gây miễn dịch của nó.

- (11) **16104**  
(21) 1-2007-00542 (51)<sup>7</sup> **C07D 471/04**, C07C 321/28, A61K 31/437, 31/4745, A61P 29/00  
(22) 09.08.2005 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/IB2005/002574 09.08.2005 (87) WO2006/018718 23.02.2006  
(30) 0418015.4 12.08.2004 GB  
60/691,559 17.06.2005 GB  
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 12.03.2007  
(71) PFIZER INC. (US)  
235 East 42nd Street, New York, NY 10017, United States of America  
(72) John Paul MATHIAS (GB), David Simon MILLAN (AU), Russell Andrew LEWTHWAITE (GB), Christopher PHILLIPS (GB)  
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
(54) HỢP CHẤT TRIAZOLOPYRIDINYLSULFANYL DÙNG LÀM CHẤT ỨC CHẾ PROTETIN KINAZA HOẠT HOÁ BẰNG CHẤT GÂY PHÂN BÀO P38 VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG  
(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức (I), hoặc muối dược dụng và/hoặc solvat (bao gồm cả hydrat) của nó;

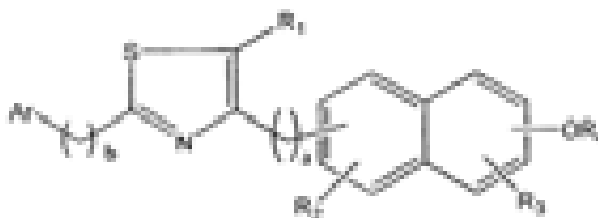


(I)

và dược phẩm chứa hợp chất có công thức (I) để điều trị bệnh, rối loạn, hoặc tình trạng bệnh qua trung gian TNF, bệnh, rối loạn, hoặc điều kiện qua trung gian p38, cụ thể là các bệnh dị ứng và không dị ứng của đường dẫn khí, cụ thể hơn các bệnh tắc nghẽn hoặc viêm đường dẫn khí, tốt hơn là bệnh phổi tắc nghẽn.

- (11) **16105**
- (21) 1-2007-00581 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/505**, A61P 31/18
- (22) 02.09.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2005/054342 02.09.2005 (87) WO2006/024668 09.03.2006
- (30) PI20043578 02.09.2004 MY  
PCT/EP2004/052028 03.09.2004 EP  
05101467.8 25.02.2005 EP
- (71) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)  
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse, Belgium
- (72) Stevens, Paul Theodoor Agnes (BE), Peeters, Jozef (BE), Vandecruys, Roger Petrus Gerebern (BE), Stappers, Alfred Elisabeth (BE), Copmans, Alex Herman (BE)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) **DUỢC PHẨM CHỨA MUỐI HYDROCLORUA CỦA 4-[[4-[[4-(2-XYANOETENYL)-2,6-DIMETYLPHENYL]AMINO]-2-PYRIMIDINYL]AMINO]BENZONITRIL VÀ QUY TRÌNH BÀO CHẾ NÓ**
- (57) Sáng chế đề cập đến chế dược phẩm chứa muối hydroclorua của axit clohydric của 4-[[4-[[4-(2-xyanoeteny)l)-2,6-dimetylphenyl]amino]-2-pyrimidinyl]-amino]benzonitril, làm hoạt chất, và đến quy trình bào chế nó.

- (11) **16106**  
(21) 1-2007-00625 (51)<sup>7</sup> **C07D 277/24**, A61K 31/425, A61P 7/02  
(22) 22.08.2005 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/US2005/029824 22.08.2005 (87) WO2006/023866 02.03.2006  
(30) 60/603,739 23.08.2004 US  
(71) WYETH (US)  
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America  
(72) COMMONS, Thomas, Joseph (US)  
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
(54) AXIT THIAZOLO-NAPHTYL DÙNG LÀM CHẤT ỨC CHẾ ĐỐI VỚI CHẤT ỨC CHẾ CHẤT HOẠT HOÁ PLASMINOGEN-1  
(57) Sáng chế đề cập đến các axit thiazolo-naphtyl có công thức :

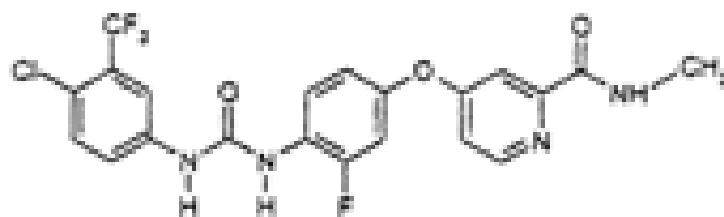


và quy trình sản xuất thuốc để điều biến mức biểu hiện của chất ức chế serinprotease (PAI-1) và để điều trị rối loạn liên quan đến các PAI-1.

- (11) **16107**
- (21) 1-2007-00645 (51)<sup>7</sup> **C12P 7/22**, 41/00, C07C 33/46
- (22) 15.08.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/IB2005/002839 15.08.2005 (87) WO2006/021885 02.03.2006
- (30) 60/605,118 26.08.2004 US
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 26.03.2007
- (71) PFIZER INC. (US)  
235 East 42nd Street, New York, NY 10017, USA
- (72) Pei-Pei KUNG (US), Carlos Alberto MARTINEZ (CO), Junhua TAO (CN)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) PHƯƠNG PHÁP CHUYỂN HOÁ SINH HỌC CHỌN LỌC CHẤT ĐỒNG PHÂN ĐỐI ẢNH ĐỂ ĐIỀU CHẾ HỢP CHẤT TRUNG GIAN ỨC CHẾ PROTEIN TYROSIN KINAZA
- (57) Sáng chế đề xuất phương pháp xúc tác sinh học để điều chế chất đồng phân lập thể tinh khiết về mặt đồng phân đối ảnh của 1-(2,6-diclo-3-flophenyl)etanol. Sáng chế đã mô tả phương pháp điều chế chất đồng phân đối ảnh (S) mong muốn, mà phương pháp được dựa trên cơ sở phân phối việc phân giải nhờ enzym, este hóa hoá học và thủy phân hoá học với sự kết hợp đảo nghịch của este 1-(2,6-diclo-3-nophenyl)etyl hoặc khử sinh học chọn lọc lập thể 2,6-diclo-3-flo-axetophenon với chất xúc tác sinh học như enzym hoặc vi sinh vật. Chất đồng phân đối ảnh (S) không đối xứng có thể được sử dụng để tổng hợp một số hợp chất 2-aminopyridin liên kết ete được làm giàu chất đồng phân đối ảnh, mà có khả năng ức chế việc tự phosphoryl hóa thụ thể yếu tố sinh trưởng tế bào gan người.



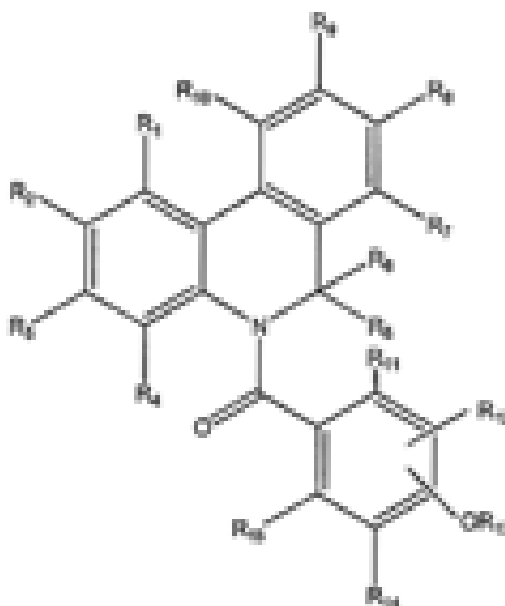
- (11) **16108**
- (21) 1-2007-00652 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/44**, 9/16, A61P 35/00
- (22) 29.08.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2005/030541 29.08.2005 (87) WO2006/026500 09.03.2006
- (30) 60/604,752 27.08.2004 US
- (71) BAYER PHARMACEUTICAL CORPORATION (US)  
400 Morgan Lane, West Haven, CT 06516, United States of America
- (72) DUMAS, Jacques (US), EHRLICH, Paul (DE), ZULEGER, Susanne (DE)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) **DUỐC PHẨM CHỨA AXIT 4-(4-(3-(4-CLO-3-TRIFLOMETYL-PHENYL)-UREIDO)-3-FLO-PHENOXY)-PYRIDIN-2-CARBOXYLIC ĐỂ ĐIỀU TRỊ RỐI LOẠN TĂNG SINH**
- (57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm mới chứa chất phân tán rắn là hợp chất có công thức (I), để điều trị các rối loạn tăng sinh, như ung thư, làm chất điều trị riêng hoặc kết hợp với các liệu pháp khác và quy trình bào chế các dược phẩm mới này.



(I)

- (11) **16109**  
(21) 1-2007-00675 (51)<sup>7</sup> **C07D 239/94**, 401/04, 401/12, 401/14, 403/04, 403/12, 403/14, 405/12, 405/14, A61P 9/06, 25/00, A61K 31/498
- (22) 31.08.2005 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/US2005/031146 31.08.2005 (87) WO2006/028904 16.03.2006
- (30) 60/607,150 02.09.2004 US  
60/607,037 02.09.2004 US  
60/607,033 02.09.2004 US  
60/607,245 02.09.2004 US  
60/607,036 02.09.2004 US
- (71) VERTEX PHARMACEUTICALS INCORPORATED (US)  
130 Waverly Street, Cambridge, Ma 02139, United States of America
- (72) WILSON Dean M. (US), TERMIN Andreas P. (DE), GONZALEZ Jesus E., III (US), FANNING Lev T., D. (US), NEUBERT Timothy D. (US), KRENITSKY Paul (US), JOSHI Pramod (US), HURLEY Dennis J. (US), SHETH Urvi (IN), BOGER Joshua S. (US)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) HỢP CHẤT QUINAZOLIN HỮU ÍCH LÀM CHẤT ĐIỀU BIẾN CÁC KÊNH DẪN ION, DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT
- (57) Sáng chế đề xuất hợp chất quinazolin hữu ích làm chất điều biến các kênh dẫn ion. Sáng chế cũng đề xuất dược phẩm chứa chúng và quy trình sản xuất.

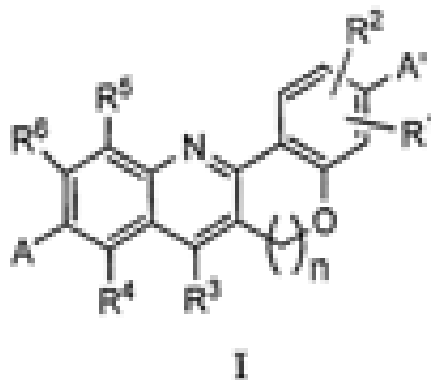
- (11) **16110**  
 (21) 1-2007-00715 (51)<sup>7</sup> **C07D 221/12**, A61K 31/473, A61P 29/00, 19/02, 3/06, 3/10, 9/10, 17/06  
 (22) 30.08.2005 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/US2005/031053 30.08.2005 (87) WO2006/028875 16.03.2006  
 (30) 60/606,784 02.09.2004 US  
 (71) WYETH (US)  
 Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America  
 (72) STEFFAN, Robert, John (US), MOORE, William, Jay (US), TRYBULSKI, Eugene, J. (US), MOLINARI, Albert, John (US)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)  
 (54) HỢP CHẤT PHENANTHRIDIN CARBONYL PHENOL DÙNG LÀM CHẤT ĐIỀU BIẾN SỰ BIỂU HIỆN XYTOKIN, DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM NÀY  
 (57) Sáng chế đề xuất hợp chất phenanthridin carbonyl và dược phẩm chứa hợp chất này, đặc biệt là sáng chế đề xuất các hợp chất phenanthridin carbonyl sử dụng làm phối tử cho thụ thể estrogen. Các hợp chất tiêu biểu theo sáng chế bao gồm các hợp chất có công thức I.



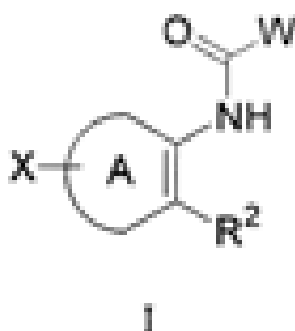
Công thức I

- (11) **16111**  
(21) 1-2007-00752 (51)<sup>7</sup> **C07D 401/04**, 401/14, A61K  
31/506, A61P 35/02, C07C 233/66,  
233/80, C07D 213/82
- (22) 19.07.2005 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/IN2005/000243 19.07.2005 (87) WO2006/027795 16.03.2006  
(30) 908/CHE/2004 09.09.2004 IN  
11/714565 05.03.2007 US
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 09.10.2007
- (71) NATCO PHARMA LIMITED (IN)  
Natco House, Road No.2, Banjara Hills, Hyderabad, Andhra Pradesh, 500033, India
- (72) KOMPELLA, Amala kishan (IN), ADIBHATLA KALI SATYA, Bhujanga rao (IN),  
RACHAKONDA, Sreenivas (IN), PODILI, Khadgapathi (IN), VENKAIAH  
CHOWDARY, Nannapaneni (IN)
- (74) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)
- (54) HỢP CHẤT PHENYLAMINOPYRIMIDIN LÀM CHẤT ỨC CHẾ KINAZA BCR-  
ABL
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất trung gian mới được sử dụng để điều chế các hợp chất phenylaminopyrimidin mới, hợp chất phenylaminopyrimidin. Dược phẩm chứa hợp chất phenylamino- pyrimidin mới và quy trình bào chế chúng. Đặc biệt sáng chế đề cập đến hợp chất phenyl amino pyrimidin mới có công thức chung (I). Hợp chất mới có công thức I có thể được sử dụng để điều trị bệnh bạch cầu tuỷ sống mãn tính (CML). Do các giá trị IC<sub>50</sub> của các phân tử nằm trong khoảng từ 0,1 đến 10,0nm, nên các hợp chất mới có khả năng sử dụng để điều trị CML.

- (11) **16112**  
 (21) 1-2007-00758 (51)<sup>7</sup> **C07D 491/06**, A61K 31/47, A61P 35/00  
 (22) 06.09.2005 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/US2005/031696 06.09.2005 (87) WO2006/029146 16.03.2006  
 (30) 60/607,766 07.09.2004 US  
 (71) WYETH (US)  
 Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America  
 (72) VU, An-Thien (US)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) HỢP CHẤT 6H-[1]BENZOPYRANO[4,3-B]QUINOLIN, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY  
 (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất 6H-[1]benzopyrano[4,3-b]quinolin có công thức I. Sáng chế cũng đề xuất dược phẩm chứa hợp chất này, quy trình sản xuất thuốc và phương pháp điều chế hợp chất này.

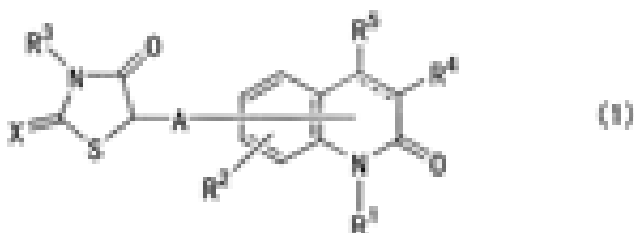


- (11) **16113**
- (21) 1-2007-00780 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/4439**
- (22) 20.10.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2005/037868 20.10.2005 (87) WO2006/047277 04.05.2006
- (30) 60/621,211 22.10.2004 US  
60/670172 11.04.2005 US
- (71) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)  
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse, Belgium
- (72) Carl R. Illig (US), Shelley K. Ballentine (US), Jinsheng Chen (CN), Sanath Meegalla (LK), M. Jonathan Rudolph (US), Mark J. Wall (CA), Ken Wilson (US), Renee DesJarlais (US), Christopher J. Molloy (US), Carl L. Manthey (US), Christopher Flores (US)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) CÁC CHẤT ỨC CHẾ PROTEIN TYROSIN KINAZA, DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY VÀ PHƯƠNG PHÁP BÀO CHẾ THUỐC
- (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất có công thức I:



trong đó A, X, R<sup>2</sup> và W như được nêu trong bản mô tả, cũng như các solvat, các hydrat, các tautome và các muối dược dụng của chúng, chúng ức chế các protein tyrosin kinaza, đặc biệt là c-fms kinaza. Sáng chế cũng đề xuất các phương pháp bào chế thuốc để chứa các hợp chất có công thức I điều trị các bệnh tự miễn; và các bệnh có yếu tố gây viêm; điều trị sự di căn do bệnh ung thư buồng trứng, bệnh ung thư tử cung, bệnh ung thư phổi, bệnh ung thư ruột, bệnh ung thư dạ dày, bệnh bạch cầu tế bào tua và canxinom phổi không phải tế bào nhỏ; và điều trị chứng đau, bao gồm đau xương do di căn khối u hoặc viêm xương khớp, hoặc đau nội tạng, đau do viêm, và đau thần kinh; cũng như là bệnh loãng xương, bệnh Paget, và các bệnh khác trong đó sự hấp thu xương gây ra tỷ lệ mắc bệnh bao gồm bệnh viêm khớp, suy năng bộ phận giả, bệnh sacôm tiêu xương, bệnh u tuỷ, và di căn khối u tới xương.

- (11) **16114**  
 (21) 1-2007-00830
- (51)<sup>7</sup> **C07D 417/06**, A61K 31/4709, 31/4725, 31/473, 31/496, 31/497, 31/5377, 31/541, 31/55, A61P 1/00, 1/02, 1/04, 11/00, 11/06, 17/02, 17/16, 27/02, 35/00, C07D 417/04, 417/14
- (22) 26.09.2005  
 (86) PCT/JP2005/018217 26.09.2005  
 (30) 2004-282814 28.09.2004 JP  
 (71) OTSUKA PHARMACEUTICAL CO., LTD. (JP)  
 9, Kandatsukasa-cho 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 1018535, Japan
- (43) 25.01.2008  
 (87) WO2006/035954 06.04.2006
- (72) KURODA Takeshi (JP), YAMAUCHI Takahito (JP), SHINOHARA Tomoichi (JP), OSHIMA Kunio (JP), KITAJIMA Chiharu (JP), NAGAO Hitoshi (JP), FUKUSHIMA Tae (JP), TOMOYASU Takahiro (JP), ISHIYAMA Hironobu (JP), OHTA Kazuhide (JP), TAKANO Masaaki (JP), SUMIDA Takumi (JP)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)
- (54) HỢP CHẤT CARBOSTYRIL, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG
- (57) Sáng chế đề xuất hợp chất carbostyryl có công thức chung (1):

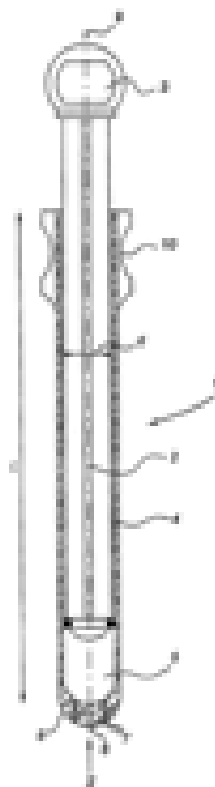


hoặc muối của nó, trong đó A là liên kết trực tiếp, nhóm alkylen thấp, hoặc nhóm alkyliden thấp; X là nguyên tử oxy hoặc nguyên tử lưu huỳnh; mỗi nhóm R<sup>4</sup> và R<sup>5</sup> là nguyên tử hydro; liên kết giữa vị trí 3 và 4 của khung carbostyryl là liên kết đơn hoặc liên kết đôi; R<sup>1</sup>, R<sup>2</sup> và R<sup>3</sup> là như được xác định trong bản mô tả. Hợp chất carbostyryl hoặc muối của nó theo sáng chế có tác dụng cảm ứng quá trình sản xuất TFF, và do đó có thể dùng để điều trị và/hoặc phòng các rối loạn như bệnh đường thức ăn, bệnh về miệng, bệnh đường hô hấp trên, bệnh đường hô hấp, bệnh về mắt, bệnh ung thư, và vết thương.

- (11) **16115**
- (21) 1-2007-00836 (51)<sup>7</sup> C12N 1/06, 15/10
- (22) 19.09.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2005/010881 19.09.2005 (87) WO2006/029908 23.03.2006
- (30) PCT/EP2004/011437 17.09.2004 EP
- PCT/EP2005/005213 19.04.2005 EP
- (71) CENTELION (FR)  
72-82 rue Leon Geffroy, F-94400 Vitry-sur-Seine (FR)
- (72) BLANCHE Francis (FR), COUDER Michel (FR), MAESTRALI Nicolas (FR),  
GUILLEMIN Thierry (FR), GAILLAC David (FR)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) CHẾ PHẨM LỎNG ỔN ĐỊNH CHỨA ADN PLASMIT
- (57) Sáng chế đề cập đến các hợp phân ADN plasmit lỏng mà ổn định và không bị biến tính ở nhiệt độ nằm trong khoảng từ +4°C đến nhiệt độ trong phòng trong khoảng thời gian dài và do đó hữu ích để cất giữ ADN plasmit mà được sử dụng để nghiên cứu liệu pháp chữa bệnh trên cơ sở plasmit, như liệu pháp vacxin ADN và liệu pháp gen. Sáng chế cũng đề cập đến phương pháp bảo quản ADN plasmit ở dạng ổn định theo thời gian ở nhiệt độ nằm trong khoảng từ +4°C đến nhiệt độ trong phòng. Sáng chế cũng đề cập đến các chế phẩm ADN plasmit lỏng ổn định để sử dụng trong phương pháp điều trị cho cơ thể người hoặc động vật bằng liệu pháp chữa bệnh trên cơ sở plasmit, như liệu pháp vacxin ADN hoặc liệu pháp gen.



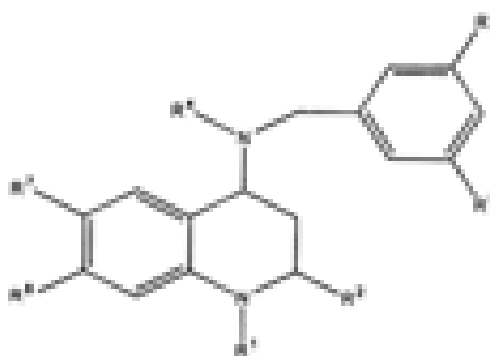
- (11) **16116**
- (21) 1-2007-00875 (51)<sup>7</sup> **A61B 10/00**
- (22) 23.09.2004 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/NL2004/000658 23.09.2004 (87) WO2006/033569 30.03.2006
- (71) PANTARHEI BIOSCIENCE B.V. (NL)  
Boslaan 13, NL-3701 CH Zeist, The Netherlands
- (72) WIEGERINCK, Martinus, Antonius, Hermanus, Maria (NL), COELINGH  
BENNINK, Herman, Jan, Tijmen (NL), BOERRIGTER, Petrus, Jacobus (NL)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)
- (54) DỤNG CỤ LẤY MẪU, CỤM DỤNG CỤ LẤY MẪU, BỘ KIT BAO GỒM DỤNG  
CỤ LẤY MẪU
- (57) Sáng chế đề cập đến dụng cụ lấy mẫu để tự lấy mẫu từ khoang cơ thể, như các mẫu ở cổ tử cung. Khả năng tiếp cận tối ưu tới cổ tử cung thu được nhờ việc dụng cụ lấy mẫu này có ống chất dẻo cứng được làm tròn ở phía trước. Kết quả là, trong khi người sử dụng đưa dụng cụ lấy mẫu vào, có thể được dịch chuyển chính xác tới cổ tử cung. Ngoài ra, dụng cụ lấy mẫu này được bao quanh bởi âm đạo và có thể ngăn ngừa được sự rò rỉ chất lỏng phun rửa, và do đó có thể lấy mẫu với lượng chất lỏng phun rửa tương đối nhỏ trong khi vẫn tạo ra mẫu có hàm lượng các tế bào cổ tử cung cao. Bằng cách này, có thể với tới vị trí lấy mẫu theo cách đơn giản và chính xác hơn mà không gây thương tổn tới mô. Kết quả là, ống được thiết kế dưới dạng xylanh để chứa pittông có thể trước tiên là phun rửa vị trí mong muốn bằng dung dịch nhờ sử dụng cụm xylanh-pittông thu được bằng cách này và thứ hai là lấy mẫu bằng cách kéo pittông lùi lại.



- (11) **16117**  
 (21) 1-2007-00880 (51)<sup>7</sup> **C07D 215/42**, 401/12, 405/14, 401/14, A61K 31/4706, 31/4709, A61P 3/06  
 (22) 12.09.2005 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/IB2005/002880 12.09.2005 (87) WO2006/033002 30.03.2006  
 (30) 60/612,860 23.09.2004 US  
 60/658,704 03.03.2005 US  
 11/187,854 25.07.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 23.04.2007

- (71) PFIZER PRODUCTS INC. (US)  
 Eastern Point Road, Groton, Connecticut 06340, United States of America  
 (72) George Tetteh Magnus-Aryitey (US), Roger Benjamin RUGGERI (US), Ravi Mysore SHANKER (US), Cheryl Denise GARR (US), Douglas Alan LORENZ (US)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) HỢP CHẤT 4-AMINO ĐƯỢC THẾ -2-ĐƯỢC THẾ-1,2,3,4-TETRAHYDROQUINOLIN VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY  
 (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất 4-amino được thế-2-được thế- 1,2,3,4-tetrahydroquinolin và dược phẩm chứa hợp chất này để làm tăng một số mức lipit-huyết nhất định, bao gồm lipoprotein tỷ trọng cao (high density lipoprotein: HDL)-cholesterol và để làm giảm một số mức lipit huyết khác, như lipoprotein tỷ trọng thấp (low density lipoprotein: LDL)-cholesterol và triglyxerit ở một số động vật có vú, kể cả người.



công thức I

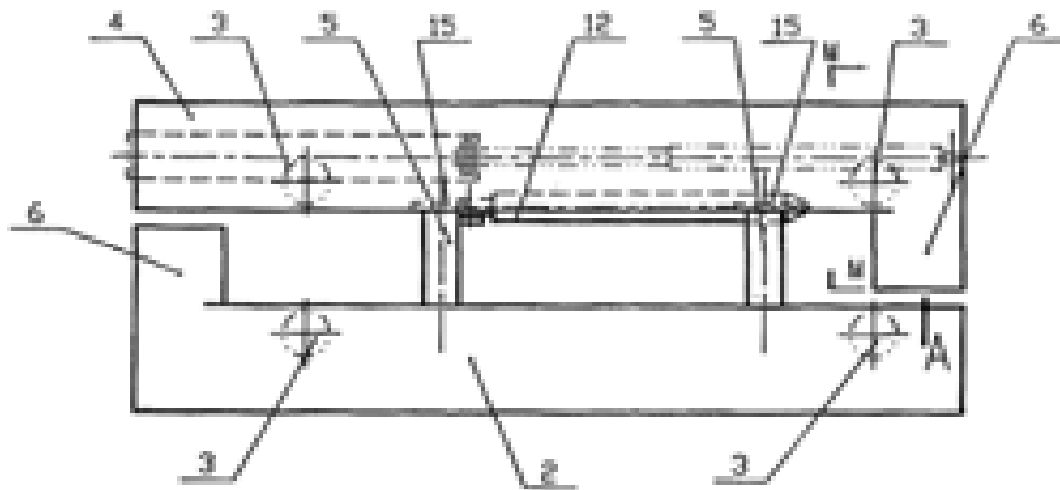
- (11) **16118**  
 (21) 1-2007-00911 (51)<sup>7</sup> **E21D 17/01**  
 (22) 21.01.2005 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/CN2005/000090 21.01.2005 (87) WO2006/076828 27.07.2006  
 (75) LI, ZEYU (CN)

Room F1, Floor 4th, Building 1#, Tiantianjiayuan, No. 22, Anlelin Road, Chongwen District, Beijing City, 100075, P.R. China

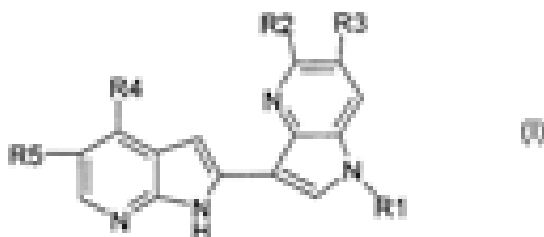
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) **KẾT CẤU ĐỠ MÁI THỦY LỰC**

(57) Sáng chế đề cập tới kết cấu đỡ mái thủy lực bao gồm dầm trên bên trái (2), dầm trên bên phải (4), phương tiện nối (5), trụ chống thủy lực (3), xi lanh đẩy bằng dầu (12) ở giữa hai dầm trên, trong đó xi lanh đẩy bằng dầu (12) được nối khớp với phương tiện nối (5) ở một đầu và được nối khớp với đầu sau của dầm trên bên phải (4) ở đầu kia, phương tiện nối (5) được nối khớp với cạnh phải của dầm trên bên trái (2) ở một đầu, và đầu kia của chi tiết nối (5) có thể trượt dọc theo cạnh trong của dầm trên bên phải (4) nhờ khối trượt (15). Kết cấu đỡ mái thủy lực theo sáng chế có thể ngăn không cho các dầm trên bị lật khi đỡ mái không đều hoặc mái mềm, vì thế kết cấu này có lợi đối với sự an toàn trong sản xuất. Hơn nữa, kết cấu đỡ mái thủy lực theo sáng chế có kết cấu đơn giản, trọng lượng nhẹ, giá thành thấp, dễ tháo lắp, thao tác thuận tiện. Kết cấu đỡ mái thủy lực theo sáng chế có thể được sử dụng làm cơ cấu đỡ ở gương lò đang khai thác bên dưới mỏ than, đặc biệt ở gương lò đang khai thác có mái mềm và gương lò đang khai thác than trong vỉa có độ dày vỉa than thay đổi mức độ lớn.



- (11) **16119**  
 (21) 1-2007-00922 (51)<sup>7</sup> **C07D 519/00**, A61P 35/00, A61K 31/437  
 (22) 29.09.2005 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/FR2005/002410 29.09.2005 (87) WO2006/037875 13.04.2006  
 (30) 0410386 01.10.2004 FR  
 (71) AVENTIS PHARMA S.A. (FR)  
 20, avenue Raymond Aron, F-92160 Antony, France  
 (72) NEMECEK Conception (FR), METZ William A. (US), WENTZLER Sylvie (FR), LESUISSE Dominique (BE), EL-AHMAD Youssef (FR)  
 (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)  
 (54) HỢP CHẤT BIS-AZAINĐOL VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG  
 (57) Sáng chế đề xuất hợp chất mới có công thức (I):



trong đó :

R1 là hydro, alkyl và alkenyl, tùy ý được thế;

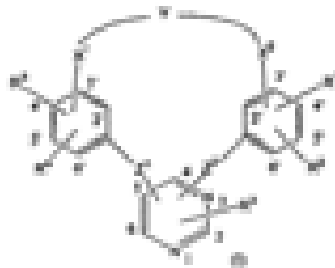
R2 là alkoxy và R3 là alkyl hoặc alkoxy;

R4 là hydro; halogen; dioxolan; -CH=O; -CH N-OH; -CH=N-phenyl tùy ý được thế bằng phenyl; xyano, alkyl và alkoxy, tùy ý được thế;

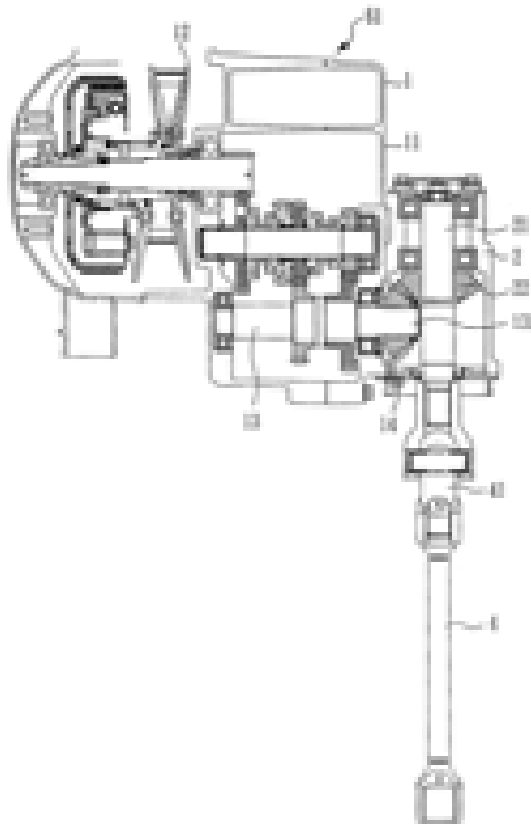
R5 là hydro hoặc halogen, tất cả các gốc này tùy ý được thế,

hợp chất này ở tất cả các dạng đồng phân và các muối của chúng được sử dụng làm thuốc.

- (11) **16120**
- (21) 1-2007-00931 (51)<sup>7</sup> **C07D 487/08**, 487/22, 498/18, A61K 31/505, A61P 35/00, C07D 259/00, 239/00, 241/00, 209/00, 273/00, 221/00
- (22) 08.12.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2005/056606 08.12.2005 (87) WO2006/061415 15.06.2006
- (30) 60/634,291 08.12.2004 US  
04106384.3 08.12.2004 US
- (71) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)  
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse, Belgium
- (72) FREYNE, Eddy, Jean, Edgard (BE), WILLEMS, Marc (BE), EMBRECHTS, Werner, Constant, Johan (BE), VAN EMELEN, Kristof (BE), VAN BRANDT, Sven, Franciscus, Anna (BE), ROMBOUTS, Frederik, Jan, Rita (BE)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) HỢP CHẤT 2,4 (4,6) PYRIMIDIN, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY
- (57) Sáng chế liên quan đến các hợp chất có công thức (I), các dạng N-oxit, các muối cộng được dụng và các dạng chất đồng phân hoá lập thể của chúng, trong đó Z<sup>1</sup> và Z<sup>2</sup> là NH; Y là -C<sub>3,9</sub>alkyl-, -C<sub>3,9</sub>alkenyl-, -C<sub>1,5</sub>alkyl-NR<sup>6</sup>-C<sub>1,5</sub>alkyl-, -C<sub>1,5</sub>alkyl-NR<sup>7</sup>-CO-C<sub>1,5</sub>alkyl-, -C<sub>1,6</sub>alkyl-CO-NH-, -C<sub>1,6</sub>alkyl-NH-CO-, -C<sub>1,2</sub>alkyl-CO-Het<sup>10</sup>-CO-, -C<sub>1,3</sub>alkyl-NH-CO-Het<sup>3</sup>-, -Het<sup>4</sup>-C<sub>1,3</sub>alkyl-CO-NH-C<sub>1,3</sub>alkyl-, C<sub>1,2</sub>alkyl-NH-CO-L<sup>1</sup>-NH-, -NH-CO-L<sup>2</sup>-NH-, -C<sub>1,2</sub>alkyl-CO-NH-L<sup>3</sup>-CO-, -C<sub>1,2</sub>alkyl-NH-CO-L<sup>1</sup>-NH-CO-C<sub>1,3</sub>alkyl-, -C<sub>1,2</sub>alkyl-CO-NH-L<sup>3</sup>-CO-NH-C<sub>1,3</sub>alkyl-, -C<sub>1,2</sub>alkyl-NR<sup>11</sup>-CH<sub>2</sub>-CO-NH-C<sub>1,3</sub>alkyl-, Het<sup>5</sup>-CO-C<sub>1,2</sub>alkyl-, -C<sub>1,3</sub>alkyl-CO-NH-C<sub>1,3</sub>alkyl-CO-NH-, -C<sub>1,5</sub>alkyl-NR<sup>13</sup>-CO-C<sub>1,3</sub>alkyl-NH-, -C<sub>1,3</sub>alkyl-NH-CO-Het<sup>27</sup>-CO-, hoặc -C<sub>1,3</sub>alkyl-CO-Het<sup>28</sup>-CO-NH-; X<sup>1</sup> là liên kết trực tiếp, O, -O-C<sub>1,2</sub>alkyl-, -CO-C<sub>1,2</sub>alkyl-, -NR<sup>16</sup>-C<sub>1,2</sub>alkyl-, -CO-NR<sup>17</sup>-, Het<sup>23</sup>-C<sub>1,2</sub>alkyl- hoặc C<sub>1,2</sub>alkyl; X<sup>2</sup> là liên kết trực tiếp, O, -O-C<sub>1,2</sub>alkyl-, -CO-C<sub>1,2</sub>alkyl-, -NR<sup>18</sup>-C<sub>1,2</sub>alkyl-, -CO-NR<sup>19</sup>-, Het<sup>24</sup>-C<sub>1,2</sub>alkyl- hoặc C<sub>1,2</sub>alkyl; mỗi R<sup>1</sup> và R<sup>5</sup> độc lập là hydro, halo, C<sub>1,6</sub>alkyloxy- hoặc C<sub>1,6</sub>alkyloxy- được thế bằng Het<sup>1</sup> hoặc C<sub>1,4</sub>alkyloxy-; mỗi R<sup>2</sup> và R<sup>4</sup> độc lập là hydro hoặc halo; R<sup>3</sup> là hydro hoặc xyano; R<sup>6</sup>, R<sup>7</sup>, R<sup>13</sup>, R<sup>17</sup> và R<sup>19</sup> là hydro, R<sup>11</sup> là hydro hoặc C<sub>1,4</sub>alkyl; R<sup>16</sup> và R<sup>18</sup> là hydro, C<sub>1,4</sub>alkyl hoặc Het<sup>17</sup>-C<sub>1,4</sub>alkyl-; mỗi L<sup>1</sup>, L<sup>2</sup> và L<sup>3</sup> độc lập là C<sub>1-8</sub>alkyl tùy ý được thế bằng một hoặc có thể là hai hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ phenyl, metylsulfít, xyano, polyhaloC<sub>1,4</sub>alkyl-phenyl- C<sub>1,4</sub>alkyloxy, pyridinyl, mono- hoặc di(C<sub>1,4</sub>alkyl)-amino- hoặc C<sub>3,6</sub>xycloalkyl; mỗi Het<sup>1</sup>, Het<sup>2</sup>, Het<sup>17</sup> độc lập là morpholinyl, oxazolyl, isoxazolyl, hoặc piperazinyl; mỗi Het<sup>3</sup>, Het<sup>4</sup>, Het<sup>5</sup> độc lập là morpholinyl, piperazinyl, piperidinyl hoặc pyrrolidinyl; Hetlo là piperazinyl, piperidinyl, pyrrolidinyl hoặc azetidiny; Het<sup>22</sup> là morpholinyl, oxazolyl, isoxazolyl hoặc piperazinyl trong đó Het<sup>22</sup> này tùy ý được thế bằng C<sub>1,4</sub>alkyl; mỗi Het<sup>23</sup> và Het<sup>24</sup> độc lập là dị vòng được chọn từ pyrrolidinyl, piperazinyl hoặc piperidinyl trong đó Het<sup>23</sup> hoặc Het<sup>24</sup> này tùy ý được thế bằng Het<sup>22</sup>-carbonyl; mỗi Het<sup>27</sup> và Het<sup>28</sup> độc lập là dị vòng được chọn từ morpholinyl, piperazinyl, piperidinyl hoặc pyrrolidinyl.



- (11) **16121**
- (21) 1-2007-00938 (51)<sup>7</sup> **B62K 11/00**, F16H 55/20
- (22) 04.05.2007 (43) 25.01.2008
- (30) 095123335 28.06.2006 TW
- (71) SANYANG INDUSTRY CO. LTD. (TW)  
184 Keng Tzu Kou, Shang Keng Village, Hsin Fong Shiang, Hsinchu, Taiwan
- (72) De-Shan WANG (TW), Fang-Chen WU (TW)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **CƠ CẤU TRUYỀN ĐỘNG CỦA XE**
- (57) Sáng chế đề cập tới cơ cấu truyền động của xe bao gồm trục khuỷu, hộp truyền động, và hộp bánh răng côn, trong đó hộp bánh răng côn được bố trí ở một phía của hộp truyền động. Hộp bánh răng côn tiếp nhận, theo chiều dọc, trục truyền động được lắp với bánh răng côn thứ hai. Hộp truyền động tiếp nhận một cơ cấu thay đổi bánh răng. Trục đầu ra được bố trí nằm ngang trong hộp truyền động, trong đó trục đầu ra được nối với cơ cấu thay đổi bánh răng và có đầu kéo dài kéo dài tới hộp bánh răng côn, và đầu kéo dài được lắp với bánh răng côn thứ nhất được gài với bánh răng côn thứ hai. Trục đầu ra còn có trục tâm trục đầu ra. Trục khuỷu được nối với cơ cấu thay đổi bánh răng và có trục tâm trục khuỷu. Và bánh răng côn thứ hai được bố trí giữa trục tâm trục khuỷu và trục tâm trục đầu ra. Do đó, khoảng trống ngoài hộp truyền động có thể được sử dụng theo cách hữu hiệu hơn, vì thế toàn bộ chiều dài của cơ cấu truyền động sẽ được giảm bớt, và cách bố trí hoặc thiết kế của các bộ phận của xe sẽ không bị ảnh hưởng, và vấn đề như gia tăng chi phí sản xuất và đặc tính di động không mong muốn của xe có thể được ngăn ngừa.



- (11) **16122**  
 (21) 1-2007-00964
- (51)<sup>7</sup> **A61K 31/4015**, 31/4025, C07C 237/24, 255/31, 255/46, 259/08, 271/24, 275/28, C07D 309/66, 207/16, 207/32, 207/34, 401/12, 403/12, 417/12
- (22) 26.07.2005  
 (86) PCT/IB2005/002204 26.07.2005  
 (30) 60/618,102 12.10.2004 US  
 1096/MUM/2004 14.10.2004 IN  
 60/635,266 10.12.2004 US  
 1332/MUM/2004 14.12.2004 IN
- (43) 25.01.2008  
 (87) WO2006/040625 20.04.2006
- (71) GLENMARK PHARMACEUTICALS S.A. (CH)  
 Chemin de la Combeta 5, 2300 La Chaux-De-Fonds, Switzerland
- (72) THOMAS Abraham (IN), GOPALAN Balasubramanian (IN), LINGAM Prasada Rao V., S. (IN), SHAH Daisy Manish (IN)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) **CHẤT ỨC CHẾ ĐIPEPTIDYL PEPTIDAZA IV, DUỐC PHẨM CHỨA CHÚNG VÀ QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ CHÚNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất mới có thể sử dụng làm chất ức chế dipeptidyl peptidaza IV (DPP-IV) có công thức:



(I)

trong đó X; Y; a. R<sup>1</sup> và R<sup>2</sup> là như được xác định trong bản mô tả.

- (11) **16123**
- (21) 1-2007-00965 (51)<sup>7</sup> **C07D 239/52**, A61K 31/513
- (22) 03.10.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/IB2005/003030 03.10.2005 (87) WO2006/040649 20.04.2006
- (30) 60/618,466 13.10.2004 US
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 10.05.2007
- (71) PHARMACIA & UPJOHN COMPANY LLC (US)  
301 Henrietta Street, Kalamazoo, Michigan 49001, United States of America
- (72) Jon G. SELBO (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) HỢP CHẤT 3-[5-CLO-4-[(2,4-DIFLOBENZYL)OXY]-6-OXOPYRIMIDIN-1(6H)-YL]-N-(2-HYDROXYETYL)-4-METYL BENZAMIT DẠNG TINH THỂ VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG
- (57) Sáng chế đề xuất hợp chất 3-[5-clo-4-[(2,4- diflobenzyl)oxy]-6-oxopyrimidin-1(6H)-yl]-N-(2-hydroxyetyl)-4-metylbenzamid. Dạng tinh thể làm chất ức chế kinaza p38 và dược phẩm chứa chúng.



- (11) **16124**
- (21) 1-2007-00987 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/43**, 31/496, 31/431
- (22) 12.10.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2005/036938 12.10.2005 (87) WO2006/044600 27.04.2006
- (30) 60/618,872 14.10.2004 US
- 60/719,177 22.09.2005 US
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 05.09.2007
- (71) WYETH (US)  
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America
- (72) COHEN, Jonathan, Marc (US), SHAH, Syed, M. (US), FAWZI, Mahdi (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **DUỐC PHẨM CHỨA PIPERAXILIN, TAZOBACTAM VÀ AXIT AMINOCARBOXYLIC TRONG DỊCH PHA LOÃNG NATRI LACTAT**
- (57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm chứa piperaxilin, tazobactam, axit aminocarboxylic và một hệ đệm trong dịch pha loãng natri lactat. Sáng chế còn đề cập đến quy trình bào chế dược phẩm để điều trị nhiễm khuẩn và tình trạng LR ở người.

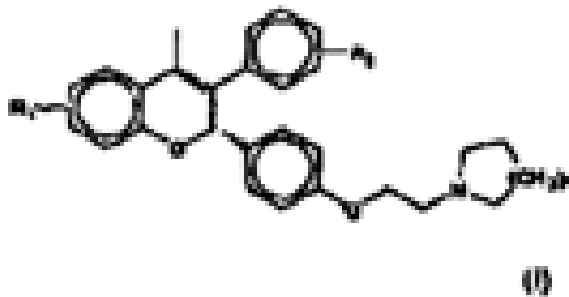
- (11) **16125**
- (21) 1-2007-00988 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/47**, C07D 215/26, A61P 29/00
- (22) 27.09.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2005/010412 27.09.2005 (87) WO2006/040004 20.04.2006
- (30) MI 2004 A 001963 15.10.2004 IT
- (71) ISTITUTO LUSO FARMACO D'ITALIA S.P.A. (IT)  
Via Walter Tobagi, 8, I-20068 Peschiera Borromeo, Italy
- (72) FELICETTI, Patrizia (IT), FINCHAM, Christopher, Ingo (GB), GIOLITTI, Alessandro (IT), MAGGI, Carlo, Alberto (IT), QUARTARA, Laura (IT), ROSSI, Cristina (IT)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **HỢP CHẤT ĐỐI KHÁNG BRADYKININ KHÔNG PEPTIT VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất không peptit có hoạt tính làm chất đối kháng chọn lọc thụ thể bradykinin (BK) B2. Các hợp chất này được đặc trưng về mặt hoá học bởi sự có mặt của alpha axit amin được thay thế bằng nhóm vòng và bởi nhóm tetraalkylamoni.

- (11) **16126**
- (21) 1-2007-00996 (51)<sup>7</sup> **C07D 277/82**
- (22) 14.10.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2005/037215 14.10.2005 (87) WO2006/044775 27.04.2006
- (30) 60/618,975 15.10.2004 US
- (71) BAYER PHARMACEUTICALS CORPORATION (US)  
400 Morgan Lane, West Haven, Connecticut 06516, United States of America
- (72) SMITH Roger (US), O'CONNOR Stephen J. (US), COISH Philip (CA), LOWE Derek (US), CLARK Roger B. (US), STEBBINS Jeffrey (US), CAMPBELL Ann-Marie (US), AKUCHE Christiana (NG), SHELEKHIN Tatiana (US)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) HỢP CHẤT AXIT BIPHENYL-4-YL-CARBONYLAMINO, DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ VÀ QUY TRÌNH BÀO CHẾ
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất axit biphenyl-4-yl carbonylamino, dược phẩm chứa nó để điều trị hoặc ngăn ngừa bệnh béo phì và các bệnh liên quan và quy trình bào chế.

- (11) **16127**  
 (21) 1-2007-01010 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/5685**, 31/453, 31/519, 31/566, A61P 15/02  
 (22) 20.10.2005 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/CA2005/001612 20.10.2005 (87) WO2006/042409 27.04.2006  
 (30) 60/620,452 20.10.2004 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 18.05.2007

- (71) ENDORECHERCHE, INC. (CA)  
 2989, de la Promenade, Sainte-Foy, Quebec G1W 2J5, Canada  
 (72) EL-ALFY Mohamed (CA), LABRIE Fernand (CA), BERGER Louise (CA)  
 (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
 (54) **DUỢC PHẨM, KIT VÀ QUY TRÌNH BÀO CHẾ THUỐC ĐỂ PHÒNG NGỪA HOẶC ĐIỀU TRỊ CHỨNG KHÔ ÂM ĐẠO VÀ RỐI LOẠN CHỨC NĂNG SINH LÝ Ở PHỤ NỮ HẬU MÃN KINH**  
 (57) Sáng chế đề cập đến quy trình bào chế thuốc dùng để điều trị hoặc làm giảm nguy cơ mắc chứng loạn chức năng âm đạo, cụ thể là chứng khô âm đạo và giao hợp đau, dẫn đến loạn chức năng sinh lý và nhu cầu và thực hiện sinh lý thấp, ở động vật máu nóng mãn cảm, kể cả người, khác biệt ở chỗ quy trình này sử dụng tiền chất steroid giới tính. Sáng chế còn đề cập đến quy trình sử dụng thêm estrogen hoặc chất điều biến thụ thể estrogen chọn lọc, đặc biệt là các chất được chọn từ nhóm gồm Raloxifen, Arzoxifen, Tamoxifen, Đroxifen, Toremifen, Iodoxifen, GW 5638, TSE-424, ERA-923, và lasofoxifen, và cụ thể là hợp chất có công thức chung:

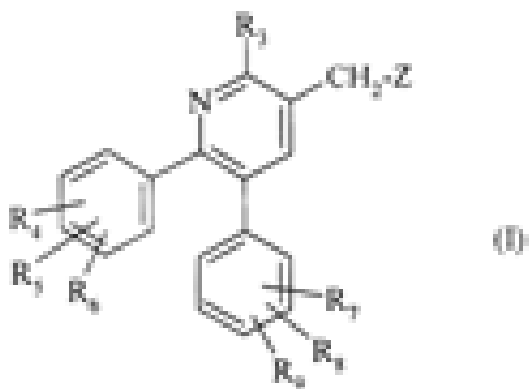


để bào chế thuốc dùng để điều trị và/hoặc ức chế sự phát triển của một số bệnh trong số các bệnh nêu trên. Sáng chế cũng đề cập đến dược phẩm để phân phối hoạt chất và kit.

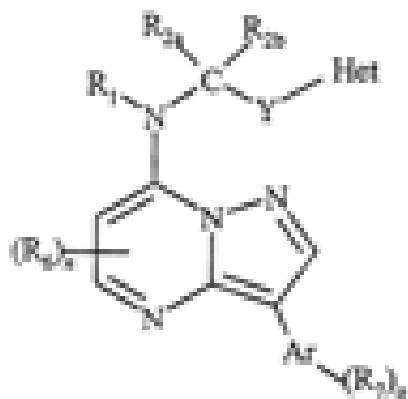
- (11) **16128**  
 (21) 1-2007-01013 (51)<sup>7</sup> **C07D 213/06**, 409/12, 401/12,  
 405/12, A61K 31/44  
 (22) 17.10.2005 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/FR2005/002566 17.10.2005 (87) WO2006/042955 27.04.2006  
 (30) 0411030 18.10.2004 FR

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 24.12.2007

- (71) SANOFI-AVENTIS (FR)  
 174 Avenue de France, 75013 Paris, France  
 (72) BARRE Lionel (FR), BARTH Francis (FR), CONGY Christian (FR), RINALDI-CARMONA Murielle (FR), POINTEAU Philippe (FR)  
 (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)  
 (54) HỢP CHẤT PYRIDIN, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG  
 (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức (I), trong đó Z là nhóm N(R<sub>1</sub>)XR<sub>2</sub>, N(R<sub>1</sub>)COOR'<sub>2</sub> hoặc OCON(R<sub>1</sub>)R'<sub>2</sub>; x là nhóm -CO-, -SO<sub>2</sub>-, -CON(R<sub>10</sub>)- hoặc -CSN(R<sub>10</sub>)-; R<sup>1</sup> là nguyên tử hydro hoặc nhóm alkyl có từ 1 đến 4 nguyên tử cacbon; R<sup>2</sup> là nhóm alkyl có từ 3 đến 10 nguyên tử cacbon, gốc carboxylic không thơm có từ 3 đến 12 nguyên tử cacbon, gốc dị vòng, phenyl không được thế hoặc được thế và các alkylen có 1 hoặc 2 nguyên tử cacbon được thế bằng một hoặc hai phân tử thế giống nhau hoặc khác nhau; R<sup>3</sup> là nguyên tử hydro, hoặc nhóm alkyl có từ 1 đến 4 nguyên tử cacbon, xyano, alkoxyethyl có từ 1 đến 4 nguyên tử cacbon hoặc hydroxymethyl. Sáng chế cũng đề cập đến quy trình điều chế và dược phẩm chứa chúng.



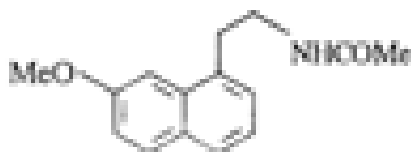
- (11) **16129**
- (21) 1-2007-01017 (51)<sup>7</sup> **C07D 487/04**, A61P 25/00, A61K 31/519
- (22) 19.10.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2005/037576 19.10.2005 (87) WO2006/044958 27.04.2006
- (30) 60/620,060 19.10.2004 US  
0519957.5 30.09.2005 GB
- (71) 1. SB PHARMACO PUERTO RICO INC. (US)  
The Prentice Hall Corp System, c/o FGR Corporate Services, Inc., BBV Tower, 8th Floor, 254 Munoz Rivera Avenue, San Juan, Puerto Rico 00918, United States of America  
2. NEUROCRINE BIOSCIENCES INC. (US)  
12790 El Camino Real, San Diego, CA 92130, United States of America
- (72) LANIER, Marion (US), LUO, Zhiyong (CN), MOORJANI, Manisha (CA), TELLEW, John, Edward (US), WILLIAMS, John, P (US), ZHANG, Xiaohu (CN)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) HỢP CHẤT PYRAZOLO [1,5-ALPHA] PYRIMIDINYL HỮU DỤNG LÀM THUỐC ĐỐI KHÁNG THỤ THỂ CỦA YẾU TỐ GIẢI PHÓNG CORTICOTROPIN (CRF) VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG
- (57) Sáng chế đề xuất hợp chất làm thuốc đối kháng thụ thể CRF hữu dụng để điều trị nhiều bệnh, ví dụ các rối loạn biểu hiện sự tăng tiết CRF ở động vật có vú. Hợp chất làm thuốc đối kháng thụ thể CRF theo sáng chế có cấu trúc sau:



và các muối dược dụng, các este, các solvat, các chất đồng phân lập thể và các tiền chất của nó, trong đó  $R_1$ ,  $R_{2a}$ ,  $R_{2b}$ , Y, Het, n, o,  $R_6$ , Ar và  $R_7$  như được xác định trong tài liệu này. Sáng chế cũng đề xuất các dược phẩm chứa tác nhân đối kháng thụ thể CRF kết hợp với chất mang dược dụng.

- (11) **16130**
- (21) 1-2007-01073 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/00**, 31/436, 31/445, A61P  
15/00, 35/00
- (22) 21.10.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2005/039836 21.10.2005 (87) WO2006/050461 11.05.2006
- (30) 60/622,917 28.10.2004 US
- (71) WYETH (US)  
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America
- (72) RUFFOLO, Robert, R., Jr. (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) QUY TRÌNH SẢN XUẤT THUỐC ĐỂ ĐIỀU TRỊ U CƠ TRƠN TỬ CUNG
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất thuốc để điều trị u cơ trơn tử cung.

- (11) **16131**  
(21) 1-2007-01076 (51)<sup>7</sup> C07C 233/18, A61K 31/165, A61P 25/00
- (62) 1-2005-00162  
(22) 07.02.2005 (43) 25.01.2008  
(30) 04.01439 13.02.2004 FR
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 28.05.2007
- (71) LES LABORATOIRES SERVIER (FR)  
12, place de la Défense, F-92415 Courbevoie Cedex, France
- (72) Jean-Claude SOUVIE (FR), Isaac GONZALEZ BLANCO (ES), Gilles THOMINOT (FR), Geneviève CHAPUIS (FR), Stéphane HORVATH (FR), Gérard DAMIEN (FR)
- (74) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)
- (54) HỢP CHẤT (7-METOXY-3,4-DIHYĐRO-1-NAPHTALENYL)-AXETONITRIL DÙNG LÀM HỢP CHẤT TRUNG GIAN TRONG QUY TRÌNH TỔNG HỢP AGOMELATIN
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình tổng hợp ở quy mô công nghiệp và dạng tinh thể mới của hợp chất có công thức (I) :

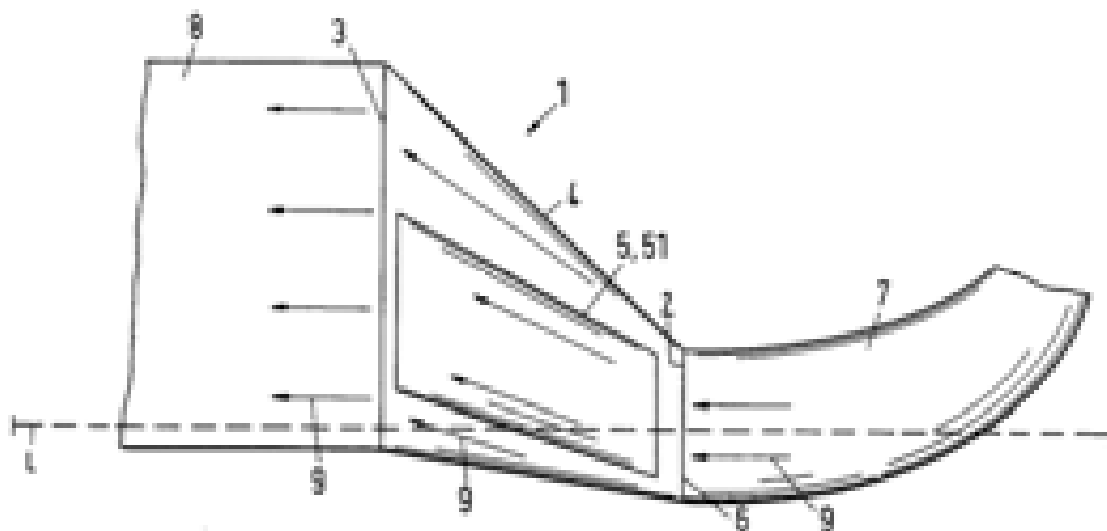


Sáng chế cũng đề cập đến các dược phẩm chứa dạng tinh thể mới của hợp chất có công thức trên.

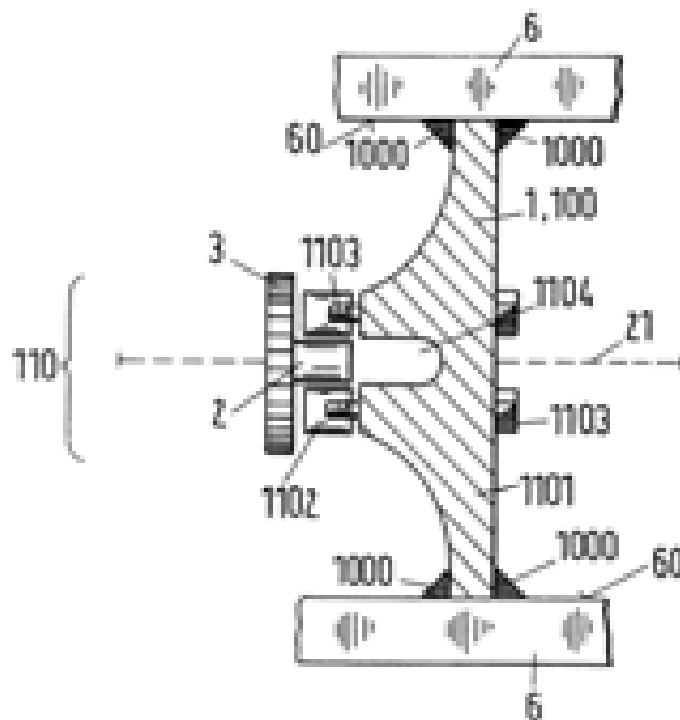


- (11) **16132**
- (21) 1-2007-01081 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/4995**, 47/26, A61P 31/00
- (22) 12.10.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/GB2005/050184 12.10.2005 (87) WO2006/046079 04.05.2006
- (30) 60/623,813 29.10.2004 US
- (71) PHARMA MAR S.A., SOCIEDAD UNIPERSONAL (ES)  
Poligono Industrial La Mina, Avda. de los Reyes, 1 Colmenar Viejo, E-28770 Madrid,  
Spain
- (72) Calvo Salve, Pilar (ES), Nuijen, Bastiaan (GR), Beijnen, Jacob Hendrik (NL), Tobio  
Barreira, María (ES)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) **CHẾ PHẨM CHỨA ECTEINASXIDIN VÀ DISACARIT VÀ PHƯƠNG PHÁP BÀO  
CHẾ NÓ**
- (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm chứa ecteinaxidin và disacarit, các phương pháp bào  
chế nó. Sáng chế còn đề cập đến phương pháp sản xuất vật chứa chế phẩm này.

- (11) **16133**
- (21) 1-2007-01160 (51)<sup>7</sup> **F02B 29/00**
- (22) 11.06.2007 (43) 25.01.2008
- (30) 06117509.7 19.07.2006 EP
- (71) WARTSILA SCHWEIZ AG (CH)  
Zurcherstrasse 12, CH-8401 Winterthur, Switzerland
- (72) Schulz Reiner (DE)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) BỘ KHUẾCH TÁN DÙNG CHO ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG KIỂU PIT TÔNG CHUYỂN ĐỘNG TỊNH TIẾN QUA LẠI VÀ ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG KIỂU PIT TÔNG CHUYỂN ĐỘNG TỊNH TIẾN QUA LẠI
- (57) Sáng chế đề cập đến bộ khuếch tán (1) dùng cho động cơ đốt trong kiểu pít tông chuyển động tịnh tiến qua lại, cụ thể là động cơ diesel hai kỳ cỡ lớn, trong đó bộ khuếch tán (1) bao gồm vỏ (4) được làm loe từ cửa nạp (2) đến cửa xả (3) dọc theo trục dọc (L) có các ống lót (5, 51, 52, 53) được lắp vào bên trong vỏ (4). Cửa nạp (2) có thể nối được với cửa xả (6) của thiết bị nạp khí xả kiểu tuabin (7) và cửa xả (3) có thể nối được với thiết bị làm nguội không khí nạp (8) của động cơ đốt trong kiểu pít tông chuyển động tịnh tiến qua lại sao cho khi động cơ đốt trong ở trạng thái hoạt động, không khí sạch (9) có thể được nạp từ thiết bị nạp khí xả kiểu tuabin (7) qua bộ khuếch tán (1) vào thiết bị làm nguội không khí nạp (8). Theo sáng chế, bộ khuếch tán (1) được làm không đối xứng so với trục dọc (L). Sáng chế còn đề cập đến động cơ đốt trong kiểu pít tông chuyển động tịnh tiến qua lại cụ thể là động cơ diesel hai kỳ cỡ lớn có bộ khuếch tán (1) theo sáng chế.



- (11) **16134**  
 (21) 1-2007-01161 (51)<sup>7</sup> **F02B 67/00**  
 (22) 11.06.2007 (43) 25.01.2008  
 (30) 06405311.9 18.07.2006 EP  
 (71) WARTSILA SCHWEIZ AG (CH)  
 Zurcherstrasse 12, CH-8401 Winterthur, Switzerland  
 (72) Sonnichsen Samuel (CH)  
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)  
 (54) **ĐẾ BẠC TRỤC DỪNG CHO TRỤC ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG KIỂU PIT TÔNG CHUYỂN ĐỘNG TỊNH TIẾN QUA LẠI**  
 (57) Sáng chế đề cập đến đế bạc trục (1) để tiếp nhận trục (2) của bánh răng (3) nhằm dẫn động cụm cấp (4) của động cơ đốt trong kiểu pit tông chuyển động tịnh tiến qua lại (5), cụ thể là động cơ diesel hai kỳ cỡ lớn (5), trong đó đế bạc trục (1) bao gồm tấm đế (100) được lắp vào giữa hai mặt trượt (60) của hai đường trượt kim loại tấm (6) của bộ đỡ (7) của động cơ đốt trong kiểu pit tông chuyển động tịnh tiến qua lại (5), và cả bạc trục (110) để tiếp nhận trục (2) của bánh răng (3), và trong đó đế bạc trục có phần gia cường dạng ống (111) ở vùng bạc trục (110). Theo sáng chế, tấm đế (100) là vách đơn. Sáng chế còn đề cập đến bộ đỡ (7) gồm có đế bạc trục (1) theo sáng chế và cũng đề cập đến động cơ đốt trong kiểu pit tông chuyển động tịnh tiến qua lại (5) gồm có bộ đỡ (7) theo sáng chế.



(11) **16135**

(21) 1-2007-01162

(51)<sup>7</sup> **B41M 1/00**, A61K 8/02, D06P 1/00

(22) 22.12.2005

(43) 25.01.2008

(86) PCT/EP2005/014175 22.12.2005

(87) WO2006/066972 29.06.2006

(30) MI2004A002489 23.12.2004 IT

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 11.06.2007

(71) O-PAC S.R.L. (IT)

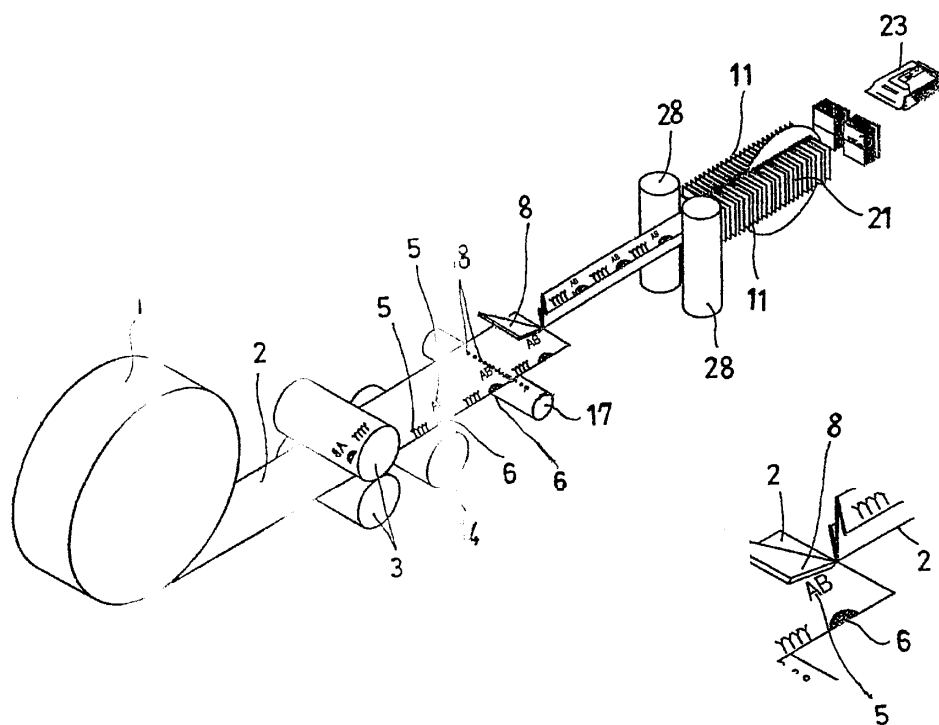
Via Casnedi, 96, I-23868 Valmadrera, IT

(72) BARTESAGHI, Angelo (IT)

(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(54) QUY TRÌNH IN VÀ THÀNH PHẦN IN THU ĐƯỢC THEO QUY TRÌNH IN NÀY

(57) Sáng chế đề cập đến quy trình in có chất không độc trên băng in (2). Quy trình này có bước in, trong đó ít nhất một mặt băng in (2) được in trên ít nhất là một phần (5, 6) với chất nóng chảy không hòa tan trong nước.



- (11) **16136**
- (21) 1-2007-01201 (51)<sup>7</sup> **C07D 451/04**, A61K 31/46, A61P 25/04
- (22) 21.12.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2005/046691 21.12.2005 (87) WO2006/069276 29.06.2006
- (30) 60/638315 22.12.2004 US
- (71) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)  
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse, Belgium
- (72) Steven J. Coats (US), Scott L. Dax (US), Bart Decorte (US), Li Liu (US), Mark McDonnell (US), James J. McNally (US)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) HỢP CHẤT BA VÒNG LÀM CHẤT ĐIỀU BIẾN DELTA-OPIOIT, DƯỢC PHẨM VÀ THUỐC THÚ Y CHỨA NÓ
- (57) Sáng chế đề cập đến chất điều biến thụ quan delta opioit. Cụ thể hơn, sáng chế đề cập đến hợp chất ba vòng làm chất điều hòa  $\delta$ -opioit ba vòng. Sáng chế cũng đề cập đến dược phẩm và phẩm thuốc thú y chứa hợp chất này để điều trị, làm nhẹ chứng đau nghiêm trọng và các bệnh khác nhau.

(11) **16137**

(21) 1-2007-01204

(51)<sup>7</sup> **B60G 17/00**, 17/02

(22) 15.06.2007

(43) 25.01.2008

(30) 200610094682.2 26.06.2006 CN

(71) THOMAS J. NEAVITT (US)

3120 Venture Drive, Las Vegas, Nevada, 89130, USA

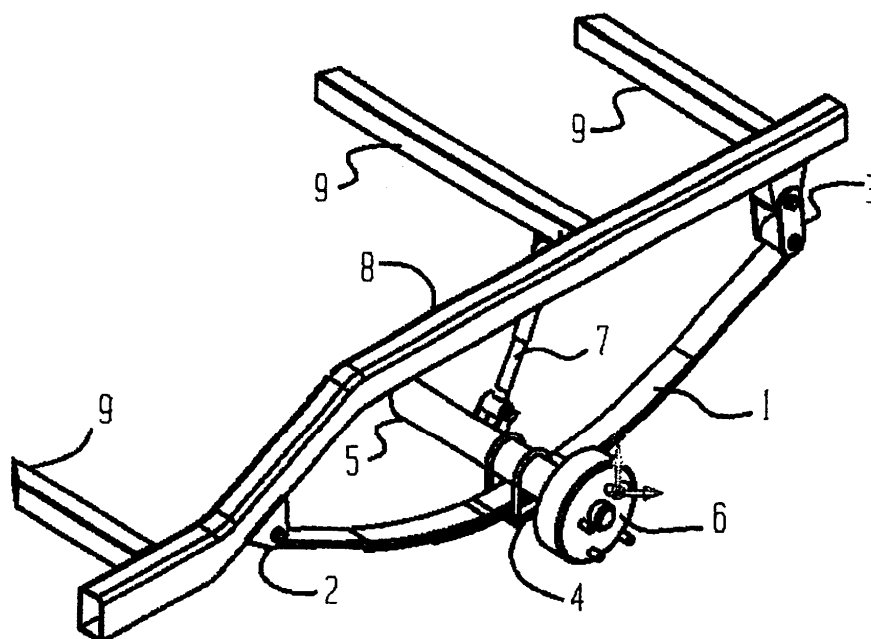
(72) Peter E. Bryant (US)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ CƠ CẤU ỔN ĐỊNH KHUNG XE ÔTÔ SỬ DỤNG Lò XO Lá PHỤ**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và cơ cấu ổn định khung xe ô tô sử dụng lò xo lá phụ. Các dấu hiệu của cơ cấu này như sau, lò xo lá phụ được bố trí bên trên lò xo treo của xe ô tô trên hai đầu của trục sau của xe ô tô. Lò xo treo của xe ô tô và lò xo lá phụ đỡ trục sau của xe ô tô ở giữa, cụm khoá nối điều chỉnh được đặt ở hai đầu của lò xo lá phụ nối lò xo lá phụ với lò xo treo của xe ô tô. Giữa tâm của lò xo lá phụ và trục sau của xe ô tô có khối cao su khiến cho khoá nối của lò xo lá phụ luôn chịu tải căng.

Ưu điểm của cơ cấu theo sáng chế là như sau: Kết cấu gọn và dễ điều chỉnh. Lực đỡ của lò xo lá phụ và lò xo treo của xe ô tô ổn định khung xe ô tô và điều chỉnh tổng số con lăn. Và tăng được hiệu quả phanh cho trục sau khi các lò xo phụ này được sử dụng vì chúng ngăn không cho đầu sau của xe ô tô bị dốc lên hoặc nhẹ đi do sự tăng khoảng thời gian phanh cho bánh xe trước.



(11) **16138**

(21) 1-2007-01217

(22) 27.07.2005

(86) PCT/KR2005/002442 27.07.2005

(30) 10-2005-0004014 15.01.2005 KR

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 21.08.2007

(71) 1. ALPALLET CO., LTD. (KR)

302-1 Mok-ri, Dongtan-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do 445-812, Korea

2. KIM, SEUNG KI (KR)

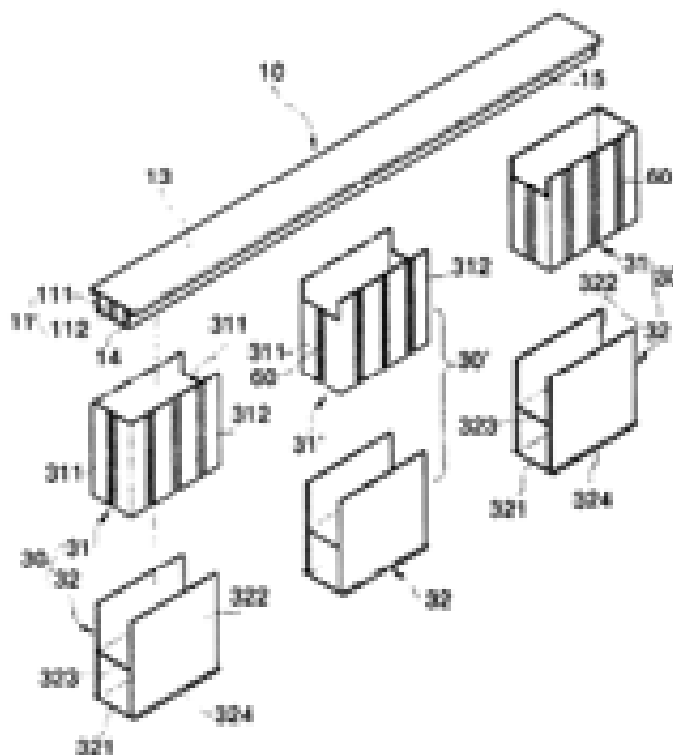
135-304 Kwanak Apartment, 1102 Buheung-dong, Dongan-gu, Anyang-si, Gyeonggi-do 431-789, Korea

(72) KIM, Seung Ki (KR)

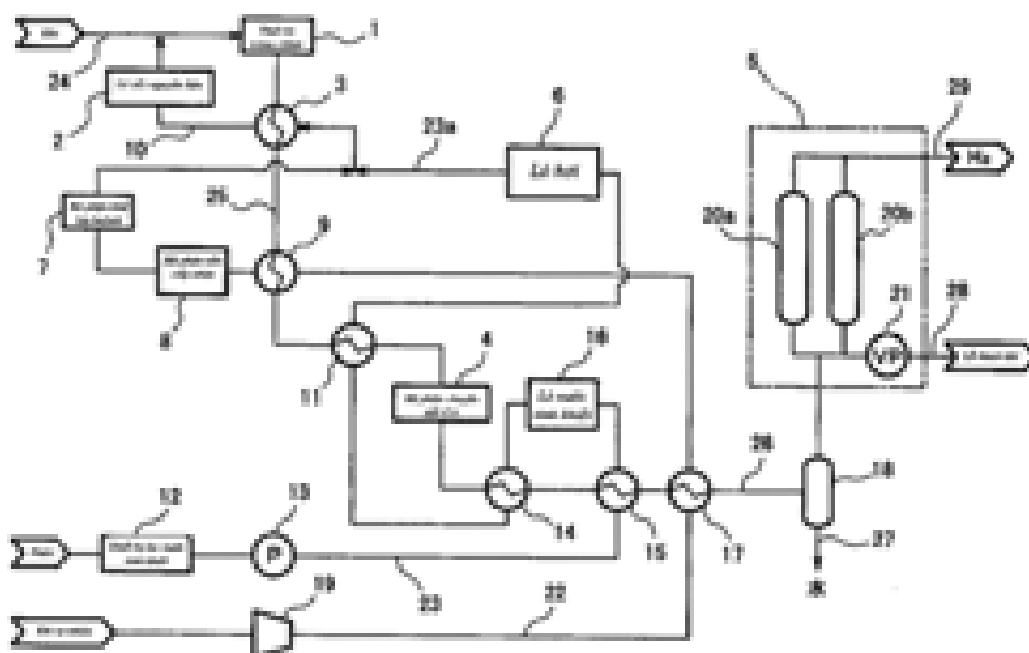
(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS)

(54) TẤM NÂNG HÀNG

(57) Sáng chế đề cập tới tấm nâng hàng bao gồm nhiều thanh đỡ (10), nhiều thanh sàn trên (20) được bố trí song song và cách đều nhau nằm ngang trên các thanh đỡ (10), và một cặp chân chống (30) được lắp ở hai đầu của mặt đáy của mỗi thanh đỡ (10), trong đó mỗi chân chống (30) bao gồm thành ngoài có chiều cao bằng chiều cao của các thành bên đối nhau, các thành bên đối nhau được lắp khớp vào trong các đường rãnh tương ứng của thanh đỡ (10) và thành trong có khe hở để lắp thân của thanh đỡ (10) vào đấy, nhờ đó các xây xát hoặc tổn thương bởi các cạnh sắc của các chi tiết kết cấu tấm nâng hàng được tránh do chúng được bịt kín.

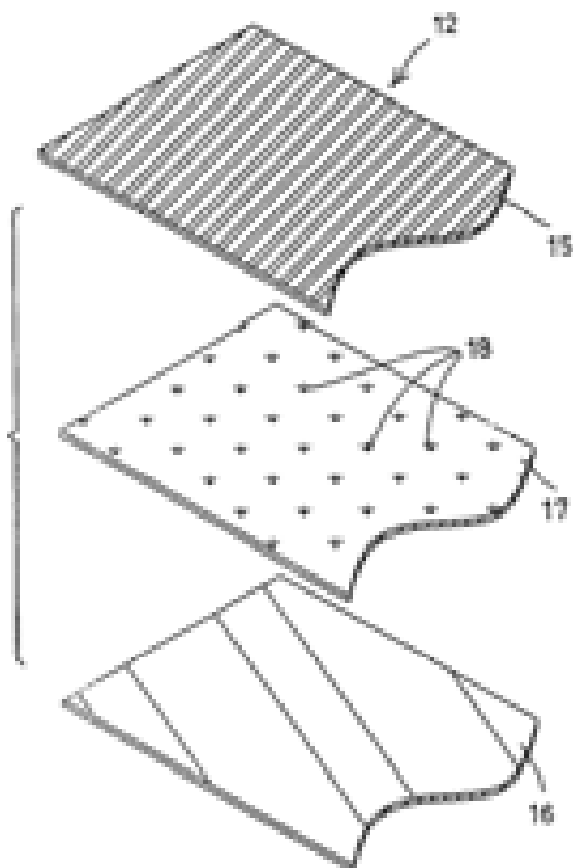


- (11) **16139**  
 (21) 1-2007-01221 (51)<sup>7</sup> **C01B 3/38**  
 (22) 25.01.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/JP2006/301608 25.01.2006 (87) WO/2006/080544 03.08.2006  
 (30) 2005-020910 28.01.2005 JP  
 (71) AIR WATER INC. (JP)  
 2, Kita 3-jo Nishi 1-chome, Chuo-ku, Sapporo-shi, Hokkaido 060003, Japan  
 (72) JO, Hisanao (JP), MATSUDA, Hideaki (JP), AKASAKA, Hideshi (JP), MICHITANI, Kazuo (JP)  
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)  
 (54) **THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT HYDRO**  
 (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị sản xuất hydro có hiệu suất năng lượng lớn và giảm được chi phí thiết bị. Thiết bị theo sáng chế trùng chính khí hydrocarbon thành khí trùng chính giàu hydro. Theo đó, khí hydrocarbon sẽ tham gia phản ứng tiếp xúc với oxy có mặt chất xúc tác, được đốt cháy và trùng chính tại thiết bị trùng chính (1). Tại đường khí (25) được thiết kế ở phía dưới thiết bị trùng chính (1), quá trình trao đổi nhiệt giữa khí trùng chính và hydrocarbon được thực hiện sau đó được dẫn vào thiết bị trùng chính nói trên. Nhờ được gắn với thiết bị trùng chính (3) thứ nhất nên năng lượng nhiệt cần thiết cho quá trình trùng chính không cần cung cấp từ bên ngoài của các vật dụng như đèn mà nhờ nhiệt của khí trùng chính thu được từ quá trình đốt cháy và trùng chính. Do khí nguyên liệu được làm nóng lên khi dẫn vào thiết bị trùng chính (1) nên hiệu suất năng lượng thu được lớn. Hơn nữa, do không cần gắn đèn vào thiết bị trùng chính nên bản thân cấu tạo của thiết bị trùng chính trở nên đơn giản hơn. Cấu tạo của thiết bị này có khả năng chịu nhiệt, chịu áp lực cao cũng đơn giản hơn. Nhờ vậy có thể giảm chi phí thiết bị.

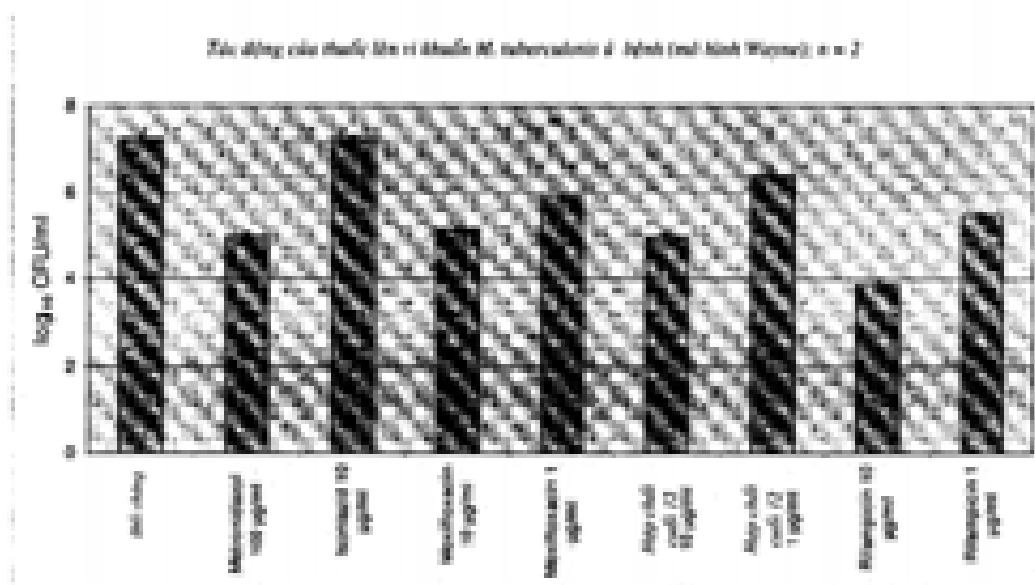




- (11) **16140**
- (21) 1-2007-01232 (51)<sup>7</sup> **H04B 1/03**
- (22) 20.06.2007 (43) 25.01.2008
- (30) 11/494,009 27.07.2006 US
- (71) WANG, SWEI MU (TW)  
208-20, Jhongcing Rd., Situn District, Taichung City 407, Taiwan
- (72) WANG, SWEI MU (TW)
- (74) Công ty TNHH Dịch vụ Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT VỎ CHO SẢN PHẨM ĐIỆN**
- (57) Sáng chế liên quan đến phương pháp sản xuất vỏ hoặc hộp vỏ ngoài cho các sản phẩm điện hoặc phương tiện liên lạc di động và lớp nền và lớp phủ, lớp mẫu hình giữa được bố trí và được kẹp giữa lớp nền và lớp phủ, và lớp mẫu hình giữa có mẫu hình, lớp phủ được làm bằng vật liệu trong suốt cho phép nhìn thấy mẫu hình trên lớp mẫu hình giữa qua lớp phủ, và lớp giảm chấn được gắn vào lớp nền để tạo ra chi tiết hộp vỏ của vỏ. Vật liệu chống tĩnh điện hoặc các sợi tự nhiên hoặc các lát gỗ mỏng hoặc các hạt hoặc vật liệu nhựa phế thải hoặc các vật liệu dẫn điện có thể được đưa vào trong lớp giảm chấn.



- (11) **16141**
- (21) 1-2007-01233 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/47**, 31/4704, A61P 31/06
- (22) 08.12.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2005/056594 08.12.2005 (87) 2006/067048 29.06.2006
- (30) 04078529.7 24.12.2004 EP  
05105008.6 08.06.2005 EP
- (71) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)  
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse, Belgium
- (72) Andries, Koenraad Jozef Lodewijk Marcel (BE), Koul, Anil (IN)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) QUY TRÌNH BÀO CHẾ THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH LAO ÂM Ỉ CÓ SỬ DỤNG HỢP CHẤT QUINOLIN
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình bào chế thuốc điều trị bệnh lao âm ỉ, khác biệt ở chỗ, quy trình này sử dụng hợp chất có công thức (Ia) hoặc (Ib), trong đó hợp chất có công thức (Ia) hoặc (Ib) là muối dược dụng, amin bậc bốn- N-oxit, dạng tautome hoặc dạng đồng phân lập thể của nó trong đó R<sup>1</sup> là hydro, halo, haloalkyl, xyano, hydroxy, Ar-Het, alkyl, alkyloxy, alkylthio, alkyloxyalkyl, alkylthioalkyl, Ar-alkyl hoặc di(Ar)alkyl; p là 1, 2, 3 hoặc 4; R<sup>2</sup> là hydro, hydroxy, mercapto, alkyloxy, alkyloxyalkyloxy, alkylthio, mono hoặc di(alkyl)amino hoặc gốc có công thức (II); R<sup>3</sup> là alkyl, Ar, Ar-alkyl, Het hoặc Het-alkyl; q là 0, 1, 2, 3 hoặc 4; R<sup>4</sup> và R<sup>5</sup> độc lập là hydro, alkyl hoặc benzyl; hoặc R<sup>4</sup> và R<sup>5</sup> có thể kết hợp với nhau bao gồm cả N mà chúng gắn vào; R<sup>6</sup> là hydro, halo, haloalkyl, hydroxy, Ar, alkyl, alkyloxy, alkylthio, alkyloxyalkyl, alkylthioalkyl, Ar-alkyl hoặc di(Ar)alkyl; hoặc hai gốc R<sup>6</sup> liền kề có thể kết hợp với nhau để tạo thành gốc hoá trị hai -CH=CH-CH-CH; r là 1, 2, 3, 4 hoặc 5; R<sup>7</sup> là hydro, alkyl, Ar hoặc Het; R<sup>8</sup> là hydro hoặc alkyl; R<sup>9</sup> là oxo; hoặc R<sup>8</sup> và R<sup>9</sup> cùng tạo thành gốc =N-CH=CH-.



(11) **16142**

(21) 1-2007-01265

(51)<sup>7</sup> **B60T 8/00**

(22) 25.06.2007

(43) 25.01.2008

(30) 2006-176297 27.06.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 25.06.2007

(71) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

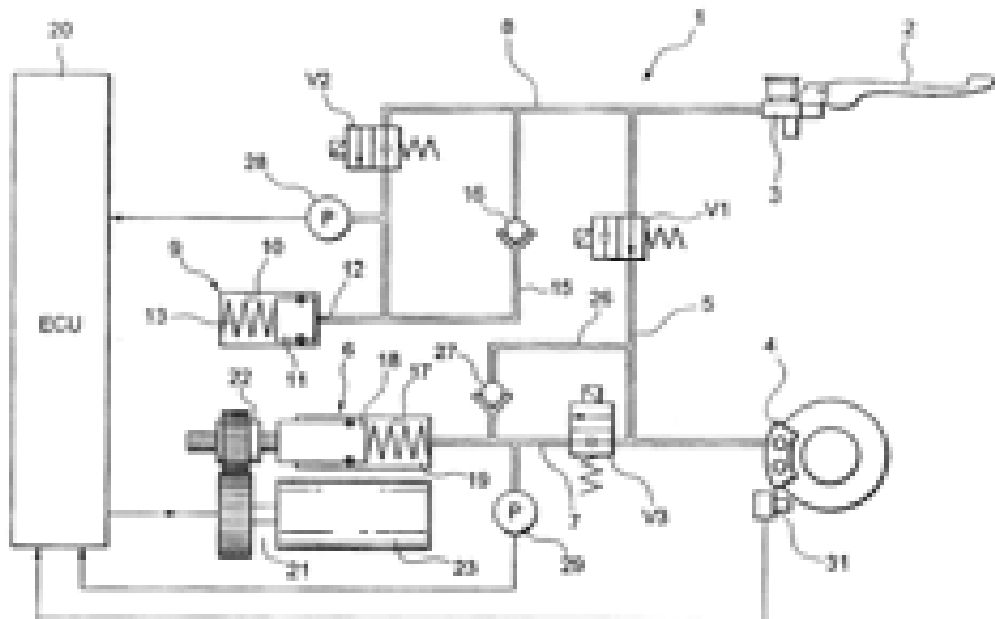
1-1, Minami-Aoyama 2- chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556 Japan

(72) Kazuya TAKENOUCHI (JP), Yutaka NISHIKAWA (JP), Masaie KATO (JP), Kazuhiko TANI (JP), Shinji TAKAYANAGI (JP)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **CƠ CẤU PHANH DỪNG CHO XE**

(57) Sáng chế đề cập tới cơ cấu phanh dừng cho xe có thể thực hiện việc điều khiển có độ chính xác cao nhờ phương pháp dây kéo tương ứng với áp lực trong trong đường dẫn bằng cách dùng cảm biến áp lực có độ phân dải cao đồng thời không gây ra trục trặc do đặc tính chịu áp. Xi lanh chính (3) và cụm phanh (4) được nối với nhau bởi đường dẫn phanh chính (5) và van mở/đóng solenôit thường mở V1 được tạo ra ở đường dẫn (5). Bộ mô phỏng phản lực (9) được nối với đường dẫn (5) gần phía xi lanh chính hơn so với van mở/đóng V1 qua đường dẫn phân nhánh (8), và bộ điều biến thuỷ lực (6) được nối với đường dẫn (5) gần phía cụm phanh 4 hơn so với van mở/đóng V1 qua đường dẫn cấp/xả (7). Van mở/đóng solenôit thường đóng V2 được tạo ra ở đường dẫn phân nhánh (8), trong khi van mở/đóng solenôit thường đóng V3 được tạo ra ở đường dẫn cấp/xả (7). Cảm biến áp lực phía vào (28) được bố trí ở phía bộ mô phỏng (9) với van mở/đóng V2 của đường dẫn phân nhánh (8) bố trí xen giữa cảm biến áp lực phía vào (28) và xi lanh chính (3), và cảm biến áp lực phía ra (29) được bố trí ở phía bộ điều biến (6) của đường dẫn cấp/xả (7) với van mở/đóng V3 bố trí xen giữa cảm biến áp lực phía ra (29) và cụm phanh (4).

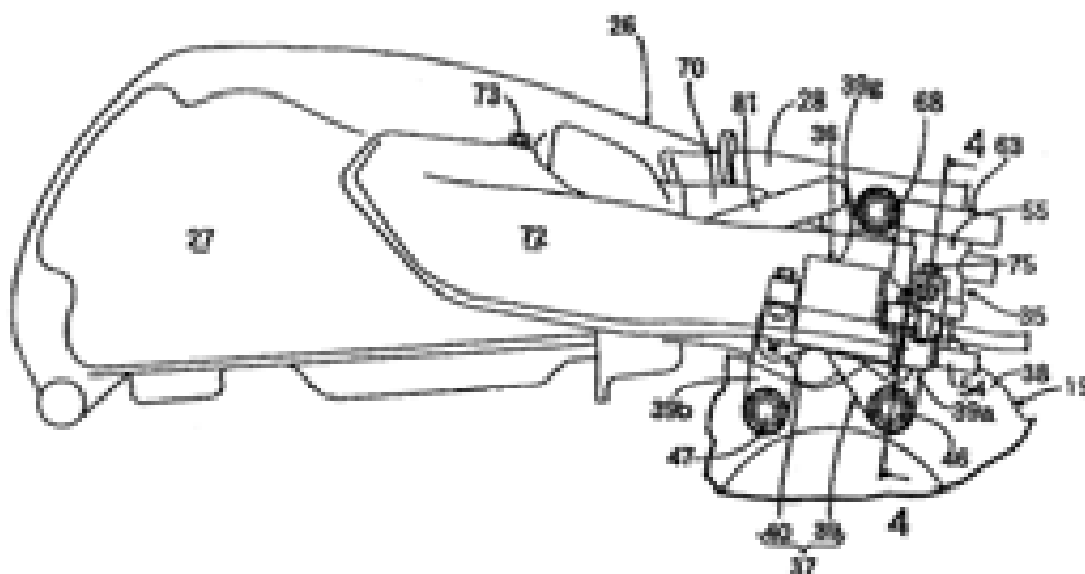


- (11) **16143**  
 (21) 1-2007-01275 (51)<sup>7</sup> **F01N 3/22**, 3/30, B62K 19/30, F02P 15/00  
 (22) 26.06.2007 (43) 25.01.2008  
 (30) 2006-176442 27.06.2006 JP  
 2006-198928 21.07.2006 JP

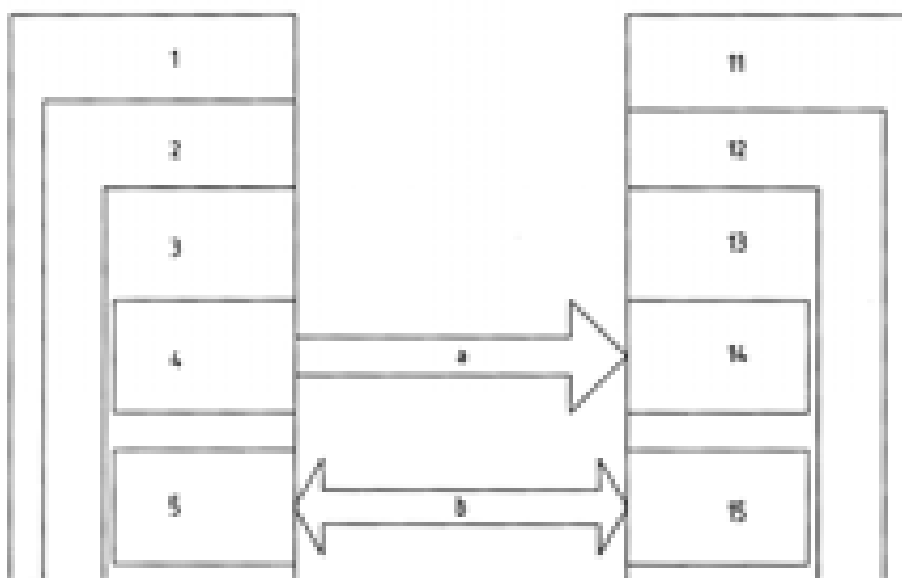
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 26.06.2007

- (71) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)  
 1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, 107-8556 Japan  
 (72) Yusuke TAKAISHI (JP), Koichiro HONDA (JP), Junji KIKUNO (JP), Satoru WATANABE (JP)  
 (74) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)  
 (54) XE MÁY DẠNG SCUTƠ  
 (57) Sáng chế đề cập đến việc giảm chiều dài của đường cấp không khí thứ cấp từ van điều chỉnh không khí thứ cấp đến hệ thống xả của động cơ, và đơn giản hoá kết cấu bố trí đường ống bằng cách bố trí van điều chỉnh không khí thứ cấp đủ gần với thân chính của động cơ trong xe máy dạng scutơ trong đó cụm động lực bao gồm động cơ, và bộ truyền động dùng để truyền động lực đầu ra của động cơ đến bánh sau được đỡ lác được bởi khung thân, và trong đó hệ thống xả có đầu trước được trang bị bộ lọc không khí nằm ở phần trên của hộp chứa bộ truyền động dùng để chứa bộ truyền động được nối với mặt bên phía trên của đầu xi lanh.

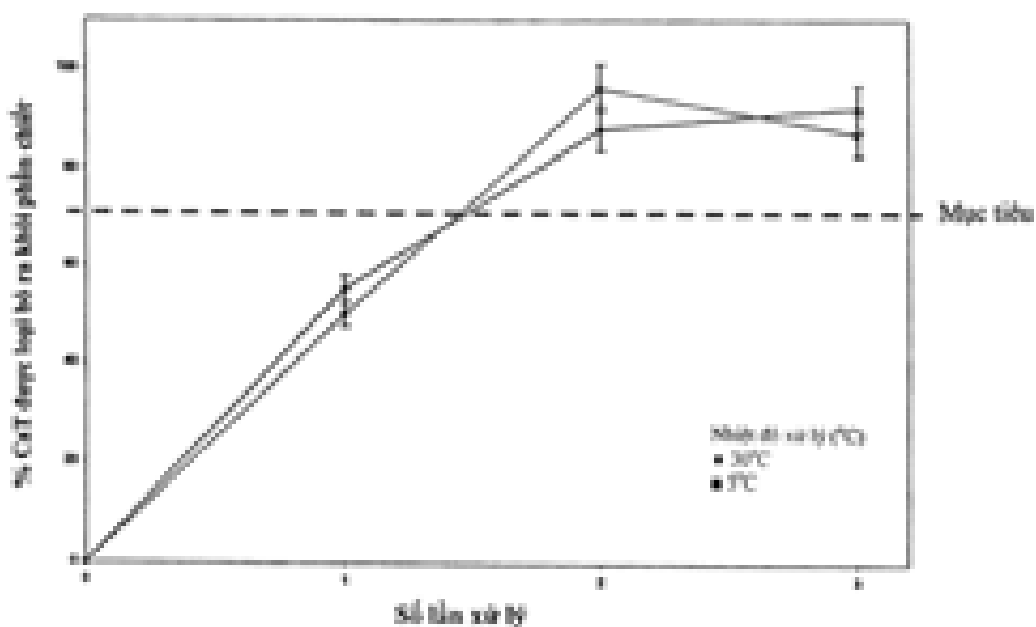
Để đạt được mục đích nêu trên, van điều chỉnh không khí thứ cấp (35) dùng để điều chỉnh lượng không khí thứ cấp được cấp từ bộ lọc không khí (27) đến hệ thống xả của động cơ, được bố trí ở phía bên phương tiện tạo đường ống nạp (26), nằm trước bộ lọc không khí (27) và bên trên thân chính của động cơ (19), với một phần của nó gógi chồng lên phương tiện tạo đường ống nạp (26) trên hình chiếu cạnh.



- (11) **16144**  
(21) 1-2007-01295 (51)<sup>7</sup> **B23Q**  
(22) 27.06.2007 (43) 25.01.2008  
(30) 01157/06 18.07.2006 CH  
(71) EROWA AG (CH)  
Winkelstrasse 8, CH-5734 Reinach, Switzerland  
(72) Bruno SANDMEIER (CH)  
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)  
(54) **HỆ THỐNG TRAO ĐỔI THÔNG TIN GIỮA THIẾT BỊ GIA CÔNG VÀ CƠ CẤU CHUYỂN**  
(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống trao đổi thông tin giữa máy công cụ (1) và cơ cấu chuyển (11) để cấp phối hoặc các chi tiết gia công đã gia công sơ bộ hoặc các dụng cụ đến máy công cụ (1) hoặc tháo dỡ các sản phẩm đã gia công hoặc các dụng cụ ra khỏi máy công cụ (1), máy công cụ (1) bao gồm bộ điều khiển (3) và giao diện (4), nhờ vậy bộ điều khiển (3) hiển thị và điều khiển các trạng thái gia công của máy công cụ (1) và truyền thông tin liên quan đến các trạng thái gia công của máy công cụ (1) thông qua giao diện (4) tới cơ cấu chuyển (11) để kích hoạt cơ cấu chuyển (11), cơ cấu chuyển (11) nhận thông tin thông qua giao diện (14) được gán cho nó và xử lý thông tin nêu trên nhờ bộ điều khiển (13) được gán cho nó và phản ứng để đáp lại thông tin này, nhờ vậy giao diện máy in được sử dụng làm giao diện (4) của máy công cụ (1).



- (11) **16145**
- (21) 1-2007-01302 (51)<sup>7</sup> **A23F 5/00**, 5/26, 5/18
- (22) 29.06.2007 (43) 25.01.2008
- (30) 06116265.7 29.06.2006 EP
- (71) KRAFT FOODS R & D, INC. (DE)  
Zweigniederlassung Munich, Bayerwaldstrasse 8, D-81737, Munich, Germany
- (72) Simon Peter Penson (GB), Scott D. Brooks (US), Anthony Wragg (GB), David Ikenberry (US), Alan Bradbury (DE), Kazuto Ozaki (JP), Fumio Ito (JP)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)
- (54) QUY TRÌNH CẢI BIẾN HƯƠNG CÀ PHÊ
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình cải thiện hương của cà phê chất lượng Robusta và Arabica và được đặc trưng bằng việc cải biến các tiền chất hương cà phê rang trong phân chiết nước của hạt cà phê tươi.



(11) **16146**

(21) 1-2007-01304

(51)<sup>7</sup> **A61F 13/00**

(22) 29.06.2007

(43) 25.01.2008

(30) PI 2006 3223 06.07.2006 MY

(71) ANPERS INDUSTRIES SND BHD (277491-H) (MY)

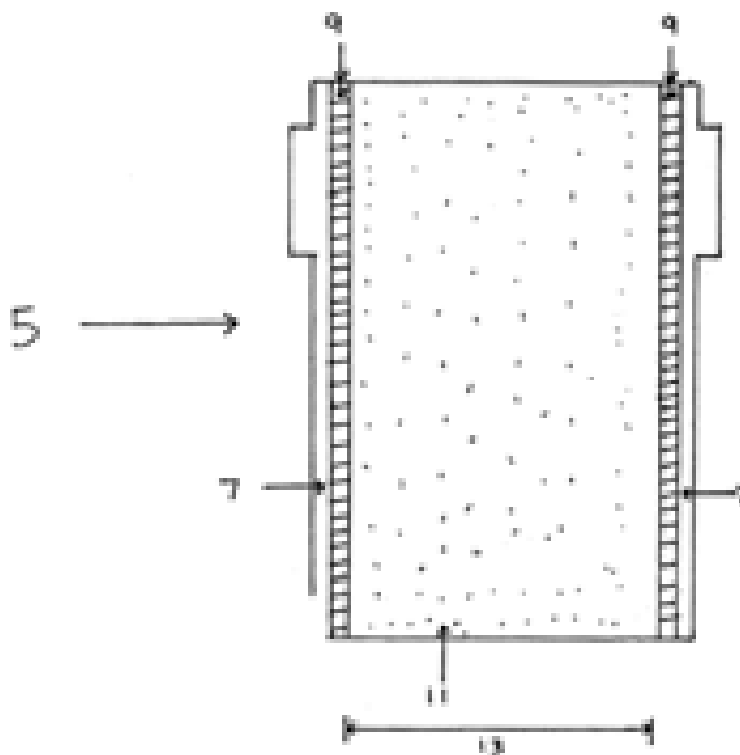
Lot 202-A, Jalan 4, Kawasan Perusahaan Bakar Arang, 08000 Sungai Petani, Kedah, Malaysia

(72) Fong Wah Sin (MY)

(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS)

(54) MIẾNG THẤM HÚT CHO ĐỒ DÙNG SỬ DỤNG MỘT LẦN

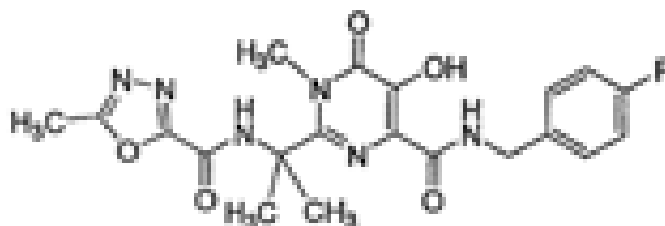
(57) Sáng chế đề xuất miếng thấm hút cho đồ dùng sử dụng một lần để thấm hút dịch lỏng do cơ thể người tiết ra và ngăn chặn sự rò rỉ ra bên ngoài đồ dùng đó. Quá trình thấm hút dịch lỏng này được tăng cường nhờ việc sử dụng hai hợp chất cao phân tử siêu thấm có đặc tính thấm hút khác nhau cũng như khả năng tạo thành dạng keo khi tiếp xúc với dịch lỏng.



- (11) **16147**
- (21) 1-2007-01322 (51)<sup>7</sup> **C11D 3/39**, C23G 1/14, H05K 3/26
- (22) 02.07.2007 (43) 25.01.2008
- (30) 60/830,592 13.07.2006 US  
11/809,941 04.06.2007 US
- (71) ROHM AND HASS COMPANY (US)  
100 Independence Mall West, Philadelphia, Pennsylvania 19106-2399, United States of America
- (72) Rajiv Manohar Banavali (US), Jose Antonio Trejo (MX)
- (74) Công ty TNHH Dịch vụ Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) PHƯƠNG PHÁP VÀ HỢP PHẦN ĐỂ LOẠI BỎ CÁC CHẤT NHIỄM BẮN RA KHỎI DUNG DỊCH NƯỚC
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp loại bỏ các chất nhiễm bẩn ra khỏi dung dịch nước bao gồm bước cho dung dịch nước tiếp xúc với các hạt đá vôi được phủ bằng oxyhydroxit sắt và hấp phụ các chất nhiễm bẩn từ dung dịch chứa nước lên trên các hạt này.

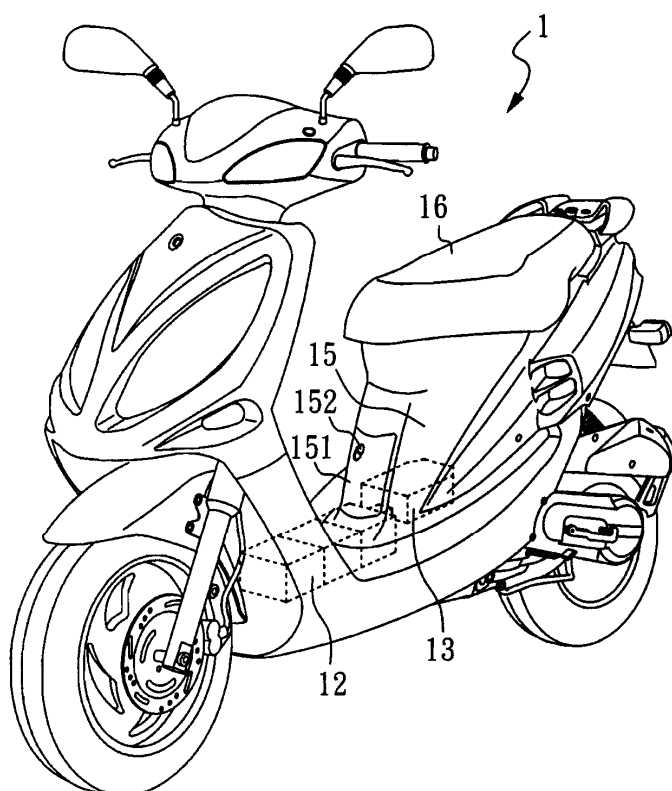


- (11) **16148**
- (21) 1-2007-01323 (51)<sup>7</sup> **C07D 413/12**, A61P 31/18, A61K 31/513
- (22) 02.12.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2005/043728 02.12.2005 (87) WO2006/060712 08.06.2006
- (30) 60/633,132 03.12.2004 US
- (71) 1. MERCK & CO., INC. (US)  
126 East Lincoln Avenue, Rahway NJ 07065-0907, United States of America  
2. ISTITUTO DI RICERCHE DI BIOLOGIA MOLECOLARE P. ANGELETTI SPA (IT)  
Via Pontina Km, 30,600, I-00040 Pomezia, ITALY
- (72) Kevin M. BELYK (US), Henry G. MORRISON (US), Philip JONES (IT), Vincenzo SUMMA (IT)
- (74) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)
- (54) MUỐI KALI CỦA CHẤT ỨC CHẾ ENZYM CỦA VIRUT HIV VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA MUỐI NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến muối kali của hợp chất A, trong đó hợp chất A có công thức (I). Hợp chất A là chất ức chế integraza sử dụng để điều trị hoặc phòng ngừa nhiễm virut HIV, để làm chậm quá trình phát triển của bệnh AIDS và để điều trị, phòng ngừa bệnh AIDS.

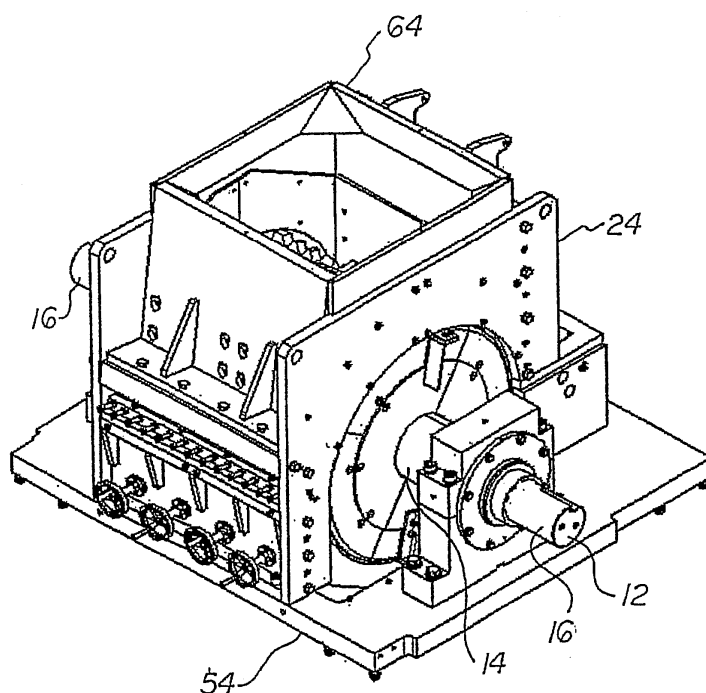


- (11) **16149**
- (21) 1-2007-01330 (51)<sup>7</sup> **C01B 3/50**
- (22) 24.01.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/FR2006/050050 24.01.2006 (87) WO2006/082332 10.08.2006
- (30) 0550297 01.02.2005 FR
- (71) L'AIR LIQUIDE SOCIETE ANONYME POUR L'ETUDE ET L'EXPLOITATION  
DES PROCEDES GEORGES CLAUDE (FR)  
75, quai d'Orsay, F-75321 Paris Cedex 07, FR
- (72) KOH, Daphne Wen Li (SG)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT KHÍ TỔNG HỢP CÓ LƯỢNG THẢI CACBON  
DIOXIT THẤP
- (57) Trong các mục tiêu này, sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất khí tổng hợp sử dụng hệ sản xuất khí tổng hợp bao gồm:
- ít nhất một lò phản ứng sản xuất khí tổng hợp từ hydrocacbon:
    - + khí tổng hợp thô có chứa hydro, CO và CO<sub>2</sub>; và
    - + khí thải chứa CO<sub>2</sub>
  - thiết bị tách CO<sub>2</sub> khỏi khí tổng hợp thô nói trên và tạo ra khí chủ yếu gồm CO<sub>2</sub>, và khí chủ yếu gồm CO<sub>2</sub> này sẽ tái sử dụng quay lại lò phản ứng sản xuất khí tổng hợp, ở nhà máy công nghiệp mà còn có thêm:
    - ít nhất một bộ phận sản xuất điện năng và nhiệt năng tổ hợp mà có sinh ra khí thải chứa CO<sub>2</sub>; và
    - một thiết bị tách CO<sub>2</sub> từ khí thải cháy của nhà máy,
    - theo phương pháp mà:
      - ít nhất một trong các khí thải chứa CO<sub>2</sub> được sản sinh từ lò phản ứng sản xuất khí tổng hợp hoặc bởi hệ sản xuất điện năng và nhiệt năng tổ hợp, sẽ được xử lý trong thiết bị tách CO<sub>2</sub> khỏi khí thải cháy của nhà máy; và
      - CO<sub>2</sub> sinh ra bởi quá trình xử lý khí thải của hệ sản xuất khí tổng hợp và/hoặc của hệ sản xuất điện năng và nhiệt năng tổ hợp thông qua thiết bị tách CO<sub>2</sub> khỏi khí thải cháy, là ít nhất phải được tái sử dụng một phần về lò phản ứng sản xuất khí tổng hợp.

- (11) **16150**  
(21) 1-2007-01346 (51)<sup>7</sup> **B62M 25/08**  
(22) 05.07.2007 (43) 25.01.2008  
(30) 095124812 07.07.2006 TW  
(71) SANYANG INDUSTRY CO., LTD. (TW)  
184 Keng Tzu Kou, Shang Keng Village, Hsin Fong Shiang, Hsinchu, Taiwan  
(72) Chi-Nan YEH (TW), Chien-Hung CHUANG (TW), Ming-Fong WU (TW)  
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
(54) XE MÔTÔ ĐIỆN  
(57) Sáng chế đề cập tới xe mô-tô điện. Xe mô-tô điện bao gồm khung, ắc-quy sơ cấp, và yên xe, trong đó khung có phần khung sau và phần khung đặt bàn chân. Ắc-quy thứ cấp được bố trí ở phần khung sau và nằm giữa yên xe và phần khung sau. Ắc-quy thứ cấp này có thể có tác dụng làm ắc-quy cung cấp năng lượng liên tục để cung cấp thêm điện năng cho ắc-quy sơ cấp, và có thể được người lái xe tháo ra dễ dàng, và có thể được nạp lại tại gia hoặc ở trạm nạp lại để cải thiện sự tiện lợi trong sử dụng. Việc bố trí ắc-quy thứ cấp ở phần khung sau và giữa yên xe và phần khung sau có thể cải thiện chống thấm nước của ắc-quy thứ cấp. Hơn nữa, xe mô-tô điện có vỏ che sau có nắp thứ nhất với khoá thứ nhất; hoặc yên xe có nắp thứ hai với khoá thứ hai để cải thiện khả năng chống trộm cho ắc-quy thứ cấp.



- (11) **16151**  
(21) 1-2007-01347 (51)<sup>7</sup> **B02C 18/16**  
(22) 13.06.2005 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/US2005/020679 13.06.2005 (87) WO2006/062547 15.06.2006  
(30) 11/006,270 07.12.2004 US  
(71) COLUMBUS MCKINNON CORPORATION (US)  
140 John James Audubon Parway, Amherst, NY 14228, United States of America  
(72) STUHMILLER, David, A. (US), ASTAFAN, Charles, G. (US), MOORE, Peter, M. (US)  
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
(54) **HỆ THỐNG LÀM GIẢM KÍCH THƯỚC LỚP XE/TÁCH DÂY**  
(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống làm giảm kích thước lớp xe/tách dây (10) bao gồm trục truyền động (12); các rôto (26) được lắp trên trục truyền động, mỗi rôto có các khe dọc trục (28) có một lưỡi dao quay được (34) được lắp tháo ra được trong mỗi khe này; và tấm đế đỡ vỏ bọc độc lập đỡ trục truyền động và các rôto. Vỏ bọc độc lập có vùng giữa có các lưỡi dao tĩnh (58). Các chân và các đỉnh của các lưỡi dao tĩnh được định hướng khớp với các chân và các đỉnh của các lưỡi dao quay được. Vỏ bọc độc lập còn có các vùng ngang có vòng chịu mài mòn hình khuyên (72) được lắp chặt thẳng đứng vào các đầu theo hướng trục của các rôto. Mỗi vùng ngang còn có một lớp lót chịu mài mòn (76) có một khe hở hình tròn có đường kính lớn hơn đường kính ngoài của các vòng chịu mài mòn.





(11) **16153**

(21) 1-2007-01357

(51)<sup>7</sup> **G03G 15/00, 21/00**

(22) 06.07.2007

(43) 25.01.2008

(30) 187921/2006 07.07.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 06.07.2007

(71) CANON KABUSHIKI KAISHA (JP)

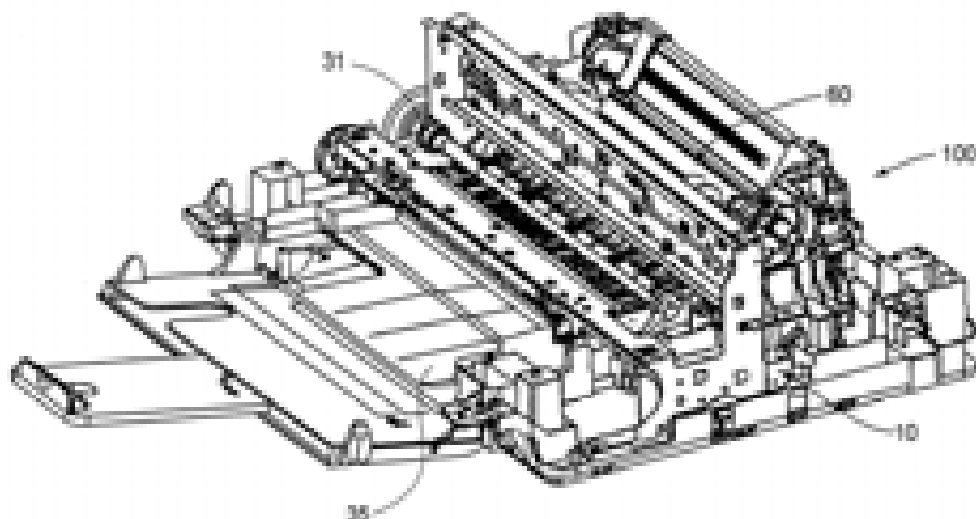
3-30-2 Shimomaruko, Ohta-ku, Tokyo, Japan

(72) Shinya SONODA (JP), Masato IZUMI (JP)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **CƠ CẤU CẤP GIẤY VÀ THIẾT BỊ TẠO HÌNH ẢNH**

(57) Sáng chế đề cập đến cơ cấu cấp giấy bao gồm phần xếp chồng giấy để xếp chồng tấm trên đó, phân cấp giấy để đỡ theo trục con lăn cấp giấy, và lò xo có thể tác dụng lên phân cấp giấy. Lò xo tác dụng lên phân cấp giấy khiến cho con lăn cấp giấy được ép tỳ lên giấy với một lực ép khi lượng xếp chồng giấy là lớn và sao cho lực ép được giảm bằng cách loại bỏ mômen tạo bởi trọng lượng của phân cấp giấy khi lượng xếp chồng giấy là nhỏ. Sáng chế cũng đề cập đến thiết bị ghi có sử dụng cơ cấu cấp giấy này.



(11) **16154**

(21) 1-2007-01358

(51)<sup>7</sup> **F01L 1/18**

(22) 06.07.2007

(43) 25.01.2008

(30) 2006-190288 11.07.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 06.07.2007

(71) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

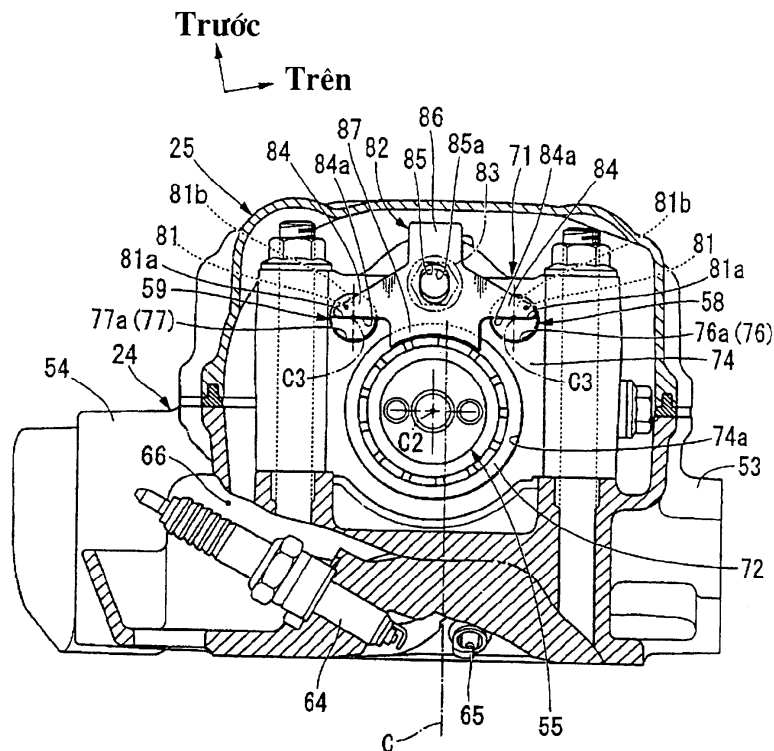
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556, Japan

(72) Ryo KUBOTA (JP), Masahide MIMURA (JP)

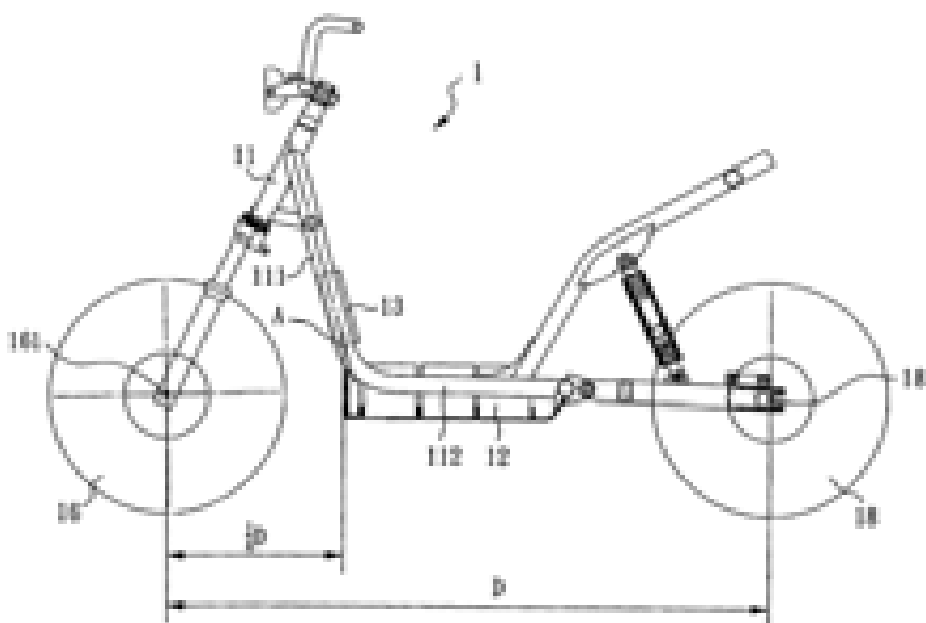
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **CƠ CẤU KÍCH HOẠT XUPAP CỦA ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG**

(57) Sáng chế đề xuất cơ cấu nhằm hạn chế chuyển động quay của các trục đòn lắc quanh các đường trục của nó trong cơ cấu kích hoạt xupap của động cơ đốt trong bao gồm các trục đòn lắc (5) trong đầu xi lanh. Các phần rãnh cắt (81) được tạo ra trong các trục đòn lắc riêng lẻ (58, 59) và, đồng thời, tấm giới hạn (82) có hai phần chặn chuyển động quay (84) giới hạn chuyển động quay của các trục đòn lắc tương ứng (58, 59) được tạo ra. Tấm giới hạn (82) có phần nhô (86) cho phép đẩy của tấm giới hạn (82) trên đó và cũng có lỗ lắp bu lông (85) được tạo thuận dài theo phương đẩy. Ở trạng thái mà các phần chặn chuyển động quay riêng lẻ (84) và các phần rãnh cắt riêng lẻ (81) được đưa vào tiếp xúc gần hơn với nhau bằng cách đẩy tấm giới hạn (82) bằng cách sử dụng phần nhô (86), tấm giới hạn (82) được lắp cố định vào đầu xi lanh (24) nêu trên nhờ sử dụng bu lông giữ (83) đi qua lỗ lắp bu lông (85).

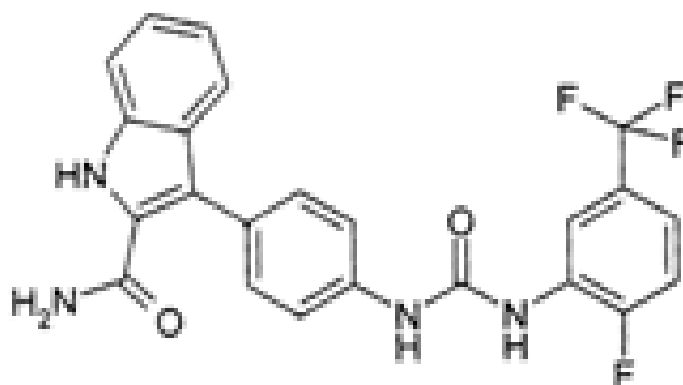


- (11) **16155**  
(21) 1-2007-01362 (51)<sup>7</sup> **B62M 25/08**  
(22) 06.07.2007 (43) 25.01.2008  
(30) 095124811 07.07.2006 TW  
(71) SANYANG INDUSTRY CO., LTD. (TW)  
184 Keng Tzu Kou, Shang Keng Village, Hsin Fong Shiang, Hsinchu, Taiwan  
(72) Chi-Nan YEH (TW), Chien-Hung CHUANG (TW), Ming-Fong WU (TW), Pei-Yu HSU (TW), Hung-Chieh WU (TW)  
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
(54) XE MÔTÔ ĐIỆN  
(57) Sáng chế đề cập tới xe mô-tô điện. Theo sáng chế, xe mô-tô điện bao gồm khung, bánh xe trước, và bánh xe sau, trong đó khung có trục bánh xe trước, trục bánh xe sau, và phần khung đặt bàn chân. Ắc-quy thứ nhất được bố trí trên phần khung đặt bàn chân; và ắc-quy thứ hai được bố trí ở điểm nút giữa trục bánh xe trước và trục bánh xe sau và trong phạm vi một khoảng cách nhất định so với trục bánh xe trước hoặc trục bánh xe sau. Khung có tần số rung động riêng và rung động nhỏ nhất xảy ra ở điểm nút khi tần số rung động riêng tác động lên khung. Nhờ ắc-quy thứ hai, xe mô-tô điện có thể di chuyển khoảng cách hành trình dài hơn, và hư hại đối với ắc-quy thứ hai do rung động có thể được ngăn ngừa. Ngoài ra, khả năng kiểm soát và độ an toàn của xe mô-tô điện sẽ không bị ảnh hưởng bất lợi.





- (11) **16156**
- (21) 1-2007-01367 (51)<sup>7</sup> **C07D 413/12**, 209/12, 209/14, A61K 31/404, 31/407
- (22) 02.12.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/FR2005/003003 02.12.2005 (87) WO2006/061493 15.06.2006
- (30) 0412966 06.12.2004 FR  
60/650,465 07.02.2005 US
- (71) AVENTIS PHARMA S.A. (FR)  
20 Avenue Raymond Aron, 92160 Antony, France
- (72) Halley Frank (FR), Souaille Catherine (FR), Tabart Michel (FR), Bacque Eric (FR), Viviani Fabrice (FR), Ronan Baptiste (FR), Letallec Jean-Philippe (FR), Filoche-Rommé Bruno (FR)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) HỢP CHẤT INDOL ĐƯỢC THỂ, CHẾ PHẨM CHỨA CHÚNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ
- (57) Sáng chế đề cập cụ thể đến hợp chất indol được thể, chế phẩm chứa chúng, và quy trình điều chế chúng. Hợp chất theo sáng chế có tác dụng làm thuốc, cụ thể là thuốc chống ung thư.



(11) 16157

(21) 1-2007-01369

(51)<sup>7</sup> C07C 69/732

(22) 06.07.2007

(43) 25.01.2008

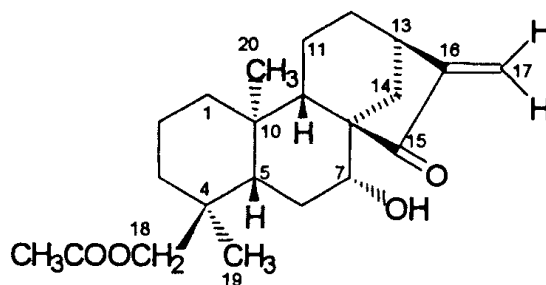
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 06.07.2007

(71) TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (VN)  
334 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(72) GS. TSKH. Phan Tống Sơn (VN), TS. Phan Minh Giang (VN), PGS. TS. Văn Ngọc Hường (VN), GS. TS. Đào Văn Phan (VN)

(54) PHƯƠNG PHÁP CHIẾT TÁCH ENT-KAURAN DITERPENOID CÓ TÁC DỤNG CHỐNG VIÊM TỪ CÂY KHỔ SÂM BẮC BỘ

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp chiết tách ent-kauran diterpenoid từ cây khổ sâm Bắc Bộ (*Croton tonkinesis* Gagnep., Euphorbiaceae). Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến chất ent-kauran diterpenoid thu được theo phương pháp nêu trên là chất ent-7 $\beta$ -hydroxy-15-oxokaur-16-en-18-yl axetat có công thức (1) và hỗn hợp chứa chất này có tác dụng chống viêm, giảm đau, bảo vệ dạ dày, không ảnh hưởng đến huyết áp và nhịp tim, có độc tính thấp. Chất ent-7 $\beta$ -hydroxy-15-oxokaur-16-en-18-yl axetat và hỗn hợp chứa nó có thể dùng để bào chế thuốc chữa các trường hợp viêm cấp tính như viêm cơ, viêm dạ dày, viêm xuất tiết và viêm mạn tính như viêm xương khớp.

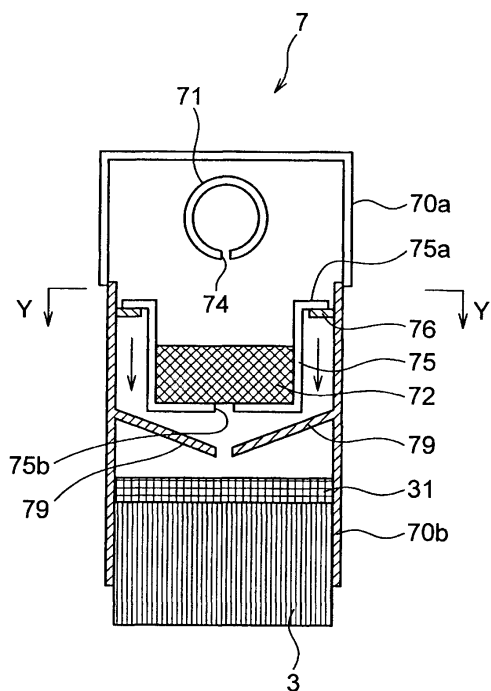


(1)

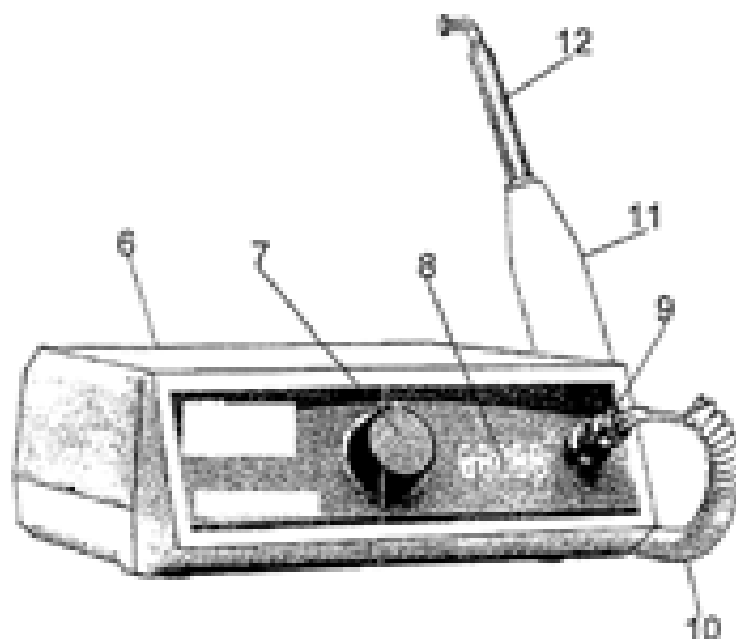
- (11) **16158**  
 (21) 1-2007-01384 (51)<sup>7</sup> **F24F 6/00**  
 (22) 09.07.2007 (43) 25.01.2008  
 (30) 2006-197930 20.07.2006 JP  
 2006-199381 21.07.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 09.07.2007

- (71) SANYO ELECTRIC CO., LTD. (JP)  
 5-5, Keihan Hondori 2-chome, Moriguchi-shi, Osaka 570-8677, Japan  
 (72) Kazuo TAKAHASHI (JP), Yoichi UCHIDA (JP), Hiroaki USUI (JP), Tetsuya YAMAMOTO (JP), Keiko KUROKAWA (JP), Masayuki MOTEGI (JP), Tomohito KOIZUMI (JP), Hiroyuki UMEZAWA (JP), Tsuyoshi RAKUMA (JP), Toshio FUKUSHIMA (JP), Toru ARAKAWA (JP), Hiroyuki KOBAYASHI (JP)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)  
 (54) THIẾT BỊ LỌC KHÔNG KHÍ ĐỂ LỌC KHÔNG KHÍ BẰNG NƯỚC ĐIỆN PHÂN  
 (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị lọc không khí bao gồm vỏ ngoài có cửa hút không khí và cửa thổi không khí ra, bồn điện phân để tạo nước điện phân, chi tiết tiếp xúc khí/lồng được bố trí trên vỏ ngoài, bộ phận cấp nước điện phân dùng để cấp nước điện phân vào chi tiết tiếp xúc khí/lồng, nhờ đó nước điện phân thấm vào trong chi tiết tiếp xúc khí/lồng, quạt thổi không khí dùng để đưa không khí trong nhà được hút từ cửa hút không khí vào tiếp xúc với nước điện phân thấm vào trong chi tiết tiếp xúc khí/lồng và thổi ra ngoài không khí trong nhà từ cửa thổi không khí ra, phần nhận nước để tiếp nhận nước điện phân đi qua chi tiết tiếp xúc khí/lồng, và cơ cấu tách bỏ chất liệu lạ để tách bỏ các chất liệu lạ trong nước điện phân. Cơ cấu tách bỏ chất liệu lạ này có thể là chi tiết lọc được bố trí ở phía trước của chi tiết tiếp xúc khí/lồng hoặc chi tiết chắn được bố trí trên phần nhận nước.



- (11) **16159**  
(21) 1-2007-01386 (51)<sup>7</sup> A61L 2/20, A61C 19/06, C01B 13/11, 13/02  
(22) 05.01.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/EP2006/000067 05.01.2006 (87) WO2006/072582 13.07.2006  
(30) 102005000950.6 08.01.2005 DE  
202005007563.9 12.05.2005 DE  
202005012281.5 04.08.2005 DE  
(71) BIOZON D.O.O. ZA TRGOVINU I USLUGE (HR)  
Jarun 28 HR, 10000 Zagreb Croatia  
(72) Mylius Harald (DE)  
(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)  
(54) THIẾT BỊ ĐIỀU TRỊ  
(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị điều trị bao gồm thiết bị tạo ra trường điện hoặc trường điện từ có điện áp trường nằm trong khoảng từ 1800 đến 35000V bằng điện áp nằm trong khoảng từ 12 đến 600V, cường độ dòng điện nằm trong khoảng từ 0,1 $\mu$ A đến 100 $\mu$ A và tần suất nằm trong khoảng từ 10000 đến 35000Hz.



(11) **16160**

(21) 1-2007-01400

(51)<sup>7</sup> **F16H 7/02**

(22) 11.07.2007

(43) 25.01.2008

(30) 2006-191132 12.07.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 11.07.2007

(71) YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

2500 Shingai, Iwata-shi, Shizuoka-ken, 438-8501, Japan

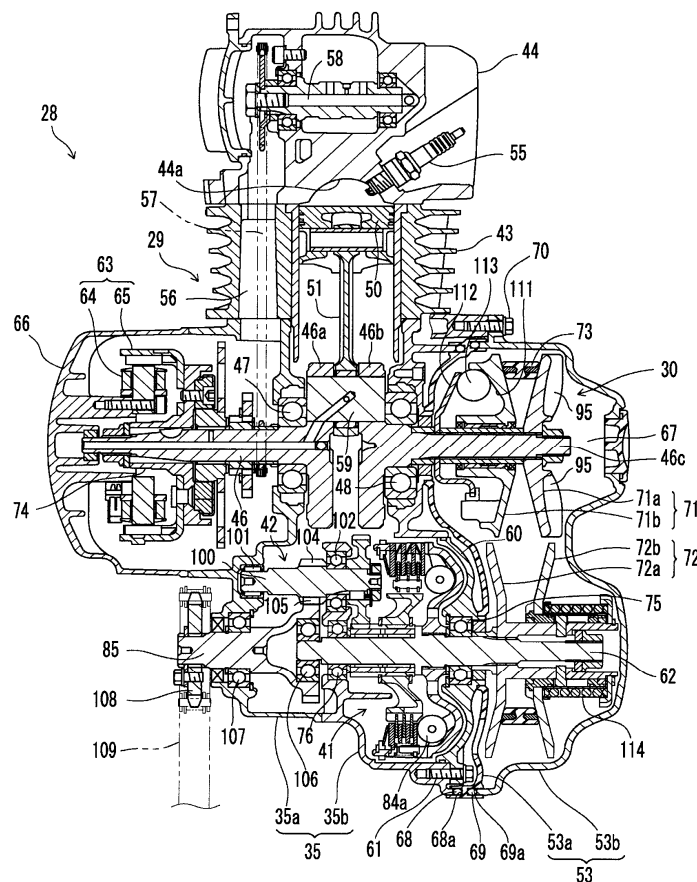
(72) Yousuke Ishida (JP), Akifumi Oishi (JP)

(74) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(54) BỘ TRUYỀN ĐỘNG BĂNG ĐAI VÀ XE MÁY

(57) Sáng chế đề cập đến bộ truyền động băng đai (30) được lắp trong cụm động cơ (28) của xe máy.

Với mục đích chống mài mòn một cách thích hợp nhất cho cả đai hình thang lẫn các bánh đai, bộ truyền động băng đai (30) theo sáng chế bao gồm bánh đai sơ cấp (71) được dẫn động bởi động cơ (29), bánh đai thứ cấp (72) và đai hình thang (73) mà nó được quấn quanh các bánh đai sơ cấp (71) và thứ cấp (72) và được tạo nên đai liên khối bằng nhựa. Bề mặt bánh đai của bánh đai sơ cấp (71) được mạ crôm. Bánh đai thứ cấp (72) được làm bằng thép không gỉ và bề mặt bánh đai của nó không được mạ crôm. Độ cứng bề mặt bánh đai của bánh đai thứ cấp (72) là thấp hơn độ cứng bề mặt bánh đai của bánh đai sơ cấp (71).

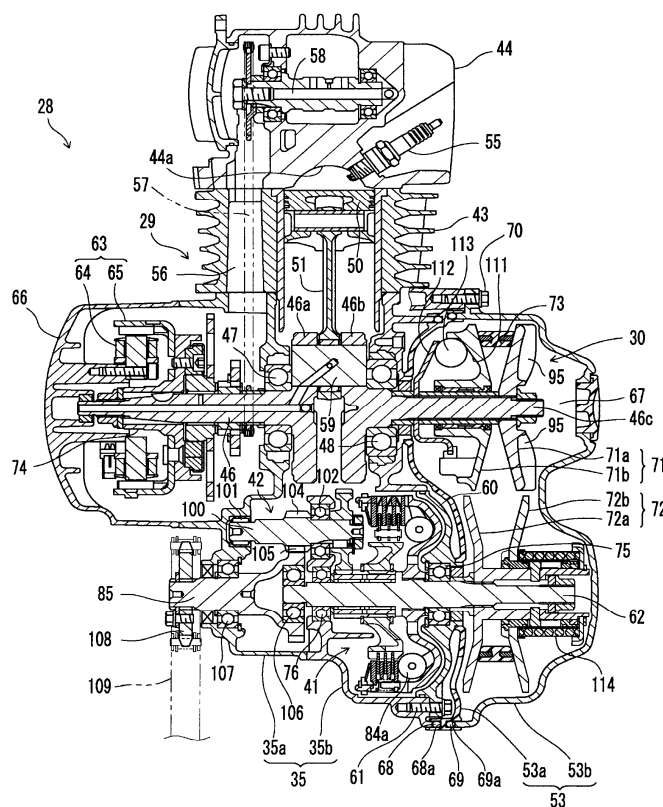


- (11) **16161**  
 (21) 1-2007-01401 (51)<sup>7</sup> **F16H 7/02**  
 (22) 11.07.2007 (43) 25.01.2008  
 (30) 2006-191133 12.07.2006 JP  
 2006-351053 27.12.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 11.07.2007

- (71) YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)  
 2500 Shingai, Iwata-shi, Shizuoka-ken, 438-8501, Japan  
 (72) Yousuke Ishida (JP), Akifumi Oishi (JP), Takuji Murayama (JP)  
 (74) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)  
 (54) BỘ TRUYỀN ĐỘNG BĂNG ĐAI, XE MÁY, VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT BÁNH ĐAI CỦA BỘ TRUYỀN ĐỘNG BĂNG ĐAI  
 (57) Sáng chế đề cập đến bộ truyền động băng đai (30) được lắp trong cụm động cơ (28) của xe máy.

Với mục đích hạn chế sự mài mòn đai hình thang của bộ truyền động băng đai để kéo dài tuổi thọ của nó, bộ truyền động băng đai (30) theo sáng chế bao gồm bánh đai sơ cấp (71), bánh đai thứ cấp (72) và đai hình thang (73) mà ít nhất một phần của nó tiếp xúc với bánh đai sơ cấp (71) và bánh đai thứ cấp (72) được tạo nên từ nhựa. Nhiều rãnh được bố trí với bước rãnh định trước theo hướng kính, như được thể hiện trên hình cắt theo hướng kính, được tạo thành trên các bề mặt bánh đai của các nửa bánh đai (71a) và (71b) của bánh đai sơ cấp (71) và các nửa bánh đai (72a) và (72b) của bánh đai thứ cấp (72), thì sẽ đạt được  $P \leq -0,08K \times 10^{-3} + 0,18$ , trong đó P (mm) là bước rãnh, còn K (Hv) là độ cứng bề mặt của các bề mặt bánh đai.



(11) **16162**

(21) 1-2007-01402

(51)<sup>7</sup> **C07F 15/04**, B01J 23/755

(22) 11.07.2007

(43) 25.01.2008

(30) 10-2006-0065117 11.07.2006 KR

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 11.07.2007

(71) KOREA KUMHO PETROCHEMICAL CO., LTD. (KR)

Kumho Bldg. Sinmunno 1(il)-ga Jongno-gu Seoul, Republic of Korea

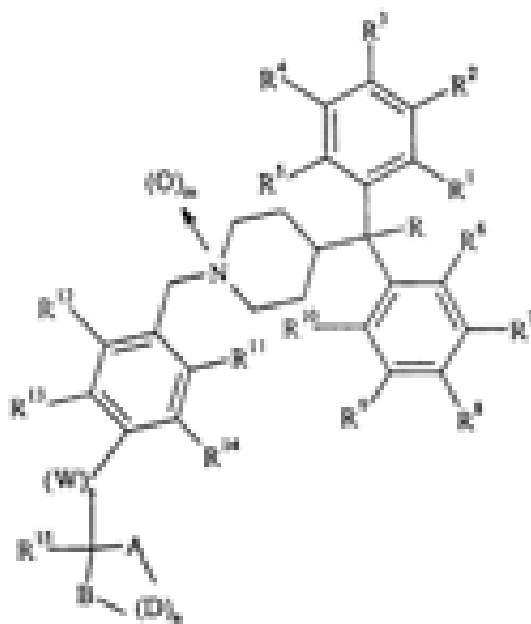
(72) KWAG, Gwanghoon (KR), KIM, Pilsung (KR), HAN, Shin (KR), CHOI, Hyung Kyu (KR)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) MONOME NICKEL CARBOXYLAT CÓ ĐỘ HOÀ TAN CAO VÀ QUY TRÌNH POLYME HOÁ CÁC DIEN LIÊN HỢP SỬ DỤNG CHÚNG LÀM CHẤT XÚC TÁC

(57) Sáng chế đề cập đến nickel carboxylat có độ hòa tan cao và chất xúc tác để polyme hóa dien, dien này được điều chế bằng cách sử dụng nickel carboxylat, và cụ thể là đề cập đến chất xúc tác để polyme hóa dien bao gồm hợp chất monome nickel carboxylat được điều chế trong dung dịch không chứa nước bằng phương pháp trao đổi phối tử, halogen hợp chất và hợp chất kim loại hữu cơ với tỷ lệ xác định trước, có thể làm gia tăng hoạt tính xúc tác, thể hiện thành phần 1,4-cis lớn hơn 94% và tạo ra polydien không gel, nhờ đó được sử dụng làm đồ trang sức, bóng gôn, ứng dụng trong sản phẩm cao su công nghiệp cũng như chất cải biến polystyren có khả năng chịu va đập cao (HIPS).

- (11) **16163**
- (21) 1-2007-01404 (51)<sup>7</sup> **C07D 211/00**
- (22) 09.12.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2005/044666 09.12.2005 (87) WO2006/065659 22.06.2006
- (30) 60/635,545 13.12.2004 US
- (71) BAYER CROPSCIENCE AG (DE)  
Alfred-Nobel-Strasse 50, 40789 Monheim, Germany
- (72) LYGA John W. (US), ROSEN David S. (US), ZHANG Y., Larry (US), DING Ping (CN), HENRIE Robert N., II (US), ZAWACKI Frank J. (US), HATCH Charles E., III (US), ZHANG Shunxiang (CN), GOUDAR Jaidev S. (US)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) DẪN XUẤT BIS(PHENYL ĐƯỢC THẾ)-1-[4-(ĐƯỢC THẾ BẢO HOÀ DỊ VÒNG)PHENYLMETYL]-(4-PIPERIDYL)METAN CÓ HOẠT TÍNH TRỪ SÂU, CHẾ PHẨM TRỪ SÂU CHỨA CHỨNG VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÒNG TRỪ CÔN TRÙNG BẰNG CÁCH SỬ DỤNG CHẾ PHẨM NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến dẫn xuất bis(phenyl được thế)-1- [[4-(được thế dị vòng bảo hoà)phenylmetyl](4-piperidyl)metan mới có hoạt tính trừ sâu cao. Các hợp chất này được biểu bằng công thức I:

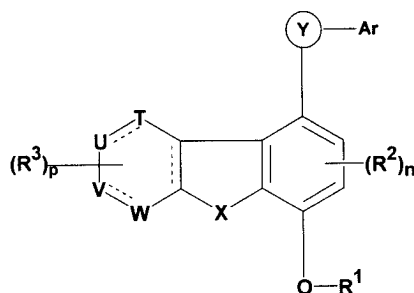


I

trong đó từ R đến R<sup>15</sup>, m, n, s, A, B, D và W là như được xác định trong bản mô tả. Ngoài ra, sáng chế cũng đề cập đến chế phẩm chứa ít nhất một hợp chất có công thức I với lượng hữu hiệu có tác dụng trừ sâu, và tùy ý, ít nhất một hợp chất thứ hai với lượng hữu hiệu, với ít nhất một chất mang tương thích dùng cho mục đích trừ sâu; cùng với phương pháp phòng trừ côn trùng bao gồm bước sử dụng chế phẩm đã nêu ở vị trí nơi mà côn trùng có mặt hoặc có thể có mặt.



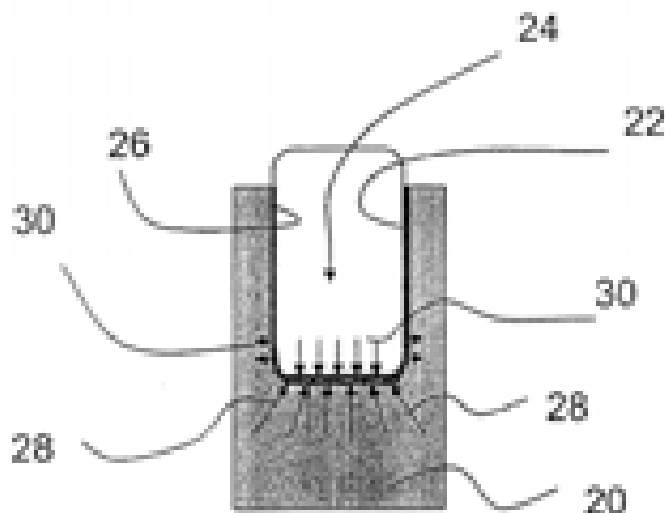
- (11) **16164**  
 (21) 1-2007-01417 (51)<sup>7</sup> **C07D 491/04**, 471/04, 495/04, A61K 31/343, 31/38, 31/407, A61P 29/00  
 (22) 15.12.2005 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/IB2005/003798 15.12.2005 (87) WO2006/064355 22.06.2006  
 (30) 1352/MUM/2004 17.12.2004 IN  
 60/637,232 17.12.2004 US  
 (71) GLENMARK PHARMACEUTICALS S.A. (CH)  
 Chemin de la Combeta 5, 2300 La Chaux-De-Fonds, Switzerland  
 (72) GHARAT Laxmikant Atmaram (IN), GOPALAN Balasubramanian (IN),  
 KHAIRATKAR-JOSHI Neelima (IN)  
 (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
 (54) HỢP CHẤT DỊ VÒNG, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ CHÚNG, DUỐC PHẨM CHỨA CHÚNG VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT THUỐC.  
 (57) Sáng chế đề cập đến các chất ức chế phosphodiesteraza tít 4 (PDE4) có công thức (1)



(1)

và chất tương tự, chất hồ biến, chất đồng phân đối ảnh, chất đồng phân không đối quang, đồng phân vị trí, đồng phân lập thể, chất đa hình, muối dược dụng, N-oxit thích hợp, solvat dược dụng của nó và dược phẩm chứa chúng hữu hiệu trong điều trị bệnh dị ứng và bệnh tự miễn bao gồm bệnh hen, viêm phế quản mãn tính, viêm da dị ứng, mày đay, viêm mũi dị ứng, viêm kết mạc dị ứng, viêm kết mạc mùa xuân, u hạt ưa eosin, bệnh vẩy nến, viêm khớp dạng thấp, sốc nhiễm khuẩn, viêm loét đại tràng, bệnh Crohn, tổn thương cơ tim do tiêm truyền lặp lại và tổn thương não do tiêm truyền lặp lại, viêm thận-tiểu-cầu mạn tính, sốc nội độc tố và hội chứng suy hô hấp cấp ở người lớn.

- (11) **16165**
- (21) 1-2007-01424 (51)<sup>7</sup> **E21B 47/026**
- (22) 09.12.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2005/044301 09.12.2005 (87) WO2006/065603 22.06.2006
- (30) 11/015,911 16.12.2004 US
- (71) CHEVRON U.S.A. INC. (US)  
6001 Bollinger Canyon Road -3rd Floor, San Ramon, California 94583, United States of America
- (72) CALHOUN, William, Malcolm (US), EWY, Russell, Thomas (US)
- (74) Công ty TNHH Dịch vụ Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ ĐỘ BỀN NÉN GIỚI HẠN CỦA MẪU ĐÁ BẰNG CÁCH SỬ DỤNG THUYẾT SKEMPTON
- (57) Sáng chế đề xuất phương pháp đánh giá CCS của đá ở độ sâu của đới cắt ngầm cần khoan bằng cách sử dụng dịch khoan. UCS được xác định đối với đá ở độ sâu của đới cắt. Độ thay đổi độ bền đá do ứng suất gây ra trên đá trong quá trình khoan được tính bao gồm bước đánh giá ΔPP. CCS của đá ở độ sâu của đới cắt được tính bằng cách cộng độ thay đổi đánh giá của độ bền với UCS. Sáng chế tính ΔPP theo thuyết Skempton trong đó đá không thấm hoặc đất có độ thay đổi thể tích lỗ gây ra do tải trọng hoặc ứng suất trong đó về cơ bản không có dòng dịch đi vào và ra khỏi đá hoặc đất. CCS có thể tính được cho giếng khoan nghiêng và có tính đến các nhân tố như profin giếng khoan, sự nâng lên của ứng suất đường kính lỗ khoan, và khối lượng bùn bằng cách sử dụng các nhân tố hiệu chỉnh bằng cách sử dụng mô hình máy vi tính và bằng cách sử dụng công thức ranh giới xác định giá trị CCS chính xác.



(11) **16166**

(21) 1-2007-01431

(51)<sup>7</sup> **B66B 7/00**

(22) 17.07.2007

(43) 25.01.2008

(30) 06117510.5 19.07.2006 EP

(71) INVENTIO AG (CH)

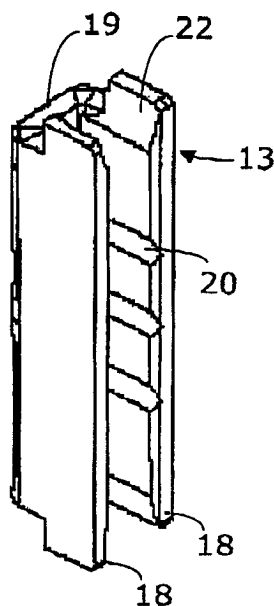
Seestrasse 55, P.O. Box, CH-6052 Hergiswil / Switzerland

(72) Ernst ACH (DE), Peter MORI (CH)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) CHI TIẾT GÀI LẮP TRƯỢT ĐỂ SỬ DỤNG TRONG GUỐC DẪN HƯỚNG CỦA THIẾT BỊ NÂNG, PHƯƠNG PHÁP ĐƯA THIẾT BỊ NÂNG VÀO HOẠT ĐỘNG, VÀ BỘ ĐỒ LẮP TƯƠNG ỨNG VÀ THIẾT BỊ NÂNG KẾT HỢP

(57) Sáng chế đề cập tới chi tiết gai lắp trượt để sử dụng trong guốc dẫn hướng (12) ở buồng thang máy (14) của thiết bị nâng, trong đó chi tiết gai lắp trượt có vùng trượt và các vùng bắt chặt sao cho có thể gài chi tiết gai lắp trượt vào trong guốc dẫn hướng (12) và bắt chặt nó ở đó. Chi tiết gai lắp trượt là chi tiết gai lắp trượt (13) để sử dụng tạm thời, chi tiết này có hai vùng lắp trượt, kéo dài gần như song song với nhau và gồm có kim loại hoặc bao gồm kim loại sao cho trong quá trình chuyển động buồng thang máy (14) dọc theo ray dẫn hướng (11) của thiết bị nâng, tác dụng làm sạch ở ray dẫn hướng (11) được tạo ra.



- (11) **16167**
- (21) 1-2007-01432 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/501**, C07D 403/02
- (22) 16.12.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2005/045588 16.12.2005 (87) WO2006/066079 22.06.2006
- (30) 60/636,616 17.12.2004 US
- (71) ANADYS PHARMACEUTICALS, INC. (US)  
3115 Merryfield Row, San Diego, California 92121, United States of America
- (72) ZHOU Yuefen (US), LI Liansheng (CN), WEBBER Stephen E. (US)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) CÁC HỢP CHẤT PYRIDAZINON, DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT CHÚNG
- (57) Sáng chế đề xuất các hợp chất pyridazinon và dược phẩm chứa chúng được phẩm này là hữu ích để điều trị bệnh nhiễm virus gây bệnh viêm gan C.

- (11) **16168**
- (21) 1-2007-01435 (51)<sup>7</sup> **C07K 7/64**, C12P 21/04, A61K 38/13
- (22) 19.12.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/CA2005/001926 19.12.2005 (87) WO2006/063470 22.06.2006
- (30) 60/637,392 17.12.2004 US
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 21.09.2007
- (71) ISOTECHNIKA INC. (CA)  
5120 75th Street, Edmonton, Alberta, T6E 6W2, Canada
- (72) Mark D. ABEL (CA), Robert T. FOSTER (CA), Derrick G. FREITAG (CA), Daniel J. TREPANIER (CA), Shin SUGIYAMA (CA), Seetharaman JAYARAMAN (CA), Randall W. YATSCOFF (CA)
- (74) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)
- (54) SẢN PHẨM CHUYỂN HÓA CỦA CHẤT TƯƠNG TỰ XYCLOSPORIN
- (57) Sáng chế đề cập đến các sản phẩm chuyển hóa được phân lập của tương tự xyclusporin của ISA247, đề cập đến các phương pháp in vitro để điều chế các sản phẩm này. Các sản phẩm chuyển hóa chứa cải biến hóa học của ISA247, trong đó sự cải biến là ít nhất một phản ứng được chọn từ nhóm gồm có sự hydroxyl hóa, N-loại metyl, sự tạo thành diol, sự tạo thành epoxit, sự tạo vòng trong phân tử, sự phospho hóa: sự sulfat hóa, sự tạo thành glucuronit và glycosyl hóa. Các phương pháp điều chế bao gồm các phương pháp bán tổng hợp, trong đó các sản phẩm chuyển hóa của ISA247 được sản xuất từ các chiết xuất vi thể của các tế bào gan động vật, hoặc sử dụng vi sinh vật nuôi cấy, và các phương pháp tổng hợp toàn phần, như sự cải biến hóa học của hợp chất gốc hoặc các sản phẩm chuyển hóa được phân lập, sử dụng các phương pháp tổng hợp hữu cơ.

(11) **16169**

(21) 1-2007-01441

(51)<sup>7</sup> **B41J 2/145, 2/175**

(22) 19.07.2007

(43) 25.01.2008

(30) 200610108567.6 21.07.2006 CN

(71) MICROJET TECHNOLOGY CO., LTD. (CN)

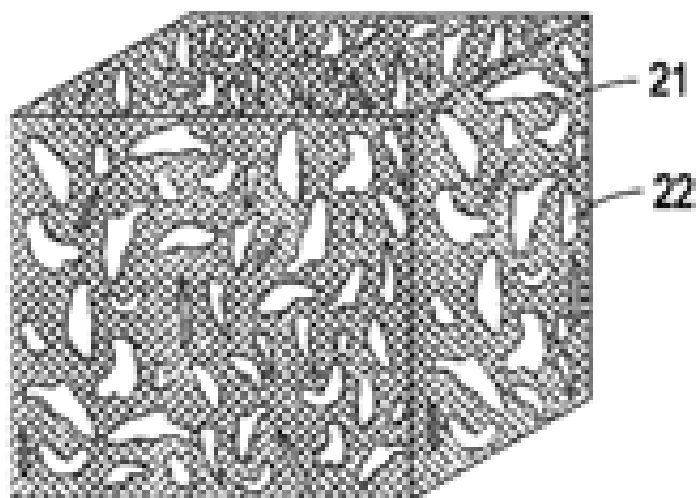
1F, No.28 R&D 2nd Road, Science-Based Industrial Park, Hsinchu, Taiwan, Republic of China

(72) Chien-Yun Hsueh (TW), Mou-Cheng Huang (TW)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) SẢN PHẨM HÚT MỰC DẠNG XỐP VÀ HỘP MỰC CHỨA SẢN PHẨM NÀY

(57) Sáng chế đề cập tới sản phẩm hút mực dạng xốp sử dụng trong hộp mực của máy in phun mực. Sản phẩm hút mực dạng xốp chịu sự nén nhiệt ở nhiệt độ thấp trong khoảng thời gian ngắn hơn với tỷ lệ nén nhỏ hơn để tạo thành phần thứ nhất của bột liên kết và phần thứ hai của bột không liên kết. Phần thứ nhất có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc duy trì áp lực ngược trong bộ phận chứa mực, và phần thứ hai có thể làm tăng khả năng hút mực. Sáng chế cũng đề cập tới hộp mực chứa sản phẩm hút mực dạng xốp trong đó.



(11) **16170**

(21) 1-2007-01442

(51)<sup>7</sup> **B02C 9/00**, 23/18, C12C 7/01, 7/04

(22) 19.07.2007

(43) 25.01.2008

(30) 06015063.8 19.07.2006 EP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 19.07.2007

(71) KRONES AG (DE)

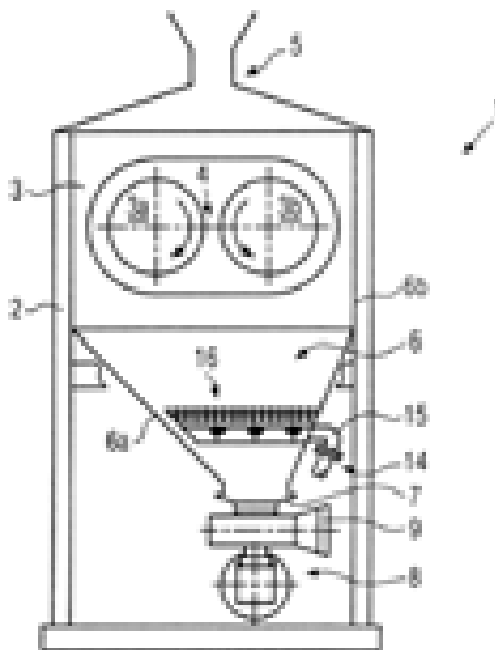
Bohmerwaldstrasse 5, 93073 Neutraubling, Germany

(72) Harald GRATZER (DE), Ditmar LOHNER (DE), Thilo STEINDORF (DE)

(74) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(54) MÁY NGHIÊN UỐT

(57) Sáng chế đề cập đến máy nghiền ướt (1) bao gồm các bộ phận ép (3), khoang chứa (6) được bố trí bên dưới các bộ phận ép (3), và bộ phận vận chuyển (8) để vận chuyển chất đã nghiền trong khoang chứa (6). Máy nghiền ướt có phương tiện đưa nước vào (14) trong khoang chứa (6), trong đó khoang chứa (6) bao gồm vùng gom (12) cho hạt đã nghiền nằm ở phía trước của bộ phận vận chuyển (8) theo hướng dòng chảy, vùng gom này được giới hạn ở bên trên bằng đường mức bình thường. Để thiết kế kết cấu đưa nước vào có hiệu quả hơn trong máy nghiền ướt này, bộ phận phân phối (16) có ít nhất một cửa ra (17) cho nước cao áp của phương tiện đưa nước vào (14) được bố trí trong vùng gom (12) của khoang chứa (6).



- (11) **16171**  
(21) 1-2007-01444 (51)<sup>7</sup> **A61M 5/50**, 5/315  
(22) 22.02.2005 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/US2005/005495 22.02.2005 (87) WO2006/068650 29.06.2006  
(30) 60/638,089 21.12.2004 US

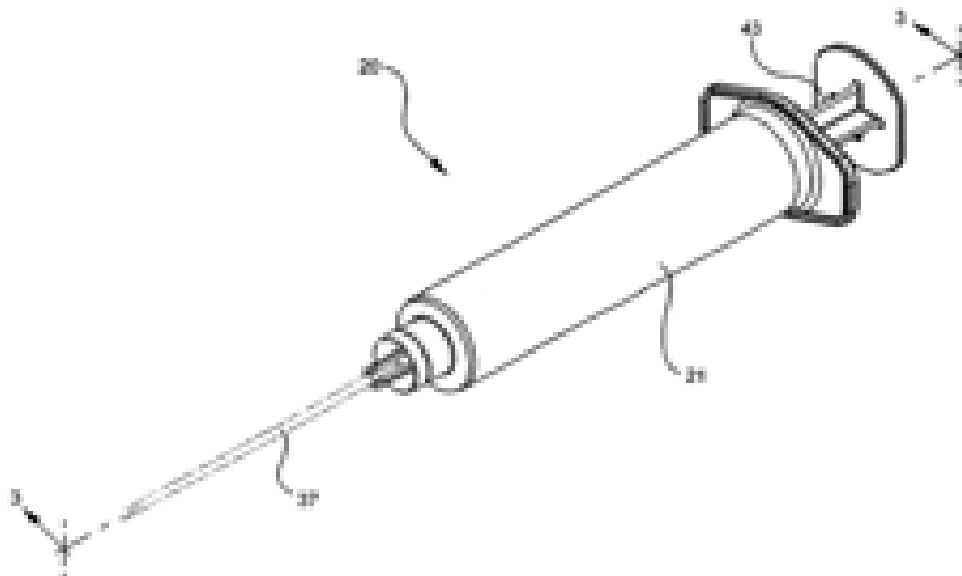
(71) **BECTON, DICKINSON AND COMPANY (US)**  
1 Becton Drive, Franklin Lakes, NJ 07417-1880, United States of America

(72) **BARERE, Aaron (US)**

(74) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

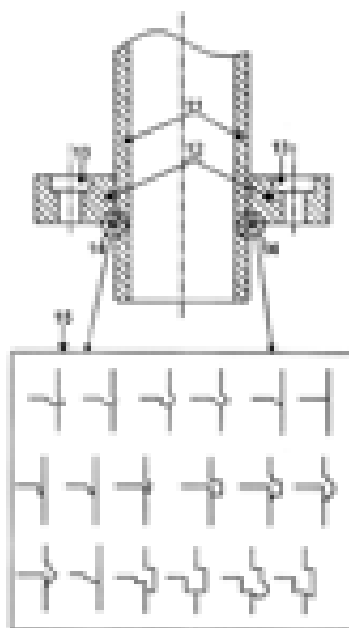
(54) **BƠM TIÊM CÓ CƠ CẤU LÀM MẤT KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG**

(57) Sáng chế đề cập đến bơm tiêm có cơ cấu làm mất khả năng hoạt động một cách bị động bao gồm thân bơm tiêm (21) và bộ cân pittông (43). Bộ cân pittông này có cân pittông và cỡ chặn (81) được nối vào bằng một chi tiết khoá chỉ báo (71). Số hành trình của pittông trước khi nút bị khoá vào thân bơm tiêm để làm cho bơm tiêm không sử dụng lại được nữa được xác định bởi số các chi tiết hãm (89) trên cân pittông và nút gài khớp với cơ cấu khoá. Khi kết thúc hành trình tiêm cuối cùng, việc kéo cân pittông ra khỏi thân bơm tiêm sẽ làm cho chi tiết khoá gài khớp vào thân bơm tiêm và giữ nút bên trong thân bơm tiêm để ngăn không cho sử dụng bơm tiêm này nữa.





- (11) **16172**
- (21) 1-2007-01453 (51)<sup>7</sup> **B23P 13/00**
- (22) 26.12.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/KR2005/004545 26.12.2005 (87) WO2006/080775 03.08.2006
- (30) 10-2005-0007378 27.01.2005 KR
- (71) SAMICK PRECISION IND. CO., LTD. (KR)  
952-2, Wolam-dong, Dalseo-gu, Daegu 704-833, Korea
- (72) JIN, Moon Young (KR), CHO, Choong Rae (KR), CHO, Dong Hyun (KR), KIM, Geun Young (KR)
- (74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS)
- (54) PHƯƠNG PHÁP CHẾ TẠO ỐNG LÓT CÓ GỜ BẰNG CÁCH SỬ DỤNG TIA NĂNG LƯỢNG CAO VÀ ỐNG LÓT CÓ GỜ ĐƯỢC CHẾ TẠO BẰNG PHƯƠNG PHÁP NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến ống lót có gờ được chế tạo bằng cách lắp ống lót với gờ và phương pháp chế tạo. Phương pháp chế tạo ống lót có gờ bao gồm các bước : gia công bề mặt bên ngoài của ống lót ở vị trí định trước nhằm giúp việc lắp gờ vào ống lót được dễ dàng; tạo rãnh lõm trên mặt ngoài của ống lót có chiều sâu và rộng phù hợp với chiều dày của ống lót để việc hàn bằng tia la-de được dễ dàng sau khi đã lắp gờ và ống lót với nhau; gia công bề mặt bên trong của gờ theo đường tròn bên trong của gờ có dạng tương ứng với rãnh lõm được tạo ra trên ống lót để hàn bằng tia la-de dễ dàng; lắp ống lót và gờ đã gia công theo các bước nêu trên với nhau; và hàn vùng lắp là vùng hợp bởi rãnh lõm được tạo ra trên ống lót và kết cấu được tạo ra trên gờ khi ghép hai phần này với nhau, bằng tia năng lượng cao tuyến tính, hoặc hàn vùng lắp bằng tia năng lượng cao tuyến tính và đồng thời cấp thêm kim loại hàn có đường kính định trước vào vị trí liên kết theo tốc độ định trước. Sáng chế có thể nâng cao hiệu suất chế tạo thông qua quá trình tự động hoá, đạt được sản phẩm có kích thước ổn định và chính xác, và giảm chi phí chế tạo nhờ lược bớt được một số bước chế tạo.



(11) **16173**

(21) 1-2007-01460

(51)<sup>7</sup> **C07C 67/20**, 69/675, 67/54, B01J  
23/10, 31/16

(22) 20.07.2007

(43) 25.01.2008

(30) 102006034273.9 21.07.2006 DE

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 10.08.2007

(71) ROHM GMBH (DE)

Kirschenallee 64293 Darmstadt, GERMANY

(72) Jochen Ackermann (DE), Alexander May (DE), Udo Gropp (DE), Hermann Siegert (DE), Bernd Vogel (DE), Sonke Brocker (DE)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) QUY TRÌNH ĐỂ ĐIỀU CHẾ CÁC ESTE CỦA AXIT ALPHA-HYDROXYCARBOXYLIC

(57) Sáng chế đề xuất quy trình liên tục để điều chế các este của axit alpha-hydroxycarboxylic, trong đó các chất phản ứng được cho phản ứng gồm alpha-hydroxycarboxamid cùng với rượu với sự có mặt của chất xúc tác để tạo ra hỗn hợp sản phẩm gồm este của axit alpha-hydroxycarboxylic, amoniac, alpha-hydroxycarboxamid chưa chuyển hóa và rượu, và chất xúc tác; trong đó

a) các dòng chất phản ứng bao gồm, các chất phản ứng là alpha-hydroxycarboxamid, rượu và chất xúc tác được cấp vào thiết bị phản ứng có áp lực;

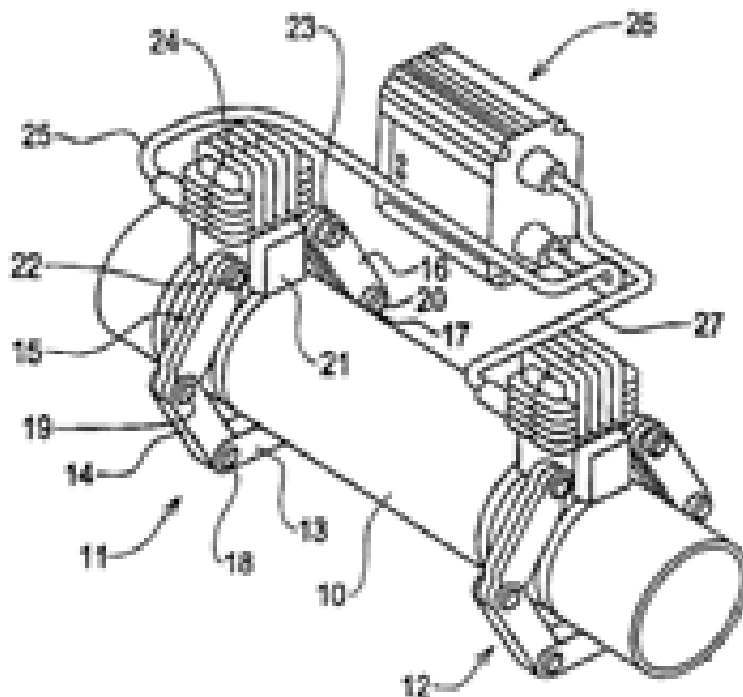
b) các dòng chất phản ứng được cho phản ứng với nhau trong thiết bị phản ứng có áp lực ở áp suất nằm trong khoảng từ 1 barơ tới 100 barơ ( $1-100 \cdot 10^5 \text{Pa}$ );

c) hỗn hợp sản phẩm thu được ở bước b) và bao gồm este của axit alpha-hydroxycarboxylic, alpha-hydroxycarboxamid chưa chuyển hóa và chất xúc tác, và cả amoniac và rượu, được tháo ra từ thiết bị phản ứng có áp

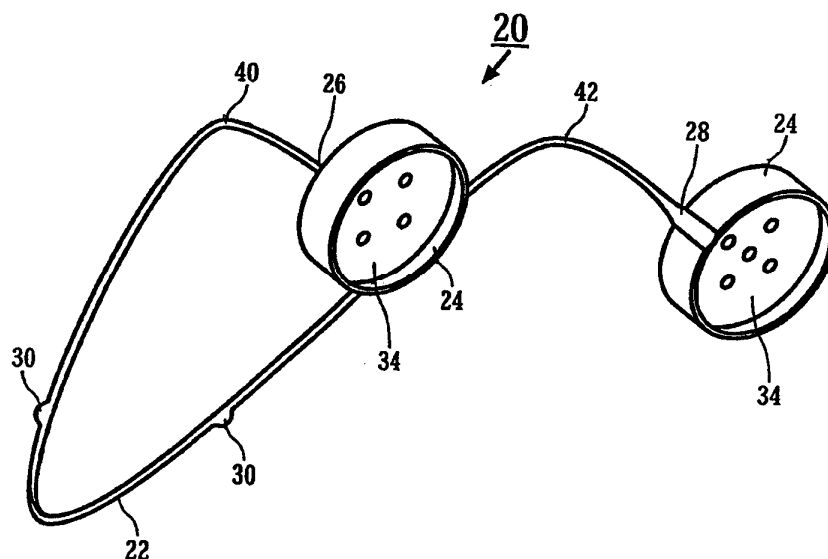
d) hỗn hợp sản phẩm được làm nghèo rượu và amoniac bằng cách chưng cất ra amoniac ở áp suất được giữ ở mức không đổi lớn hơn 1 barơ ( $1 \cdot 10^5 \text{Pa}$ ) mà không cần sự trợ giúp của môi trường chưng cất bổ sung.

Đặc biệt có lợi, nếu quy trình liên tục này được áp dụng với quy mô công nghiệp.

- (11) **16174**
- (21) 1-2007-01463 (51)<sup>7</sup> C02F 1/48, 9/12
- (22) 20.12.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/GB2005/004944 20.12.2005 (87) WO2006/067418 29.06.2006
- (30) 0427898.2 21.12.2004 GB
- (71) STEFANINI, DANLEL (GB)  
107 Middleton Boulevard, Wollaton Park, Nottingham NG8 1FW, United Kingdom
- (72) STEFANINI, Danlel (GB)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) PHƯƠNG PHÁP, THIẾT BỊ XỬ LÝ CHẤT LƯU VÀ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị xử lý chất lưu trong ống dẫn, bao gồm phần tử lõi từ thứ nhất và thứ hai bằng vật liệu từ dẫn được làm thích ứng để lắp được vào ống dẫn để bao quanh ống dẫn ở các vị trí có khoảng cách với nhau dọc theo ống dẫn; phương tiện để thiết lập từ thông tần số radio trong các phần tử lõi từ đã nêu, để sinh ra các trường điện từ tương ứng trong chất lưu cần được xử lý bắt nguồn từ các vị trí có khoảng cách với nhau dọc theo ống dẫn.

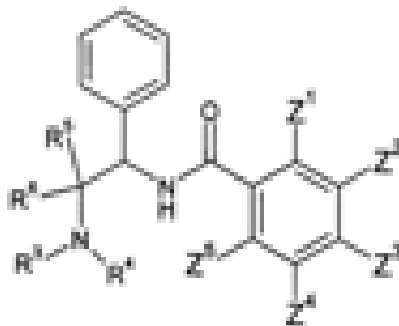


- (11) **16175**
- (21) 1-2007-01477 (51)<sup>7</sup> **A61M 15/08**
- (22) 22.12.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/SG2005/000428 22.12.2005 (87) WO2006/068624 29.06.2006
- (30) 200407679-0 23.12.2004 SG
- (71) TJIA NG GHEE (SG)  
Block 702 Woodlands Drive 40, #12-88, Singapore 730702
- (72) TJIA Ng Ghee (SG)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐỂ TẠO ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI CHO VIỆC TRUYỀN CÁC HẠT Ở DẠNG HƠI TRỰC TIẾP VÀO TRONG ĐƯỜNG MŨI
- (57) Sáng chế đề xuất thiết bị để tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền các hạt ở dạng hơi trực tiếp vào trong đường mũi, bao gồm ít nhất một bộ phận kết cấu (22) và ít nhất một bộ phận hấp thụ (34) ở mỗi đầu của ít nhất một bộ phận kết cấu để chứa chất lỏng có thể bay hơi được để tạo ra các hạt ở dạng hơi. Tốt hơn là, có ít nhất hai mẫu (30) được định vị ở các vị trí giữa giữa các đầu của ít nhất một bộ phận kết cấu. Sáng chế còn đề xuất phương pháp truyền các hạt ở dạng hơi/dược phẩm trực tiếp vào trong đường mũi nhờ sử dụng thiết bị nêu trên.



- (11) **16176**
- (21) 1-2007-01480 (51)<sup>7</sup> **A01N 37/46**
- (22) 17.12.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2005/0113623 17.12.2005 (87) WO2006/069655 06.07.2006
- (30) 102004062512.3 24.12.2004 DE
- (71) BAYER CROPSCIENCE AG (DE)  
Alfred-Nobel-Str. 50, 40789 Monheim, Germany
- (72) KROHN Peter-Wilhelm (DE), BECKER Rolf Christian (DE), HUNGENBERG Heike (DE)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) **CHẾ PHẨM TRỪ DỊCH HẠI VÀ QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ CHẾ PHẨM NÀY.**
- (57) Sáng chế đề cập tới chế phẩm trừ dịch hại gồm hoạt chất thứ nhất là hợp chất được chọn từ nhóm neonicotinoit và hoạt chất thứ hai là ít nhất một hợp chất được chọn từ nhóm dẫn xuất axit amin của benalaxyl M và metalaxyl M, việc sử dụng nó làm thuốc trừ dịch hại và phương pháp xử lý hạt, phương pháp phòng trừ dịch hại và bảo vệ hạt và hạt được xử lý bằng chế phẩm theo sáng chế.

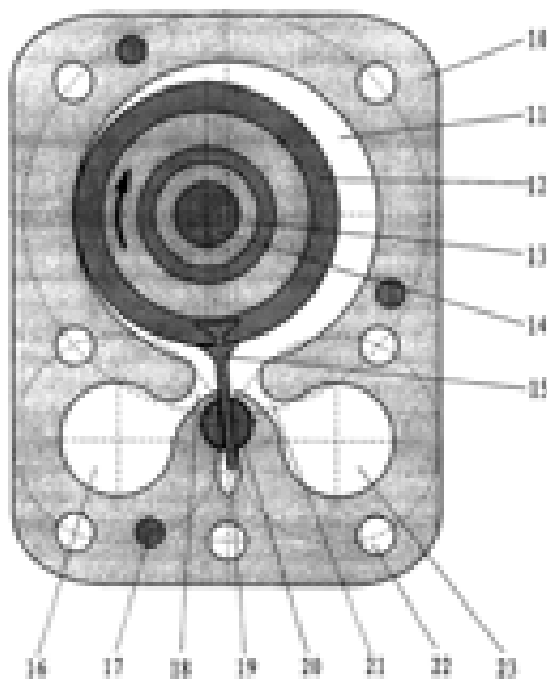
- (11) **16177**
- (21) 1-2007-01500 (51)<sup>7</sup> **C07C 233/78**, A61K 31/166, C07C 211/36
- (22) 21.12.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/GB2005/004951 21.12.2005 (87) WO2006/067423 29.06.2006
- (30) 0428231.5 23.12.2004 GB  
0509204.4 05.05.2005 GB  
0524320.9 29.11.2005 GB
- (71) GLAXO GROUP LIMITED (GB)  
Glaxo Wellcome House, Berkeley Avenue, Greenford, Middlesex UB6 0NN, Great Britain
- (72) Daniel Marcus BRADLEY (GB), Clive Leslie BRANCH (GB), Wai Ngor CHAN (GB), Steven COULTON (GB), Martin Leonard GILPIN (GB), Andrew Jonathan HARRIS (GB), Albert Andrzej JAXA-CHAMIEC (GB), Justine Yeun Quai LAI (GB), Howard Robert MARSHALL (GB), Jacqueline Anne MACRITCHIE (GB), David John NASH (GB), Roderick Alan PORTER (GB), Simone SPADA (IT), Kevin Michael THEWLIS (GB), Simon Edward WARD (GB)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) HỢP CHẤT ỨC CHẾ CHẤT VẬN CHUYỂN GLIXIN, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ
- (57) Sáng chế đề cập tới hợp chất có công thức (I), hoặc muối hoặc solvat của nó. Sáng chế còn đề cập tới quy trình điều chế hợp chất này và dược phẩm chứa nó.



(I)

- (11) **16178**
- (21) 1-2007-01508 (51)<sup>7</sup> **A61K 36/258**, 36/16, 36/00,  
36/704, A61P 39/00
- (22) 23.12.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/AU2005/001966 23.12.2005 (87) WO2006/066354 29.06.2006
- (30) 2004907339 24.12.2004 AU  
2005903864 21.07.2005 AU
- (71) DOLPHST PTY LTD (AU)  
334 Noosa Springs Drive, Noosa Heads, Queensland 4567, Australia
- (72) JON PHILLIPS (AU)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **CHẾ PHẨM TĂNG CƯỜNG SỨC KHOẺ**
- (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm tăng cường sức khỏe cho người gồm: phân chiết từ nhiều thảo mộc Polygonum multiflorum, Panax quinquefolium, Ginkgo biloba, và Equisetum arvense; beta sitosterol; metyl sulfonyl metan; isoflavon đồng tương; levo-arginin; inositol; niacin; axit pantotenic hoặc muối của nó; alpha-tocopherol; biotin; pyridoxin hydroclorua; kẽm (hoặc axit amin chelat của nó); và sữa non.

- (11) **16179**
- (21) 1-2007-01541 (51)<sup>7</sup> **F04C 2/30**
- (22) 16.12.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/CN2005/002225 16.12.2005 (87) WO/2006/069520 06.07.2006
- (30) 200410102740.2 28.12.2004 CN
- (75) JIANG, ZIGANG (CN)  
NO. 2908 Building 9 West Second Section Tiantongyuan, Changping District, Beijing 102218, China
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP THAY ĐỔI THỂ TÍCH ROUDONG DÙNG CHO THIẾT BỊ THỦY LỰC VÀ CÁC CƠ CẤU ROUDONG**
- (57) Sáng chế đề cập tới phương pháp thay đổi thể tích roudong dùng cho thiết bị thủy lực và cơ cấu roudong là ứng dụng của phương pháp này, phương pháp theo sáng chế thích hợp để được sử dụng trong động cơ đốt trong; bơm- máy nén, mô-tơ, bộ truyền động, thiết bị làm lạnh, thiết bị đo, v.v.. Trong phương pháp thay đổi thể tích roudong theo sáng chế, chuyển động thay đổi thể tích roudong có thể được tạo ra bởi kết hợp của chuyển động xoay của rôto roudong trong một khoang roudong và chuyển động quay của rôto roudong này theo chiều ngược lại, nhờ đó làm cho tốc độ, mômen động lượng và tổn thất có thể được làm giảm từ 90 tới 99% so với rôto có cùng hệ số làm việc. Động cơ đốt trong roudong có hiệu suất gia tăng 25% và không cần sử dụng chất bôi trơn. Bơm roudong có hiệu suất cao tới 90%. Quá trình nén đẳng nhiệt roudong có thể làm giảm từ 39 tới 67% công cần thiết, trong khi quá trình làm lạnh roudong có thể làm giảm 50% công cần thiết. Thiết bị thủy lực chung roudong có chức năng bơm và mô-tơ, và còn có các chức năng như đo, điều khiển, v.v.. Thiết bị thủy lực chung roudong có thể được vận hành với chất khí, chất lỏng và dòng hai pha, có thể có lưu lượng theo yêu cầu. Thiết bị thủy lực này có khả năng tự thích ứng áp suất tốt, có đặc tính đa năng và hiệu suất cao.





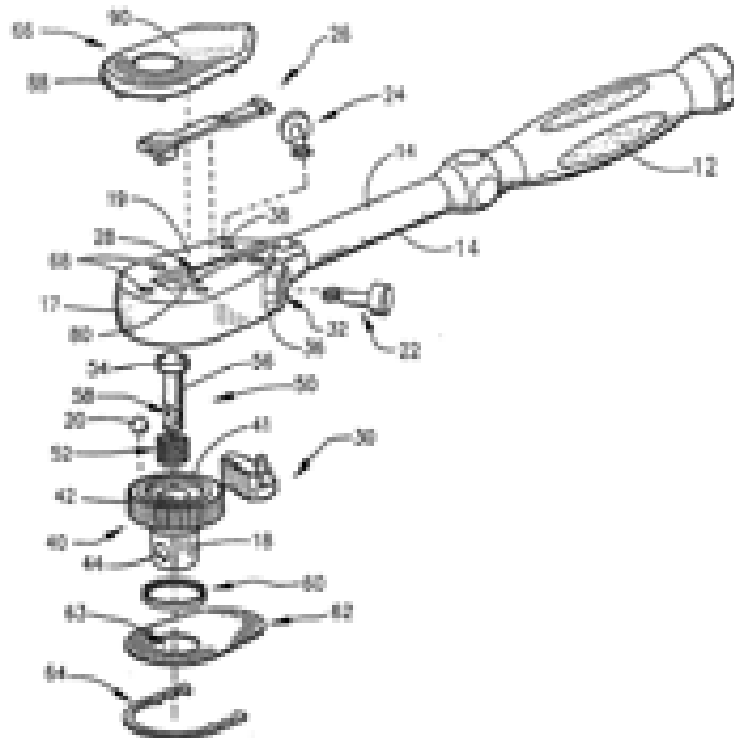
- (11) **16180**  
 (21) 1-2007-01554 (51)<sup>7</sup> **B25B 13/46, 23/16**  
 (22) 30.12.2005 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/US2005/047525 30.12.2005 (87) WO/2006/072026 06.07.2006  
 (30) 60/640,712 30.12.2004 US  
 60/727,213 15.10.2005 US

(75) **CRAWFORD, TED, C. (US)**  
 1994 South Cherokee Street, Denver, Colorado 80223, United States of America

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)

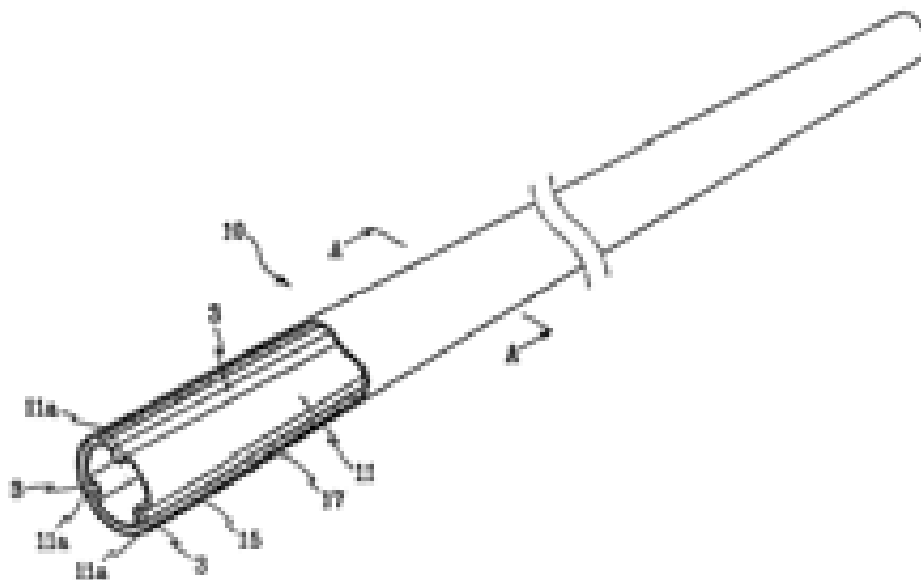
(54) **CHÌA VẶN BÁNH CỐC**

(57) Sáng chế đề cập đến chìa vặn bánh cóc bao gồm đầu làm việc bố trí ở phía trước trên tay cầm. Đầu làm việc có phần thân có bề mặt bên trên thường phẳng và không gián đoạn và hốc tạo ra trong bề mặt bên dưới đối diện với ít nhất một lỗ cơ cấu dẫn động qua thành bên của phần thân. Chi tiết dẫn động được bố trí quay được trong hốc. Con cóc được bố trí trong hốc để chuyển đổi hướng dẫn động của chi tiết dẫn động, và chốt cơ cấu dẫn động con cóc được bố trí di chuyển được trong lỗ cơ cấu dẫn động để thay đổi con cóc. Tấm giữ có thể được sử dụng để gắn chi tiết dẫn động và con cóc trong tấm hốc. Cơ cấu nhả nhanh có thể bao gồm cơ cấu dẫn động nhả định hướng theo chiều dọc và trượt được theo chiều dọc. Bề mặt bên trên của đầu làm việc có thể được tạo ra bởi phần thân hoặc bởi tấm che gắn vào đó.



- (11) **16181**
- (21) 1-2007-01577 (51)<sup>7</sup> C08L 51/06, 67/02, 69/00, C08K  
3/00, 5/00
- (22) 06.04.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2006/012812 06.04.2006 (87) WO2006/113142 26.10.2006
- (30) 60/671,121 14.04.2005 US  
11/175,242 06.07.2005 US
- (71) GENERAL ELECTRIC COMPANY (US)  
1 River Road, Schenectady, New York 12345, United Staes of America
- (72) CONT Nicola (IT), LIU Bo (CN), ZHANG Xiaomin (CN), AMARASEKERA  
Jayantha (US)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) HỖN HỢP DẪO NHIỆT, PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT VÀ VẬT PHẨM ĐƯỢC TẠO  
RA TỪ HỖN HỢP NÀY
- (57) Sáng chế đề cập tới hỗn hợp dẻo nhiệt được làm trơn nội tại về cơ bản chứa từ 5 tới 50% khối lượng nhựa polycarbonat; từ 35 tới 90% khối lượng nhựa polyalkylen terephthalat polyalkylen naphtanoat, hoặc hỗn hợp của chúng; từ 0,5 tới 4% khối lượng polyolefin biến tính, và tùy ý, tới 30 % khối lượng chất làm chậm cháy, có các đặc tính về độ mài và độ ổn định kích thước cân bằng. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập tới vật phẩm được đúc từ hỗn hợp này có đặc tính chịu mài mòn mỹ mãn.

- (11) **16182**
- (21) 1-2007-01588 (51)<sup>7</sup> **A63B 53/10**
- (22) 02.02.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/KR2006/000375 02.02.2006 (87) WO/2006/083122 10.08.2006
- (30) 20-2005-0003329 03.02.2005 KR  
20-2005-0011861 26.04.2005 KR  
10-2005-0092941 04.10.2005 KR
- (71) 1. STULZ GOLF TECHNOLOGIES, LLC (US)  
927 North Pennsylvania Ave., Winter Park, Florida 32789, United States of America  
2. JUNG, BYUNG-CHUN (KR)  
100-2, Cha-ri, Duseo-myeon, Ulzu-gun, Ulsan-city 689-831, Republic of Korea
- (72) JUNG, Byung-Chun (KR)
- (74) Công ty TNHH Dịch vụ Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) **THÂN GẬY ĐÁNH GÔN VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT THÂN GẬY NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến thân gậy đánh gôn và phương pháp sản xuất thân gậy đánh gôn này, trong đó có thể tăng tác động chính xác và khoảng cách đánh bóng tăng do lực đàn hồi và lực phục hồi của thân gậy đánh gôn được làm tăng lên, trong đó thân gậy đánh gôn (10) gồm có : phần vỏ thứ nhất (11) được bố trí ở phía trong trên thân gậy đánh gôn (10); ít nhất một thành phần đàn hồi (3) được đặt theo chiều dài ở biên ngoài của phần vỏ thứ nhất (11); và phần vỏ thứ hai (15) có chứa cacbon và bao xung quanh phần vỏ thứ nhất (11) và ít nhất một thành phần (3).



(11) **16183**

(21) 1-2007-01599

(51)<sup>7</sup> C02F 3/28

(22) 11.07.2005

(43) 25.01.2008

(86) PCT/JP2005/012771 11.07.2005

(87) WO2006/075414

20.07.2006

(30) P2005-004180 11.01.2005 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 06.08.2007

(71) 1. SUMITOMO HEAVY INDUSTRIES, LTD. (JP)

9-11, Kitashinagawa 5-chome, Shinagawa-ku, Tokyo 141-8686, Japan

2. ASAHI BREWERIES, LTD. (JP)

3-7-1, Kyobashi, Chuo-ku, Tokyo 104-8323, Japan

3. ASAHI BEER ENGINEERING CO., LTD. (JP)

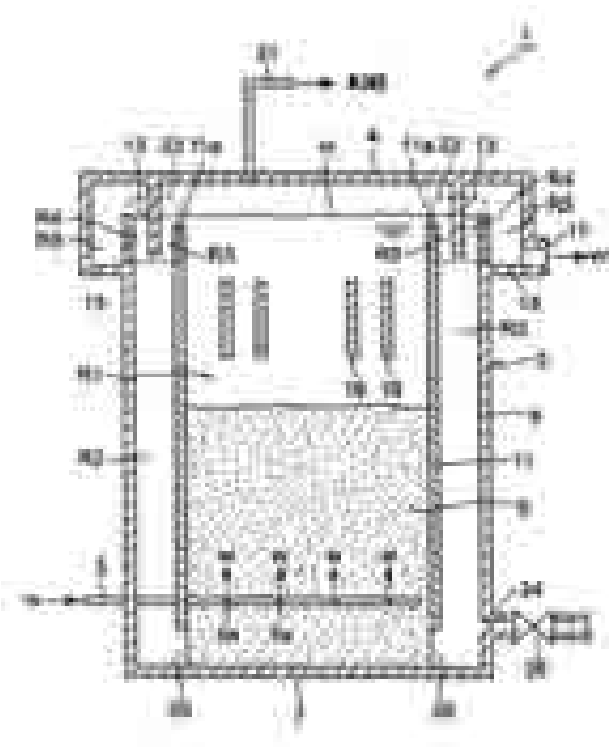
1-33-9, Mukoujima, Sumida-ku, Tokyo 131-0033 Japan

(72) Fumio OBAMA (JP), Akinori KATO (JP), Shigeru NORITAKE (JP), Seiji IMABAYASHI (JP), Kazuo KAMIJI (JP), Tetsushi SUZUKI (JP)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) THIẾT BỊ XỬ LÝ KỶ KHÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ KỶ KHÍ

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị xử lý kỷ khí bao gồm: phần dòng chảy ngược có thành bên tạo ra khoảng trống chứa bùn kỷ khí, và thực hiện xử lý kỷ khí bằng cách làm cho nước thải chảy lên phía trên qua bùn kỷ khí; phần dẫn nước thải đưa nước thải vào trong phần dòng chảy ngược; phần tách lỏng - rắn tách chất rắn ra khỏi nước được xử lý đã được xử lý trong phần dòng chảy ngược và chảy tràn qua đỉnh của phần dòng chảy ngược; và đường tuần hoàn của chất lỏng nối phần tách lỏng - rắn và phần dòng chảy ngược và dẫn hướng chất rắn đã được tách trong phần tách lỏng - rắn hướng xuống dưới.



- (11) **16184**
- (21) 1-2007-01605 (51)<sup>7</sup> **C07D 401/14**, 413/14, A61K 31/14, A61P 25/18
- (22) 22.12.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/IB2005/003937 22.12.2005 (87) WO2006/072828 13.07.2006
- (30) 60/642,058 07.01.2005 US
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 07.08.2007
- (71) PFIZER PRODUCTS INC. (US)  
Eastern Point Road, Groton, Connecticut 06340, United States of America
- (72) Patrick Robert VERHOEST (US), Christopher John HELAL (US), Dennis Jay HOOVER (US), John Michael HUMPHREY (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)
- (54) **HỢP CHẤT QUINOLIN DỊ VÒNG THƠM CÓ TÁC DỤNG ỨC CHẾ PHOSPHODIESTEASA, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất dị vòng thơm có tác dụng làm chất ức chế phosphodiesterase (PDE). Cụ thể là, sáng chế đề cập đến các hợp chất ức chế chọn lọc PDE10. Sáng chế cũng đề cập đến các chất trung gian để điều chế các hợp chất này; dược phẩm chứa các hợp chất này và quy trình bào chế thuốc sử dụng hợp chất này.

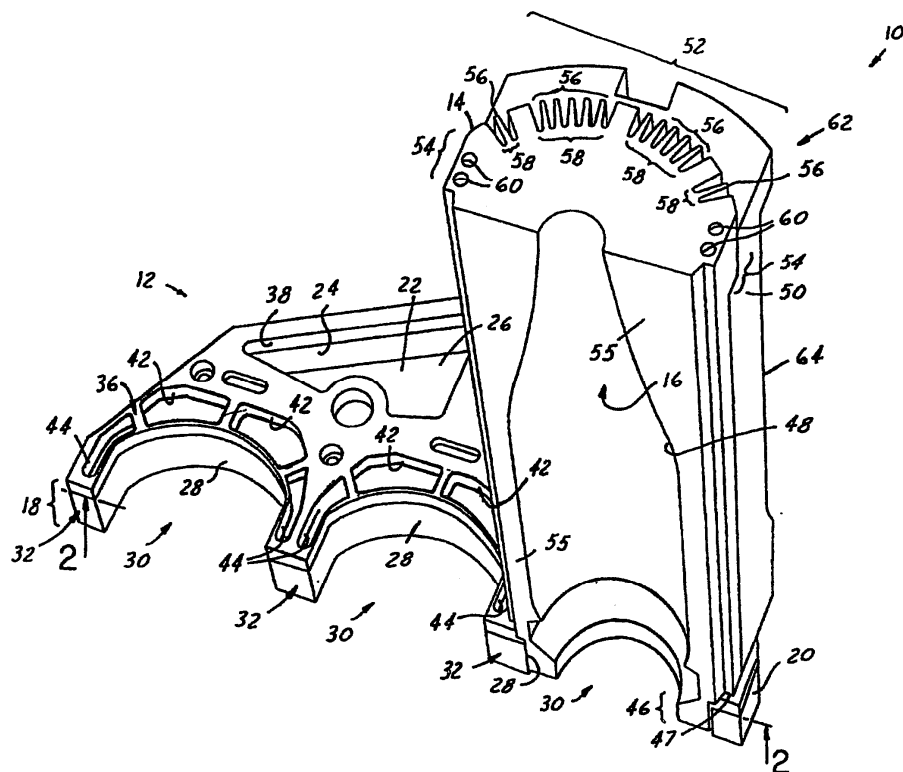
- (11) **16185**  
 (21) 1-2007-01614 (51)<sup>7</sup> **C03B 9/38**  
 (22) 07.12.2005 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/US2005/044127 07.12.2005 (87) WO2006/076093 20.07.2006  
 (30) 11/036,786 13.01.2005 US  
 (71) OWENS-BROCKWAY GLASS CONTAINER INC. (US)  
 One SeaGate, Toledo, OHIO 43666, USA

(72) GIRALDO, Juan (US)

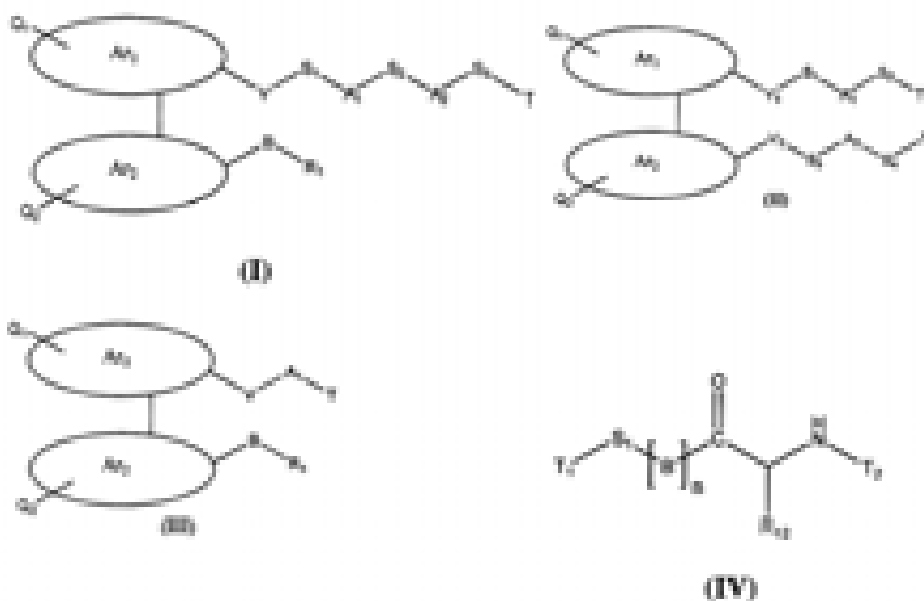
(74) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(54) **KHUÔN ĐÚC ĐỒ THỦY TINH VỚI SỰ LẮP RÁP LÀM MÁT VÀ PHƯƠNG PHÁP LÀM MÁT KHUÔN ĐÚC ĐỒ THỦY TINH**

(57) Sáng chế đề cập đến khuôn đúc cho máy sản xuất đồ thủy tinh, khuôn này gồm có cặp phần khuôn (14), mỗi phần khuôn có phần giữa và các phần gờ được đặt cách nhau ở hai bên (54), được làm thích ứng để được đặt cùng nhau tại các phần gờ để tạo thành hốc khuôn (16). Vỏ chất làm mát (68) được lắp bên ngoài qua phần giữa của mỗi phần khuôn để tạo thành hốc làm mát (58) ở giữa vỏ chất làm mát và phần giữa của phần khuôn, và các vỏ chất làm mát không mở rộng vào trong phần gờ của các phần khuôn. Các đường dẫn chất làm mát (60), tách biệt với các hốc làm mát, kéo dài theo hướng trục qua các phần gờ của các phần khuôn để dễ dàng làm mát phần gờ trong khi sử dụng.



- (11) **16186**  
 (21) 1-2007-01631
- (51)<sup>7</sup> **C07C 277/00**, 279/04, 279/24, 231/02, 269/06, 271/00, 233/64, 233/48, 233/54, 235/26, 235/30, 233/49, 233/47, 235/34, C07D 263/32, 263/46, 273/02, 311/70, 273/08, A61P 31/04, 31/18, A61K 31/421, 31/4402, 31/395, 31/353, 31/216, 31/165, 31/245
- (22) 21.09.2005  
 (86) PCT/AU2005/001444 21.09.2005  
 (30) 2005900134 13.01.2005 AU  
 (71) UNIVERSITY OF WOLLONGONG (AU)  
 Northfields Avenue, Wollongong, New South Wales 2522, Australia
- (72) BOYLE, Timothy, Patrick (AU), BREMNER, John, Barnard (AU), BRKIC, Zinka (AU), COATES, Jonathan, Alan, Victor (AU), DALTON, Neal, Kevin (AU), DEADMAN, John (GB), KELLER, Paul, Anthony (AU), MORGAN, Jody (AU), PYNE, Stephen, Geoffrey (AU), RHODES, David, Ian (AU), ROBERTSON, Mark, James (AU)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Quyến (INVENCO)
- (54) **HỢP CHẤT PEPTIT, DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT THUỐC SỬ DỤNG HỢP CHẤT NÀY**
- (57) Sáng chế đề xuất hợp chất có công thức I, II, III và IV như được định nghĩa ở đây và dẫn xuất dược dụng của chúng. Sáng chế còn đề xuất quy trình sản xuất thuốc để điều trị bệnh nhiễm khuẩn và điều trị lây nhiễm virus gây suy giảm miễn dịch ở người bao gồm việc sử dụng hợp chất theo sáng chế. Sáng chế còn đề xuất dược phẩm chứa hợp chất theo sáng chế.



- (11) **16187**  
 (21) 1-2007-01638 (51)<sup>7</sup> **A61M 5/168**  
 (22) 09.02.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/KR2006/000476 09.02.2006 (87) WO06/098551 21.09.2006  
 (30) 10-2005-0012000 14.02.2005 KR  
 10-2005-0019760 09.03.2005 KR

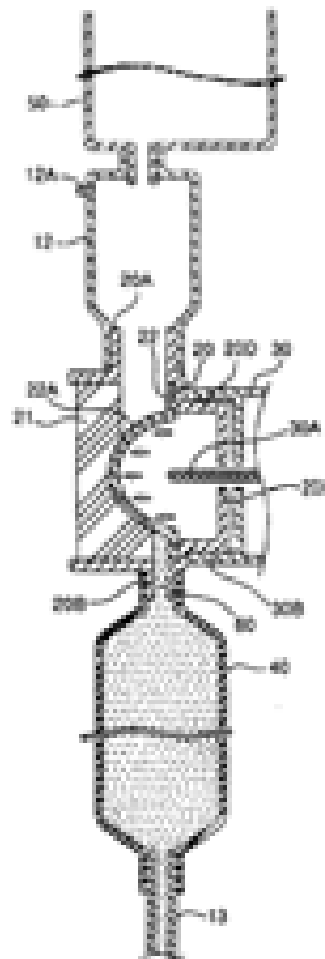
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 14.08.2007

(75) LEE, SANG-DAE (KR)  
 Sun-kyeong Apt 2 Dong-301 Ho, 506, Daechi-dong, Kangnam-ku, Seoul 135-280, Korea

(74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

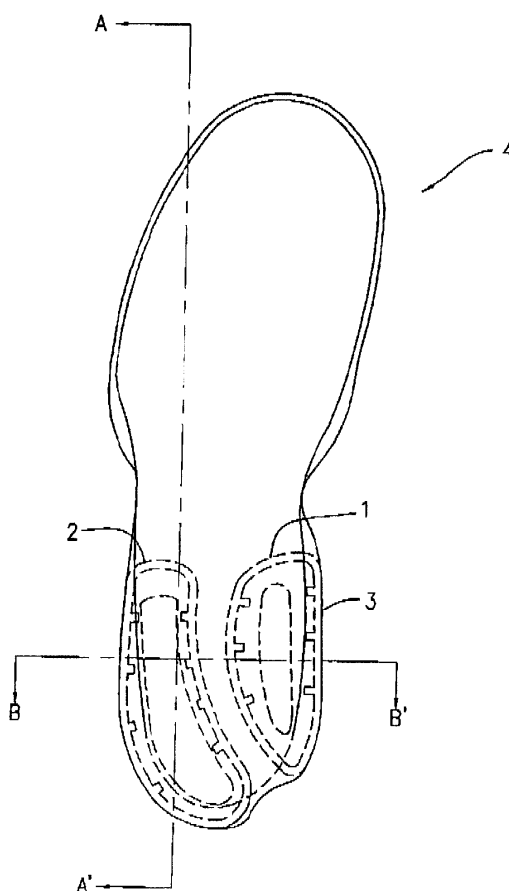
(54) BỘ PHẬN NGĂN CHẶN CHẤT LỎNG VÀ HỆ THỐNG BAO GỒM CHUÔNG BẢO ĐỘNG HOẶC THIẾT BỊ GỌI VÔ TUYẾN VÀ TÚI DỰ TRỮ

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị ngăn chất lỏng và hệ thống của nó trong áo nếu chất lỏng chứa trong bao IV hoặc trong bể chất lỏng được chảy ra ngoài hoàn toàn, dòng chất lỏng bị ngăn lại, đèn báo được bật lên, tiếng báo động được phát ra, và sau đó việc cung cấp chất lỏng được duy trì trong thời gian được định trước. Thiết bị ngăn chất lỏng, hoặc bộ IV theo sáng chế bao gồm mảnh đàn hồi có phần lõm ở tâm của nó; mảnh hoạt động đàn hồi có phần lồi nối với phần lõm của mảnh đàn hồi này; và vỏ bao gồm cửa vào cho chất lỏng đi qua, và cửa ra để cho dòng chất lỏng đi ra ngoài được bố trí ở mặt trên và mặt dưới của nó, trong đó cặp mảnh đàn hồi và mảnh hoạt động đàn hồi được gắn vào một mặt của nó và đèn hoặc thiết bị gọi viễn thông truyền tín hiệu đến thiết bị nhận của phòng tổng hợp được gắn vào mặt khác của nó; và túi dự trữ ở ngay dưới vỏ. Nếu chất lỏng được đưa vào, phần lồi của mảnh hoạt động đàn hồi nối với phần lõm của mảnh đàn hồi được hướng theo hướng đối diện do áp suất nước và chất lỏng có thể chuyển. Nếu chất lỏng không được đưa vào, phần lồi của mảnh hoạt động đàn hồi bao phủ và ngăn cửa thoát ra của vỏ này do lực đàn hồi lại trạng thái ban đầu, và chất lỏng được dự trữ trong túi bảo quản được cung cấp liên tục trong thời gian được định trước.





- (11) **16188**  
(21) 1-2007-01639 (51)<sup>7</sup> **A43B 13/20**  
(22) 14.02.2005 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/US2005/004401 14.02.2005 (87) WO2006/088441 24.08.2006  
(71) NEW BALANCE ATHLETIC SHOE, INC. (US)  
20 Guest Street, Brighton, MA 02135 United States of America  
(72) HARMON WEISS, Edith (US), CHOE, Patrick, Y (US), MURPHY, Sean, B. (US)  
(74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)  
(54) CHI TIẾT CHÈN CỦA GIÀY VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT CHI TIẾT CHÈN GIÀY NÀY  
(57) Sáng chế đề xuất chi tiết chèn có độ bền và độ dẻo cao và thỏa mãn phép thử độ mềm dẻo bằng ngón tay cái khi nó được lộ ra dọc theo theo các cạnh của giày. Chi tiết chèn bao gồm lõi nén được bao quanh ít nhất một phần bởi phần vỏ mềm. Phần vỏ mềm có cửa sổ mở với kích thước phù hợp để chèn lõi nén được vào trong phần vỏ mềm mà cũng đủ vật liệu để giữ lõi nén được. Phần bao quanh của phần vỏ mềm được bố trí cách ít nhất một phần của mặt xung quanh của lõi nén được, mà không gây khó chịu cho chân khi nén lên lõi nén được. Phương pháp chế tạo chi tiết chèn cũng được đề cập.



(11) **16189**

(21) 1-2007-01654

(51)<sup>7</sup> **B65D 51/28**

(22) 15.03.2006

(43) 25.01.2008

(86) PCT/IB2006/000572 15.03.2006

(87) WO2006/097823

21.09.2006

(30) MO2005A000058 15.03.2005 IT

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 17.08.2007

(71) LAMEPLAST SPA (IT)

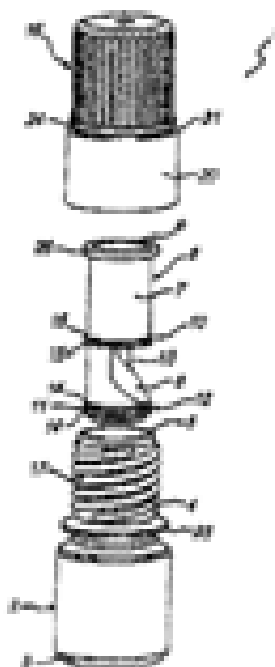
Via G. Verga, 1-27, I-41030 Novi di Modena - Frazione Rovereto sul Secchia (IT)

(72) FONTANA, Antonio (IT)

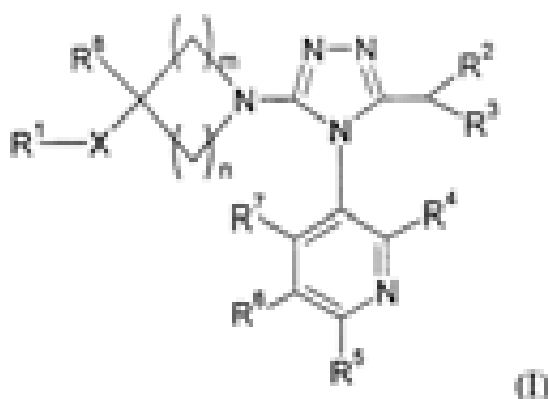
(74) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(54) HỘP ĐỰNG CÁC SẢN PHẨM DÙNG NGAY, CỤ THỂ LÀ CÁC SẢN PHẨM Y TẾ, DƯỢC PHẨM, MỸ PHẨM VÀ TƯƠNG TỰ

(57) Sáng chế đề cập đến hộp đựng các sản phẩm dùng ngay, đặc biệt đối với các sản phẩm y tế, dược phẩm, mỹ phẩm và tương tự, bao gồm một bình đựng đựng chất thứ nhất kéo dài vào trong cổ, đầu trên của cổ có miệng quay ra bên ngoài bình đựng, một đồ chứa đựng chất thứ hai có ít nhất một phần nằm trong cổ và một thân hình ống có một đầu quay vào trong bình đựng được đóng kín bởi đậy và đầu đối diện hở và có ít nhất một cửa sổ được bố trí ở thành bên của nó, đồ chứa được lắp đồng trục trượt trong cổ và giữa trạng thái đựng chất thứ hai, trong đó nó thụt vào trong cổ, và trạng thái nhả chất thứ hai, trong đó ít nhất một phần nhô vượt quá đầu của cổ quay vào bên trong bình đựng với cửa sổ được mở ra ít nhất một phần.



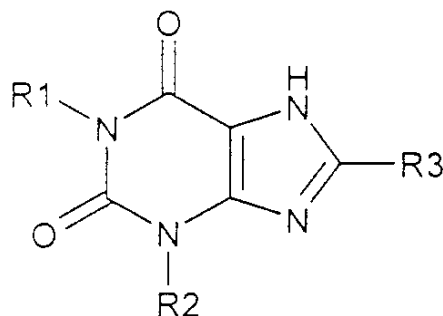
- (11) **16190**
- (21) 1-2007-01657 (51)<sup>7</sup> **C07D 401/14**, A61P 15/00, A61K 31/44
- (22) 11.01.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/IB2006/000118 11.01.2006 (87) WO2006/077496 27.07.2006
- (30) 0501190.3 21.01.2005 GB
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 20.08.2007
- (71) PFIZER LIMITED (GB)  
Ramsgate Road, Sandwich, Kent, CT13 9NJ, United Kingdom
- (72) Alan Daniel BROWN (GB), Andrew Antony CALABRESE (GB), David ELLIS (GB)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) HỢP CHẤT TRIAZOL ĐƯỢC THỂ LÀM CHẤT ĐỐI KHÁNG OXYTOXIN VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất triazol được thể có công thức (I) có hoạt tính làm chất đối kháng oxytoxin, quy trình điều chế nó và dược phẩm chứa hợp chất này. Sáng chế cũng đề cập tới hợp chất này hữu ích để điều trị một số bệnh khác nhau bao gồm rối loạn chức năng tình dục, đặc biệt là xuất tinh sớm (P.E.).



- (11) **16191**  
 (21) 1-2007-01674 (51)<sup>7</sup> **C07D 473/00**  
 (62) 1-2006-01503  
 (22) 10.02.2005 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/EP2005/001449 10.02.2005 (87) WO2005/077950 25.08.2005  
 (30) 0403282.7 14.02.2004 GB  
 0423562.8 12.10.2004 GB  
 0428375.0 24.12.2004 GB

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 13.09.2006

- (71) SMITHKLINE BEECHAM CORPORATION (US)  
 One Franklin Plaza, P O Box 7929, Philadelphia PA 19101, United States of America  
 (72) Ivan Leo PINTO (GB), Shahzad Sharooq RAHMAN (GB), Neville Hubert NICHOLSON (GB)  
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)  
 (54) HỢP CHẤT XANTIN, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY  
 (57) Sáng chế đề xuất hợp chất xantin có hoạt tính điều trị bệnh, quy trình điều chế và dược phẩm chứa hợp chất này để điều trị bệnh, cụ thể là điều trị bệnh trong đó thụ thể HM74A kém hoạt động góp phần gây nên bệnh hoặc trong đó việc hoạt hóa thụ thể này là có lợi. Hợp chất này có công thức (I)



trong đó

R<sup>1</sup> được chọn từ: hydro và C<sub>1-4</sub> alkyl có thể được thế tùy ý bằng một hoặc nhiều nhóm được chọn từ CN và CF<sub>3</sub>,

R<sup>2</sup> được chọn từ: C<sub>2-10</sub> alkyl không được thế, C<sub>1-10</sub> alkyl được thế bằng một hoặc nhiều nhóm được chọn từ flo và CN, C<sub>5</sub> alkenyl, C<sub>4</sub> alkenyl không phân nhánh, và C<sub>1-4</sub> alkyl được thế bằng xycloalkyl,

và R<sup>3</sup> được chọn từ halogen và CN.

(11) **16192**

(21) 1-2007-01698

(51)<sup>7</sup> **A61M 37/00**

(22) 20.01.2006

(43) 25.01.2008

(86) PCT/EP2006/050328 20.01.2006

(87) WO2006/077242

27.07.2006

(30) 05100419.0 24.01.2005 EP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 23.08.2007

(71) N.V. ORGANON (NL)

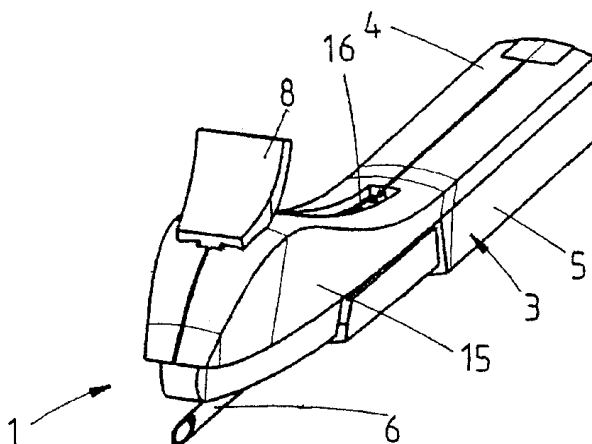
Kloosterstraat 6, NL-5349 AB Oss, The Netherlands

(72) VAN DER GRAAF, Iris Epkjen Hobo (NL), TAK, Maurice Petrus Wilhelmus (NL), SCHMIDT, Juergen (DE), VERTEGAAL, Hendricus Johannes (NL)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) THIẾT BỊ DÙNG ĐỂ CẮY MẢNH CÂY

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị (1) dùng để cấy mảnh cây, cụ thể là mảnh cây dạng thanh (2) chứa hoạt chất, dưới da của người hoặc động vật, bao gồm vỏ (3), canun (6) kéo dài từ vỏ (3), và cán (15) để nắm và điều khiển thiết bị (1) và canun (6) trong quá trình cấy mảnh cây (2). Theo sáng chế, cán (15) kéo dài ít nhất trên một phần chiều dài của canun (6). Cán như vậy tạo điều kiện thuận lợi cho việc cấy canun và/hoặc định vị chính xác mảnh cây.



(11) **16193**

(21) 1-2007-01699

(51)<sup>7</sup> **A61M 37/00**

(22) 20.01.2006

(43) 25.01.2008

(86) PCT/EP2006/050346 20.01.2006

(87) WO2006/077250 27.07.2006

(30) 05100418.2 24.01.2005 EP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 23.08.2007

(71) N.V. ORGANON (NL)

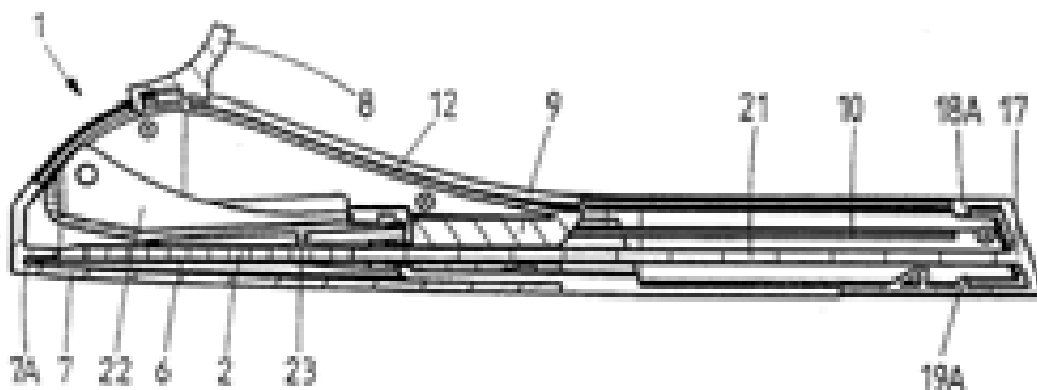
Kloosterstraat 6, NL-5349 AB Oss, The Netherlands

(72) JANSEN, Willem (NL), TAK, Maurice Petrus Wilhelmus (NL), VERTEGAAL, Hendricus Johannes (NL), VAN DER GRAAF, Iris Epkjen Hobo (NL)

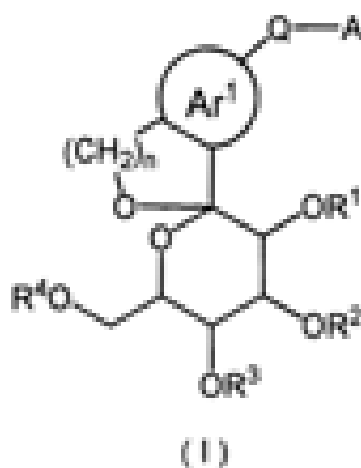
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) **THIẾT BỊ DÙNG ĐỂ CẮY MẢNH CÂY**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị (1) dùng để cấy mảnh cây, cụ thể là mảnh cây dạng thanh (2) chứa hoạt chất, dưới da của người hoặc động vật bao gồm vỏ (3), canun (6), cơ cấu kẹp canun (9), mảnh cây (2) chứa bên trong canun (6) và/hoặc cơ cấu kẹp canun (9), nắp bảo vệ (7) dùng cho canun (6), và bộ phận (22, 23, 7) mà, ít nhất sau khi nắp (7) đã được tháo ra khỏi canun (6), giữ mảnh cây (2) bên trong canun (6) và/hoặc cơ cấu kẹp canun (9). Bộ phận (22, 23, 7) thả mảnh cây dạng thanh (2) chứa hoạt chất ra trong quá trình cấy canun (6) hoặc sau khi canun (6) đã được cấy và trước khi đẩy mảnh cây (2) ra khỏi canun (6). Gần như lực theo hướng ngang sẽ không được tạo ra trong quá trình đẩy mảnh cây ra khỏi canun.



- (11) **16194**  
 (21) 1-2007-01716 (51)<sup>7</sup> **C07H 19/01**, A61K 31/7048, A61P 3/04, 3/10, 43/00  
 (22) 27.01.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/JP2006/301284 27.01.2006 (87) WO2006/080421 03.08.2006  
 (30) 2005-020901 28.01.2005 JP  
 2005-176690 16.06.2005 JP  
 (71) CHUGAI SEIYAKU KABUSHIKI KAISHA (JP)  
 5-1, Ukima 5-chome, Kita-ku, Tokyo 115-8543, Japan  
 (72) KOBAYASHI, Takamitsu (JP), SATO, Tsutomu (JP), NISHIMOTO, Masahiro (JP)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) HỢP CHẤT KETAL VÒNG VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG  
 (57) Sáng chế đề xuất hợp chất có công thức (I):



trong đó  $R^1$ ,  $R^2$ ,  $R^3$  và  $R^4$  được chọn độc lập trong số nguyên tử hydro, nhóm  $C_1$ - $C_6$  alkyl được thế tùy ý, nhóm  $C_7$ - $C_{14}$  aralkyl được thế tùy ý và  $-C(=O)Rx$ ;  $Rx$  là nhóm  $C_1$ - $C_6$  alkyl được thế tùy ý, nhóm aryl được thế tùy ý, nhóm heteroaryl được thế tùy ý, nhóm  $C_1$ - $C_6$  alkoxy được thế tùy ý hoặc  $-NReRf$ ;  $Ar^1$  là vòng carboxyclic thơm được thế tùy ý hoặc vòng dị vòng thơm được thế một lần tùy ý;  $Q$  là  $-(CH_2)_m$ - $(L)_p$ - hoặc  $-(L)_p$ - $(CH_2)_m$ -;  $m$  là số nguyên được chọn từ 0 đến 2,  $n$  là số nguyên được chọn trong số 1 và 2, và  $p$  là số nguyên được chọn trong số 0 và 1;  $L$  là  $-O-$ ,  $-S-$  hoặc  $-NR^5-$ ; và  $A$  là nhóm aryl được thế tùy ý hoặc nhóm heteroaryl được thế tùy ý, tiền dược chất của chúng và muối được dụng muối của chúng, cũng như dược phẩm hoặc chế phẩm chứa hợp chất này.

- (11) **16195**  
 (21) 1-2007-01757 (51)<sup>7</sup> **A01N 43/56**, 43/653, 55/00, 43/76, 43/54, 43/28, 43/64, 43/32, 43/78, 47/12, 43/90, 43/50, 37/52, 37/24, 47/20, 43/40, 43/88, 37/44, 55/02
- (22) 20.01.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/JP2006/300890 20.01.2006 (87) WO2006/082723 10.08.2006  
 (30) 2005-029312 04.02.2005 JP  
 2005-029313 04.02.2005 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 31.08.2007

- (71) MITSUI CHEMICALS, INC. (JP)  
 5-2, Higashi-Shimbashi 1-chome, Minato-ku, Tokyo 1057117 Japan  
 (72) INAMI, Syunichi (JP), YANASE, Yuji (JP)  
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)  
 (54) **CHẾ PHẨM PHÒNG NGỪA CÁC BỆNH THỰC VẬT VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÒNG NGỪA CÁC BỆNH NÀY**  
 (57) Sáng chế đề xuất chế phẩm phòng ngừa các bệnh thực vật bao gồm ít nhất Hợp phần I và Hợp phần II, có khả năng đạt được tác dụng hiệp đồng mà không thể xảy ra với từng hợp phần đơn lẻ, có khả năng gia tăng đáng kể tác dụng phòng trừ ở lượng nhỏ hơn của các hóa chất đối với các tác nhân gây bệnh thực vật khác nhau, và không gây độc cho thực vật.

Chế phẩm phòng ngừa các bệnh thực vật bao gồm các Hợp phần I và II làm hoạt chất. Hợp phần I là (RS)-N-[2-(1,3-dimetylbutyl)thiophen-3-yl]-1-metyl-3-trin-florometyl-1H-pyrazol-4-carboxamid. Về Hợp phần II, có thể lấy làm ví dụ là, chẳng hạn, tetraconazol, nUtriafol, imibenconazol, triadimefon, simeconazol, oxpoconazol fumarat, prothioconazol, bupirimat, spiroxamin, metiram, dodin, anilazin, chlozolinat, oxycarboxin, ethaboxam, iprovalicarb, pyrazophos, floiroimit, diflumetorim, fenhexamid, famoxadon, fenamidon, cyazofamid, zoxamit, cyflufenamid, boscalid, benthiavalicarb-isopropyl, picoxystrobin, pyraclostrobin, nuoxastrobin hoặc dimoxystrobin.



- (11) **16196**
- (21) 1-2007-01767 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/517**, A61P 11/00
- (22) 16.01.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2006/050215 16.01.2006 (87) WO2006/082129 10.08.2006
- (30) 102005005505.2 04.02.2005 DE  
102005036216.8 02.08.2005 DE
- (71) BOEHRINGER INGELHEIM INTERNATIONAL GMBH (DE)  
Binger Strasse 173, D-55216 Ingelheim am Rhein, Germany
- (72) JUNG, Birgit (DE), DISSE, Bernd (DE), POHL, Gerald (DE)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT ỨC CHẾ TYROSIN KINAZA ĐỂ PHÒNG NGỪA HOẶC ĐIỀU TRỊ BỆNH VIÊM XOANG MŨI MẠN TÍNH VÀ QUY TRÌNH BÀO CHẾ**
- (57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm chứa chất ức chế tyrosin kinaza, cụ thể là các quinazolin, quinolin và pyrimido-pyrimidin chọn lọc, và quy trình bào chế thuốc để phòng ngừa và điều trị bệnh, cụ thể là bệnh polyp mũi, bệnh viêm xoang mũi, cụ thể là bệnh viêm xoang mũi mạn tính.

- (11) **16197**
- (21) 1-2007-01779 (51)<sup>7</sup> **A61K 8/25**, 8/29
- (22) 12.01.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2006/000236 12.01.2006 (87) WO2006/081924 10.08.2006
- (30) 0118/MUM/2005 04.02.2005 IN  
0293/KOL/2005 08.04.2005 IN
- (71) UNILEVER N.V. (NL)  
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
- (72) Rupesh Kumar Agarwal (IN), Ilaria Faravelli (IT), Donald Peter Gregory (GB), Brian Joseph Groves (GB), Geraint Paul Roberts (GB)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) **KEM ĐÁNH RĂNG VÀ ĐỒ CHỨA CHỨA KEM NÀY**
- (57) Sáng chế đề xuất kem đánh răng chứa hợp phần thứ nhất và thứ hai, trong đó hợp phần thứ nhất và thứ hai chứa nước, chất tạo ẩm và chất làm đặc và hợp phần thứ hai được bố trí đồng trục bên trong hợp phần thứ nhất, hợp phần thứ nhất là gel và hợp phần thứ hai là mờ đục, hợp phần thứ hai này chứa chất cản sáng với lượng là y% trọng lượng hợp phần thứ hai và hợp phần thứ nhất bao gồm chất làm đặc với lượng nhiều hơn từ 2 đến 2,0y% trọng lượng hợp phần thứ nhất so với lượng chất làm đặc tính theo phần trăm trọng lượng của hợp phần thứ hai.

(11) **16198**

(21) 1-2007-01795

(51)<sup>7</sup> **B21B 45/06**, B08B 7/00, C23C 2/02

(22) 16.03.2006

(43) 25.01.2008

(86) PCT/EP2006/002429 16.03.2006

(87) WO2006/097311 21.09.2006

(30) 10 2005 012 296.5 17.03.2005 DE

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 05.09.2007

(71) SMS DEMAG AKTIENGESELLSCHAFT (DE)

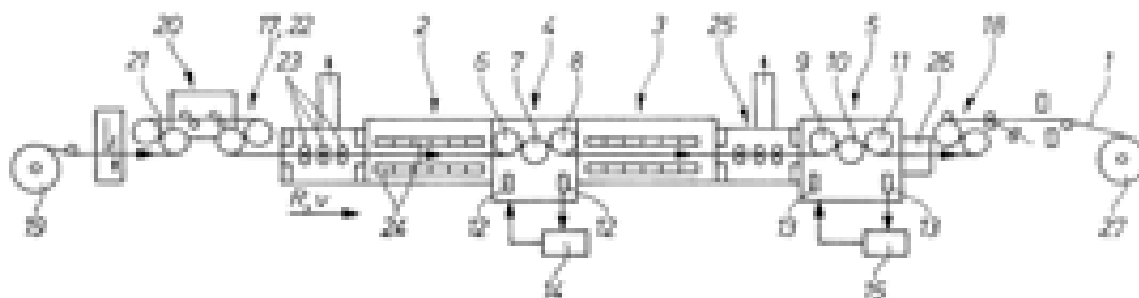
Eduard-Schloemann-Str. 4, D-40237 Dusseldorf, Germany

(72) BEHRENS, Holger (DE), BRISBERGER, Rolf (DE), FROMMANN, Klaus (DE), KRETSCHMER, Matthias (DE), ZERBE, Rudiger (DE), SENOKOSOV, Evgeny Stepanovich (RU), SENOKOSOV, Andrei Evgenievich (RU)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)

(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ LÀM SẠCH GI Ỉ DẢI KIM LOẠI**

(57) Sáng chế đề cập tới phương pháp và thiết bị làm sạch gỉ dải kim loại (1), cụ thể là dải cán nóng của thép tiêu chuẩn hoặc dải cán nóng hoặc cán nguội của thép không gỉ ferit hoặc austenit, trong đó dải thép (1) được dẫn theo hướng vận chuyển (R) qua ít nhất một bộ phận làm sạch gỉ plasma (2, 3) trong đó dải này được đưa vào công đoạn làm sạch gỉ plasma. Mục đích của sáng chế là cải thiện việc sản xuất dải thép kiểu này. Nhằm mục đích nêu trên, dải thép (1) được đưa vào quy trình làm nguội có kiểm soát tự động trong bộ phận làm nguội (4, 5) tiếp theo công đoạn làm sạch gỉ plasma trong một hoặc nhiều bộ phận làm sạch gỉ plasma (2, 3) theo cách sao cho dải này có nhiệt độ xác định rõ ở phía sau bộ phận làm nguội (4, 5). Ngoài ra, sáng chế còn đề cập tới phương pháp trong đó dải được mạ bằng một kim loại mạ sau công đoạn làm sạch gỉ plasma và trong đó việc gia nhiệt dải thực hiện bởi công đoạn làm sạch gỉ plasma được sử dụng trong công đoạn mạ.

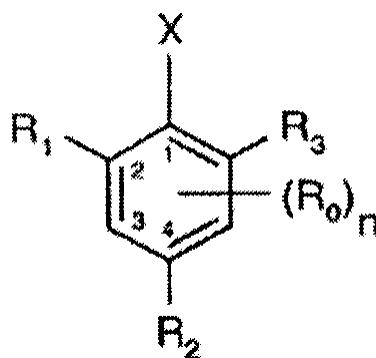


- (11) **16199**
- (21) 1-2007-01796 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/201**, 31/202, 35/74, A61P 29/00
- (22) 22.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2006/010415 22.03.2006 (87) WO2006/113034 26.10.2006
- (30) 11/106,794 15.04.2005 US
- (71) **BRISTOL-MYERS SQUIBB COMPANY (US)**  
Lawrenceville-Princeton Road, Princeton, New Jersey 08543-4000, United States of America
- (72) **MCMAHON Robert J. (US), HERZ Udo (DE), NEU Josef (US)**
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) **QUY TRÌNH BÀO CHẾ THUỐC ĐỂ ĐIỀU TRỊ, PHÒNG NGỪA HOẶC LÀM GIẢM BỆNH VIÊM TOÀN THÂN Ở TRẺ SƠ SINH DÙNG SỮA NGOÀI BẰNG CÁCH KẾT HỢP LACTOBACILLUS RHAMNOSUS GG (LGG) VỚI ÍT NHẤT MỘT AXIT BÉO ĐA BẤT BẢO HOÀ MẠCH DÀI**
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình bào chế thuốc điều trị, phòng ngừa hoặc làm giảm bệnh viêm toàn thân ở trẻ sơ sinh dùng sữa ngoài bằng cách kết hợp Lactobacillus rhamnosus GG (LGG) với ít nhất một axit béo đa bất bão hoà mạch dài (LCPUFA).

- (11) **16200**
- (21) 1-2007-01806 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/427**, 9/16, 9/48, A61P  
3/10
- (22) 03.02.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2006/000999 03.02.2006 (87) WO2006/082089 10.08.2006
- (30) 0502479.9 07.02.2005 GB
- (71) **SB PHARMCO PUERTO RICO INC. (US)**  
The Prentice Hall Corp System, c/o FGR Corporate Services, Inc. BBV Tower, 8th  
Floor, 254 Munoz Rivera Avenue, San Juan, Puerto Rico 00918, United States of  
America
- (72) Vincenzo RE (GB)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **DUỢC PHẨM DẠNG LIỀU DÙNG QUA ĐƯỜNG MIỆNG CHỨA HỢP CHẤT 5-[4-  
[2-(N-METYL-N-(2-PYRIDYL)AMINO)ETOXY]BENZYL]THIAZOLIDIN-2,4-  
DION (ROSI GLITAZON)**
- (57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm dạng liều dùng qua đường miệng bao gồm các viên  
thuốc nhỏ của thành phần thứ nhất và các viên thuốc nhỏ của thành phần thứ hai, mỗi  
thành phần này chứa hợp chất 5-[4-[2-(N-metyl-N-(2-pyridyl)  
amino)etoxy]benzyl]thiazolidin-2,4-dion (sau đây gọi là "hợp chất A") hoặc muối hoặc  
sovat dược dụng của chúng và chất mang dược dụng, trong đó thành phần thứ nhất và  
thành phần thứ hai được phân bố để giải phóng dược chất ở các tốc độ khác nhau khi sử  
dụng, tốt hơn là để cho tốc độ giải phóng dược chất từ dược phẩm dạng liều này là hầu  
như không phụ thuộc vào độ pH; quy trình bào chế dược phẩm dạng liều này và việc sử  
dụng dược phẩm dạng liều này trong y tế.

- (11) **16201**
- (21) 1-2007-01807 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/427**, 9/20, A61P 3/10
- (22) 03.02.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2006/000997 03.02.2006 (87) WO2006/087116 24.08.2006
- (30) 0502475.7 07.02.2005 GB
- (71) SB PHARMCO PUERTO RICO INC. (US)  
The Prentice Hall Corp System, c/o FGR Corporate Services, Inc. BBV Tower, 8th Floor, 254 Munoz Rivera Avenue, San Juan, Puerto Rico 00918, United States of America
- (72) Joanne HEAFIELD (GB), Vincenzo RE (GB)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **DUỐC PHẨM DẠNG LIỀU DÙNG QUA ĐƯỜNG MIỆNG CHỨA HỢP CHẤT 5-[4-[2-(N-METYL-N-(2-PYRIDYL)AMINO)ETOXY]BENZYL]THIAZOLIDIN-2,4-DION**
- (57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm dạng liều dùng qua đường miệng như viên nén có hai lớp bao gồm lớp thứ nhất chứa thành phần thứ nhất và lớp thứ hai chứa thành phần thứ hai, mỗi thành phần này chứa hợp chất 5-[4-[2-(N-metyl-N-(2-pyridyl)amino)etoxylbenzyl]thiazolidin-2,4-dion hoặc muối hoặc solvat dược dụng của chúng, ('dược chất') và chất mang dược dụng của chúng, trong đó thành phần thứ nhất và thành phần thứ hai được phân bố để giải phóng dược chất với các tốc độ giải phóng khác nhau khi sử dụng; quy trình bào chế dược phẩm dạng liều này và sử dụng dược phẩm dạng liều này trong y tế.

- (11) **16202**
- (21) 1-2007-01811 (51)<sup>7</sup> **C07C 17/093**, 25/02
- (22) 07.02.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2006/001068 07.02.2006 (87) WO2006/084663 17.08.2006
- (30) 60/651,175 09.02.2005 US
- (71) 1. SYNGENTA PARTICIPATIONS AG (CH)  
Schwarzwaldallee 215, CH-4058 Basel, Switzerland  
2. SYNGENTA LIMITED (GB)  
European Regional Centre, Priestley Road, Surrey Research Park, Guildford, Surrey  
GU2 7YH, United Kingdom
- (72) WANG, Linhua (US), DOLBEARE, Kristine, Anderson (US), ODOM, Frankie Lee (US)
- (74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)
- (54) QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ CÁC HỢP CHẤT TRUNG GIAN
- (57) Sáng chế đề xuất quy trình điều chế hợp chất trung gian có công thức (I),

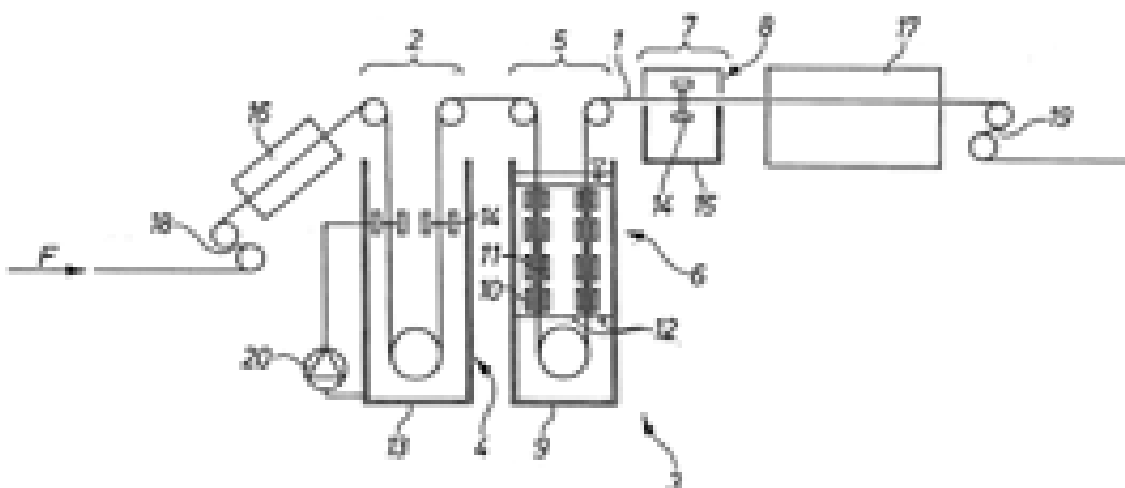


trong đó các nhóm thế là như được xác định trong bản mô tả. Quy trình này bao gồm công đoạn cho anilin được thế phản ứng với HX trong nước, tiếp đó loại nước bằng cách chưng cất đồng sôi và diazo hoá và nhiệt phân bằng nitrit hữu cơ ở nhiệt độ gia tăng mà với sự không có mặt chất xúc tác đồng. Theo cách khác, HX dạng hơi có thể được sử dụng để thay thế HX trong nước trong quy trình này. Do đó, công đoạn loại nước bằng cách chưng cất đồng sôi có thể được loại bỏ. Hợp chất trung gian có công thức I là thích hợp để sử dụng làm hợp chất trung gian để điều chế các dẫn xuất 3-hydroxy-4-aryl-5-oxopyrazolin có hoạt tính diệt cỏ.

- (11) **16203**
- (21) 1-2007-01838 (51)<sup>7</sup> **D21C 11/00**
- (22) 13.02.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/NL2006/000073 13.02.2006 (87) WO2006/085762 17.08.2006
- (30) 05075352.4 11.02.2005 EP
- (71) 1. AGROTECHNOLOGY & FOOD INNOVATIONS B.V. (NL)  
Bornsesteeg 59, 6708 PD Wageningen, The Netherlands  
2. NEDERLANDSE ORGANISATIE VOOR TOEGEPAST-NATUURWETENSCHAPPELIJK  
ONDERZOEK TNO (NL)  
Schoemakerstraat 97, 2628 VK Delft, The Netherlands  
3. TECHNO INVENT INGENIEURSBUREAU VOOR MILIEUTECHNIEK B.V. (NL)  
Mispelgaarde 12, 2723 BG Zoetermeer, The Netherlands
- (72) Bakker, Robert Reurd Christophor (NL), Hazewinkel, Jacob Hendrik Obbo (NL), Van  
Groenestijn, Johannes Wouterus (NL)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) QUY TRÌNH VÀ THIẾT BỊ DÙNG ĐỂ CHUYỂN ĐỔI SINH KHỐI
- (57) Sáng chế đề xuất quy trình chuyển đổi sinh khối xenluloza, cụ thể là sinh khối chứa  
lignoxenluloza thành các đường lên men được. Sáng chế còn đề xuất thiết bị thích hợp  
để thực hiện quy trình này. Theo sáng chế sinh khối được chuyển thành các đường lên  
men được bằng cách cho sinh khối tiếp xúc với axit trong thiết bị phản ứng này, trong  
khí cho luồng khí khí trơ có thể hấp thụ nước đi qua thiết bị phản ứng này, nhờ đó độ  
pH trong thiết bị phản ứng này có thể được kiểm soát.



- (11) **16204**  
 (21) 1-2007-01848 (51)<sup>7</sup> **B08B 3/02**, 3/12, C23G 3/02, B21B 45/02  
 (22) 22.02.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/EP2006/001602 22.02.2006 (87) WO2006/089730 31.08.2006  
 (30) 10 2005 008 939.9 26.02.2005 DE  
 (71) SMS DEMAG AKTIENGESELLSCHAFT (DE)  
 Eduard-Schloemann-Str. 4, D-40237 Dusseldorf, Germany  
 (72) KRETSCHMER, Matthias (DE), HARTUNG, Hans-Georg (DE)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ HỆ THỐNG LÀM SẠCH DẢI KIM LOẠI**  
 (57) Sáng chế đề cập tới phương pháp và hệ thống làm sạch dải kim loại (1). Để cải thiện kết quả làm sạch dải (1), theo sáng chế, dải kim loại (1) trước hết được đưa vào thiết bị làm sạch áp suất cao thứ nhất (4) với ít nhất một tia chất lỏng trong vùng thứ nhất (2) của hệ thống làm sạch (3), và tiếp đó dải kim loại (1) được đưa vào thiết bị làm sạch bằng siêu âm (6) trong vùng thứ hai của hệ thống làm sạch (3), trong đó dải kim loại (1) được dịch chuyển qua một bể chứa nạp đầy chất lỏng.



- (11) **16205**  
(21) 1-2007-01866 (51)<sup>7</sup> **B01F 3/04**  
(22) 21.04.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/KR2006/001506 21.04.2006 (87) WO2007/097495 30.08.2007  
(30) 10-2006-0016462 20.02.2006 KR

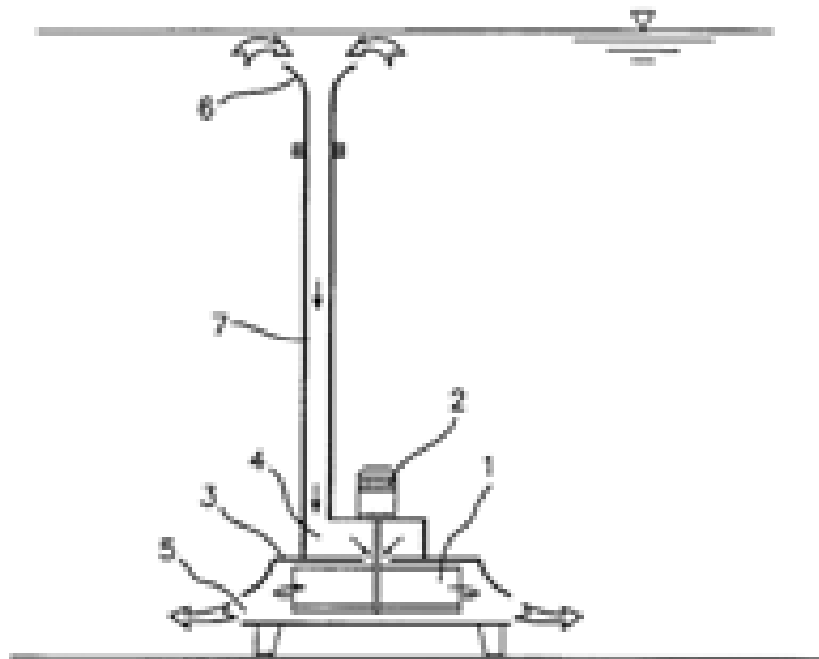
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 14.09.2007

(75) HAN, SANG BAE (KR)  
106-1802, LG 1-cha Village Apt., Seongdongmaeul, 155, Seongbok-dong, Yongin-si, Gyeonggi-do 449-980, Republic of Korea

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) CƠ CẤU TRỘN VÀ THIẾT BỊ SỤC KHÍ CHÌM CÓ SỬ DỤNG CƠ CẤU TRỘN NÀY

(57) Sáng chế đề cập tới cơ cấu trộn và thiết bị sục khí chìm có sử dụng cơ cấu trộn này, trong đó cơ cấu trộn bao gồm cơ cấu trộn có vỏ (3) được lắp với thành trần nạp (6) để hút chất phản ứng, cửa nạp (4) và cửa xả (5) và cánh quạt (1) được bố trí ở trục của mô-tơ dẫn động (2); ống hút dòng nước (7) để nối thông thành trần nạp (6) với cửa nạp của vỏ ; và ống vận chuyển dòng nước (11) trong đó một cửa phun (12) được lắp ở vùng sâu xuống dưới của thiết bị phản ứng sao cho chất phản ứng có thể được trộn ở vùng sâu xuống dưới của thiết bị phản ứng, và trong đó thiết bị sục khí chìm sử dụng cơ cấu trộn bao gồm ít nhất một hoặc nhiều phương tiện cấp không khí có các đầu phun (10, 10a) được lắp với các ống cấp không khí (21, 21a) , khoang không khí (25) được lắp với các lỗ thổi (26) và bộ khuếch tán kiểu ống (9) lắp ở một phía của cánh quạt (1) bên trong vỏ (3).



- (11) **16206**  
(21) 1-2007-01867 (51)<sup>7</sup> **B01L 3/02**  
(22) 03.02.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/FR2006/000259 03.02.2006 (87) WO2006/087444 24.08.2006  
(30) 0501713 18.02.2005 FR  
(71) GILSON S.A.S. (FR)

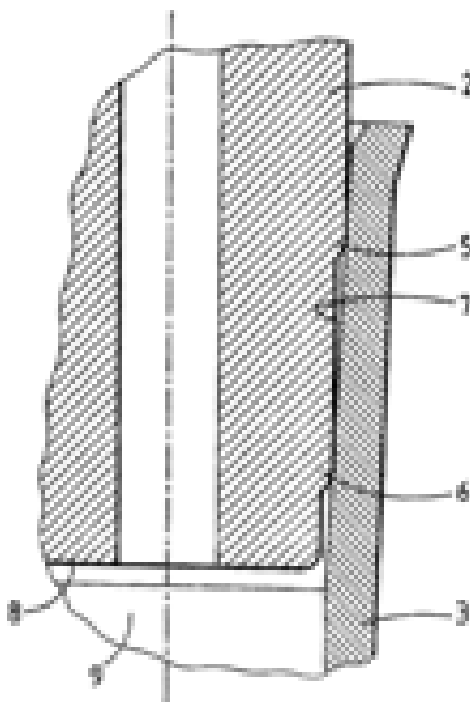
19, avenue des Entrepreneurs, BP 145, F-95400 Villiers-le-Bel, France

(72) MAY, Yves (FR), ROUSSEL, Bernard (FR)

(74) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

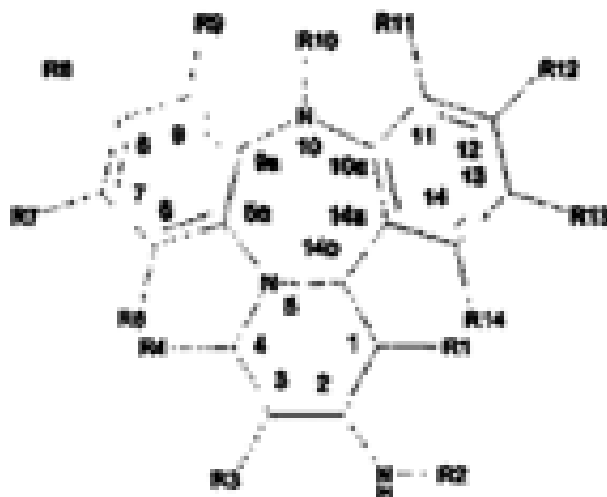
(54) **CÁN CỦA PIPET LẤY MẪU VÀ PIPET ĐƯỢC TRANG BỊ CÁN NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến cán của pipet lấy mẫu, phần đầu cuối (2) của nó cơ bản có dạng hình nón cụt hoặc hình trụ trong đó đầu cắm (3) được lắp vào. Sáng chế có đặc trưng ở chỗ phần đầu cuối nêu trên bao gồm ít nhất hai gờ nổi hình khuyên (5,6), tại đó đường kính của phần đầu cuối (2) giảm theo hướng đáy dưới (8) của cán. Sáng chế cũng có đặc trưng ở chỗ các gờ nổi tạo ra sự giảm đường kính của phần đầu cuối (2) nằm trong khoảng từ 0,2mm đến 2mm và tốt hơn là nằm trong khoảng từ 0,3mm đến 1,8mm. Sáng chế cũng đề cập đến pipet lấy mẫu được trang bị cán này.



- (11) **16207**
- (21) 1-2007-01871 (51)<sup>7</sup> **C07D 471/04**, A61K 31/551, A61P 29/00
- (22) 14.02.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2006/050906 14.02.2006 (87) WO2006/084917 17.08.2006
- (30) 05101086.6 14.02.2005 EP
- (71) N.V. ORGANON (NL)  
Kloosterstraat 6, NL-5349 AB Oss, The Netherlands
- (72) PLATE, Ralf (DE), ZAMAN, Guido, Jenny, Rudolf (NL), HERMKENS, Pedro, Harold, Han (NL), JANS, Christiaan, Gerardus, Johannes, Maria (NL), BUIJSMAN, Rogier, Christian (NL), DE MAN, Adrianus, Petrus, Antonius (NL), CONTI, Paolo, Giovanni, Martino (IT), LUSHER, Scott, James (GB), DOKTER, Willem, Hendrik, Abraham (NL)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) **CHẤT ĐIỀU BIẾN THỤ THỂ GLUCOCORTICOIT KHÔNG STEROIT**
- (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất có công thức chung (I) hoặc muối được dựng của chúng. Trong công thức này, R<sub>1</sub> là H hoặc (1-4C)alkyl; R<sub>2</sub> là -C(O)R<sub>15</sub> hoặc -S(O)<sub>2</sub>R<sub>15</sub>; R<sub>3</sub> là H, (1-4C)alkyl hoặc -OR<sub>16</sub>; R<sub>4</sub> là H, (1-4C)alkyl hoặc -OR<sub>16</sub>; R<sub>6</sub> là H hoặc -C(H)NOR<sub>16</sub>; R<sub>7</sub> là H hoặc halogen, xyano; (1-6C)alkyl, (2-6C)alkenyl hoặc (2-6C)alkynyl, tất cả ba nhóm này tùy ý được thế bằng OH, halogen hoặc NH<sub>2</sub>; -C(H)NOR<sub>16</sub>, -OR<sub>16</sub>, -C(O)R<sub>16</sub>, hoặc -C(O)OR<sub>16</sub>; R<sub>8</sub> là H, xyano, halogen, nitro; (1-6C)alkyl, (2-6C)alkenyl, (2-6C)alkynyl hoặc -O(1-6C)alkyl, tất cả các nhóm này tùy ý được thế bằng amino, hydroxyl hoặc halogen; (hetero)aryl, tùy ý được thế bằng xyano, halogen, (1-4C)alkyl, (1-4C)alkoxy, (1-4C)alkoxy(1-4C)alkyl; -C(O)R<sub>18</sub>, -C(O)OR<sub>19</sub>, -C(O)NHR<sub>17</sub>, -NHC(O)R<sub>20</sub>, -C(1-4C)alkylNOR<sub>21</sub>; -C(H)NOR<sub>16</sub>, hoặc -NHS(O)<sub>2</sub>R<sub>21</sub>; R<sub>9</sub> là H, halogen, xyano hoặc (1-4C)alkyl tùy ý được thế bằng halogen; R<sub>10</sub> là H hoặc (1-4C)alkyl; R<sub>11</sub> là H; R<sub>12</sub> là H, xyano hoặc (1-4C)alkyl; R<sub>13</sub> là H, (1-4C)alkyl, halogen hoặc formyl; R<sub>14</sub> là H, halogen, xyano, (1-4C)alkyl, (2-6C)alkenyl, C(O)R<sub>21</sub> hoặc (hetero)aryl; R<sub>15</sub> là H; (1-6C)alkyl, (2-6C)alkenyl, (2-6C)alkynyl, -O(2-6C)alkyl, -O(2-6C)alkenyl hoặc -O(2-6C)alkynyl, tất cả các nhóm này tùy ý được thế bằng một hoặc nhiều OH, halogen, xyano hoặc (hetero)aryl, (hetero)aryl, tùy ý được thế bằng (1-4C)alkyl, halogen, xyano, nitro hoặc amino, NH<sub>2</sub>, (di)(1-4C)alkylamino, (1-4C)alkyl(1-4C)alkoxyamin, (1-4C)alkylthio(1-4C)alkyl hoặc (1-4C)alkoxy(1-4C)alkyl; R<sub>16</sub> là H, (1-6C)alkyl, (2-6C)alkenyl hoặc (2-6C)alkynyl; R<sub>17</sub> là H, (1-6C)alkyl, tùy ý được thế bằng halogen, (1-4C)alkoxy hoặc (hetero)aryl, tùy ý được thế bằng halogen, (1-4C)alkyl hoặc (1-25 4C)alkoxy; (3-6C)xycloalkyl hoặc (hetero)aryl, tùy ý được thế bằng halogen, (1-4C)alkyl hoặc (1-4C)alkoxy; R<sub>18</sub> là H, NH<sub>2</sub>, C(O)R<sub>21</sub> hoặc (1-4C)alkyl, tùy ý được thế bằng OH, halogen, xyano hoặc -S(1-4C)alkyl; R<sub>19</sub> là H hoặc (1-6C)alkyl, tùy ý được thế bằng OH hoặc halogen; R<sub>20</sub> là H, (1-6C)alkyl hoặc (2-6C)alkenyl, cả hai tùy ý được thế bằng halogen, O(1-6C)alkyl, (hetero)aryl, tùy ý được thế bằng (1-4C)alkyl hoặc halogen; (3-6C)xyeloalkyl; (1-6C)alkoxy; (1-6C)alkenyloxy; hoặc (hetero)aryl, tùy ý được thế bằng (1-4C)alkyl; NH<sub>2</sub>, -NH(1-6C)alkyl hoặc -NH(hetero)aryl và R<sub>21</sub> là H hoặc (1-6C)alkyl. Sáng chế cũng đề cập đến các dược phẩm chứa hợp chất nêu trên để điều biến hoạt tính của thụ thể glucocorticoid.

(1)



(11) **16208**

(21) 1-2007-01890

(51)<sup>7</sup> **F25D 13/06**, 25/00, B65G 17/06

(22) 18.09.2007

(43) 25.01.2008

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 18.09.2007

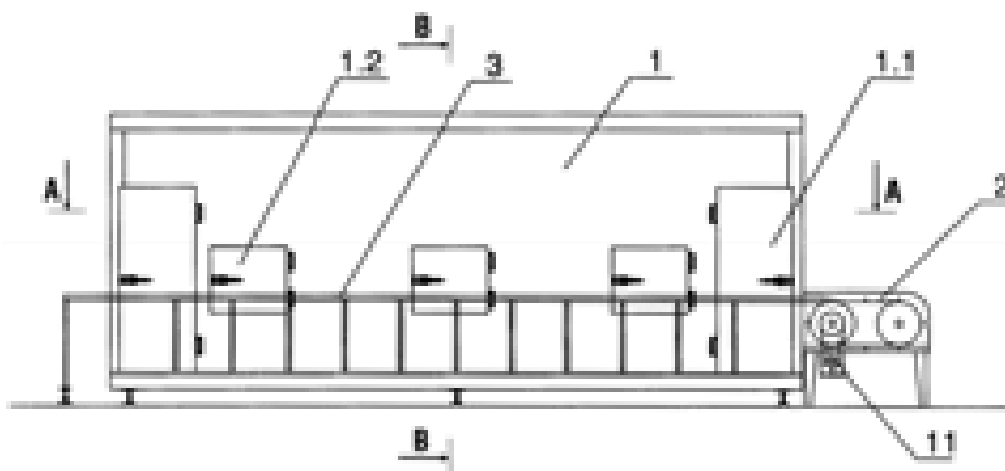
(71) **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HUNG TRÍ (VN)**  
51 Trần Phú, phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

(72) Nguyễn Bá Trí (VN), Đặng Anh Tâm (VN)

(74) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(54) **THIẾT BỊ CẤP ĐÔNG**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị cấp đông dùng để cấp đông các mặt hàng thực phẩm cao cấp như thủy hải sản, tôm, cá, trái cây ... dạng rời, miếng. Theo đó, với mục đích bảo đảm chất lượng sản phẩm cấp đông, tránh nhiễm khuẩn cho các sản phẩm cấp đông do tiếp xúc với bộ phận băng truyền tải của thiết bị cấp đông, thiết bị được trang bị cơ cấu xích tải ở bên ngoài buồng cấp đông và cơ cấu di chuyển ở trong buồng cấp đông và chi tiết trung gian có tác dụng chuyển đổi sản phẩm cần cấp đông từ cơ cấu xích tải vào cơ cấu trượt bên trong buồng cấp đông, trong đó cơ cấu di chuyển các sản phẩm trong buồng cấp đông của thiết bị cấp đông theo sáng chế được làm bằng các thanh dẫn hướng có kết cấu đơn giản dễ vệ sinh.



(11) **16209**

(21) 1-2007-01895

(51)<sup>7</sup> **H01H 13/70**

(22) 17.05.2006

(43) 25.01.2008

(86) PCT/KR2006/001840 17.05.2006

(87) WO2006/123894

23.11.2006

(30) 10-2005-0042070 19.05.2005 KR

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 18.09.2007

(71) SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

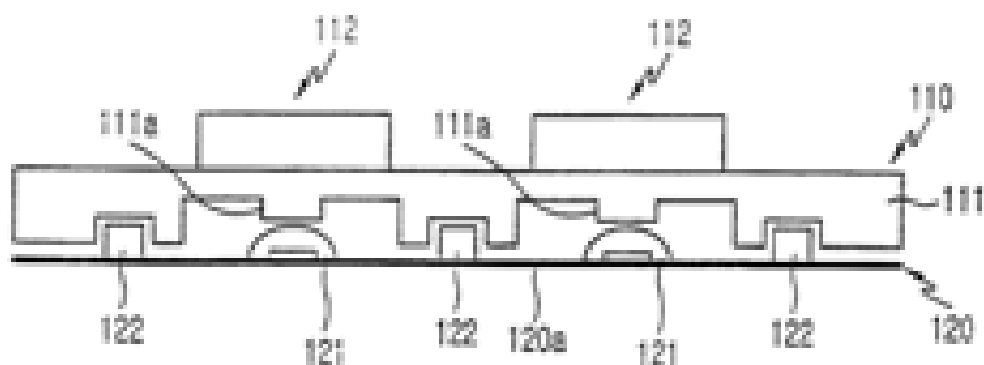
416, Maetan-dong, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do 442-742, Korea

(72) JUNG, Sun-Tae (KR), LEE, Joo-Hoon (KR)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) CƠ CẤU BÀN PHÍM, THIẾT BỊ TRUYỀN THÔNG KHÔNG DÂY CẦM TAY SỬ DỤNG CƠ CẤU BÀN PHÍM NÀY, VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

(57) Sáng chế đề cập đến cơ cấu bàn phím bao gồm một bàn phím có ít nhất một lớp đàn hồi và ít nhất một phím bấm trên lớp đàn hồi, bộ phận dẫn hướng hình lượn sóng để truyền và dẫn hướng ánh sáng đi qua, bộ phận dẫn hướng hình lượn sóng được bố trí phía dưới lớp đàn hồi và có ít nhất một mẫu phản xạ để phản xạ ánh sáng về phía phím bấm tương ứng, và tấm đế công tắc phía dưới bộ phận dẫn hướng hình lượn sóng và có ít nhất một công tắc tương ứng với phím bấm.



- (11) **16210**
- (21) 1-2007-01900 (51)<sup>7</sup> **C09D 15/00**
- (22) 28.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2006/011505 28.03.2006 (87) WO2006/107682 12.10.2006
- (30) 11/096,847 01.04.2005 US
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 19.09.2007
- (71) PPG INDUSTRIES OHIO, INC. (US)  
3800 West 143rd Street, Cleveland, Ohio 44111, United States of America
- (72) DEAN, Roy E. (US), POGUE, Robert T. (US), REARICK, Brian K. (US)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) HỢP CHẤT PHỦ THÍCH HỢP ĐỂ SỬ DỤNG LÀM CHẤT MÀU PHỦ GỖ VÀ/HOẶC CHẤT ĐIỀU MÀU
- (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất bao gồm nhựa tạo màng, chất khơi mào xử lý bức xạ, chất tạo màu và chất pha. Các hợp chất này là hầu như không chứa vật liệu xử lý được bằng bức xạ. Đồng thời, sáng chế cũng đề cập đến các nền ít nhất được phủ một phần bằng các hợp chất này, các nền ít nhất được phủ bằng hợp chất phủ nhiều màu bao gồm ít nhất một lớp phủ được lắp đặt từ các hợp chất này và các phương pháp cải thiện độ bám dính của hệ thống phủ hợp chất nhiều lớp vào nền xốp.



(11) **16211**

(21) 1-2007-01901

(51)<sup>7</sup> **B62K 11/08**, 19/08, 19/20

(22) 23.03.2006

(43) 25.01.2008

(86) PCT/JP2006/305797 23.03.2006

(87) WO2006/109482 19.10.2006

(30) 2005-101870 31.03.2005 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 19.09.2007

(71) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

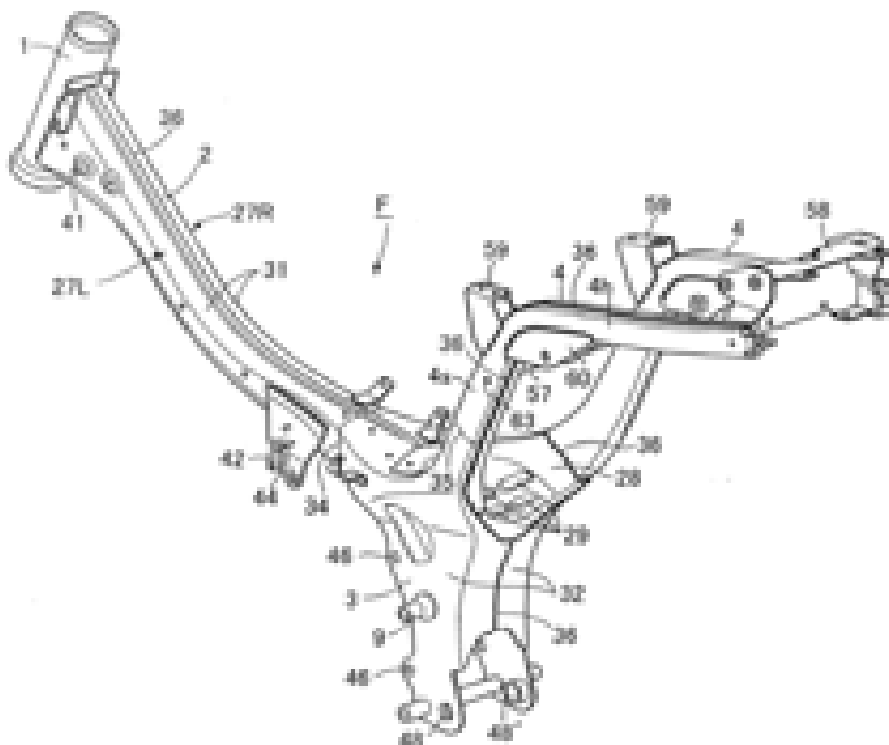
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, 107-8556, Japan

(72) FUJIHARA Kiyotaka (JP), SUZUKI Kazuo (JP), YAMAOKA Naoji (JP), TAKEDA Kenzo (JP), ASAINA Tsutomu (JP)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

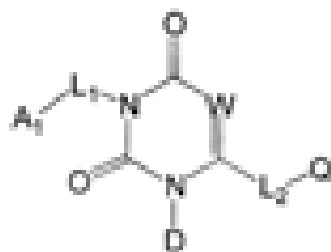
(54) KHUNG THÂN DÙNG CHO XE MÁY

(57) Sáng chế đề xuất khung thân dùng cho xe máy bao gồm một phần khung chính dạng hình ống (2) và phần khung đỡ trục xoay (3) kéo dài xuống phía dưới từ phần đầu sau của phần khung chính (2), các nửa trái của phần khung chính (2) và phần khung đỡ trục xoay (3) được tạo ra từ nửa khung trái dạng bán ống (27L) được tạo ra từ một loạt các vật liệu dạng tấm, các nửa phải của nó được tạo ra từ nửa khung phải dạng bán ống (27R) được tạo ra từ một loạt các vật liệu dạng tấm, và các mép đối diện của nửa khung trái (27L) và nửa khung phải (27R) được nối với nhau để tạo ra kết cấu rỗng liên tục. Trong kết cấu này, từng nửa khung (27L, 27R) được tạo ra bằng cách dập phối có thân nối liền dạng tấm (027L, 027R). Nhờ đó, có thể tạo ra khung thân dùng cho xe máy có số lượng các chi tiết thành phần giảm xuống, tăng cường khả năng gia công hàn, và tăng hiệu suất sử dụng vật liệu.



- (11) **16212**
- (21) 1-2007-01905 (51)<sup>7</sup> **B27K 3/15**, 3/34, 5/00
- (22) 03.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2006/001979 03.03.2006 (87) WO2006/092330 08.09.2006
- (30) 10 2005 010 042.2 04.03.2005 DE
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 19.09.2007
- (71) BASF AKTIENGESELLSCHAFT (DE)  
67056 Ludwigshafen, Germany
- (72) BAUS, Ulf (DE), SCHERR, Gunter (DE), MILITZ, Holger (DE), KRAUSE, Andreas (DE), WEPNER, Falko (DE)
- (74) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)
- (54) QUY TRÌNH SẢN XUẤT KHUÔN TỪ VẬT LIỆU NGHIÊN MỊN CHỨA LIGNOXENLULOZA VÀ KHUÔN THU ĐƯỢC TỪ QUY TRÌNH NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất khuôn từ vật liệu nghiền mịn chứa lignoxenluloza, và khuôn thu được từ quy trình này.

- (11) **16213**  
(21) 1-2007-01915 (51)<sup>7</sup> **C07D 239/54**, 401/12, 403/12, 405/06, 405/12, 409/06, 417/06, A61K 31/495, A61P 29/00  
(22) 14.03.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/US2006/009607 14.03.2006 (87) WO2006/104713 05.10.2006  
(30) 60/664865 24.03.2005 US  
(71) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)  
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse, Belgium  
(72) COATS, Steven J. (US), DYATKIN, Alexey B. (US), HE, Wei (US), LISKO, Joseph (US), RALBOVSKY, Janet L. (US), SCHULTZ, Mark J. (US), Miskowski, Tamara A. (US)  
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)  
(54) HỢP CHẤT PYRIMIDINDION LÀM CHẤT ĐỐI KHÁNG THỤ THỂ PROKINETIXIN 2 VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY  
(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất mới có công thức (I):

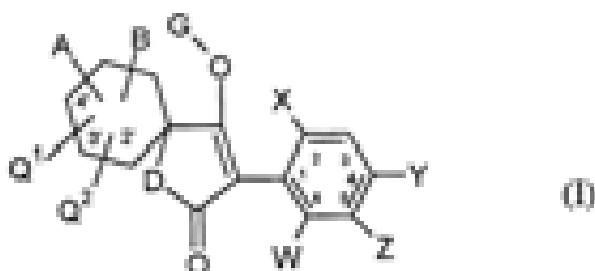


Công thức (I)

thích hợp để điều trị các rối loạn do trung gian thụ thể prokinetixin 2 hoặc prokinetin 2 gây ra và dược phẩm chứa hợp chất này.

- (11) **16214**
- (21) 1-2007-01916 (51)<sup>7</sup> **A61K 39/285**, 39/145, 39/29, 39/12, A61P 37/04
- (22) 17.02.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2006/001447 17.02.2006 (87) WO2006/089690 31.08.2006
- (30) 05003873.6 23.02.2005 EP
- (71) **BAVARIAN NORDIC A/S (DK)**  
Boegeskovvej 9, DK-3490 Kvistgaard, Denmark
- (72) **MATEO, Luis (AU), CHAPLIN, Paul (GB)**
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **VACXIN GÂY CẢM ỨNG MIỄN DỊCH NHANH KHÁNG POXVIRUT HOẶC CÁC TÁC NHÂN GÂY NHIỄM KHÁC**
- (57) Sáng chế đề xuất vacxin gây đáp ứng miễn dịch bảo vệ nhanh kháng poxvirus và nhiễm poxvirus như virus đậu mùa cho động vật, gồm cả người, trong đó, vacxin này chứa poxvirus mà là virus không có lực sao chép trong động vật, gồm cả người này. Ví dụ về poxvirus này là virus vaccinia được làm cải biến Ankara (MVA). Sáng chế còn đề xuất vacxin, trong đó vacxin này chứa poxvirus tái tổ hợp mà là virus không có lực sao chép trong động vật, gồm cả người được chủng bằng virus, như MVA tái tổ hợp, biểu hiện kháng nguyên và/hoặc epitop kháng nguyên khác kiểu để gây đáp ứng miễn dịch bảo vệ nhanh kháng kháng nguyên và/hoặc epitop kháng nguyên khác kiểu, ví dụ như kháng kháng nguyên và/hoặc epitop kháng nguyên là phần của tác nhân gây nhiễm.

- (11) **16215**  
 (21) 1-2007-01922 (51)<sup>7</sup> **A01N 43/08**, 43/36, C07D 487/10, 491/10, 493/10  
 (22) 08.02.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/EP2006/001089 08.02.2006 (87) WO2006/089633 31.08.2006  
 (30) 102005008021.9 22.02.2005 DE  
 (71) BAYER CROPSCIENCE AG (DE)  
 Alfred-Nobel-Str. 50, 40789 Monheim, Germany  
 (72) BRETSCHNEIDER Thomas (DE), FISCHER Reiner (DE), GAERTZEN Oliver (DE), LEHR Stefan (DE), DREWES Mark Wilhelm (DE), FEUCHT Dieter (DE), MALSAM Olga (DE), RECKMANN Udo (DE), ARNOLD Christian (DE), AULER Thomas (DE), HEMPEL Waltraud (DE), HILLS Martin Jeffrey (GB), KEHNE Heinz (DE), ROSINGER Christopher Hugh (GB), SANWALD Erich (DE)  
 (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
 (54) KETOENOL VÒNG ĐƯỢC THỂ BẰNG SPIROKETAL  
 (57) Sáng chế đề xuất các ketoenol vòng được thể bằng spiroketal có công thức (I):



trong đó

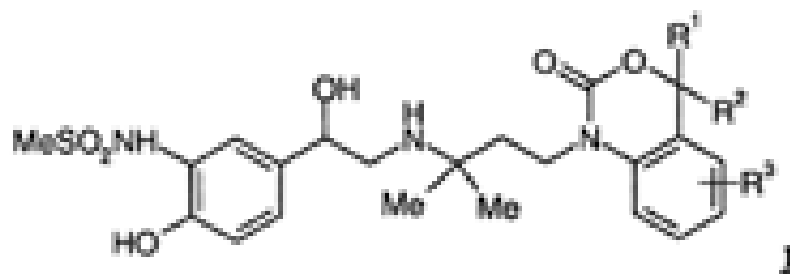
A, B, Q<sup>1</sup>, Q<sup>2</sup>, D, G, W, X, Y, và Z là như được xác định trên đây,

tới các quy trình và các hợp chất trung gian để điều chế chúng và tới việc sử dụng của chúng làm các thuốc trừ dịch hại và/hoặc các thuốc diệt vi sinh vật và/hoặc các thuốc diệt cỏ. Hơn nữa, sáng chế đề cập tới các hỗn hợp chất diệt cỏ chọn lọc bao gồm, thành phần thứ nhất là các ketoenol vòng được thể bằng spiroketal và, thành phần thứ hai là hợp chất cải thiện khả năng dung nạp thuốc của cây trồng.

- (11) **16216**
- (21) 1-2007-01927 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/454**, A61P 3/10
- (22) 20.02.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/FR2006/000376 20.02.2006 (87) WO2006/087481 24.08.2006
- (30) 0501861 21.02.2005 FR  
0504942 12.05.2005 FR  
0505228 23.05.2005 FR
- (71) SANOFI-AVENTIS (FR)  
174 Avenue de France, 75013 Paris, France
- (72) Hanotin Corinne (FR), Rosenzweig Pierre (FR)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) THUỐC CHỨA RIMONABANT DÙNG ĐỂ PHÒNG NGỪA VÀ ĐIỀU TRỊ CÁC BỆNH TIỂU ĐƯỜNG TYP 2
- (57) Sáng chế đề cập đến các thuốc, mà có thể được sử dụng để phòng ngừa và điều trị các bệnh tiểu đường typ 2 hoặc các bệnh tiểu đường không phụ thuộc insulin và/hoặc các biến chứng của chúng, bao gồm rimonabant, riêng lẻ hoặc được kết hợp với hoạt chất khác.

- (11) **16217**
- (21) 1-2007-01928 (51)<sup>7</sup> **C07D 413/04**, 231/04, A61K  
31/415, 31/4155, A61P 1/00
- (22) 17.02.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/FR2006/000368 17.02.2006 (87) WO2006/087480 24.08.2006
- (30) 0501860 21.02.2005 FR
- (71) SANOFI AVENTIS (FR)  
174 Avenue de France, 75013 Paris, France
- (72) Barth Francis (FR), Congy Christian (FR), Gueule Patrick (FR), Rinaldi-Carmona Murielle (FR), Van Broeck Didier (BE)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) CÁC HỢP CHẤT (1,5-DIPHENYL-1H-PYRAZOL-3-YL)OXADIAZOL, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ CHÚNG VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG
- (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất có công thức (I), trong đó: R<sub>1</sub> là gốc dị vòng được chọn từ công thức (II), R<sub>2</sub> là (C<sub>1</sub>-C<sub>5</sub>)alkyl hoặc xyano, R<sub>3</sub> là phenyl được thế hoặc không được thế, và R<sub>4</sub> là phenyl được thế hoặc không được thế, cũng như đề cập đến các hydrat hoặc các solvat của chúng.

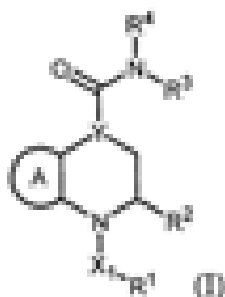
- (11) **16218**  
(21) 1-2007-01936 (51)<sup>7</sup> **C07D 265/18**, A61K 31/536  
(22) 16.02.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/EP2006/060033 16.02.2006 (87) WO2006/089859 31.08.2006  
(30) 102005008921.6 24.02.2005 DE  
(71) BOEHRINGER INGELHEIM INTERNATIONAL GMBH (DE)  
Binger Strasse 173, D-55216 Ingelheim am Rhein, Germany  
(72) KONETZKI, Ingo (DE), BOUYSSOU, Thierry (FR), LUSTENBERGER, Philipp (CH),  
SCHNAPP, Andreas (DE)  
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
(54) **DƯỢC CHẤT ĐỂ ĐIỀU TRỊ BỆNH HÔ HẤP, DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG VÀ  
QUY TRÌNH SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM NÀY**  
(57) Sáng chế đề cập đến việc sử dụng hợp chất có công thức **1**



trong đó các nhóm R<sup>1</sup>, R<sup>2</sup> và R<sup>3</sup> có thể có nghĩa như được xác định trong yêu cầu bảo hộ và bản mô tả, sáng chế cũng đề cập đến quy trình điều chế hợp chất này, dược phẩm chứa chúng và quy trình sản xuất dược phẩm chứa chúng để điều trị các rối loạn hô hấp.



- (11) **16219**  
 (21) 1-2007-01937 (51)<sup>7</sup> **C07D 215/50**, 401/06, 413/06, 401/12, 409/06, 413/12, 471/04, 495/04, A61K 31/47, 31/506, 31/4375, 31/4365, A61P 19/00, 11/00
- (22) 23.02.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/US2006/006287 23.02.2006 (87) WO2006/091674 31.08.2006  
 (30) 60/655,927 24.02.2005 US  
 (71) MILLENNIUM PHARMACEUTICALS, INC. (US)  
 40 Landsdowne Street, Cambridge, MA 02139, United States of America  
 (72) LITTLE, Jeremy, D. (US), GHOSH, Shomir (US), HARRISON, Sean (US), ELDER, Amy, E. (US), RENO, Christelle, C. (FR), CARSON, Kenneth, G. (US)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) **CHẤT ĐỐI KHÁNG THỤ THỂ PROSTAGLANDIN D2 (PGD2) DÙNG ĐỂ ĐIỀU TRỊ CÁC BỆNH VIÊM VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG**  
 (57) Sáng chế đề cập đến các chất ức chế CRTH2 (chemoattractant receptor-homologus molecule expresse) có công thức cấu tạo (I):



giá trị của các biến trong công thức cấu tạo (I) được xác định trong phần mô tả.

- (11) **16220**
- (21) 1-2007-01938 (51)<sup>7</sup> **C05F 11/08**, A01N 63/02
- (22) 22.02.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/CA2006/000264 22.02.2006 (87) WO2006/089416 31.08.2006
- (30) 60/654,474 22.02.2005 US
- (71) EVL INC. (CA)  
Suite 202, 1686 Des Laurentides Boulevard, Laval, Quebec H7M 2P4, Canada
- (72) BLAIS, Alexandre (CA)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **PHÂN BÓN VÀ PHƯƠNG PHÁP TẠO RA PHÂN BÓN NÀY**
- (57) Sáng chế đề xuất phân bón tăng cường. Cụ thể, sáng chế đề xuất phân bón tăng cường chứa hạt phân bón, vi khuẩn axit lactic và vi khuẩn họ Baciliaceae. Sáng chế cũng đề xuất chất hỗ trợ phân bón và chất phụ gia đất để thúc đẩy sự sinh trưởng của cây. Sáng chế cũng đề xuất phương pháp thúc đẩy sự sinh trưởng, phát triển hoặc năng suất của cây và phương pháp làm màu mỡ đất để thúc đẩy sự sinh trưởng, phát triển hoặc năng suất của cây. Sáng chế cũng đề xuất phương pháp tạo ra phân bón hỗ trợ này.

- (11) **16221**
- (21) 1-2007-01943 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/454**, A61P 13/12
- (22) 17.02.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/FR2006/000369 17.02.2006 (87) WO2006/090047 31.08.2006
- (30) 0501919 23.02.2005 FR
- 0504798 12.05.2005 FR
- (71) SANOFI-AVENTIS (FR)  
174 Avenue de France, 75013 Paris, France
- (72) Bensaid Mohammed (FR), Herbert Jean Marc (FR), Janiak Philip (FR)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) THUỐC CHỨA PYRAZOL HỮU ÍCH CHO VIỆC PHÒNG NGỪA HOẶC ĐIỀU  
TRỊ CÁC BỆNH THẬN
- (57) Sáng chế đề cập đến thuốc chứa hợp chất đối kháng thụ thể cannabinoit CB<sub>1</sub>, riêng lẻ  
hoặc được kết hợp với hoạt chất khác, thu được từ pyrazol, thuốc hữu ích để phòng  
ngừa và điều trị các bệnh thận.

(11) **16222**

(21) 1-2007-01945

(51)<sup>7</sup> **B01D 35/30**

(22) 24.03.2006

(43) 25.01.2008

(86) PCT/KR2006/001081 24.03.2006

(87) WO2006/101364

28.09.2006

(30) 10-2005-0024622 24.03.2005 KR

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 24.09.2007

(71) **PICOGRAM CO., LTD. (KR)**

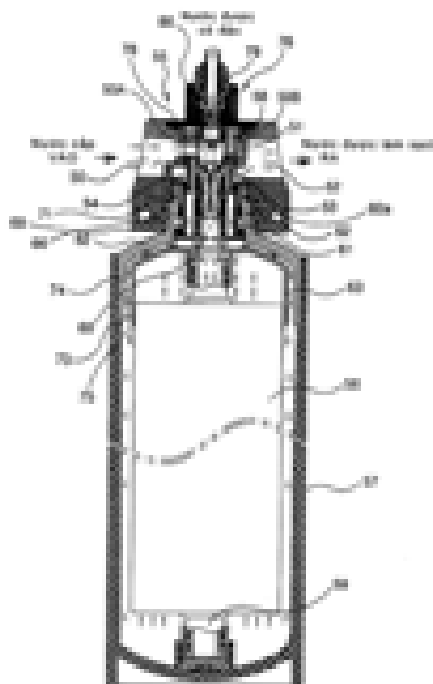
48-213 Samjung-dong Ojung-gu, Bucheon-shi, Kyunggi-do 421-809, Republic of Korea

(72) **CHOI, Suk-Rim (KR), BANG, Seok-Bong (KR)**

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) **BỘ LỌC LÀM SẠCH NƯỚC THAY THẾ ĐƯỢC DỄ DÀNG BẰNG ĐẦU NỐI VÀ HỆ THỐNG LÀM SẠCH NƯỚC SỬ DỤNG BỘ LỌC NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến bộ lọc làm sạch nước thay thế được dễ dàng bằng đầu nối có thể đơn giản hoá được kết cấu nối của hệ thống làm sạch nước bằng cách tạo ra các đường dẫn nước cấp, nước được làm sạch và nước được cô đặc dưới dạng một cửa, và có thể thay thế dễ dàng sau khi tháo hộp lọc ra khỏi hệ thống làm sạch nước, và hệ thống làm sạch nước sử dụng nó. Bộ lọc làm sạch nước thay thế được dễ dàng bằng đầu nối bao gồm đầu nối có lỗ chảy vào qua nước cấp chảy vào, thân van kiểm tra trong đó van tự động ngắt dòng để mở/đóng đường dẫn nước cấp để dẫn nước cấp về phía bộ lọc và đường dẫn xả nước được cô đặc được tạo ra, lỗ chảy ra để xả nước được làm sạch ra ngoài, và lỗ điều chỉnh nước được cô đặc để xả nước được cô đặc ra ngoài, vỏ bộ lọc dùng để mở đường dẫn nước cấp bằng cách mở van tự động ngắt nối với đầu nối, phương tiện khoá dùng để lắp tháo ra được vỏ bộ lọc vào đầu nối, và đường dẫn hướng chuyển đổi đường đi có đường dẫn thứ nhất dùng để cấp nước cấp tới bộ lọc màng thấm thấu ngược khi vỏ bộ lọc được nối với đầu nối, đường dẫn thứ hai dùng để cấp nước được làm sạch bằng bộ lọc màng thấm thấu ngược đến lỗ chảy ra, và đường dẫn thứ ba dùng để cấp nước được cô đặc đến đường dẫn xả nước được cô đặc.



- (11) **16223**  
(21) 1-2007-01968 (51)<sup>7</sup> **A61K 9/32**, 31/675, 9/36, 9/42, 9/58, A61P 19/10  
(22) 23.11.2005 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/US2005/042887 23.11.2005 (87) WO2006/112889 26.10.2006  
(30) 11/106,816 15.04.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 26.09.2007

- (71) THE PROCTER & GAMBLE COMPANY (US)  
One Procter & Gamble Plaza, Cincinnati, Ohio 45202, the United States of America  
(72) Dansereau, Richard John (US), Burgio David Ernest, Jr. (US)  
(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)  
(54) **DUỐC PHẨM DẠNG LIỀU CHỨA RISEDRONAT**  
(57) Sáng chế đề cập đến các dược phẩm dạng liều dùng qua đường miệng chứa risedronat, với lượng an toàn và hiệu quả của dược phẩm chứa risedronat, chất chelat hoá, và có nghĩa là, để cho tác dụng giải phóng chậm risedronat và chất chelat hoá trong ruột non tạo ra sự giải phóng tức thì dược phẩm dược vào ruột non ở đối tượng động vật có vú và sự hấp thu hiệu quả bisphosphonat cùng với hoặc không cùng với thức ăn hoặc đồ uống. Sáng chế hầu làm giảm sự tương tác giữa risedronat và thức ăn hoặc các đồ uống, mà sự tương tác này dẫn đến các hoạt chất bisphosphonat không thích hợp hấp thu. Do vậy, dược phẩm dạng liều dùng qua đường miệng thu được có thể được sử dụng cùng với hoặc không cùng với thức ăn. Ngoài ra, sáng chế đề xuất sự phân phối risedronat và chất chelat hóa vào ruột non, hầu như làm giảm sự kích ứng đường dạ dày-ruột trên liên quan tới các liệu pháp dùng bisphosphonat. Các lợi ích này làm đơn giản hóa các chế độ điều trị phức tạp trước đây và có thể dẫn đến việc bệnh nhân chấp hành tốt các liệu pháp bisphosphonat.

- (11) **16224**  
(21) 1-2007-01976 (51)<sup>7</sup> **B65D 43/00**, 81/18  
(22) 27.02.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/AU2006/000251 27.02.2006 (87) WO2006/089375 31.08.2006  
(30) 2005900906 28.02.2005 AU

(71) NOSHMELL PTY LTD (AU)

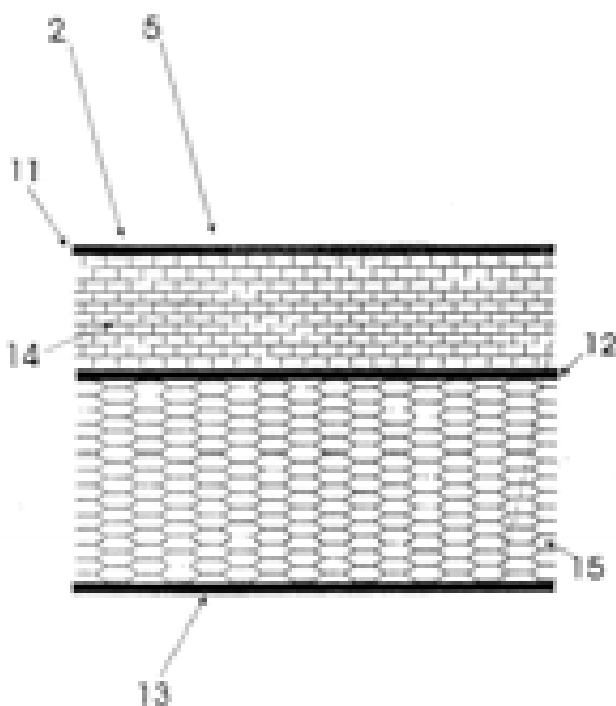
111 Ruthven Street, Bondi Junction, NSW 2022, Australia

(72) BAYSS, George, Leonard (AU), BAYSS, Nicholas, Robert, Leonard (AU)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) **NẤP HỘP VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT**

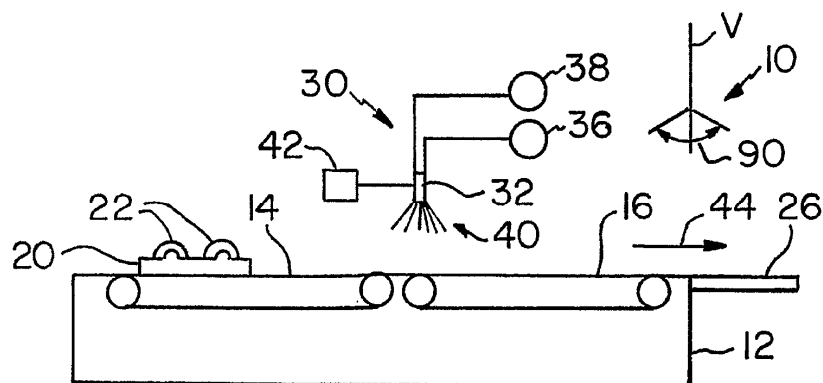
(57) Sáng chế đề cập đến nắp hộp (2) cho hộp chứa (67), nắp (2) bao gồm lớp chất dẻo thứ nhất (15) bao gồm phần có ít nhất một sắc tố tạo màu và lớp chất dẻo thứ hai (14) bao gồm ít nhất một chất crôm nhiệt có khả năng trở nên gần như hoàn toàn mờ khi đạt đến một nhiệt độ định trước đáp ứng với sự truyền nhiệt từ hoặc đến chất chứa bên trong hộp để để lộ sắc tố tạo màu của lớp thứ nhất. Ngoài ra, sáng chế cũng đề cập đến nắp bao gồm lớp với các phần (62, 63) mà trở nên hoặc quan sát được hoặc không quan sát được ở nhiệt độ định trước.



- (11) **16225**  
 (21) 1-2007-01986 (51)<sup>7</sup> **B05C 5/00**, B29D 11/00  
 (22) 08.03.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/US2006/008355 08.03.2006 (87) WO/2006/112965 26.10.2006  
 (30) 11/105,827 14.04.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 28.09.2007

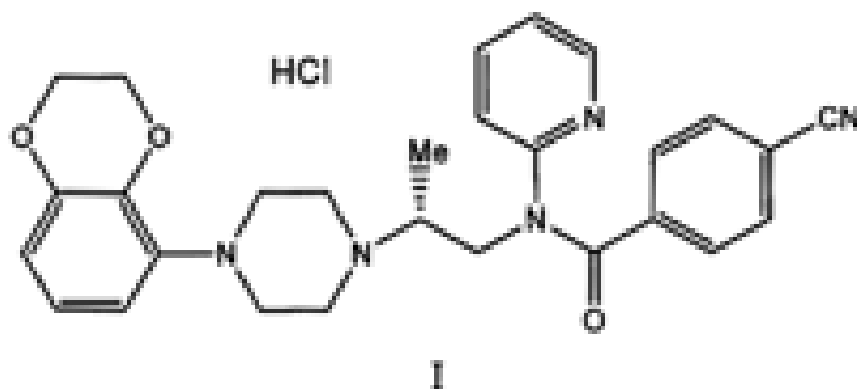
- (71) TRANSITIONS OPTICAL, INC (US)  
 9251 Belcher Road, Pinnellas Park, Florida 33782, United States of America  
 (72) BLACKBURN, William P. (US), LYDON, Michael, T. (US), MALDONADO, Ernesto (US), KAUSCH, James, R. (US), PACE, Lex, E. (US)  
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)  
 (54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ ĐỂ PHỦ CÁC DỤNG CỤ QUANG HỌC  
 (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị cho phủ dụng cụ quang học, như là các thấu kính quang học, được thực hiện. Trong một khía cạnh, sáng chế đề cập đến dụng cụ quang học được đặt lên trên kẹp và lớp nguyên liệu phủ được phóng ra từ vòi, như là từ vòi phủ dạng quạt, lên trên dụng cụ quang học để tạo lớp phủ trên dụng cụ quang học.



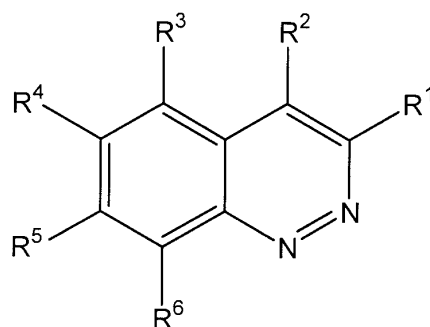
- (11) **16226**
- (21) 1-2007-01988 (51)<sup>7</sup> **B01J 27/32**, C08F 8/20, C01G 30/00, C08F 12/08
- (22) 24.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2006/011332 24.03.2006 (87) WO2006/105115 05.10.2006
- (30) 60/666,947 31.03.2005 US
- (71) ALBEMARLE CORPORATION (US)  
451 Florida Street, Baton Rouge, Louisiana 70801-1765, United States of America
- (72) Thanikavelu Manimaran (US), Alvin E. Harkins, Jr. (US)
- (74) Công ty TNHH Dịch vụ Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) QUY TRÌNH HALOGEN HOÁ POLYME BẰNG CÁCH THU HỒI CHẤT XÚC TÁC
- (57) Sáng chế đề cập tới quy trình brom hoá polyme styren trong điều kiện có mặt chất xúc tác antimon halogenua. Sáng chế còn đề cập tới phương pháp thu hồi chất xúc tác antimon halogenua trong đó làm giảm sự tạo thành các chất rắn không tan.



- (11) **16227**  
 (21) 1-2007-01996 (51)<sup>7</sup> **C07D 405/12**, A61K 31/495, A61P 25/16, 25/22, 25/20, 25/06, 25/18, 25/32, 25/34, 25/36, 13/00, 15/00  
 (22) 27.02.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/US2006/006802 27.02.2006 (87) WO2006/093853 08.09.2006  
 (30) 60/657,575 01.03.2005 US  
 (71) WYETH (US)  
 Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America  
 (72) BROWNE, Eric, N., C. (CA), BERNATCHEZ, Michel (CA), LANKAU, Mark (CA), TADAYON, Abdolsamad (IR), HADFIELD, Anthony, F. (GB)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) **HỢP CHẤT 4-XYANO-N-{(2R)-2-[4-(2,3-DIHYDRO-BENZO[1,4]DIOXIN-5-YL)-PIPERAZIN-1-YL]-PROPYL}-N-PYRIDIN-2-YL-BENZAMIT HYDROCLORUA DẠNG KẾT TINH VÀ VÔ ĐỊNH HÌNH, DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG VÀ QUY TRÌNH BÀO CHẾ**  
 (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất đối kháng thụ thể 5-HT<sub>1A</sub> 4-xyano-N-{(2R)-2-[4-(2,3-dihydro-benzo[1,4]dioxin-5-yl)-piperazin-1-yl]-propyl}-N-pyridin-2-yl-benzamit hydroclorua dạng kết tinh và vô định hình cũng như dược phẩm chứa chúng và quy trình bào chế.



- (11) **16228**  
(21) 1-2007-01997 (51)<sup>7</sup> **C07D 237/28**, 403/12, 409/12, A61K 31/502, A61P 9/00, 25/28, 3/10, 29/00  
(22) 01.03.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/US2006/007224 01.03.2006 (87) WO2006/094034 08.09.2006  
(30) 60/657,296 01.03.2005 US  
(71) WYETH (US)  
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America  
(72) HU, Baihua (CN), WROBEL, Jay, E. (US), COLLINI, Michael, David (US), UNWALLA, Rayomand, J. (US)  
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Quyến (INVENCO)  
(54) HỢP CHẤT XINOLIN VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY  
(57) Sáng chế đề cập đến chất điều biến thụ thể X của gan (Liver Xreceptors: LXR) dựa trên hợp chất xinolin có công thức (I), trong đó R<sup>2</sup> là gốc chứa vòng, cụ thể là gốc phenyl. Các hợp chất này là hữu hiệu trong việc điều trị bệnh tim mạch.

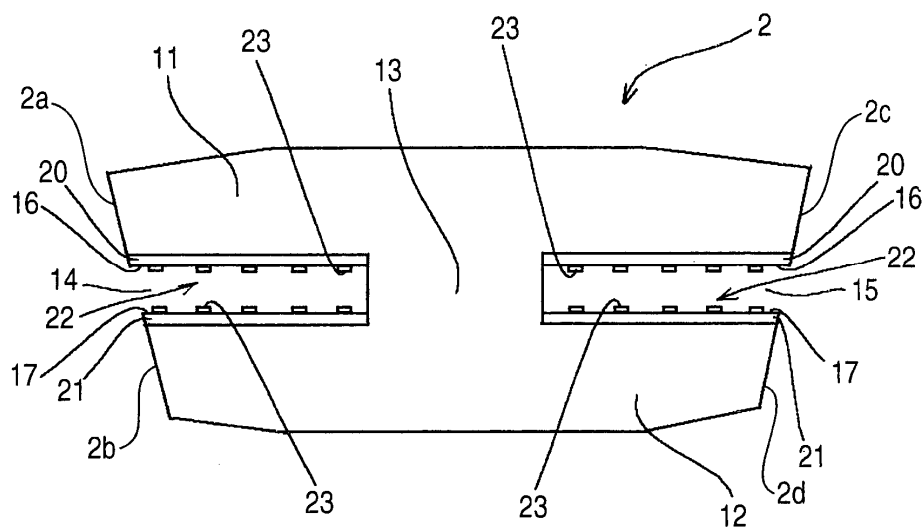


(I)

- (11) **16229**  
 (21) 1-2007-01998 (51)<sup>7</sup> **F16G 5/16**  
 (22) 26.04.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/JP2006/309184 26.04.2006 (87) WO/2006/115303 02.11.2006  
 (30) 2005-128698 26.04.2005 JP  
 2005-312078 27.10.2005 JP  
 2006-051388 28.02.2006 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 01.10.2007

- (71) MITSUBOSHI BELTING LTD. (JP)  
 1-21, Hamazoe-dori 4-chome, Nagata-ku, Kobe-shi, Hyogo, 6530024, JP  
 (72) UTO, Kuniharu (JP)  
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)  
 (54) ĐAI TRUYỀN ĐỘNG ĐỂ TRUYỀN TẢI LỚN  
 (57) Sáng chế đề cập đến đai truyền động để truyền tải lớn bao gồm: một dây đai trung tâm gồm: một vật liệu đàn hồi; và một lõi chèn vào trong vật liệu đàn hồi, và một khối gồm: một dầm trên, một dầm dưới; và một trụ nối dầm trên và dầm dưới để tạo thành một rãnh vừa với dây đai trung tâm, ít nhất một trong khối và dây đai trung tâm phải có phần hạn chế để hạn chế sự dịch chuyển của dây đai trung tâm so với khối theo cả chiều dọc và ngang của dây đai trung tâm, dây đai trung tâm có thành phần sợi ít nhất trên phần bề mặt được tiếp xúc với khối.



- (11) **16230**
- (21) 1-2007-02007 (51)<sup>7</sup> **C07D 498/18**
- (22) 22.02.2007 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2006/006207 22.02.2007 (87) WO2006/093743 08.09.2006
- (30) 60/657,534 02.03.2005 US
- (71) WYETH (US)  
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America
- (72) SHAW, Chia-Cheng (CA), CHEW, Warren (CA), WILK, Bogdan, Kazimierz (US),  
FORTIER, Genevieve (CA)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) QUY TRÌNH THU HỒI ESTE CỦA RAPAMYXIN 42 VỚI AXIT 3-HYDROXY-2-  
(HYDROXYMETYL)-2-METYLPROPIONIC TỪ NƯỚC CÁI
- (57) Sáng chế đề xuất quy trình thu hồi este của rapamycin 42 với axit 3- hydroxy-2-  
(hydroxymetyl)-2-metylpropionic từ nước cái.

- (11) **16231**  
(21) 1-2007-02013 (51)<sup>7</sup> **C07C 6/04**  
(22) 24.02.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/JP2006/303493 24.02.2006 (87) WO2006/093058 08.09.2006  
(30) 2005-058731 03.03.2005 JP  
2005-117289 14.04.2005 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 02.10.2007

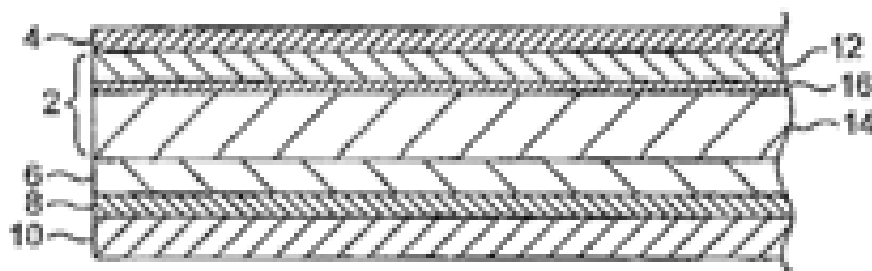
- (71) MITSUI CHEMICALS, INC. (JP)  
5-2, Higashi-Shimbashi 1-chome, Minato-ku, Tokyo 105-7117 Japan  
(72) Toshihiro TAKAI (JP), Takeshi KUBOTA (JP)  
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)  
(54) QUY TRÌNH SẢN XUẤT CÁC OLEFIN  
(57) Sáng chế đề xuất quy trình sản xuất các olefin bằng phản ứng trao đổi ở nhiệt độ thực tế thấp bằng cách nâng cao khả năng phản ứng của chất xúc tác. Quy trình sản xuất các olefin theo sáng chế cho phép phản ứng trao đổi các olefin mà sử dụng chất xúc tác chứa các nguyên tố kim loại như vonfram, molybden, reni hoặc các nguyên tố kim loại tương tự khác, thực hiện ở tốc độ phản ứng quy mô công nghiệp ở khoảng nhiệt độ thực tế thấp, bằng cách sử dụng hợp chất chứa ít nhất một nguyên tố kim loại được chọn từ các kim loại của Nhóm Ia (các kim loại kiềm), Nhóm IIa (các kim loại kiềm thổ), Nhóm IIb và Nhóm IIIa được sử dụng làm chất đồng xúc tác và cho phép khí hydro cùng tồn tại với nguyên liệu thô phản ứng.

- (11) **16232**  
(21) 1-2007-02023 (51)<sup>7</sup> **C08K 3/30**  
(22) 06.04.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/US2006/012810 06.04.2006 (87) WO/2006/113141 26.10.2006  
(30) 60/670,978 13.04.2005 US  
11/278,247 31.03.2006 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 04.10.2007

- (71) R.T. VANDERBILT COMPANY, INC. (US)  
30 Winfield Street, P.O. Box 5150, Norwalk, Connecticut 06856-5150, US  
(72) WEBSTER, Carrie, Ann (US)  
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)  
(54) CHẾ PHẨM VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CÁC HỢP CHẤT LATEC  
(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất latec bao gồm cao su thiên nhiên hoặc nguyên liệu cao su tổng hợp và hệ thống xử lý có peroxit hữu cơ. Sáng chế còn đề cập đến phương pháp xử lý màng latec bao gồm các bước tạo màng từ hợp chất latec bao gồm cao su thiên nhiên hoặc nguyên liệu cao su tổng hợp và hệ thống xử lý có peroxit hữu cơ và làm nóng màng để thu được các nguyên liệu cao su thiên nhiên hoặc cao su tổng hợp được xử lý.

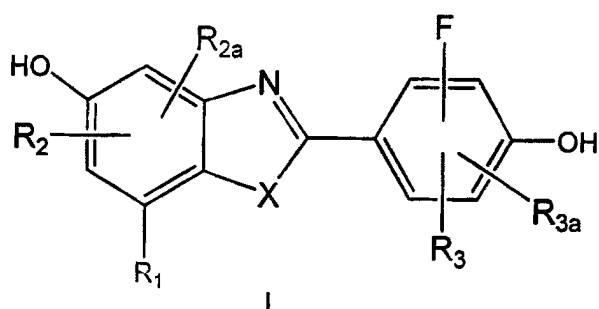
- (11) **16233**
- (21) 1-2007-02038 (51)<sup>7</sup> **G09F 3/10**, B32B 27/32, C09J 7/02
- (22) 31.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/GB2006/001203 31.03.2006 (87) WO/2006/106309 12.10.2006
- (30) 0507077.6 06.04.2005 GB
- (71) **SPEAR GROUP HOLDINGS LIMITED (GB)**  
Christopher Grey Court, Lakeside, Llantarnam Industrial Park, Cwmbran NP44 3SE, GB
- (72) **DAVIES, David, John (GB), HAMMONDS, Darren (GB)**
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) **NHÃN DỪNG ĐỂ DÁN BÓC ĐƯỢC LÊN VẬT DỤNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến nhãn dán vào vật dụng có thể bóc ra được như chai đồ uống bao gồm lớp dưới (2) bao gồm màng polyeste được định hướng theo hai trục như PET (12) và màng polypropylen được định hướng hai trục (14). Màng polyeste (12) có hệ số giãn nở nhiệt thấp hơn so với màng polypropylen (14). Vì vậy, khi nhãn này được đốt nóng, nó có xu hướng cuộn lên và hiệu ứng này có thể được sử dụng để trợ giúp trong việc bóc nhãn ra từ vật dụng trong bể rửa nóng trong quá trình tái sinh vật dụng.



- (11) **16234**
- (21) 1-2007-02039 (51)<sup>7</sup> **C07D 263/57**, 277/66, 235/18
- (22) 06.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2006/007793 06.03.2006 (87) WO2006/096584 14.09.2006
- (30) 60/659,138 07.03.2005 US
- (71) WYETH (US)  
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America
- (72) IERA, Silvio (CA)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ HỢP CHẤT BENZOXAZOL ĐƯỢC THỂ
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình điều chế các hợp chất benzoxazol được thể, và cụ thể là 2-(3-floro-4-hydroxy-phenyl)-7-vinyl-benzoxazol-5-ol. Quy trình này bao gồm vinyl hóa hợp chất benzoxazol được thể có nhóm thế thích hợp.



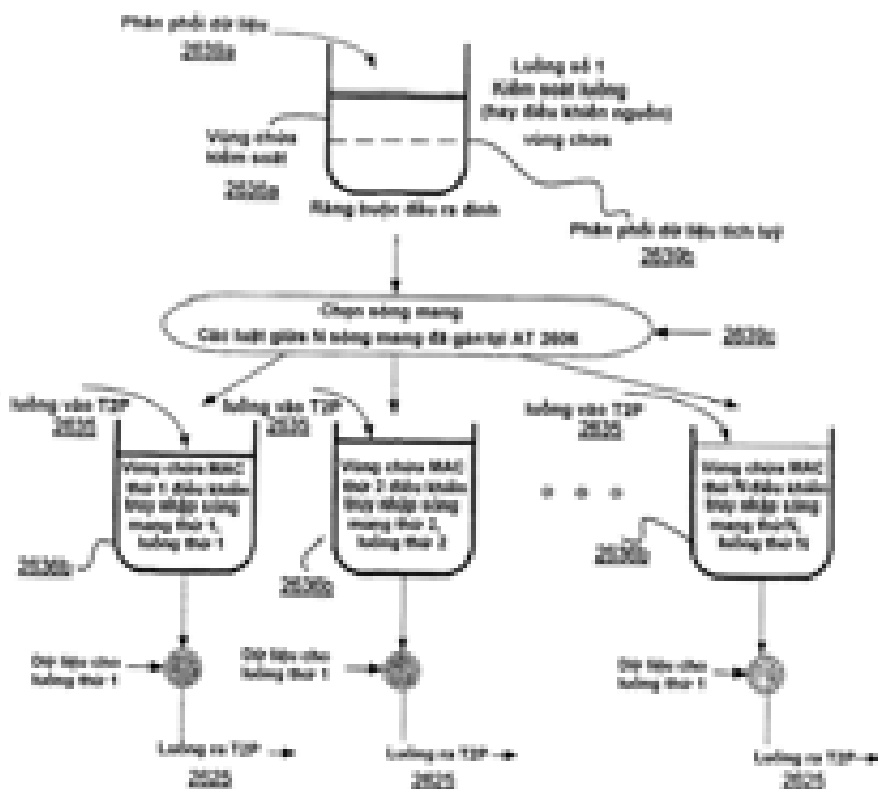
- (11) **16235**  
(21) 1-2007-02040 (51)<sup>7</sup> **C07D 263/56**  
(22) 06.03.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/US2006/007887 06.03.2006 (87) WO2006/096624 14.09.2006  
(30) 60/659,212 07.03.2005 US  
(71) WYETH (US)  
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, United States of America  
(72) IERA, Silvio (CA)  
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Quyến (INVENCO)  
(54) QUY TRÌNH TINH CHẾ HỢP CHẤT BENZOXAZOL ĐƯỢC THỂ  
(57) Sáng chế đề xuất quy trình tinh chế hợp chất benzoxazol được thể, và cụ thể là hợp chất 2-(3-flo-4-hydroxy-phenyl)-7-vinyl-benzooxazol-5-ol. Quy trình này bao gồm bước tái kết tinh hợp chất từ dung dịch chứa axeton và axetonitril; xử lý sản phẩm được tinh chế thô này bằng chất làm trong trong dung dịch chứa etyl axetat, và kết tủa hoặc nghiền hợp chất từ hệ dung môi hỗn hợp.



- (11) **16236**  
 (21) 1-2007-02049 (51)<sup>7</sup> **H04L 12/56**  
 (22) 08.03.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/US2006/008317 08.03.2006 (87) WO2006/096789 14.09.2006  
 (30) 60/659,989 08.03.2005 US  
 11/371,274 07.03.2006 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 08.10.2007

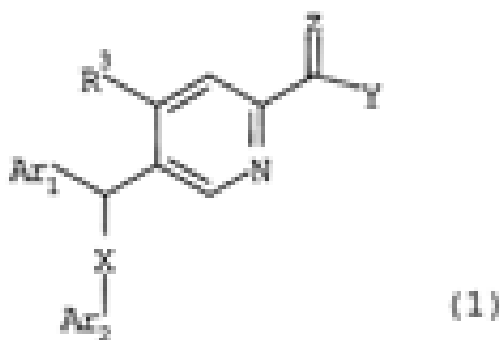
- (71) QUALCOMM INCORPORATED (US)  
 5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121-1714, USA  
 (72) GHOSH, Donna (US), LOTT, Christopher Gerard (US), ATTAR, Rashid A. (IN)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN TRUY NHẬP TRUNG GIAN KẾT NỐI NGƯỢC, ĐA LUỒNG, ĐA SÓNG MANG CHO HỆ THỐNG TRUYỀN THÔNG  
 (57) Các phương pháp và thiết bị bao gồm các phân tử truyền thông mà chứa lớp MAC được cấu hình cho truyền thông không dây, trong đó phân tử truyền thông bao gồm bộ phát, bộ thu được kết nối có thể vận hành được với bộ phát, bộ xử lý được kết nối với bộ phát và bộ thu, và bộ nhớ được kết nối với bộ xử lý trong đó phân tử truyền thông được làm cho thích ứng để kiểm soát luồng dữ liệu, nhờ đó ràng buộc luồng dữ liệu đỉnh được cấp cho mỗi luồng qua tất cả các sóng mang được gán, chọn sóng mang từ nhiều sóng mang được gán cho luồng dữ liệu, và điều khiển truy nhập luồng, nhờ đó xác định công suất truyền tiềm năng cho phép cho luồng dữ liệu trên sóng mang.



- (11) **16237**  
 (21) 1-2007-02051 (51)<sup>7</sup> **C07D 213/61**, 213/79, A61K  
 31/4409, C07D 213/81, A61P 25/28,  
 C07D 401/04, 213/48  
 (22) 07.04.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/JP2006/307464 07.04.2006 (87) WO2006/109729 19.10.2006  
 (30) 2005-112802 08.04.2005 JP  
 2005-367976 21.12.2005 JP

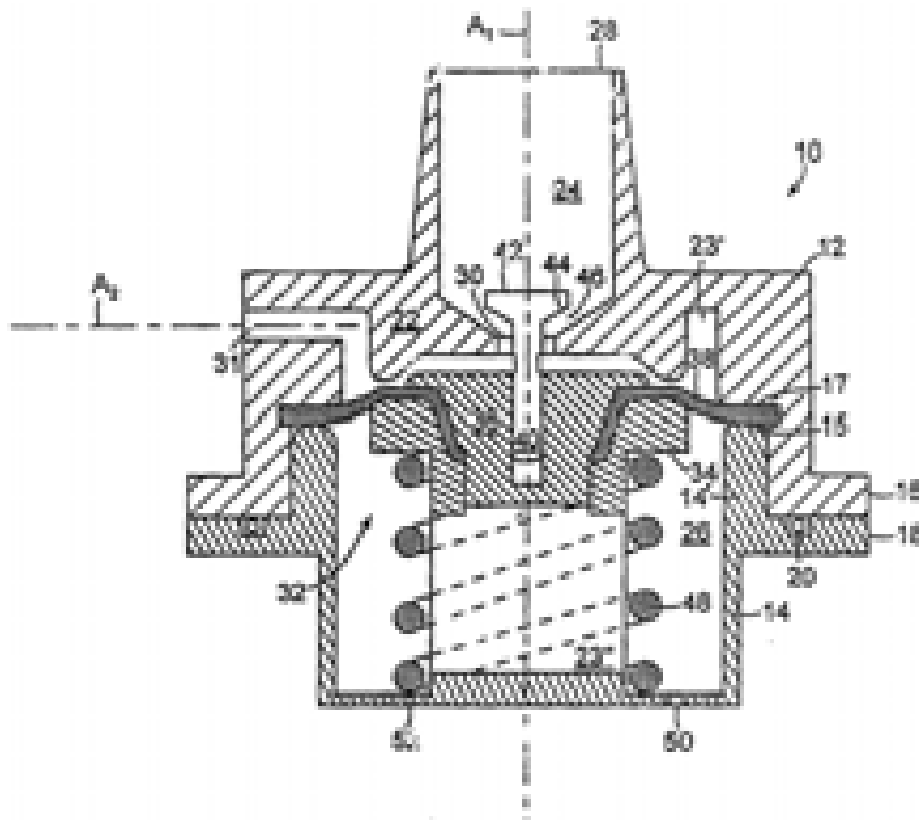
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 08.10.2007

- (71) DAIICHI SANKYO COMPANY, LIMITED (JP)  
 3-5-1, Nihonbashi-honcho, Chuo-ku, Tokyo 103-8426, Japan  
 (72) Satoru MIYAUCHI (JP), Hideki KUBOTA (JP), Kayoko MOTOKI (JP), Masayuki ITO (JP)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)  
 (54) HỢP CHẤT PYRIDYLMETYLSULFON VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY  
 (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất mới có hiệu quả ức chế tình trạng sản sinh/tiết ra protein dạng tinh bột  $\beta$ . Cụ thể sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức chung (1) sau:



hoặc muối hoặc solvat của hợp chất này hoặc solvat của muối của hợp chất này; và sáng chế cũng đề cập đến dược phẩm chứa hợp chất, hoặc muối hoặc solvat của hợp chất này hoặc solvat của muối của hợp chất này.

- (11) **16238**
- (21) 1-2007-02064 (51)<sup>7</sup> **G05D 16/06**, F16K 1/30, 17/04
- (22) 21.02.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2006/005941 21.02.2006 (87) WO2006/101641 28.09.2006
- (30) 60/664,299 22.03.2005 US
- 11/358,227 21.02.2006 US
- (71) GLOBAL AGRICULTURAL TECHNOLOGY AND ENGINEERING, LLC (US)  
3490 Marsha Lane, Vero Beach, Florida 32967, United States of America
- (72) NEWTON, John, R. (US)
- (74) Công ty TNHH Dịch vụ Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) VAN DÒNG KHÔNG ĐỔI
- (57) Sáng chế đề cập đến van dòng không đổi trong đó van điều chỉnh bao gồm một vỏ ngoài (10) gồm nắp (12) được gắn với đế (14). Vỏ bên trong bị chia thành phần đầu (24) và phần đế (26) bởi một vách ngăn (22), phần đế lại được chia nhỏ hơn nữa thành khoang chất lỏng (23') và khoang lò xo (23'') bởi một bộ điều biến. Cửa vào (28) và cửa ra 90° (31) trên nắp được thông với khoang chất lỏng. Chất lỏng dưới áp suất thay đổi được cho vào bên trong khoang chất lỏng theo cửa vào, với bộ điều biến làm nhiệm vụ duy trì dòng chất lỏng chảy ra ngoài khoang chất lỏng theo cửa ra với áp suất về cơ bản được giữ không đổi.



- (11) **16239**  
(21) 1-2007-02076 (51)<sup>7</sup> **E04B 1/343**, E04F 13/02  
(22) 10.03.2005 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/JP2005/004235 10.03.2005 (87) WO2006/095430 14.09.2006  
(71) YUGENKAISHA JAPAN TSUSYO (JP)

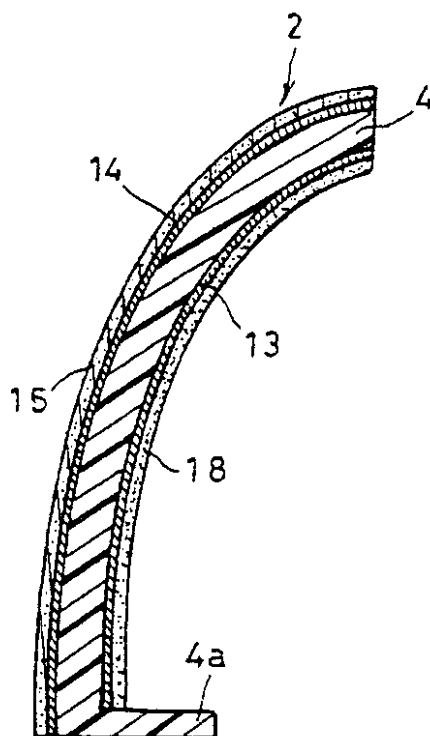
4-30, Ro, Shinbo-machi, Kaga-shi, Ishikawa 922-0401, Japan

(72) Katsuyuki KITAGAWA (JP)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) **KẾT CẤU DỄ THÁO LẮP VÀ PHƯƠNG PHÁP LẮP RÁP**

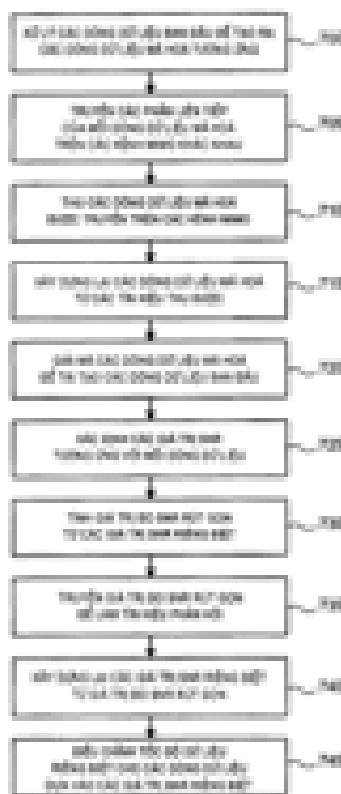
(57) Sáng chế đề cập đến kết cấu dễ tháo lắp và phương pháp lắp ráp để ngăn không cho nút chất bịt kín, để gia cố mối nối giữa các bộ phận, và để tăng cường khả năng sống của kết cấu. Phương pháp lắp ráp kết cấu dễ tháo lắp theo sáng chế bao gồm các bước sau: lắp ráp phần chính của kết cấu bằng cách sử dụng bột vữa được trộn với chất kết dính để ghép nối các bộ phận với nhau, các bộ phận này được làm bằng polystyren bột và tạo thành các phần của kết cấu có hình dạng định trước, phủ chất kết dính để che phủ ít nhất các vị trí mà các bộ phận được ghép nối cũng như tấm lưới làm bằng sợi vô cơ được đan kết, phủ chất kết dính, được tạo ra bằng cách phân tán sợi vô cơ và bột vữa trong sơn dạng chất dẻo, lên trên các mặt ngoài và trong của kết cấu theo độ dày định trước, và phủ sơn không thấm nước và có thể chắn tia cực tím lên trên chất bịt kín bên ngoài của kết cấu, và phủ sơn đất sét làm bằng các chất tự nhiên lên trên chất bịt kín bên trong kết cấu.



- (11) **16240**
- (21) 1-2007-02084 (51)<sup>7</sup> **H04L 1/00**, 1/20
- (22) 13.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2006/009468 13.03.2006 (87) WO2006/099525 21.09.2006
- (30) 11/078,470 11.03.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 11.10.2007

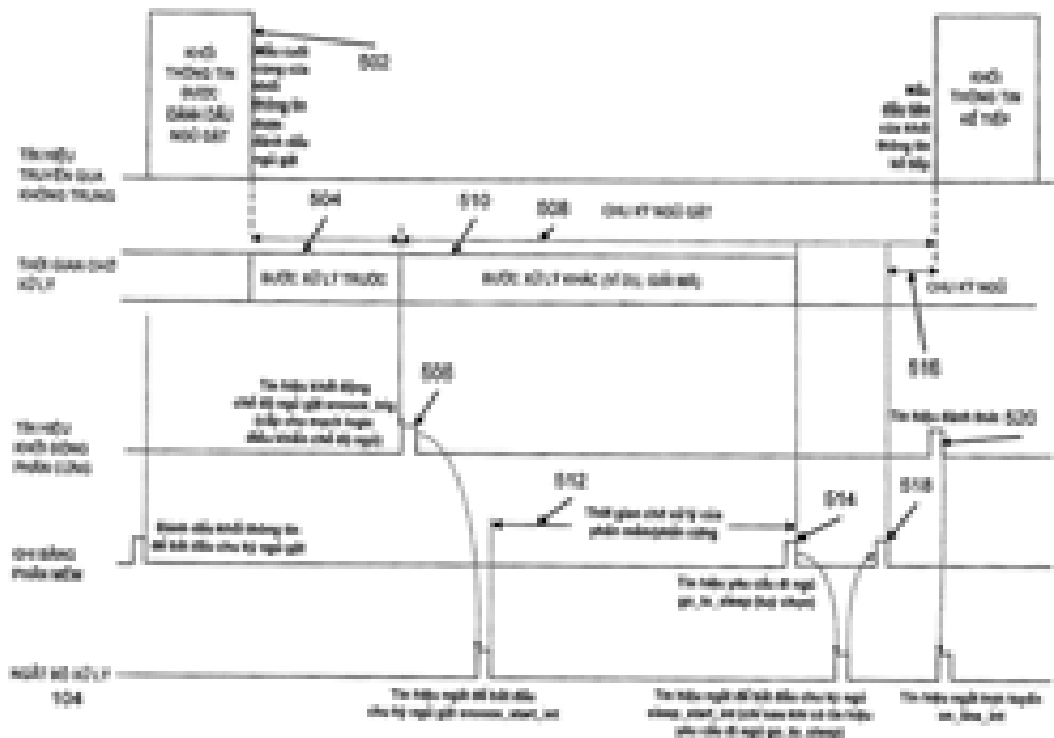
- (71) **QUALCOMM INCORPORATED (US)**  
5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121-1714, USA
- (72) **KIM, Byoung-Hoon (KR)**
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ HỆ THỐNG TRUYỀN THÔNG KHÔNG DÂY CÓ NHIỀU ĐẦU VÀO VÀ NHIỀU ĐẦU RA**
- (57) Sáng chế đề cập đến hệ thống và phương pháp nâng cao hiệu suất của hệ thống truyền thông không dây có nhiều đầu vào và nhiều đầu ra (MIMO: Multiple-Input, Multiple-Output) bằng cách giảm lượng tài nguyên liên kết lên cần dùng để cung cấp tín hiệu phản hồi về hiệu suất kênh nhằm điều chỉnh tốc độ dữ liệu trên các kênh liên kết xuống MIMO. Theo một phương án, phương pháp của sáng chế bao gồm các bước: mã hoá từng dòng dữ liệu trong tập hợp các dòng dữ liệu theo tốc độ dữ liệu tương ứng, hoán vị các dòng dữ liệu này trên một tập hợp các kênh MIMO theo mẫu hoán vị toàn phần của các tổ hợp, truyền các dòng dữ liệu đã hoán vị, thu các dòng dữ liệu đã hoán vị, giải mã và xác định giá trị SNR cho mỗi dòng dữ liệu, tính giá trị đo SNR rút gọn cho tập hợp dòng dữ liệu, cung cấp giá trị đo rút gọn để làm tín hiệu phản hồi, xác định tập hợp các giá trị đo SNR riêng biệt.



- (11) **16241**
- (21) 1-2007-02085 (51)<sup>7</sup> **H04B 1/16, H04M 1/73**
- (22) 13.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2006/009478 13.03.2006 (87) WO2006/099535 21.09.2006
- (30) 60/660,916 11.03.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 11.10.2007

- (71) **QUALCOMM INCORPORATED (US)**  
5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121-1714, USA
- (72) **JAROSINSKI, Tadeusz (US), GANAPATHY, Chinnappa K. (IN), WANG, Michael Mao (US)**
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **MÁY THU PHÁT KHÔNG DÂY VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU KHIỂN CHẾ ĐỘ NGỦ TRONG MÁY THU PHÁT KHÔNG DÂY**
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị và phương pháp điều khiển chế độ ngủ trong máy thu phát hoặc máy thu. Cụ thể hơn, sáng chế đề cập đến máy thu phát bao gồm bộ xử lý được cấu hình để xác định thông tin định thời liên quan đến khoảng thời gian ngủ đối với ít nhất một phần các bộ phận trong máy thu phát. Máy thu phát này còn bao gồm mạch logic điều khiển chế độ ngủ kết nối với bộ xử lý để thu thông tin liên quan đến khoảng thời gian ngủ từ bộ xử lý và được cấu hình để thực hiện việc tắt ít nhất một phần các bộ phận của máy thu phát trong khoảng thời gian giảm công suất một cách độc lập với bộ xử lý.



(11) **16242**

(21) 1-2007-02101

(22) 07.04.2006

(86) PCT/KR2006/001274 07.04.2006

(30) 10-2005-0030530 12.04.2005 KR

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 12.10.2007

(75) 1. KIM, MYUNG-DAE (KR)

101-1301, Hyangchon Apt., 899-7, Pyeongchon-dong Dongan-gu, Anyang-city, Gyeonggi-do 431-070, Republic of Korea

2. KIM, MYUNG-DEUK (KR)

1-107, Pyeonghwa Mansion, 782-27, Anyang 4-dong, Manan-gu, Anyang-city, Gyeonggi-do 430-837, Republic of Korea

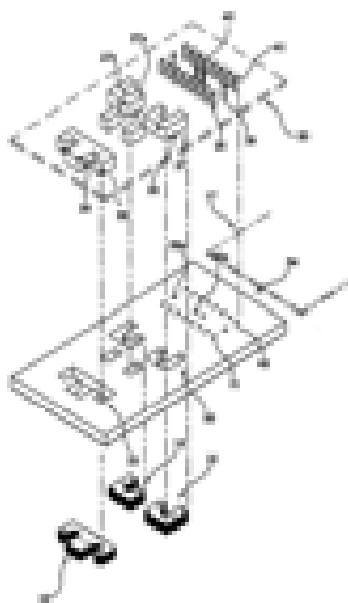
3. JEONG, GAP-GYUN (KR)

14-802 Mujigae Maecul (11/3), 931, Dongchun-dong, Yeonsu-gu, Incheon 406-130, Republic of Korea

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

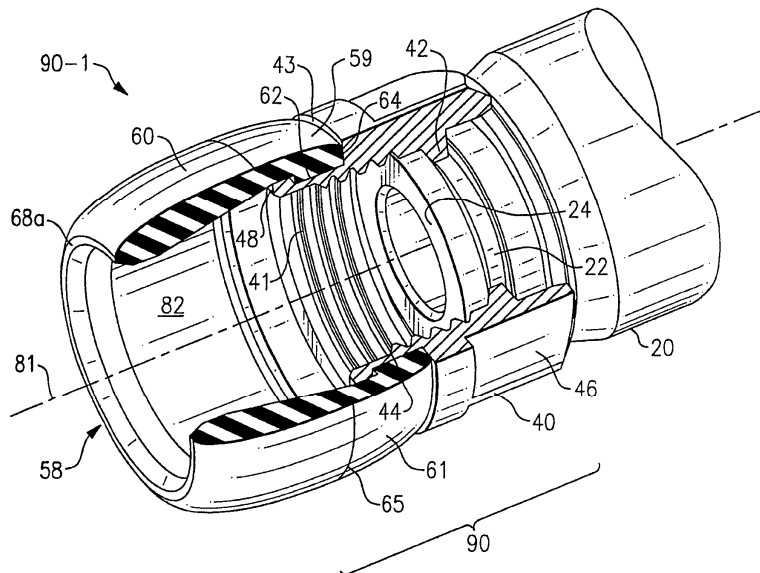
(54) LÁ SẮT TỪ, KHUÔN VÀ PHƯƠNG PHÁP TẠO RA VÀ ÉP CÁC LÁ SẮT NÀY THÀNH LỖI SẮT TỪ

(57) Sáng chế đề cập đến lá sắt từ, khuôn và phương pháp tạo ra và ép các lá sắt từ này thành lõi sắt từ được dùng để chế tạo máy biến thế, bộ chỉnh lưu, bộ ổn định, bóng đèn...vv. Khi lá sắt từ được tạo ra, một lá sắt từ hình chữ (E) và một cặp lá sắt từ hình chữ (C) đồng thời được dập từ tấm thép silic, trong đó cặp lá sắt từ hình chữ (C) được bố trí trên cả hai phía của lá sắt từ hình chữ (E). Một số lượng xác định các lá sắt từ hình chữ (E) và các cặp lá sắt từ hình chữ (C) được tập hợp và ép để tạo ra lõi sắt từ. Lá sắt từ bao gồm lá sắt từ hình chữ (E) có các nhánh bên được tạo ra một cách đối xứng trên hai phía và nhánh giữa được tạo ra giữa các nhánh bên và một cuộn dây được lắp trên đó, và một cặp lá sắt từ hình chữ (C), mỗi lõi có nhánh dài được tạo ra tương ứng với nhánh bên của lá sắt từ hình chữ (E) và nhánh ngắn được tạo ra tương ứng với nhánh dài của lá sắt từ hình chữ (E).





- (11) **16243**  
 (21) 1-2007-02107 (51)<sup>7</sup> **H01R 13/52**  
 (22) 28.03.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/US2006/011058 28.03.2006 (87) WO2006/104994 05.10.2006  
 (30) 11/095,316 31.03.2005 US  
 (71) JOHN MEZZALINGUA ASSOCIATES, INC. (US)  
 6176 East Molloy Road, East Syracuse, NY 13057-0278, the United States of America  
 (72) Noab Montena (US)  
 (74) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)  
 (54) **HỆ THỐNG CÁP ĐỒNG TRỰC SỬ DỤNG CỤM BỊT KÍN KIỂU ĐAI ỐC**  
 (57) Sáng chế đề cập đến cụm bịt kín hoàn chỉnh và bộ phận hợp thành của hệ thống cáp đồng trục kết hợp cụm bịt kín này với đầu nối để nối với cổng có ren ngoài. Cụm bịt kín bao gồm chi tiết làm kín kiểu hộp xếp có thân hình ống biến dạng đàn hồi và nhiều bề mặt làm kín, và khoang nối nguyên (65) nằm ở vị trí trung gian giữa đầu trước và đầu sau (59) trợ giúp sự biến dạng dọc trục của chi tiết làm kín theo lực tác động dọc trục. Một trong các bề mặt làm kín được tạo thành để ăn khớp với bề mặt tương ứng của đai ốc có ren trong (40) hoặc vỏ ngoài. Bộ phận hợp thành này có thể ăn khớp với cổng có ren ngoài thông qua đầu nối có ren trong. Đầu phía trước (68) của chi tiết làm kín lắp vừa trên cổng và bề mặt làm kín của chi tiết làm kín có khả năng làm kín dọc trục áp lên vai hoặc cổng trong khi thân của chi tiết làm kín phủ cổng có ren ngoài còn hở khác.



- (11) **16244**
- (21) 1-2007-02110 (51)<sup>7</sup> **C07D 513/04**, A61K 31/55, A61P 25/00
- (22) 10.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/GB2006/000846 10.03.2006 (87) WO2006/097691 21.09.2006
- (30) 0505205.5 14.03.2005 GB  
0525239.0 12.12.2005 GB
- (71) **GLAXO GROUP LIMITED (GB)**  
Glaxo Wellcome House, Berkeley Avenue, Greenford, Middlesex UB6 0NN, United Kingdom
- (72) **BAILEY, Nicholas (GB), PICKERING, Paula, Louise (GB), WILSON, David, Matthew (GB)**
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **DẪN XUẤT THIAZOL CÓ HOẠT TÍNH DƯỢC LÝ, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ CHỨNG VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHỨNG**
- (57) Sáng chế đề xuất các dẫn xuất thiazol có hoạt tính dược lý, quy trình điều chế chúng, dược phẩm chứa chúng sử dụng chúng để điều trị các rối loạn thần kinh và tâm thần.

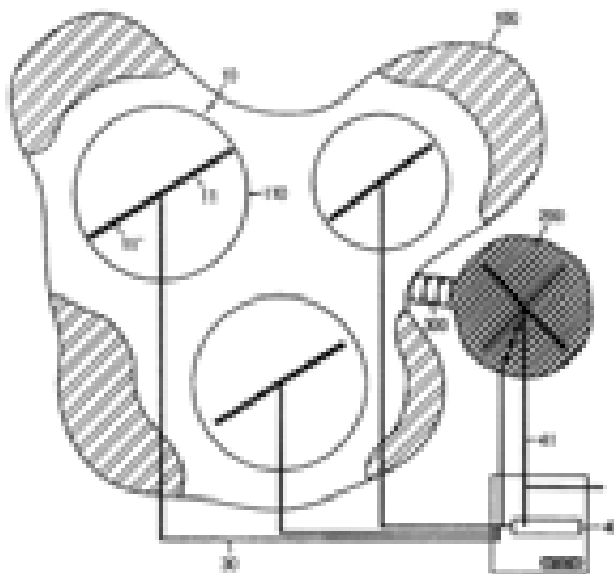
- (11) **16245**
- (21) 1-2007-02120 (51)<sup>7</sup> **C07D 243/38**, 281/16, 267/20, 471/04, 285/36, A61K 31/55, 31/551
- (22) 13.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2006/060661 13.03.2006 (87) WO2006/097449 21.09.2006
- (30) FI2005A000042 15.03.2005 IT
- (71) MENARINI INTERNATIONAL OPERATIONS LUXEMBOURG S.A. (LU)  
1, Avenue de la Gare L-1611 Luxembourg, Luxembourg
- (72) GUIDI, Antonio (IT), DIMOULAS, Tula (IT), GIANNOTTI, Danilo (IT), HARMAT, Nicholas (GB)
- (74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)
- (54) HỢP CHẤT N-HYDROXYAMIT ĐƯỢC THẾ BẰNG NHÓM BA VÒNG Ở VỊ TRÍ OMEGA ĐỂ SỬ DỤNG LÀM CHẤT ỨC CHẾ HISTON DEAXETYLAZA VÀ ĐƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất N-hydroxyamit của axit n-alkyl carboxylic được thế omega bằng hệ ba vòng thích hợp đặc trưng bởi vòng có 7 cạnh ở trung tâm, hợp chất này có hoạt tính làm chất ức chế histon deaxetylaza (HDAC).

- (11) **16246**  
(21) 1-2007-02121
- (51)<sup>7</sup> **C07D 211/34**, 211/96, 409/14, 413/06, 405/06, 409/06, 401/06, 417/06, A61K 31/445, 31/4525, 31/4535, 31/454, 31/4523, A61P 35/00, 3/00
- (22) 14.03.2006  
(86) PCT/EP2006/060687 14.03.2006  
(30) FI2005A000041 15.03.2005 IT  
FI2005A000239 21.11.2005 IT
- (43) 25.01.2008  
(87) WO2006/097460 21.09.2006
- (71) MENARINI INTERNATIONAL OPERATIONS LUXEMBOURG S.A. (LU)  
1, Avenue De La Gare L-1611 Luxembourg, Luxembourg
- (72) ROSSI, Cristina (IT), PORCELLONI, Marina (IT), D'ANDREA, Piero (IT), FATTORI, Daniela (IT), MARASTONI, Elena (IT)
- (74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)
- (54) HYDROXAMAT LÀM CHẤT ỨC CHẾ HISTON DEAXETYLaza VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG
- (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất có cấu trúc (I) có hoạt tính ức chế histon deaxetylaza (HDAC) đã được mô tả. Các hợp chất này có đặc trưng về mặt hóa học bởi sự có mặt của axit hydroxamic, với kẽm là chất tạo chelat, các nhân thơm được liên kết bởi liên kết trong đó có mặt hoặc hệ thơm hai vòng hoặc vòng piperidin.

- (11) **16247**  
(21) 1-2007-02123 (51)<sup>7</sup> **C02F 1/28**  
(22) 02.05.2005 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/KR2005/001274 02.05.2005 (87) WO2006/118357 09.11.2006  
(30) 10-2005-0031378 15.04.2005 KR  
10-2005-0031379 15.04.2005 KR  
10-2005-0031380 15.04.2005 KR

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 15.10.2007

- (71) YUNECO DEVELOPMENT CO., LTD. (KR)  
627-7, Pajang-dong, Jangan-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do 440-290, Republic of Korea  
(72) KIM, Sung-Yun (KR)  
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)  
(54) **HỆ THỐNG LÀM SẠCH NƯỚC**  
(57) Sáng chế đề cập tới hệ thống làm sạch nước bao gồm một bơm, đường ống nạp nối với bơm để truyền lực hút của bơm; các chi tiết nạp có đầu được nối sao cho nối thông với đường ống nạp và còn được lắp có thể quay được dựa trên phần nối trong một lỗ thu gom được tạo ra ở đáy của vùng nước kín, các chi tiết nạp có các lỗ nạp được tạo ra trên đó để đưa nước và bùn cặn vào bên trong lỗ thu gom; thiết bị lọc bùn cặn để tách và lọc bùn cặn được đưa vào qua đường ống nạp ra khỏi nước; và đường ống cấp để cấp nước đã lọc nhờ thiết bị lọc tới vùng nước trên.



(11) **16248**

(21) 1-2007-02125

(51)<sup>7</sup> **A01N 51/00**, A01P 7/04

(22) 20.03.2006

(43) 25.01.2008

(86) PCT/EP2006/060888 20.03.2006

(87) WO/2006/100227 28.09.2006

(30) 60/663,858 21.03.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 15.10.2007

(71) BASF AKTIENGESELLSCHAFT (DE)

67056 Ludwigshafen (DE)

(72) VOESTE, Dirk (DE), COTTER, Henry Van Tuyt (US)

(74) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

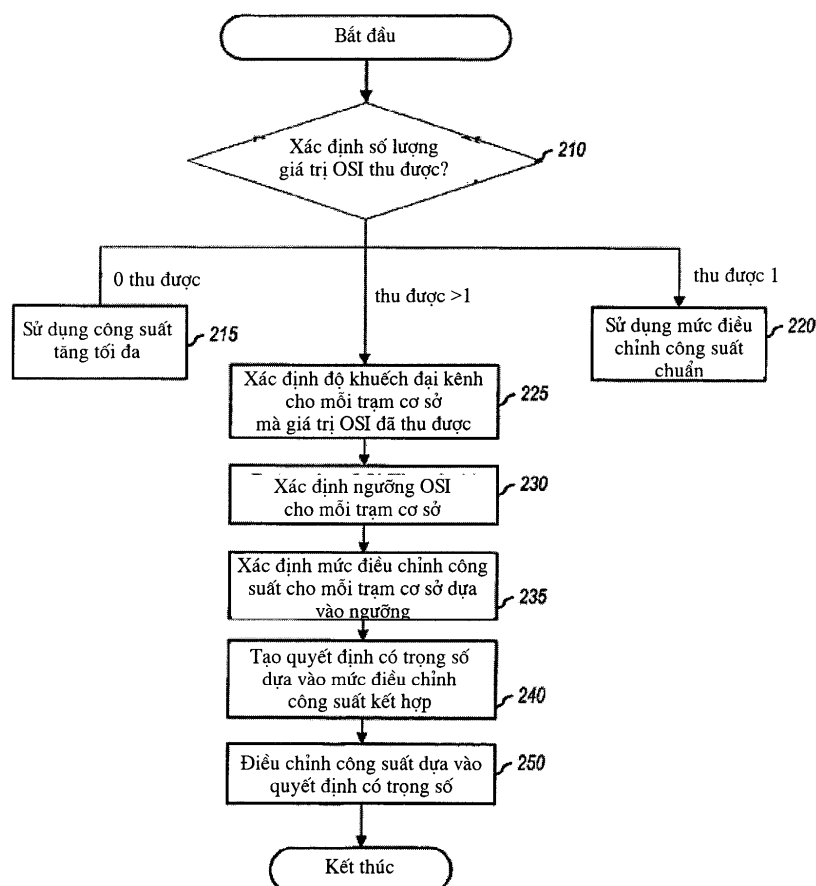
(54) HỖN HỢP TRỪ SÂU

(57) Sáng chế đề cập tới các hỗn hợp thành phần hoạt tính bảo vệ cây trồng bao gồm fipronil và clothianidin có tác dụng trừ sâu tăng cường hiệu đồng bằng việc sử dụng hỗn hợp này trên cho thực vật hoặc địa điểm của chúng và phương pháp bảo vệ hạt giống gồm việc cho hạt giống trước khi gieo hạt và/hoặc sau khi nảy mầm tiếp xúc với hỗn hợp nêu trên. Sáng chế cũng đề cập đến hạt giống chứa hỗn hợp nêu trên.

- (11) **16249**  
 (21) 1-2007-02126 (51)<sup>7</sup> **H04B 7/005**  
 (22) 15.03.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/US2006/009549 15.03.2006 (87) WO2006/099546 21.09.2006  
 (30) 60/662,301 15.03.2005 US  
 60/731,126 27.10.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 15.10.2007

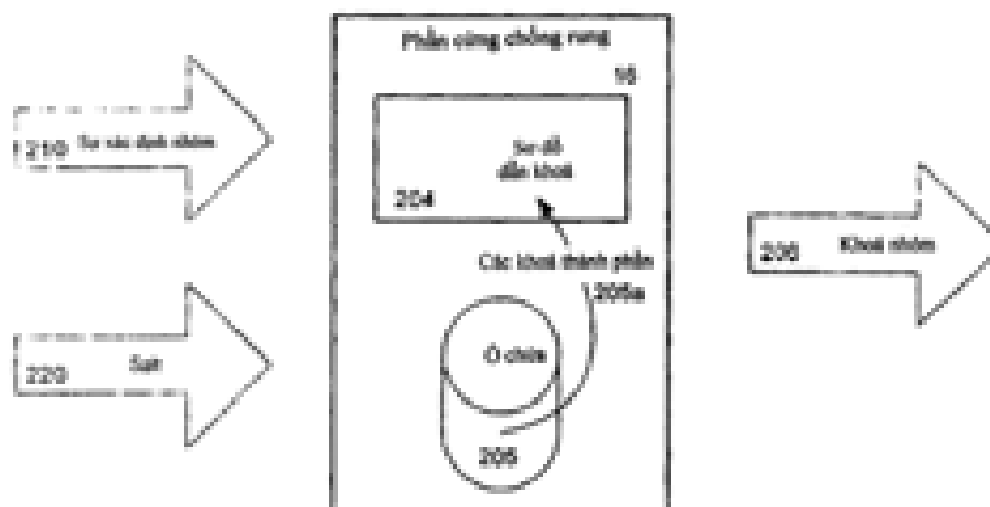
- (71) QUALCOMM INCORPORATED (US)  
 5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121-1714, USA  
 (72) MESE, Murat (TR), SUTIVONG, Arak (TH), WADSWORTH, Philip R, (US)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN CÔNG SUẤT DÙNG CHO ĐẦU CUỐI KHÔNG DÂY  
 (57) Sáng chế đề xuất kỹ thuật điều chỉnh công suất truyền để giảm cả nhiễu trong cung đến trạm cơ sở phục vụ và nhiễu liên cung đến các trạm cơ sở lân cận. Kỹ thuật này có thể được thực hiện bằng cách kết hợp thông tin nhiễu từ nhiều trạm cơ sở.



- (11) **16250**
- (21) 1-2007-02144 (51)<sup>7</sup> **C07D 401/04**, A61K 31/497, A61P 25/00
- (22) 06.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/IB2006/000564 06.03.2006 (87) WO2006/114666 02.11.2006
- (30) 60/662,917 17.03.2005 US
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 17.10.2007
- (71) PFIZER PRODUCTS INC. (US)  
Eastern Point Road, Groton, Connecticut 06340, United States of America
- (72) Patrick Robert VERHOEST (US), Robert Louis HOFFMAN (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) HỢP CHẤT ARYL 1,4-PYRAZIN ĐƯỢC THỂ
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức (I), như được mô tả trong Bản mô tả này, cũng như muối dược dụng của nó, hợp chất này có tác dụng làm chất đối kháng CRF<sub>1</sub>, và có thể được sử dụng để điều trị các rối loạn và bệnh liên quan đến thụ thể CRF<sub>1</sub>, bao gồm các rối loạn và bệnh liên quan đến hệ thần kinh trung ương.



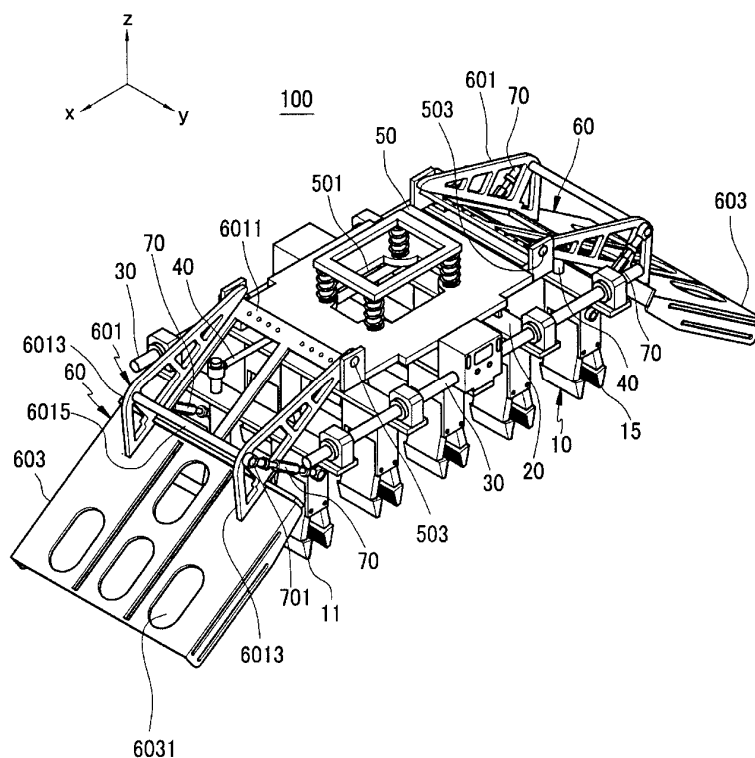
- (11) **16251**
- (21) 1-2007-02148 (51)<sup>7</sup> **H04L 9/08**, H04H 1/00
- (22) 24.04.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/IB2006/000992 24.04.2006 (87) WO2006/114684 02.11.2006
- (30) 60/674,959 25.04.2005 US
- (71) NOKIA CORPORATION (FI)  
Keilalahdentie 4, FI-02150 Espoo (FI)
- (72) Tarkkala, Lauri (FI)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ ĐỂ TẠO RA KHÓA NHÓM**
- (57) Sáng chế đề cập đến hệ thống tạo ra khoá mà cung cấp sự tạo ra các khoá nhóm được ưu tiên trên cơ sở đầu vào của nhóm được ưu tiên. Hệ thống này thực hiện sự tạo thành khoá chứa các khoá phân tử tương ứng với mỗi thuê bao X có thể của tập hợp thuộc bộ phận, trong đó các thuê bao X có các bộ phận k hoặc nhỏ hơn. Khoá nhóm được ưu tiên được tạo thành cho tập hợp được ưu tiên trước bằng cách truyền các khoá phân tử được sắp xếp của các thuê bao X mà không chứa các bộ phận của tập hợp được ưu tiên trước đến hàm giả ngẫu nhiên.



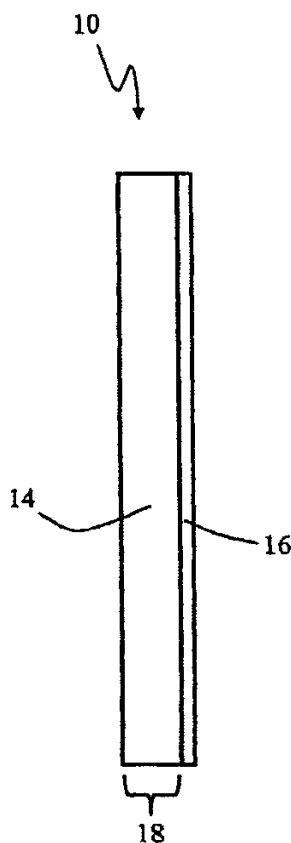
- (11) **16252**  
 (21) 1-2007-02172 (51)<sup>7</sup> **B25J 15/08**  
 (22) 28.02.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/KR2006/000704 28.02.2006 (87) WO2006/098556 21.09.2006  
 (30) 20-2005-0007339 18.03.2005 KR  
 10-2005-0022499 18.03.2005 KR  
 10-2006-0018829 27.02.2006 KR  
 10-2006-0018830 27.02.2006 KR  
 10-2006-0018831 27.02.2006 KR

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 18.10.2007

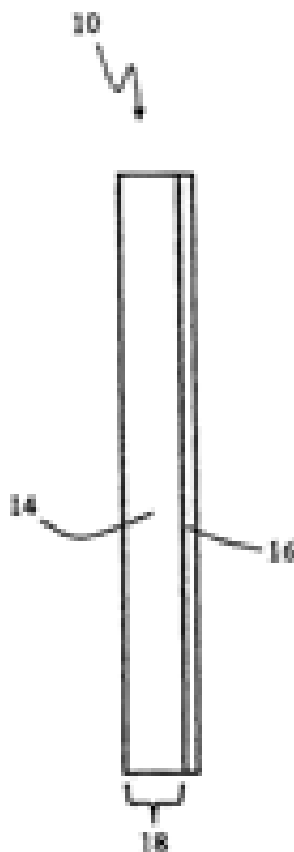
- (71) LG HOUSEHOLD & HEALTH CARE LTD. (KR)  
 20, Yoido-dong, Youngdungpo-gu, Seoul, Korea  
 (72) PARK, No-Gak (KR), RYU, Jong-Moo (KR), HA, Joung-Yong (KR)  
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)  
 (54) TAY ROBOT ĐỂ BỐC SẢN PHẨM  
 (57) Sáng chế đề cập đến tay robot để bốc các sản phẩm. Tay robot theo sáng chế có thể bốc nhiều sản phẩm cùng lúc. Tay robot bao gồm các dụng cụ kẹp được thiết kế đặt cạnh nhau và tách rời nhau theo phương ngang; các khung dịch chuyển được kết hợp với phần trên của dụng cụ kẹp để cố định dụng cụ kẹp; thanh dẫn hướng đi qua các khung dịch chuyển được để cố định khung dịch chuyển được; một cặp cánh dẫn được lắp trên cả hai cạnh của các khung dịch chuyển được; và thanh hình trụ nối với một cặp cánh dẫn và có chiều dài thay đổi được.



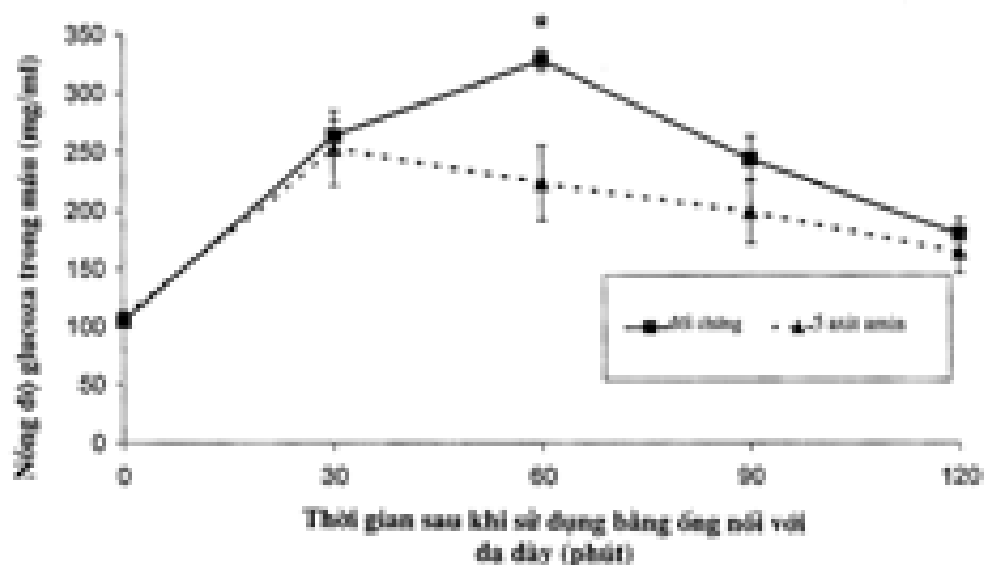
- (11) **16253**  
(21) 1-2007-02177 (51)<sup>7</sup> **B32B 27/30**, 17/10  
(22) 17.03.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/US2006/009950 17.03.2006 (87) WO2006/102198 28.09.2006  
(30) 11/087,987 24.03.2005 US  
(71) SOLUTIA INCORPORATED (US)  
575 Maryville Centre Drive, St. Louis, MO 63141, United States of America  
(72) LIN Chia-Chang (US), YUAN Ping (US), D'ERRICO John (US)  
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
(54) LỚP XEN POLYME VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT NÓ  
(57) Sáng chế đề cập tới lớp xen polyme dùng trong tấm kính nhiều lớp, và cụ thể sáng chế đề cập tới các chất tăng cường tính năng khác nhau cho lớp xen polyme và phương pháp để kết hợp một cách hiệu quả các chất tăng cường tính năng này vào các lớp xen.



- (11) **16254**  
(21) 1-2007-02179 (51)<sup>7</sup> **B32B 17/10**  
(22) 17.03.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/US2006/009955 17.03.2006 (87) WO2006/102199 28.09.2006  
(30) 11/087,985 24.03.2005 US  
(71) SOLUTIA INCORPORATED (US)  
575 Maryville Centre Drive, St. Louis, MO 63141, United States of America  
(72) LIN Chia-chang (US), YUAN Ping (US)  
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
(54) LỚP XEN POLYME VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT NÓ  
(57) Sáng chế đề cập tới lớp xen polyme dùng trong tấm kính nhiều lớp, và cụ thể sáng chế đề cập tới chất chống dính cho các lớp xen polyme và phương pháp để kết hợp một cách hiệu quả các chất này vào các lớp xen.



- (11) **16255**
- (21) 1-2007-02184 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/223**
- (22) 21.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2006/010468 21.03.2006 (87) WO2006/102451 28.09.2006
- (30) 60/663,642 21.03.2005 US
- (71) ABBOTT LABORATORIES (US)  
Dept. 377 AP6A-1, 100 Abbott Park Road, Abbott Park, IL 60064, United States of America
- (72) MAZER, Terry (US), EDENS, Neile (US), BERGANA, Marti (US), SHEARER, Kati (US), WOLF, David (US), WALTON, Joseph (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **CHẾ PHẨM CHỨA AXIT AMIN DÙNG ĐỂ CẢI THIỆN KHẢ NĂNG DUNG NẠP GLUCOZA**
- (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm, bao gồm đồ uống hoặc chất lỏng có hàm lượng calo thấp, chứa isoleuxin, leuxin, valin, xystein và metionin, có với lượng cụ thể và/hoặc tỷ lệ trọng lượng cụ thể. Chế phẩm này đặc biệt hữu ích để điều trị cho các đối tượng bị bệnh đái tháo đường hoặc giảm dung nạp glucoza.



(11) **16256**

(21) 1-2007-02187

(51)<sup>7</sup> **F16M 13/02**

(22) 19.10.2007

(43) 25.01.2008

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 19.10.2007

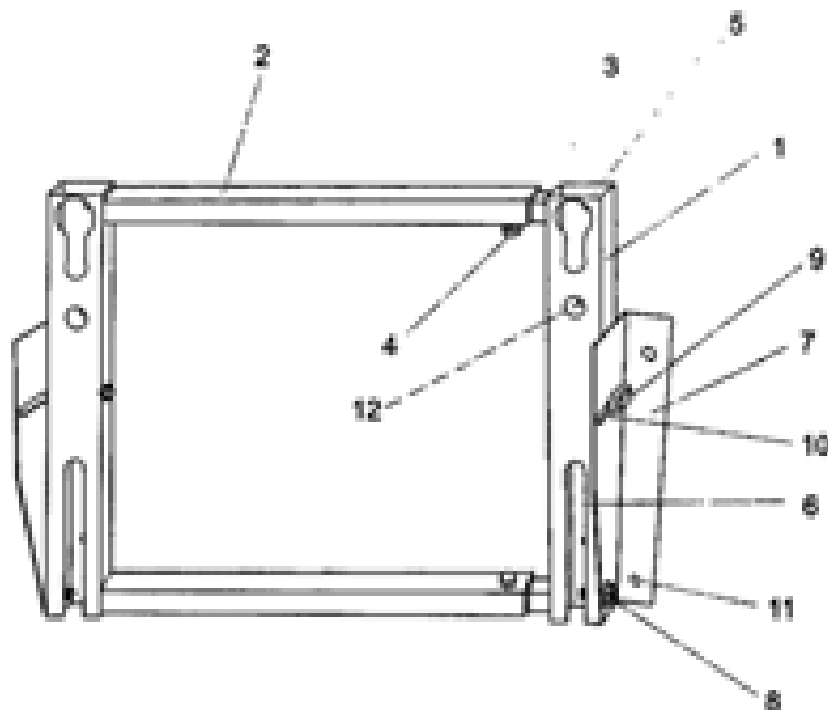
(71) **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN TƯỜNG (VN)**  
Thôn An Trai, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây

(72) **Phí Hồng Thịnh (VN)**

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) **GIÁ ĐỠ GẮN TƯỜNG DÙNG CHO MÀN HÌNH TINH THỂ LỎNG**

(57) Sáng chế đề cập đến giá đỡ gắn tường dùng cho màn hình tinh thể lỏng bao gồm hai bộ phận: bộ phận dùng để gắn màn hình và bộ phận dùng để thay đổi độ nghiêng của màn hình. Bộ phận dùng để gắn màn hình được tạo bởi hai nửa có dạng hình chữ C có thể dịch chuyển tương đối với nhau để có thể thay đổi kích thước của giá đỡ tương ứng với kích thước của màn hình được sử dụng. Mỗi nửa hình chữ C được tạo bởi một thanh đứng bằng kim loại và một cặp thanh ngang bằng kim loại. Trên mỗi thanh đứng có các rãnh tương ứng được bố trí nằm dọc thân thanh đứng và có kích cỡ phù hợp để lắp màn hình. Bộ phận dùng để thay đổi độ nghiêng của màn hình gồm hai tấm thép góc liên kết với hai thanh đứng của bộ phận dùng để gắn màn hình tại cả hai đầu, trong đó tại vị trí liên kết ở đầu phía trên có một rãnh hình vòng cung dùng để thay đổi vị trí tương đối giữa bộ phận dùng để gắn màn hình so với hai tấm thép góc tùy theo độ nghiêng mong muốn của màn hình.



- (11) **16257**
- (21) 1-2007-02195 (51)<sup>7</sup> **A61K 9/50**, 31/19
- (22) 22.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2006/060973 22.03.2006 (87) WO2006/100281 28.09.2006
- (30) 05006188.6 22.03.2005 EP
- 05028321.7 23.12.2005 EP
- (71) LOSAN PHARMA GMBH (DE)  
Otto Hahn-Strasse 13, 79395 Neuenburg, Germany
- (72) GRUBER, Peter (DE)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ IBUPROFEN HÒA TAN, IBUPROFEN THU ĐƯỢC TỪ QUY TRÌNH NÀY VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình điều chế ibuprofen hoà tan, tốt hơn là ở dạng hạt, quy trình này gồm các bước sau: cung cấp hỗn hợp gồm ibuprofen rắn và bazơ đầu tiên được chọn từ nhóm gồm natri hydroxit, kali hydroxit, natri carbonat, kali carbonat, natri glyxinat, kali glyxinat và natri và kali phosphat và hỗn hợp của chúng, và phản ứng ibuprofen và bazơ đầu tiên trong trạng thái gần khan. Hạt thu được và các dược phẩm và dạng liều có thể được bào chế từ hạt khác biệt bởi độ tan cao và phân rã và tan nhanh trong môi trường nước, tính chảy, và khả năng chịu nén tốt.

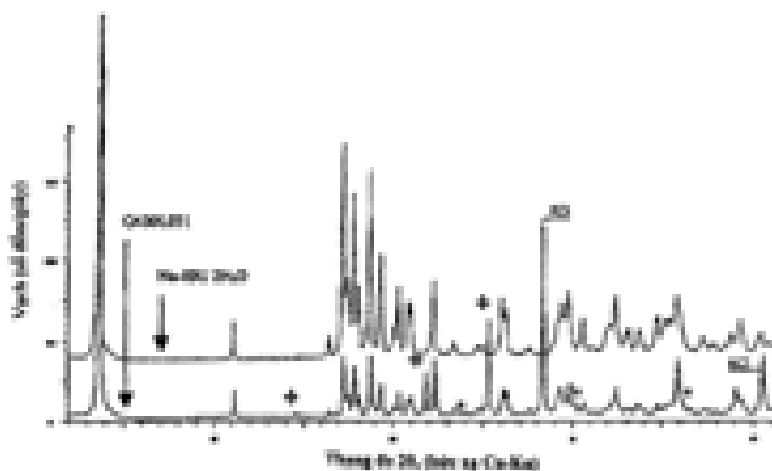


Fig.9: Phổ nhiễu xạ tia X của bột natri ibuprofen dihydrat thương phẩm và ví dụ 23 (G430L031) thu được từ quy trình ép đùn (các vết của glyxin)

- (11) **16258**  
 (21) 1-2007-02201 (51)<sup>7</sup> **H04R 7/10**  
 (22) 28.03.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/US2006/011599 28.03.2006 (87) WO2006/105268 05.10.2006  
 (30) 60/665,700 28.03.2005 US

(71) KNOWLES ELECTRONICS, LLC (US)

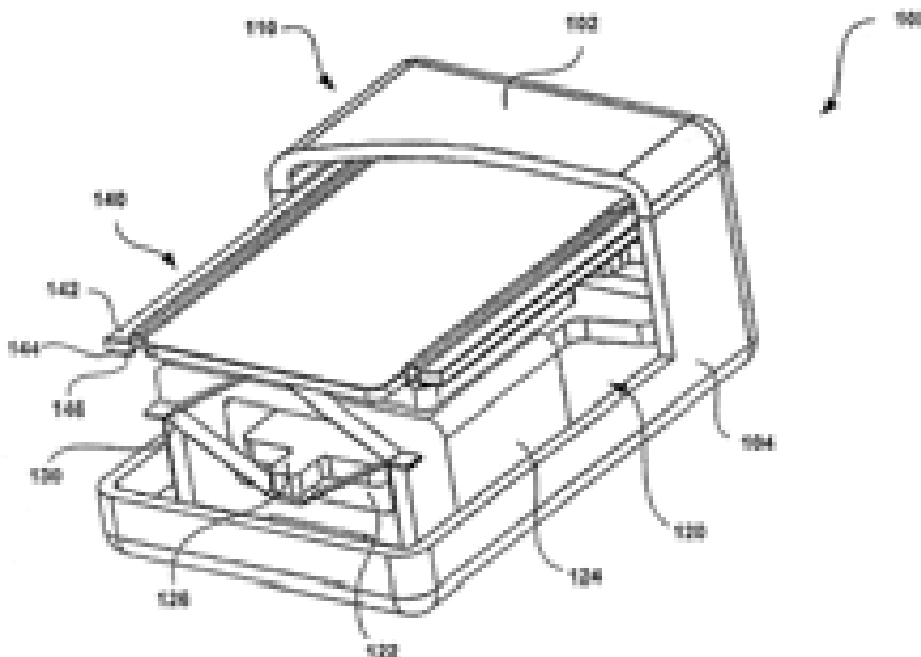
1151 Maplewood Drive, Itasca, Illinois 60143, United States of America

(72) JILES, Mekell (US), SCHAFER, David, Earle (US), MINERVINI, Anthony, D. (US), SUNARTO, Hanny (ID), MILLER, Thomas, Edward (US), WARREN, Daniel, Max (US)

(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(54) CỤM ÂM DÙNG CHO BỘ CHUYỂN ĐỔI

(57) Sáng chế liên quan đến cụm âm để sử dụng trong bộ chuyển đổi bao gồm cấu trúc nhiều lớp. Lớp thứ nhất bao gồm phần trung tâm thứ nhất, phần gờ thứ nhất và khe hở thứ nhất chia tách phần trung tâm thứ nhất và phần gờ thứ nhất. Lớp thứ hai bao gồm phần trung tâm thứ hai, phần gờ thứ hai và khe hở thứ hai chia tách phần trung tâm thứ hai và phần gờ thứ hai sao cho phần trung tâm thứ hai tự do dịch chuyển tương đối với phần gờ thứ hai. Lớp thứ nhất và lớp thứ hai được tạo ra trong một bộ, trong đó phần trung tâm thứ nhất và phần trung tâm thứ hai được nối với nhau, phần gờ thứ nhất và phần gờ thứ hai được nối với nhau, và khe hở thứ nhất và khe hở thứ hai về cơ bản xếp thẳng hàng để xác định đường dẫn. Bộ nói trên có phần cứng lắp ráp lớn hơn phần cứng của hoặc lớp thứ nhất hoặc lớp thứ hai. Khớp nối nối phần trung tâm lắp ráp thứ nhất và thứ hai và phần gờ thứ nhất và thứ hai sao cho phần trung tâm lắp ráp thứ nhất và thứ hai tự do quay ít nhất một phần tương đối với phần gờ lắp ráp thứ nhất và thứ hai xung quanh. Lớp mềm dẻo được nối với bộ nói trên và tạo ra sự bịt kín khi của đường dẫn.



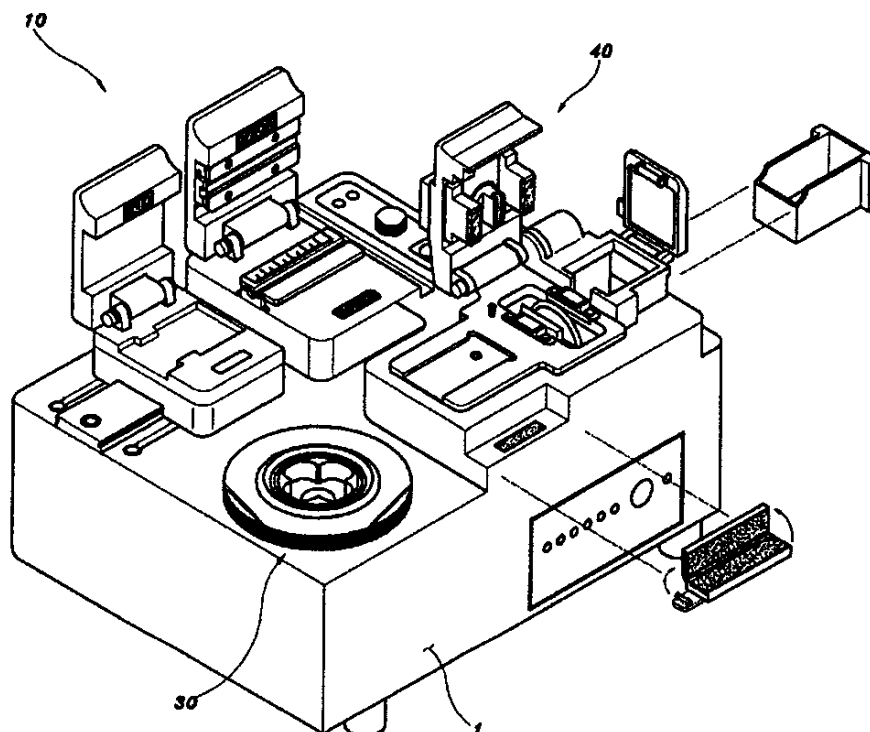


- (11) **16259**
- (21) 1-2007-02203 (51)<sup>7</sup> **C07D 237/12**
- (22) 20.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/JP2006/305486 20.03.2006 (87) WO2006/101058 28.09.2006
- (30) 2005-082174 22.03.2005 JP
- 2005-082175 22.03.2005 JP
- (71) SANKYO AGRO COMPANY, LIMITED (JP)  
5-2, Higashi-Shinbashi 1-chome, Minato-ku, Tokyo 105-7117, JAPAN
- (72) TSUKAMOTO, Yoshihisa (JP), KUDO, Noriaki (JP), KANEKO, Toshio (JP),  
KOMAI, Hiroyuki (JP), NAKAGAWA, Harumi (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ 3,6-DICLOPYRIDAZIN-1-OXIT
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình điều chế 3,6-diclopyridazin-1-oxit bao gồm bước cho 3,6-diclopyridazin phản ứng với anhydrit axit và hydro peroxit có nồng độ 60% hoặc thấp hơn hoặc hợp chất cộng hydro peroxit ure.

- (11) **16260**  
(21) 1-2007-02204 (51)<sup>7</sup> **G02B 6/25**  
(22) 20.04.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/KR2006/001487 20.04.2006 (87) WO2006/112675 26.10.2006  
(30) 10-2005-0033376 22.04.2005 KR  
10-2006-0019453 28.02.2006 KR

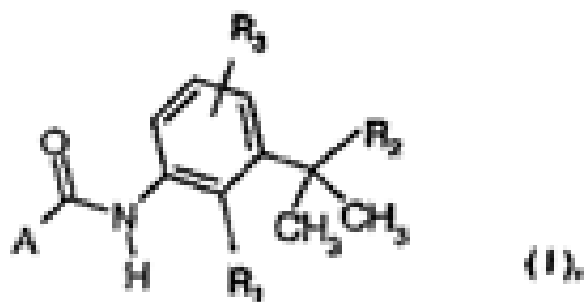
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 22.10.2007

- (71) ILSIN TECH CO. LTD. (KR)  
130, Dongan-ri, Okcheon-eup, Okcheon-gun, Chungcheongbuk-do 373-804, Korea  
(72) SONG, Jae Seop (KR), JUN, Sang Chul (KR), SEO, Young Bae (KR)  
(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)  
(54) THIẾT BỊ XỬ LÝ SỢI QUANG LOẠI CẦM TAY  
(57) Thiết bị xử lý sợi quang loại cầm tay theo sáng chế bao gồm tấm đế (1) để lắp các bộ phận lên đó, và bộ phận bóc lớp bọc ngoài (10) được lắp trên tấm đế và bóc lớp bọc ngoài khỏi sợi quang R. Thiết bị xử lý sợi quang còn bao gồm bộ phận cắt sợi quang (4) được lắp trên tấm đế và cắt đầu sợi quang đã bóc lớp bọc ngoài bằng lưỡi cắt dạng trượt (43) trượt theo phương vuông góc với phương dọc của sợi quang, và bộ phận hàn (50) được lắp trên tấm đế và hàn các phần ghép nối giữa hai sợi quang. Thiết bị theo sáng chế đặc trưng ở chỗ là một thiết bị đa chức năng có thể thực hiện quy trình bóc lớp bọc ngoài khỏi sợi quang, cắt, làm sạch và hàn sợi quang trên một thiết bị.



- (11) **16261**
- (21) 1-2007-02206 (51)<sup>7</sup> **C11D 3/00**, 10/04, 3/22
- (22) 09.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2006/002296 09.03.2006 (87) WO2006/099963 28.09.2006
- (30) 11/086011 22.03.2005 US
- (71) UNILEVER N.V. (NL)  
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
- (72) Yun-Peng Zhu (US), Jeanette Frances Ashley (US)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) **CHẾ PHẨM LÀM MỀM VẢI VÀ PHƯƠNG PHÁP LÀM MỀM VẢI SỬ DỤNG CHẾ PHẨM NÀY**
- (57) Sáng chế đề xuất chế phẩm làm mềm vải chứa nước thích hợp sử dụng trong quy trình giặt và/hoặc giũ bằng máy giặt tự động, chế phẩm này chứa : (a) chất hoạt động bề mặt dạng anion tổng hợp với lượng nằm trong khoảng từ 0,5 đến 4% trọng lượng chế phẩm; (b) xà phòng của axit béo, trong đó tỷ lệ trọng lượng của chất hoạt động bề mặt dạng anion tổng hợp với xà phòng của axit béo nhỏ hơn 1; (c) polyme xenluloza ete bậc bốn dạng cation với lượng nằm trong khoảng từ 0,05 đến 2% trọng lượng.

- (11) **16262**  
(21) 1-2007-02213 (51)<sup>7</sup> **C07D 231/14**, 207/34, 249/04, 277/56, 213/82, 327/06, A01N 43/50, 43/40, 43/647
- (22) 21.03.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/EP2006/002595 21.03.2006 (87) WO2006/100039 28.09.2006  
(30) 05006382.5 23.03.2005 EP  
(71) SYNGENTA PARTICIPATIONS AG (CH)  
Schwarzwaldallee 215, CH-4058 Basel  
(72) WALTER, Harald (DE), CORSI, Camilla (IT), EHRENFREUND, Josef (AT),  
LAMBERTH, Clemens (DE), TOBLER, Hans (CH)  
(74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)  
(54) CARBOXANILIT LÀM THUỐC DIỆT VI SINH VẬT  
(57) Hợp chất có công thức I trong đó các phân tử thế là như được định nghĩa trong điểm 1 yêu cầu bảo hộ thích hợp cho sử dụng làm thuốc diệt vi sinh vật.



- (11) **16263**
- (21) 1-2007-02215 (51)<sup>7</sup> **A61K 36/725**, 125/00, 131/00,  
36/258, 36/484, A61P 25/24
- (22) 31.10.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/CN2005/001796 31.10.2005 (87) WO2006/099783 28.09.2006
- (30) 200510058987.3 25.03.2005 CN
- Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 23.10.2007
- (71) 1. BEIJING WONNER BIOTECH LTD. CO. (CN)  
Room 406, Building B, Wang Jing Jia Run Hua Yuan, Zhao Yang Qu, Beijing 100102,  
People's Republic of China  
2. ZUOGUANG ZHANG (CN)  
Room 404, Floor 3 Door, No. 20 Pan Jia Yuan Dong Li, Zhao Yang Qu, Beijing  
100021, People's Republic of China  
3. YU-FEN CHI (TW)  
3 F1, No. 9, Alley 27, Lane 67, Minzu St., Yonghe City, Taipei County, Taiwan 234
- (72) ZUOGUANG ZHANG (CN)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **DUỐC PHẨM ĐIỀU TRỊ TRÂM CẨM VÀ PHƯƠNG PHÁP BÀO CHẾ DUỐC  
PHẨM NÀY**
- (57) Sáng chế đề xuất dược phẩm dùng để điều trị trâm cẩm và phương pháp bào chế nó.  
Dược phẩm này chứa Radix Ginseng, Radix Glycyrrhizae, và/hoặc chiết xuất nước  
hoặc rượu của chúng. Dược phẩm này cũng có thể chứa Fructus Jujubae hoặc chiết xuất  
nước hoặc rượu của nó.

- (11) **16264**  
 (21) 1-2007-02219 (51)<sup>7</sup> **C10G 47/00, 45/02**  
 (22) 23.03.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/US2006/010639 23.03.2006 (87) WO2006/102534 28.09.2006  
 (30) 11/089,477 24.03.2005 US  
 (71) PROCESS DYNAMICS, INC. (US)

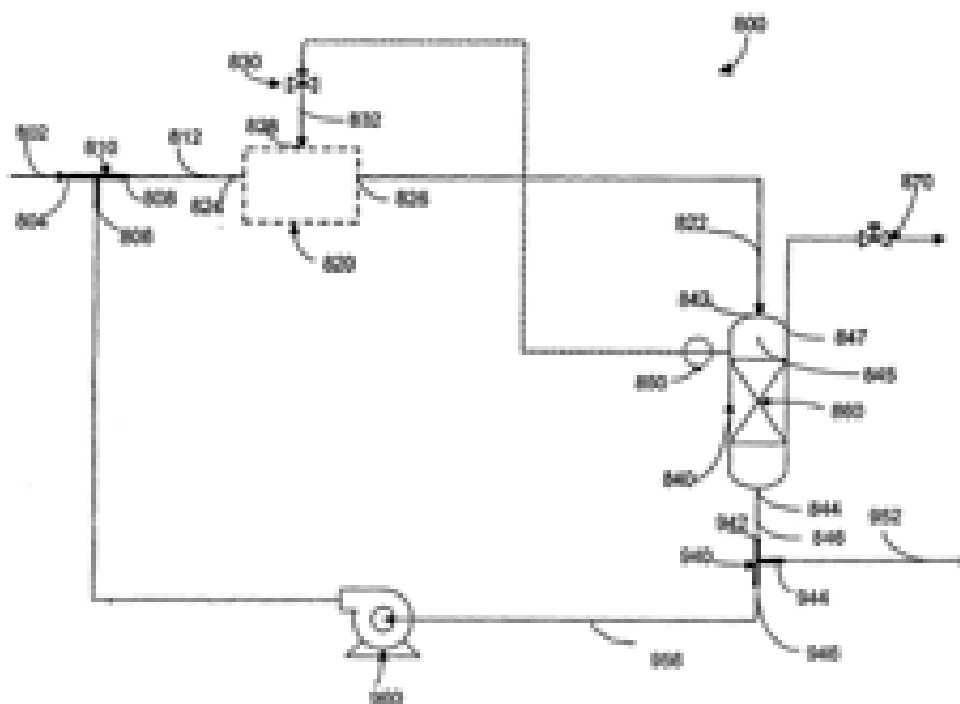
2434 Deane Solomon Road, Fayetteville, Arkansas 72704, United States of America

- (72) ACKERSON Michael D. (US), BYARS Michael (US)

- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

- (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DÙNG CHO QUÁ TRÌNH XỬ LÝ HYĐRO PHA LỎNG LIÊN TỤC VÀ HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN DÙNG CHO THIẾT BỊ NÀY**

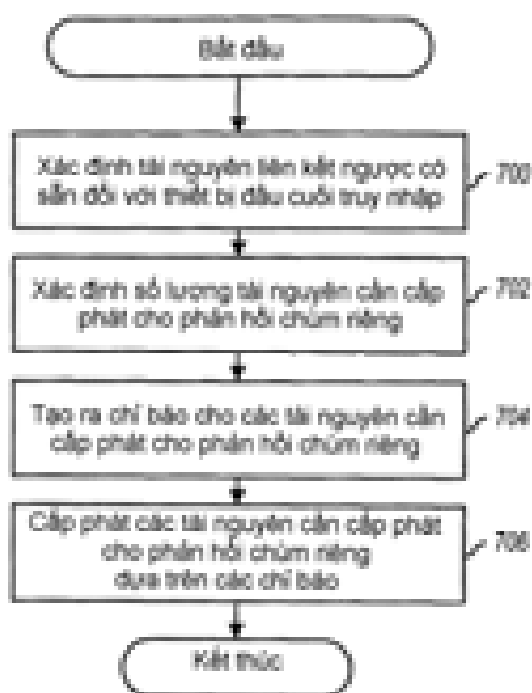
- (57) Sáng chế đề xuất quy trình xử lý hydro pha lỏng liên tục, thiết bị và các hệ thống điều khiển quy trình, trong đó nhu cầu tuần hoàn khí hydro qua chất xúc tác được loại trừ. Bằng cách trộn và/hoặc làm nóng từng đợt hydro và dầu cần xử lý với sự có mặt của dung môi hoặc chất pha lỏng trong đó độ hòa tan hydro tương đối cao so với việc cấp dầu, toàn bộ hydro cần cho các phản ứng của quy trình hydro có thể được có sẵn trong dung dịch. Dung dịch dầu/chất pha lỏng/hydro sau đó có thể được cấp đến lò phản ứng kiểu dòng không xáo trộn bao bọc bởi chất xúc tác trong đó dầu và hydro xảy ra phản ứng. Không yêu cầu lượng hydro bổ sung; do vậy, các lò phản ứng tầng lớn có thể được thay bằng các lò phản ứng nhiều dòng xoáy nhỏ hơn. Hàm lượng hydro bổ sung cho lò phản ứng có thể được sử dụng để điều khiển mức chất lỏng trong lò phản ứng hoặc áp suất trong lò phản ứng.



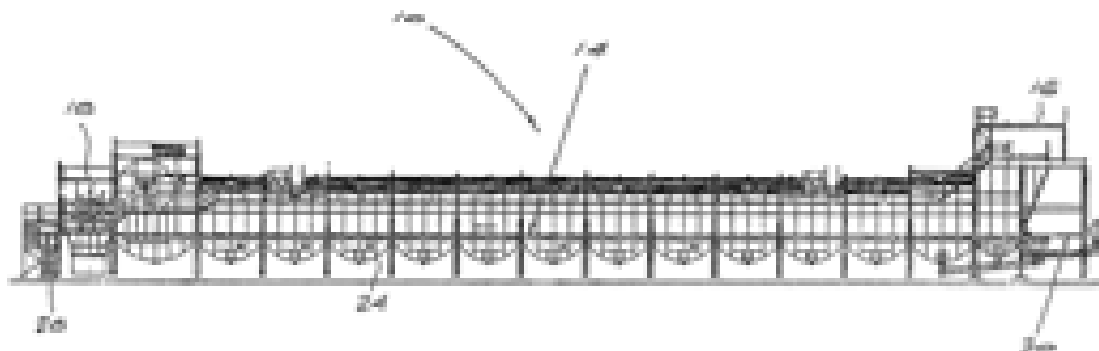
- |      |                   |            |                   |                  |            |
|------|-------------------|------------|-------------------|------------------|------------|
| (11) | <b>16265</b>      |            |                   |                  |            |
| (21) | 1-2007-02225      |            | (51) <sup>7</sup> | <b>H04B 7/06</b> |            |
| (22) | 24.03.2006        |            | (43)              | 25.01.2008       |            |
| (86) | PCT/US2006/010962 | 24.03.2006 | (87)              | WO2006/102639    | 28.09.2006 |
| (30) | 60/665,120        | 24.03.2005 | US                |                  |            |
|      | 60/691,808        | 16.06.2005 | US                |                  |            |
|      | 60/710,402        | 22.08.2005 | US                |                  |            |
|      | 11/233,844        | 21.09.2005 | US                |                  |            |

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 24.10.2007

- (71) QUALCOMM INCORPORATED (US)  
5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121-1714, USA
- (72) SAMPATH, Hemanth (IN), KHANDEKAR, Aamod (IN), GORE, Dhananjay Ashok (IN), GOROKHOV, Alexei (FR), KADOUS, Tamer (EG)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ ĐỂ ĐỊNH DẠNG CHÙM PHẢN HỒI TRONG HỆ THỐNG TRUYỀN THÔNG NHIỀU ĂNGTEN
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị để xác định có phản hồi hay không, và số lượng các phản hồi, đối với thông tin chùm riêng dựa trên tài nguyên kênh. Ngoài ra, phương pháp và thiết bị cũng xác định có phản hồi hay không, và số lượng các phản hồi, đối với thông tin chùm riêng dựa trên thông tin kênh và các thay đổi trong thông tin kênh.



- (11) **16266**
- (21) 1-2007-02226 (51)<sup>7</sup> **C13D 1/10**, B01D 11/02, B65G 25/02
- (22) 23.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/IB2006/000654 23.03.2006 (87) WO/2007/015124 08.02.2007
- (30) 2005/02447 24.03.2005 ZA
- (71) **BOSCH PROJECTS (PTY) LTD (ZA)**  
203 North Ridge Road, Morningside, 4001 Durban, South Africa
- (72) **GIBBON, Michael, John (ZA), YEO, William, Howard (ZA)**
- (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ ĐỂ VẬN CHUYỂN SẢN PHẨM TRONG THIẾT BỊ KHUẾCH TÁN**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị để vận chuyển sản phẩm trong thiết bị khuếch tán trong quá trình ngâm chiết liên tục. Thiết bị bao gồm ít nhất một mặt sàn cho quá trình ngâm chiết liên tục và ít nhất một khu vực vận chuyển theo chiều dọc, khu vực vận chuyển theo chiều dọc này kéo dài từ đầu vào tới đầu ra của thiết bị khuếch tán. Khu vực vận chuyển có thể bao gồm hàng loạt khu vực vận chuyển. Bộ phận dẫn hướng được bố trí để dịch chuyển khu vực vận chuyển theo chiều dọc về phía đầu ra của thiết bị khuếch tán với tốc độ thứ nhất và làm khu vực vận chuyển theo chiều dọc thụt lại về phía đầu vào của thiết bị khuếch tán với tốc độ thứ hai về cơ bản nhanh hơn tốc độ thứ nhất, để khu vực vận chuyển dẫn hướng sản phẩm về phía đầu ra của thiết bị khuếch tán.





(11) **16267**

(21) 1-2007-02237

(22) 20.03.2006

(86) PCT/KR2006/001004 20.03.2006

(30) 10-2005-0027107 31.03.2005 KR

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 25.10.2007

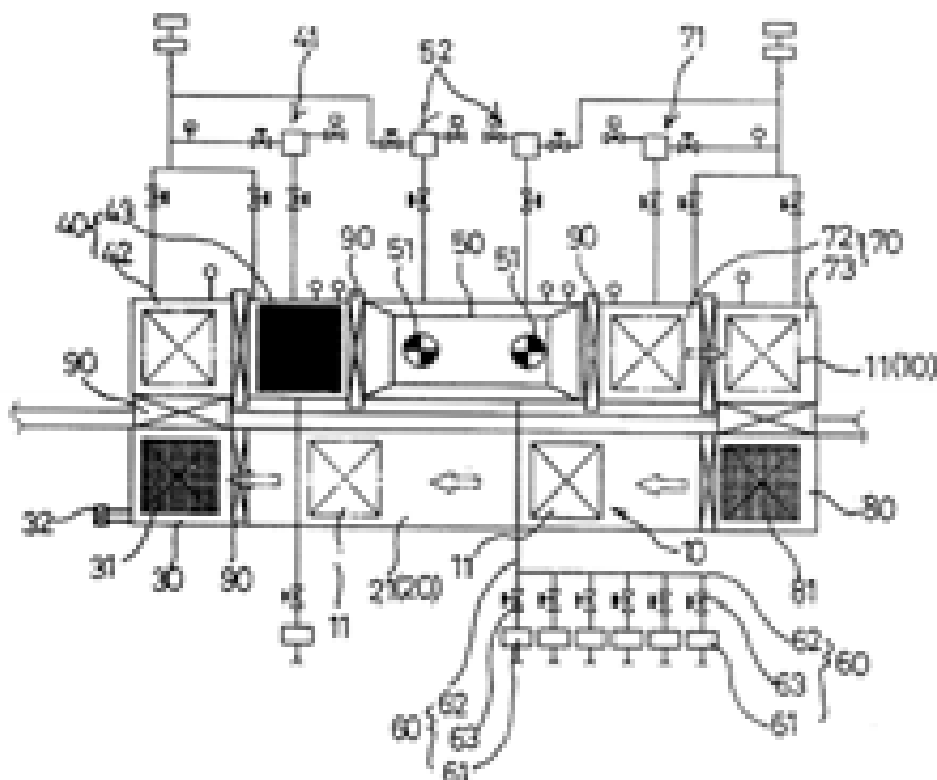
(75) LIM, DEOG GU (KR)

110-1003 Hyundai Apt., 433 Apgujeong-dong, Gangnam-gu, Seoul 135-900, Republic of Korea

(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(54) **THIẾT BỊ XỬ LÝ BỀ MẶT CHO SẢN PHẨM POLYME ĐỔ KHUÔN**

(57) Sáng chế đề xuất thiết bị xử lý bề mặt cho các sản phẩm polyme đổ khuôn. Trong quá trình hoạt động, sản phẩm polyme đổ khuôn được giữ bởi bạc dẫn (11) trên bộ phận nạp và xả sản phẩm (20) và được cấp bởi bộ phận cấp sản phẩm (10). Bộ phận loại bỏ tạp chất thứ nhất (30) làm sạch bề mặt của sản phẩm. Sản phẩm đi qua một bộ phận tạo chân không đầu vào (40) và tới bộ phận xử lý ion trên bề mặt sản phẩm. Bộ phận xử lý ion điều khiển dòng điện của chùm tia ion và tạo ra các cation plasma sử dụng khí được cấp từ một bộ phận cấp khí trong khí quyển (60), và các ion plasma được quét đều lên trên bề mặt sản phẩm. Sản phẩm đổ khuôn đã được xử lý bề mặt đi qua bộ phận loại tạp chất thứ hai và được cấp vào bộ phận nạp và xả sản phẩm, tại đó bạc dẫn thay sản phẩm hiện có bằng một sản phẩm mới.



- (11) **16268**
- (21) 1-2007-02238 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/519**, C07D 487/02
- (22) 24.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2006/010859 24.03.2006 (87) WO2006/104917 05.10.2006
- (30) 60/665,154 25.03.2005 US
- (71) **GLAXO GROUP LIMITED (GB)**  
 Glaxo Wellcome House, Berkeley Avenue, Greenford, Middlesex UB6 0NN, United Kingdom
- (72) James Francis CALLAHAN (US), Jeffrey C. BOEHM (US), Zehong WAN (CN), Hongxing YAN (CN)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ DẪN XUẤT PYRIDO[2,3-D]PYRIMIDIN-7-ON VÀ 3,4-DIHYDROPYRIMIDO [4,5-D]PYRIMIDIN-2(1H)-ON**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp mới để điều chế được chất pyrido[2,3- d]pyrimidin-7-on được thế ba lần ở vị trí 2,4,8 có công thức (II) hoặc (IIa) trong đó G<sub>1</sub> là CH<sub>2</sub> hoặc NH; G<sub>2</sub> là CH hoặc nitơ; Rx là clo, brom, iot, hoặc O-S(O)<sub>2</sub>CF<sub>3</sub>; Rg là C<sub>1-10</sub> alkyl; m là 0, hoặc số nguyên có giá trị là 1, hoặc 2; R<sub>3</sub> là gốc C<sub>1-10</sub> alkyl, C<sub>3-7</sub> xycloalkyl, C<sub>3-7</sub> xycloalkyl C<sub>1-10</sub> alkyl, aryl, arylC<sub>1-10</sub> alkyl, heteroaryl, heteroaryl C<sub>1-10</sub> alkyl, heterocyclic heteroecyl C<sub>1-10</sub> alkyl hoặc C<sub>1-10</sub> alkyl dị vòng và trong đó mỗi gốc trong số các gốc này có thể được thế tùy ý, bao gồm việc cho hợp chất có công thức: trong đó Ry là clo, brom, iot, O-S(O)<sub>2</sub>CF<sub>3</sub>; và Rg là C<sub>1-10</sub> alkyl; phản ứng với tác nhân tạo olefin trong bazơ thích hợp để thu được hợp chất có công thức (II), hoặc (IIa), trong đó m=0 và oxy hóa lưu huỳnh nếu cần thiết hoặc mong muốn.

- (11) **16269**
- (21) 1-2007-02243 (51)<sup>7</sup> **H04R 1/02**
- (22) 06.04.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2006/012818 06.04.2006 (87) WO2006/108099 12.10.2006
- (30) 60/668,655 06.04.2005 US
- (71) KNOWLES ELECTRONICS LLC (US)  
1151 Maplewood Drive, Itasca, Illinois 60143, United States of America
- (72) KIRCHHOEFER, Dennis Ray (US)
- (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) **BỘ CHUYỂN ĐỔI VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT CHÚNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến bộ chuyển đổi bao gồm ít nhất một bộ chuyển đổi. Bộ chuyển đổi được đặt trong bộ giá đỡ. Theo đó, bộ giá đỡ được tạo thành với phần bên trong và phần bên ngoài, trong đó kích cỡ phần bên trong đủ để chứa và giữ bộ chuyển đổi. Phần bên ngoài của bộ giá đỡ được tạo cấu trúc để được chứa và giữ trong rãnh của thiết bị.

- (11) **16270**
- (21) 1-2007-02250 (51)<sup>7</sup> **C11D 3/00**, 1/94, 10/04, 3/22,  
1/90, 1/04, 1/92
- (22) 29.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2006/003245 29.03.2006 (87) WO2006/105991 12.10.2006
- (30) 11/100112 05.04.2005 US
- (71) UNILEVER N.V. (NL)  
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
- (72) Yun-Peng ZHU (US), Jeanette Frances Ashley (US)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) **CHẾ PHẨM LÀM MỀM VẢI CHỨA POLYME DẠNG CATION, XÀ PHÒNG VÀ CHẤT HOẠT ĐỘNG BỀ MẶT LƯỠNG TÍNH VÀ PHƯƠNG PHÁP LÀM MỀM VẢI SỬ DỤNG CHẾ PHẨM NÀY**
- (57) Sáng chế đề xuất chế phẩm làm mềm vải chứa nước thích hợp sử dụng trong quy trình giặt và/hoặc giũ bằng máy giặt tự động, chế phẩm này chứa: (a) polyme xenluloza ete dạng cation bậc bốn với lượng nằm trong khoảng từ 0,05% đến 2% trọng lượng của chế phẩm; (b) xà phòng của axit béo, trong đó tỷ lệ trọng lượng của xà phòng với polyme ít nhất là 2 : 1 ; và (c) chất hoạt động bề mặt lưỡng tính với lượng nằm trong khoảng từ 0,1% đến 5%. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập các phương pháp làm mềm và dưỡng vải bằng việc thêm chế phẩm vào quy trình giặt và/hoặc giũ bằng máy giặt tự động.

- (11) **16271**  
 (21) 1-2007-02263 (51)<sup>7</sup> C23F 11/18, C02F 5/10, 1/58, 5/12, 1/70, C23F 11/12, C02F 5/00, C23F 14/02  
 (22) 20.03.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/JP2006/306064 20.03.2006 (87) WO2006/109546 19.10.2006  
 (30) 099551/2005 30.03.2005 JP  
 (71) MIURA CO., LTD. (JP)

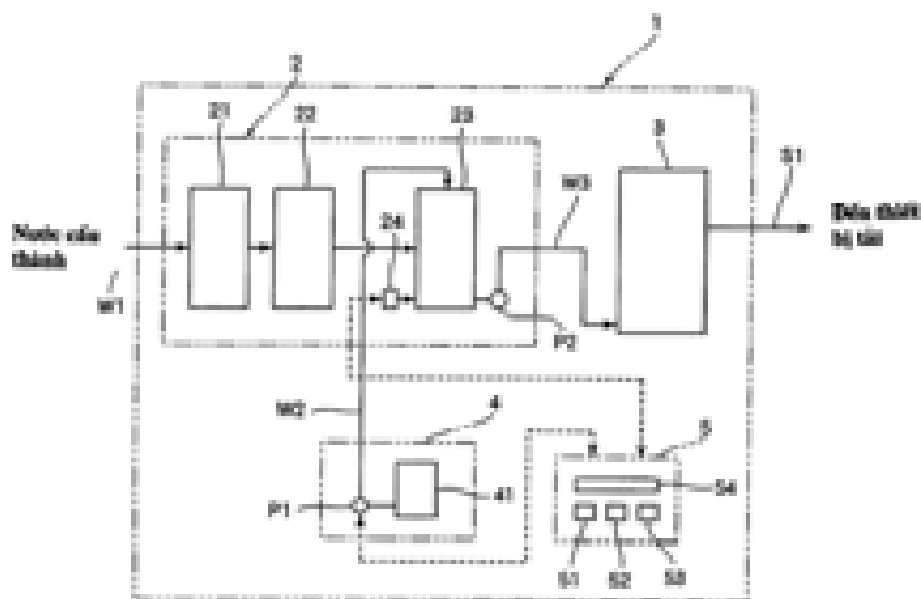
7, Horie-cho, Matsuyama-shi, Ehime-ken, Japan

(72) Junichi Nakajima (JP), Takanari Kume (JP), Yasuo Nogami (JP), Isamu Mekata (JP)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) TÁC NHÂN VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ NƯỚC

(57) Sáng chế đề cập đến tác nhân xử lý nước được tạo thành bằng cách trộn nước là thành phần chính với tác nhân tạo màng phủ mà màng phủ của nó được tạo thành trên bề mặt truyền nhiệt của đường ống nổi hơi, chất oxy hóa oxy, chất ức chế tạo vảy, và chất điều chỉnh pH theo cách sao cho mài mòn toàn cục và mài mòn cục bộ của bề mặt truyền nhiệt của đường ống nổi hơi có thể được ngăn ngừa và đặc trưng truyền nhiệt rất tốt có thể đạt được. Tác nhân xử lý nước được bơm vào nước cấp nổi hơi để thực hiện ngăn mài mòn bề mặt truyền nhiệt của đường ống nổi hơi và khử việc tạo vảy bề mặt truyền nhiệt theo cách cân bằng. Như vậy, màng phủ có khả năng khử mài mòn được tạo thành từ tác nhân tạo màng phủ trên bề mặt truyền nhiệt của đường ống nổi hơi. Oxy hòa tan trong nước cấp nổi hơi được loại bỏ bởi chất oxy hóa oxy. Hơn nữa, việc tạo vảy bề mặt truyền nhiệt của đường ống nổi hơi được ngăn ngừa bởi chất ức chế tạo vảy, độ pH của nước cấp nổi hơi được điều chỉnh. Do đó, mài mòn toàn cục và mài mòn cục bộ của bề mặt truyền nhiệt của đường ống nổi hơi có thể được ngăn ngừa, và đặc trưng truyền nhiệt rất tốt có thể đạt được.



(11) **16272**

(21) 1-2007-02268

(51)<sup>7</sup> **C07C 271/28**, 327/48, 333/08,  
C07D 213/81, A01N 47/20

(22) 23.08.2004

(43) 25.01.2008

(86) PCT/JP2004/012416 23.08.2004

(87) WO2005/021488 10.03.2005

(30) 2003-305816 29.08.2003 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 30.10.2007

(71) MITSUI CHEMICALS, INC. (JP)

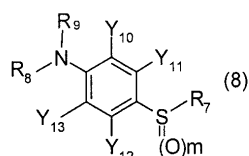
5-2, Higashi-Shimbashi 1-chome, Minato-ku, Tokyo 1057117, Japan

(72) Kei YOSHIDA (JP), Takeo WAKITA (JP), Hiroyuki KATSUTA (JP), Akiyoshi KAI (JP), Yutaka CHIBA (JP), Kiyoshi TAKAHASHI (JP), Hiroko KATO (JP), Nobuyuki KAWAHARA (JP), Michikazu NOMURA (JP), Hidenori DAIDO (JP), Junji MAKI (JP), Shinichi BANBA (JP), Atsuko KAWAHARA (JP)

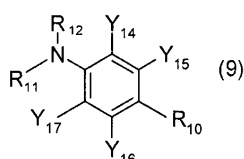
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) DẪN XUẤT ANILIN

(57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất anilin được thể hiện bằng công thức (8):



trong đó R<sub>7</sub> là nhóm C1-C6 haloalkyl, Y<sub>10</sub>, Y<sub>11</sub>, Y<sub>12</sub>, và Y<sub>13</sub> có thể là giống hoặc khác nhau và mỗi nhóm là nguyên tử hydro, nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C1-C6 haloalkyl, nhóm C1-C6 alkoxy, nhóm C1-C6 haloalkoxy, nhóm C1-C6 alkylthio, nhóm C1-C6 haloalkylthio, nhóm C1-C6 alkylsulfmlyl, nhóm C1-C6 haloalkylsulfmlyl, nhóm C1-C6 alkylsulfonyl, nhóm C1-C6 haloalkylsulfonyl, nhóm pentanfosulfanyl, nhóm xyano, hoặc nhóm nitro, và mỗi R<sub>8</sub> và R<sub>9</sub> độc lập là nguyên tử hydro, nhóm C1-C4 alkyl, nhóm m-nitrobenzoyl, hoặc nhóm m-mtrobenzoyl được thế, và m là 0, 1, hoặc 2; và sáng chế cũng đề cập đến các hợp chất anilin được thể hiện bằng công thức (9):



trong đó R<sub>10</sub> là nhóm C1-C6 haloalkyl có thể được thế bằng ít nhất một nhóm hydroxyl, Y<sub>14</sub>, Y<sub>15</sub>, Y<sub>16</sub>, và Y<sub>17</sub> có thể là giống hoặc khác nhau và mỗi nhóm này là nguyên tử hydro, nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C1-C6 haloalkyl, nhóm C1-C6 alkoxy, nhóm C1-C6 haloalkoxy, nhóm C1-C6 alkylthio, nhóm C1-C6 haloalkylthio, nhóm C1-C6 alkylsulfmlyl, nhóm C1-C6 haloalkylsulfmlyl, nhóm C1-C6 alkylsulfonyl, nhóm C1-C6 haloalkylsulfonyl, nhóm pentanfosulfanyl, nhóm xyano, hoặc nhóm nitro, và mỗi R<sub>11</sub> và R<sub>12</sub> độc lập là nguyên tử hydro, nhóm C1-C4 alkyl, nhóm m-nitrobenzoyl, hoặc nhóm m-nitrobenzoyl được thế. Các hợp chất được thể hiện bằng công thức (8) và (9) có tác dụng phòng ngừa tuyệt vời như các thuốc trừ sâu và cũng có tác dụng phòng ngừa tuyệt vời khi được kết hợp với thuốc trừ sâu khác, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt giun tròn, thuốc diệt nấm, thuốc diệt cỏ, chất điều hòa sự sinh trưởng của thực vật, hoặc thuốc diệt sinh vật gây hại sinh học.

- (11) **16273**  
(21) 1-2007-02270 (51)<sup>7</sup> **H05K 3/34, B23K 1/08**  
(22) 13.03.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/JP2006/304889 13.03.2006 (87) WO2006/112216 26.10.2006  
(30) 2005-109534 06.04.2005 JP

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 30.10.2007

(71) SENJU METAL INDUSTRY CO., LTD. (JP)

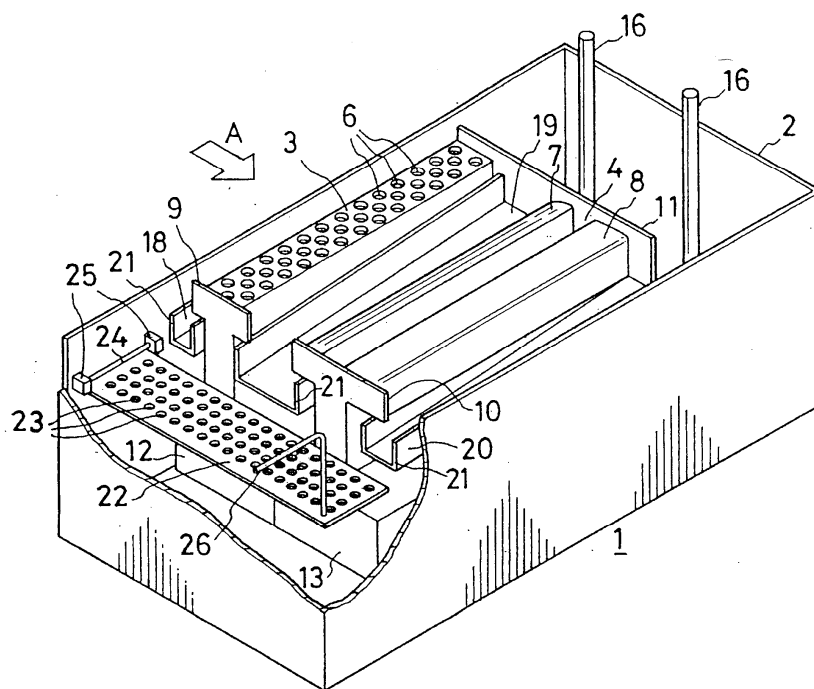
23 Senju-Hashido-cho, Adachi-ku, Tokyo 120-8555, Japan

(72) Mitsuo ZEN (JP), Stoshi OZAWA (JP)

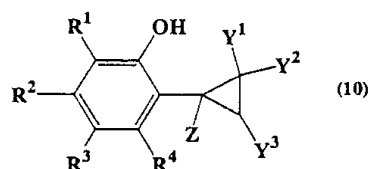
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) BỂ HÀN GỌN SÓNG

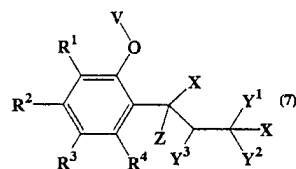
(57) Bể hàn gọn sóng theo sáng chế, bao gồm thùng chứa oxit được tạo ra ở một đầu của thân bể đối diện phần cuối của thân bể nơi bơm được lắp, máng xối đóng kín trên phía bơm được lắp ở bề mặt bên của vòi xả và tấm đục lỗ có một số lượng lớn các lỗ được tạo ra trong đó được lắp có thể quay được ở giữa chiều cao của thùng chứa oxit.



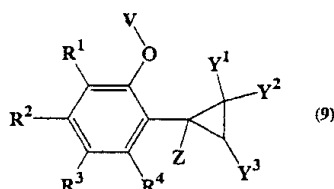
- (11) **16274**  
 (21) 1-2007-02279 (51)<sup>7</sup> **C07C 39/17**, 37/01, 39/19, 39/24, 67/297, 69/157, 69/635  
 (22) 31.03.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/JP2006/306806 31.03.2006 (87) WO2006/106906 12.10.2006  
 (30) 2005-102820 31.03.2005 JP  
 (71) SANKYO AGRO COMPANY, LIMITED (JP)  
 5-2, Hygashi-Shinbashi 1-chome, Minato-ku, Tokyo 105-7117 Japan  
 (72) Yoshihisa TSUKAMOTO (JP), Hiroyuki KOMAI (JP), Toshio KANEKO (JP), Takeshi TAKADA (JP)  
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)  
 (54) QUY TRÌNH SẢN XUẤT DẪN XUẤT XYCLOPROPYLPHENOL  
 (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp tổng hợp dẫn xuất và xyclopropylphenol có công thức chung (10):



[trong đó mỗi R<sup>1</sup>, R<sup>2</sup>, R<sup>3</sup> và R<sup>4</sup> độc lập là nguyên tử hydro hoặc các nhóm tương tự; Z là nguyên tử hydro hoặc các nhóm tương tự; và mỗi Y<sup>1</sup>, Y<sup>2</sup> và Y<sup>3</sup> độc lập là nguyên tử hydro hoặc các nhóm tương tự];  
 bao gồm cho hợp chất có công thức chung (7):



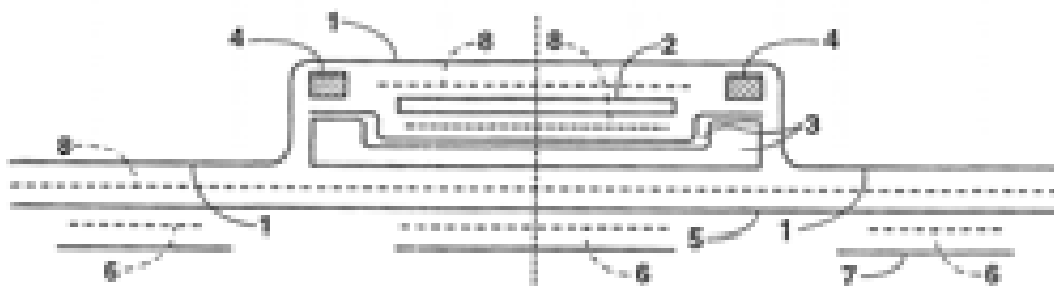
[trong đó mỗi ký hiệu là giống như được xác định ở trên; X là nguyên tử halogen; và V là nguyên tử hydro hoặc các nhóm tương tự],  
 phản ứng với kim loại, muối kim loại hoặc hợp chất hữu cơ kim loại có công thức chung (8): M<sup>2</sup> để thu được hợp chất có công thức chung (9):



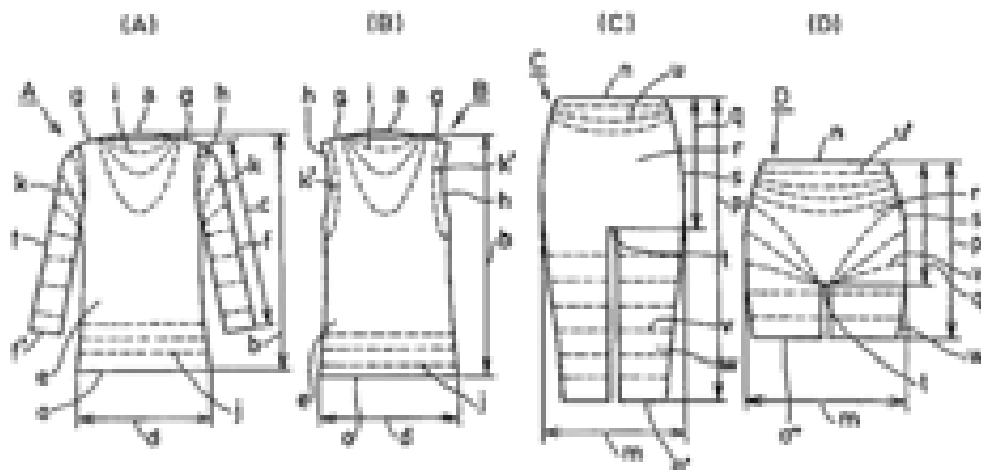
trong đó mỗi ký hiệu là giống như được xác định ở trên] và thu được hợp chất có công thức chung (10) bằng cách thủy phân trong trường hợp V là nhóm -W-R<sup>5</sup>.



- (11) **16275**
- (21) 1-2007-02281 (51)<sup>7</sup> **A61F 13/15**
- (22) 30.03.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2006/011664 30.03.2006 (87) WO2006/105305 05.10.2006
- (30) PI 0501157-4 31.03.2005 BR
- (71) 1. KIMBERLY-CLARK KENKO INDUSTRIA E COMERCIO LTDA. (BR)  
Ruas Das Olimpíadas, 205-6 Andar, CEP-04551-000 São Paulo, SP, Brazil  
2. KIMBERLY-CLARK WORLDWIDE, INC. (US)  
401 North Lake Street, Neenah, Wisconsin 54956, U.S.A.
- (72) BUIATTI, Claudio, Malagóni (BR), KIM, DooHong (PH), PURISIMA, Raquel (PH), PERALTA, Joey, N. (PH), RUIZ, Jenny, Vargas (CO), PEREIRA, Cassiano, Fregapani (BR)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **VẬT DỤNG THẨM HÚT CÓ GRADIENT MẬT ĐỘ THEO ÍT NHẤT HAI HƯỚNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CHẾ TẠO**
- (57) Sáng chế đề cập đến vật dụng thẩm hút bao gồm lớp phủ thẩm được dịch thể, chất liệu ngăn chặn, và kết cấu thẩm hút được bố trí giữa lớp phủ và chất liệu ngăn chặn. Kết cấu thẩm hút bao gồm phần giữ có gradient mật độ biến thiên theo ít nhất hai kích thước và phần bảo vệ có phần có mật độ nhỏ hơn mật độ nhỏ nhất của gradient mật độ trên phần giữ. Phần giữ có thể được tạo ra trên vùng thứ nhất của kết cấu thẩm hút có trọng lượng cơ sở thứ nhất và phần bảo vệ có thể tạo ra trên vùng thứ hai có kết cấu thẩm hút có trọng lượng cơ sở thứ hai lớn hơn trọng lượng cơ sở thứ nhất.



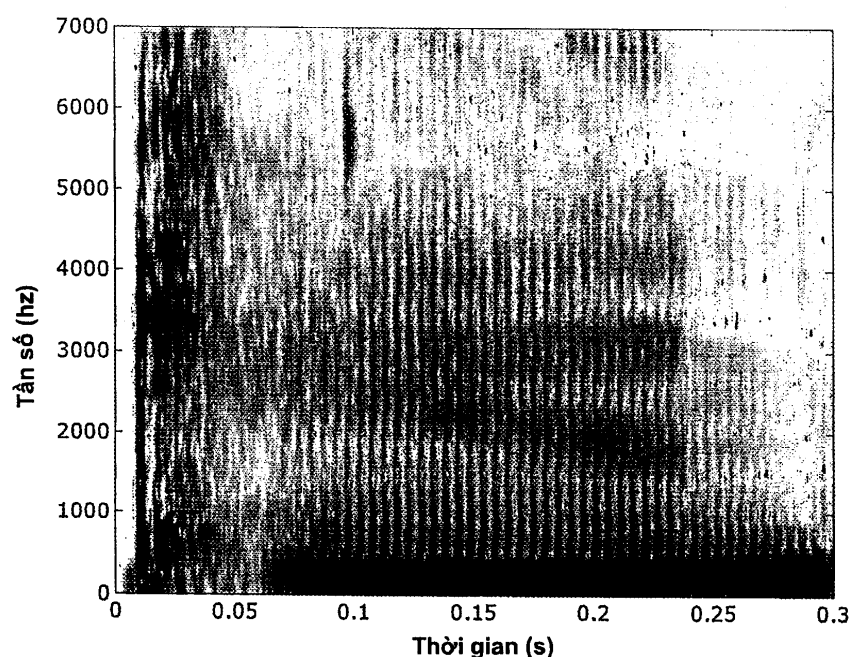
- (11) **16276**
- (21) 1-2007-02286 (51)<sup>7</sup> **A41D 27/00**, A41B 17/00, 9/02, 9/06
- (22) 01.04.2005 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/JP2005/006471 01.04.2005 (87) WO2006/114816 02.11.2006
- (71) GUNZE LIMITED (JP)  
1, Zeze, Aono-cho, Ayabe-shi, Kyoto, 6238511, Japan
- (72) YAMASHITA Mizue (JP), FUJIMOTO Naoko (JP), ARIMURA Hitomi (JP), NAKAI Akira (JP), SUZUOKI Tsutomu (JP), TABATA Shinobu (JP), TANI Masayuki (JP), YAMAMOTO Taisuke (JP)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) SẢN PHẨM MAY CÓ THỂ CẮT TUỖ Ý
- (57) Sáng chế đề xuất sản phẩm may trong đó người mua có thể cắt tùy ý, sau khi mua sản phẩm, theo hình dạng mẫu bất kỳ và sau đó mặc sản phẩm này, và sản phẩm may còn có phần cắt không yêu cầu các kỹ thuật cắt và xử lý may ở mức cao. Sản phẩm may được tạo từ vải dệt kim chống sờn dệt với sợi đàn hồi hàn nhiệt. Các kích cỡ của các phần hở của cổ, phần bên, và phần dưới của sản phẩm may sẽ nhỏ hơn phân tương ứng của sản phẩm tiêu chuẩn; tổng chiều dài và chiều dài ống của sản phẩm may lớn hơn các chiều dài tương ứng của sản phẩm tiêu chuẩn; và chiều rộng thân, cổ tay, chỗ thắt lưng, và mép dưới của sản phẩm may bằng với các chiều rộng tương ứng của sản phẩm tiêu chuẩn. Sản phẩm may có thể được cắt theo hình dạng mẫu bất kỳ và có thể được sử dụng với các phần hở để lại vệt cắt.



- |      |                   |            |                   |                   |            |
|------|-------------------|------------|-------------------|-------------------|------------|
| (11) | <b>16277</b>      |            |                   |                   |            |
| (21) | 1-2007-02288      |            | (51) <sup>7</sup> | <b>G10L 19/00</b> |            |
| (22) | 03.04.2006        |            | (43)              | 25.01.2008        |            |
| (86) | PCT/US2006/012228 | 03.04.2006 | (87)              | WO2006/107834     | 12.10.2006 |
| (30) | 60/667,901        | 01.04.2005 | US                |                   |            |
|      | 60/673,965        | 22.04.2005 | US                |                   |            |

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 01.11.2007

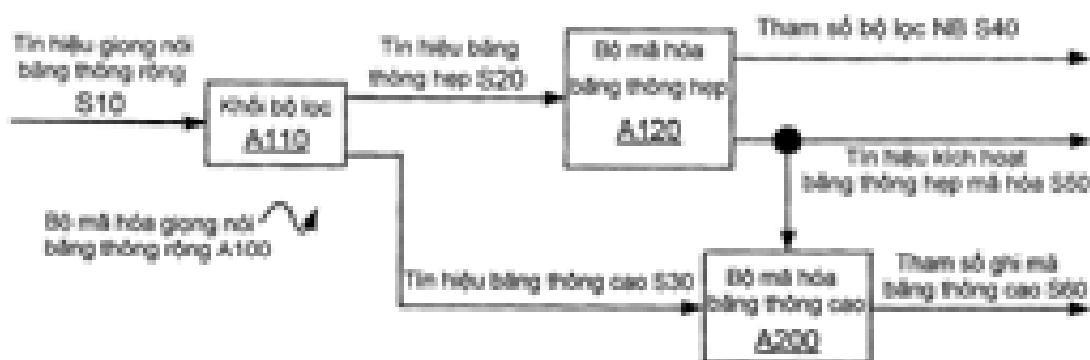
- (71) **QUALCOMM INCORPORATED (US)**  
5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121-1714, USA
- (72) VOS, Koen, Bernard (NL), KANDHADAI, Ananthapadmanabhan, A. (IN)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ XỬ LÝ TÍN HIỆU GIỌNG NÓI**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị xử lý tín hiệu giọng nói. Theo một phương án, bộ triệt chóp tín hiệu băng cao bao gồm bộ dò chóp tín hiệu thứ nhất được cấu hình để phát hiện chóp tín hiệu trong tín hiệu giọng nói băng thấp, và bộ dò chóp tín hiệu thứ hai được cấu hình để phát hiện chóp tín hiệu trong tín hiệu giọng nói băng cao tương ứng. Các tín hiệu giọng nói băng thấp và băng cao có thể là các vùng tần số khác nhau (có thể xếp chồng) của tín hiệu giọng nói băng rộng. Bộ triệt chóp tín hiệu băng cao cũng bao gồm bộ tính toán tín hiệu điều khiển độ suy giảm được cấu hình để tính toán tín hiệu điều khiển độ suy giảm theo hiệu số giữa các đầu ra của bộ dò chóp tín hiệu thứ nhất và thứ hai. Phân tử điều khiển độ khuếch đại được cấu hình để đặt tín hiệu điều khiển độ suy giảm lên tín hiệu giọng nói băng cao. Theo một ví dụ, tín hiệu điều khiển độ suy giảm chỉ rõ độ suy giảm khi chóp tín hiệu được tìm thấy trong tín hiệu giọng nói băng cao nhưng không có mặt trong vùng tương ứng theo thời gian của tín hiệu giọng nói băng thấp.



- (11) **16278**  
 (21) 1-2007-02290 (51)<sup>7</sup> **G10L 21/02**, 19/02  
 (22) 03.04.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/US2006/012230 03.04.2006 (87) WO2006/107836 12.10.2006  
 (30) 60/667,901 01.04.2005 US  
 60/673,965 22.04.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 01.11.2007

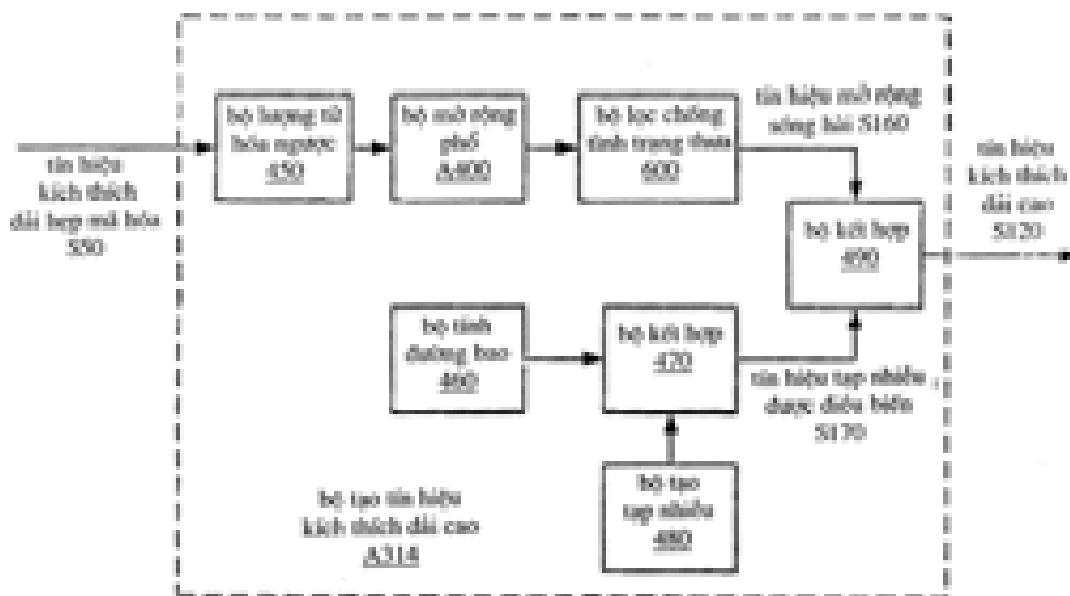
- (71) QUALCOMM INCORPORATED (US)  
 5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121-1714, USA  
 (72) VOS, Koen, Bernard (NL), KANDHADAI, Ananthapadmanabhan, A. (IN)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐỂ MÃ HOÁ BẰNG THÔNG-TÁCH CỦA TÍN HIỆU GIỌNG NÓI  
 (57) Bộ mã hoá giọng nói băng thông rộng theo một phương án bao gồm khối bộ lọc có đường xử lý băng thông thấp và đường xử lý băng thông cao. Các đường xử lý này có các đáp ứng tần số xếp chồng. Bộ mã hoá thứ nhất được cấu hình để mã hoá tín hiệu giọng nói tạo bởi đường xử lý băng thông thấp theo phương pháp thứ nhất. Bộ mã hoá thứ hai được cấu hình để mã hoá tín hiệu giọng nói tạo bởi đường xử lý băng thông cao theo phương pháp thứ hai mà khác với phương pháp mã hoá thứ nhất.



- (11) **16279**  
 (21) 1-2007-02292 (51)<sup>7</sup> **G10L 21/02**, 19/12  
 (22) 03.04.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/US2006/012233 03.04.2006 (87) WO2006/107839 12.10.2006  
 (30) 60/667,901 01.04.2005 US  
 60/673,965 22.04.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 01.11.2007

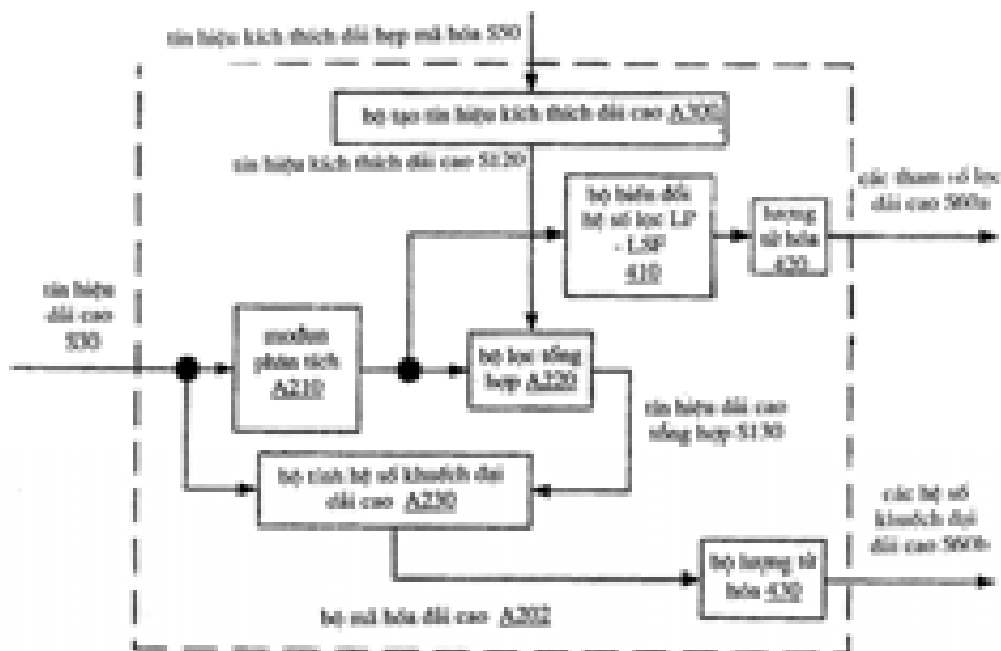
- (71) **QUALCOMM INCORPORATED (US)**  
 5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121-1714, USA  
 (72) **VOS, Koen, Bernard (NL), KANDHADAI, Ananthapadmanabhan, A. (IN)**  
 (74) **Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)**  
 (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ TẠO RA TÍN HIỆU KÍCH THÍCH DÀI CAO**  
 (57) **Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị tạo ra tín hiệu kích thích dài cao (S120) bao gồm bước tạo ra tín hiệu mở rộng phổ bằng cách mở rộng phổ của tín hiệu (A400) dựa trên tín hiệu kích thích dải thấp đã mã hoá (S50); và thực hiện thao tác lọc chống thưa (600) đối với tín hiệu dựa trên tín hiệu kích thích dải thấp đã mã hoá. Tín hiệu kích thích dải cao được dựa trên tín hiệu mở rộng phổ, và tín hiệu kích thích dải cao được dựa trên kết quả lọc chống thưa.**



- (11) **16280**  
 (21) 1-2007-02293 (51)<sup>7</sup> **G10L 21/04**, 19/14  
 (22) 03.04.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/US2006/012231 03.04.2006 (87) WO2006/107837 12.10.2006  
 (30) 60/667,901 01.04.2005 US  
 60/673,965 22.04.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 01.11.2007

- (71) QUALCOMM INCORPORATED (US)  
 5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121-1714, USA  
 (72) VOS, Koen, Bernard (NL), KANDHADAI, Ananthapadmanabhan, A. (IN)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)  
 (54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ MÃ HOÁ VÀ GIẢI MÃ PHẦN DẢI CAO CỦA TÍN HIỆU TIẾNG NÓI CÓ PHẦN DẢI THẤP VÀ PHẦN DẢI CAO  
 (57) Bộ mã hóa tiếng nói dải rộng theo một phương án của sáng chế được đề xuất bao gồm bộ mã hóa dải thấp và bộ mã hóa dải cao. Bộ mã hóa dải thấp được cấu hình để mã hóa phần dải thấp của tín hiệu tiếng nói dải rộng dưới dạng tập hợp tham số lọc và tín hiệu kích thích mã hóa. Bộ mã hóa dải cao được cấu hình để tính các giá trị dùng cho các tham số mã hóa xác định đường bao phổ và đường bao thời gian của phần dải cao của tín hiệu tiếng nói dải rộng. Đường bao thời gian là dựa vào tín hiệu kích thích dải cao nhận được từ tín hiệu kích thích mã hóa này. Theo một ví dụ như vậy, đường bao thời gian là dựa vào sự chênh lệch các mức giữa phần dải cao và tín hiệu dải cao tổng hợp, trong đó tín hiệu dải cao tổng hợp được tạo ra theo tín hiệu kích thích dải cao và tập hợp tham số lọc dải cao.



(11) **16281**

(21) 1-2007-02302

(51)<sup>7</sup> **H01R 13/639**, 13/627, G02B 6/38

(22) 01.03.2006

(43) 25.01.2008

(86) PCT/EP2006/001850 01.03.2006

(87) WO2006/105832 12.10.2006

(30) 10 2005 015 268.6 04.04.2005 DE

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 07.12.2007

(71) ADC GMBH (DE)

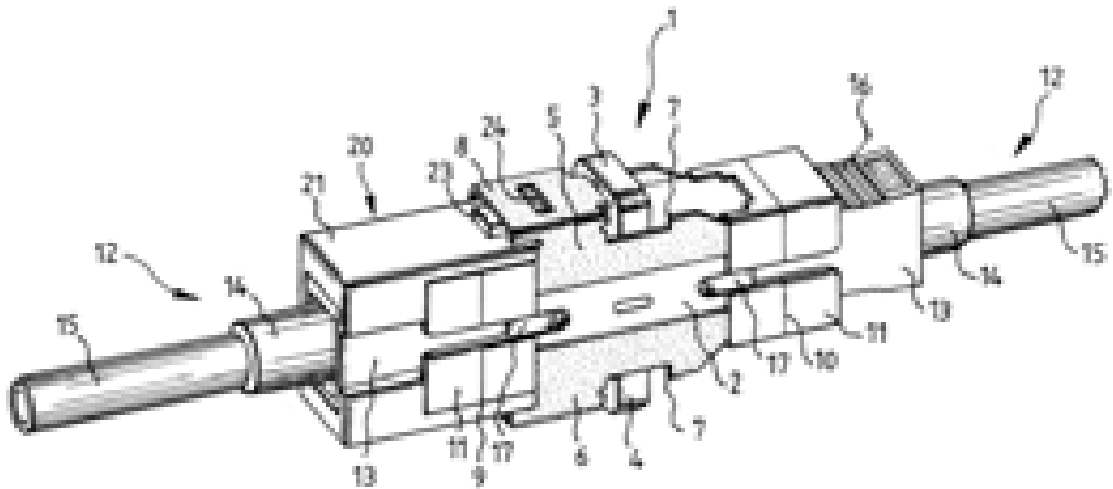
Beeskowdamm 3-11, 14167 Berlin, Germany

(72) KRAMER, Anne (DE)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) **ĐẦU NỐI CẮM**

(57) Sáng chế đề cập đến đầu nối cắm (1), đầu nối này bao gồm bộ nối và bộ phận giữ bộ nối gắn với nó và được giữ chặt trên panen trước, với phần tử giữ chặt (20) được sử dụng để giữ chặt bộ nối để không bị nhổ ra khi đã được đưa vào bộ phận giữ bộ nối, với phần tử giữ chặt (20) có ít nhất một phần tử chốt (24) và ít nhất một vỏ bao, phần tử chốt (24) được sử dụng để nối phần tử giữ chặt (20) vào bộ phận giữ bộ nối và/hoặc panen trước theo kiểu giữ chặt, và với vỏ bao của phần tử giữ chặt (20) bao vùng tay cầm (13) của bộ nối và/hoặc kẹp cáp (15) phía sau vùng tay cầm (13) vào phần tử giữ chặt kèm theo (20).



(11) **16282**

(21) 1-2007-02308

(51)<sup>7</sup> **F03D 3/00**

(22) 08.04.2005

(43) 25.01.2008

(86) PCT/CN2005/000466 08.04.2005

(87) WO2006/105690

12.10.2006

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 02.11.2007

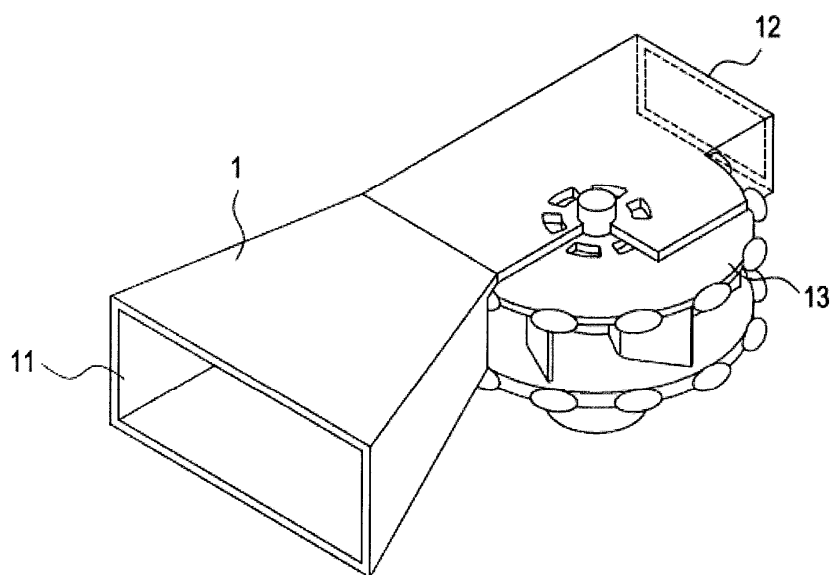
(75) CHUY-NAN CHIO (TW)

4F-2, No.333, Fu-Hsing N. Rd., Taipei, Taiwan

(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(54) CƠ CẤU CHUYỂN ĐỔI NĂNG LƯỢNG GIÓ BẰNG BÁNH ĐÀ

(57) Cơ cấu chuyển đổi năng lượng gió bằng bánh đà bao gồm đường dẫn gió, bánh đà và trục quay. Đường dẫn gió được thiết kế có kết cấu dạng ống dài có hai đầu hở. Một đầu có mặt cắt ngang lớn và có vai trò làm cửa gió vào, và đầu còn lại có mặt cắt ngang nhỏ hơn và có vai trò làm cửa gió ra, nhờ đó luồng gió được dẫn vào trong cơ cấu chuyển đổi năng lượng gió qua đường dẫn gió. Bánh đà bao gồm nhiều cánh quạt gió và được bố trí trong đường dẫn gió và nằm gần cửa gió ra, nhờ đó lực gió có thể được chuyển đổi thành mô men quay có thể điều chỉnh của bánh đà. Bánh đà có khả năng duy trì sự quay quanh trục quay nhờ quán tính của bánh đà trong một khoảng thời gian nhất định ngay cả khi gió ngừng thổi. Theo cơ cấu của sáng chế, động năng thổi của gió có thể được chuyển đổi thành năng lượng cơ học có thể điều chỉnh hoặc lưu trữ được để sử dụng.





- (11) **16283**
- (21) 1-2007-02320 (51)<sup>7</sup> **A61K 51/00**, A61M 36/14
- (22) 04.04.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2006/013214 04.04.2006 (87) WO2006/108167 12.10.2006
- (30) 11/098,891 04.04.2005 US
- (71) MEDIVAS, LLC (US)  
6275 Nancy Ridge Drive, Suite 103, San Diego, CA 92121, USA
- (72) TURNELL, William, G. (US), DEFIFE, Kristin, M. (US), CARPENTER, Kenneth, W. (US), GRAKO, Kathryn, A. (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) STENT CÓ HOẠT TÍNH SINH HỌC
- (57) Sáng chế đề cập đến stent mạch hoặc dụng cụ y học có thể cấy ghép khác có thể được bao bằng polyme có thể thoái biến sinh học, tương thích sinh học có gắn phối tử sinh học cụ thể là bất giữ cụ thể tế bào gốc của tế bào nội mô từ máu tuần hoàn để kích thích hình thành nội sinh nội mô khỏe mạnh ở người bị bệnh tiểu đường typ II. Theo một phương án, phối tử sinh học là peptit có gắn đặc hiệu vào thụ thể integrin trên PEC. Sáng chế cũng đề xuất phương pháp sử dụng stent hoặc dụng cụ có thể cấy ghép này để thúc đẩy làm lành mạch ở bệnh nhân bị tiểu đường typ II, ví dụ sau khi can thiệp cơ học.

- (11) **16284**  
 (21) 1-2007-02324 (51)<sup>7</sup> **B05D 7/24**, 5/00, B32B 27/00, C09D 5/00, 183/04  
 (22) 31.03.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/JP2006/306956 31.03.2006 (87) WO2006/109600 19.10.2006  
 (30) 2005-108621 05.04.2005 JP  
 2005-157431 30.05.2005 JP

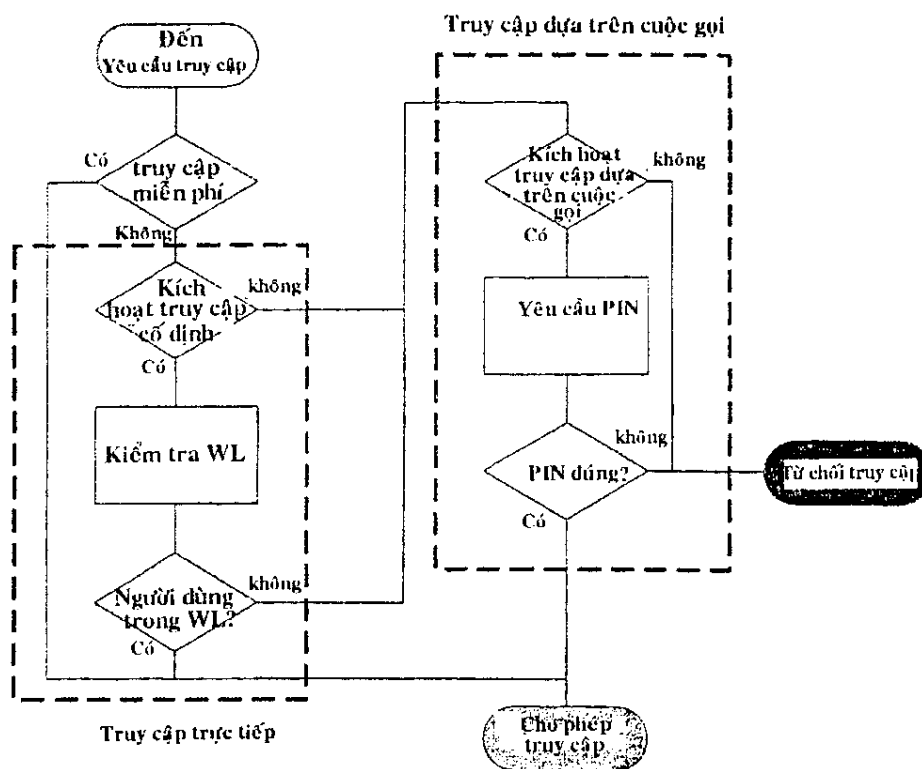
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 05.11.2007

- (71) CHUGOKU MARINE PAINTS, LTD. (JP)  
 1-7, Meijishinkai, Ohtake-shi, Hiroshima 7390652 Japan  
 (72) YUKI, Shuuhei (JP), ONO, Masashi (JP), TASHIRO, Shinnichi (JP), DOI, Masakazu (JP)  
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)  
 (54) **SƠN LIÊN KẾT DÙNG CHO LỚP PHỦ CHỐNG GỈ CÓ GỐC POLYSILOXAN HỮU CƠ, LỚP PHỦ HỖN HỢP, TÀU VÀ CÔNG TRÌNH DƯỚI NƯỚC ĐƯỢC PHỦ BẰNG LỚP PHỦ NÀY**  
 (57) Sáng chế đề xuất lớp sơn liên kết (lớp liên kết, lớp phủ lót) mà được tạo ra trên bề mặt của nền hoặc lớp lót trước khi tạo thành lớp phủ chống gỉ có gốc organopolysiloxan và được tạo ra từ hợp phần có gốc organopolysiloxan hữu cơ lưu hóa ẩm bao gồm (b1) polysiloxan hữu cơ có các nhóm chức ngưng tụ ở cả hai đầu tận cùng của phân tử và/hoặc (b2) hợp phần lưu hóa được tạo ra bằng cách cho thành phần (b1) và chất độn tạo màu được chọn từ nhóm bao gồm silic oxit, canxi cacbonat, bột đá tan, mica, đất sét, kaolin và bari sulfat tiến hành xử lý tiếp xúc có gia nhiệt hoặc không gia nhiệt. Sáng chế cũng đề xuất lớp phủ hỗn hợp trong đó trên bề mặt của lớp sơn liên kết nêu trên được tạo ra lớp phủ ngoài tạo ra từ hợp phần lưu hóa có gốc polysiloxan hữu cơ loại ba gói bao gồm (c1) tác nhân chính bao gồm thành phần (b1), (c2) thành phần tác nhân lưu hóa bao gồm tetraalkoxysilicat hoặc phân ngưng tụ của nó và (c3) thành phần chất thúc đẩy lưu hóa bao gồm hợp chất kim loại. Sáng chế đề xuất thêm lớp phủ hỗn hợp trong đó lớp phủ kín có gốc epoxy, lớp sơn liên kết và lớp phủ ngoài được tạo ra theo thứ tự này trên bề mặt của lớp phủ chống gỉ cũ (G). Sáng chế đề xuất lớp sơn liên kết có khả năng tạo ra lớp phủ hỗn hợp có đặc tính liên kết liên lớp tuyệt vời. Lớp phủ hỗn hợp được tạo ra một cách thuận lợi trên bề mặt của nền, lớp lót, lớp phủ chống gỉ cũ hoặc tương tự, có lực liên kết liên lớp tuyệt vời và đặc tính chống gỉ và được ưu tiên sử dụng để sơn các bề mặt phía ngoài của tàu biển, các phần cấu trúc ngập chìm dưới biển, các kênh dẫn/cung cấp nước của nhà máy điện nguyên tử, v.v.

- (11) **16285**  
 (21) 1-2007-02327 (51)<sup>7</sup> **H04L 29/06**, 12/22  
 (22) 26.04.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/GB2006/001537 26.04.2006 (87) WO2006/114629 02.11.2006  
 (30) 0508454.6 26.04.2005 GB

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 05.11.2007

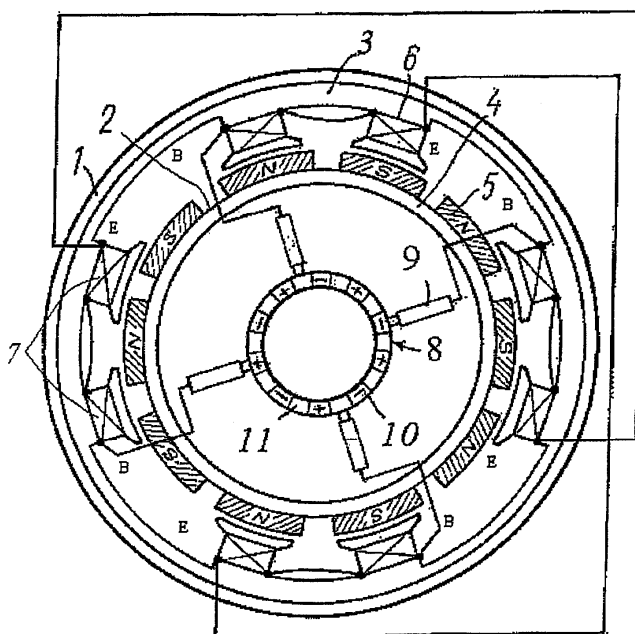
- (71) HUTCHISON WHAMPOA THREE G IP (BAHAMAS) LIMITED (BS)  
 Offshore Group Chambers, P.O.Box CB-12751, Nassau, New Providence, Bahamas  
 (72) PUGLIESE, Francesco (IT), SEAL, Chris (GB)  
 (74) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)  
 (54) PHƯƠNG PHÁP KIỂM SOÁT VIỆC TRUY CẬP THIẾT BỊ TỪ XA  
 (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp truyền nội dung truyền thông giữa thiết bị đầu cuối của người dùng và thiết bị từ xa, tất cả thiết bị cuối di động đều có khả năng truyền dữ liệu đa phương tiện. Việc truyền xảy ra giữa các thiết bị đầu cuối trừ khi thiết bị đầu cuối của người dùng được phép kết nối với thiết bị từ xa. Chức năng cấp phép và chức năng quản lý khác như là quản lý và cập nhật danh sách người dùng được phép. ...v.v được kiểm soát từ xa bởi người sở hữu của thiết bị từ xa với sự giúp đỡ của PIN chủ.



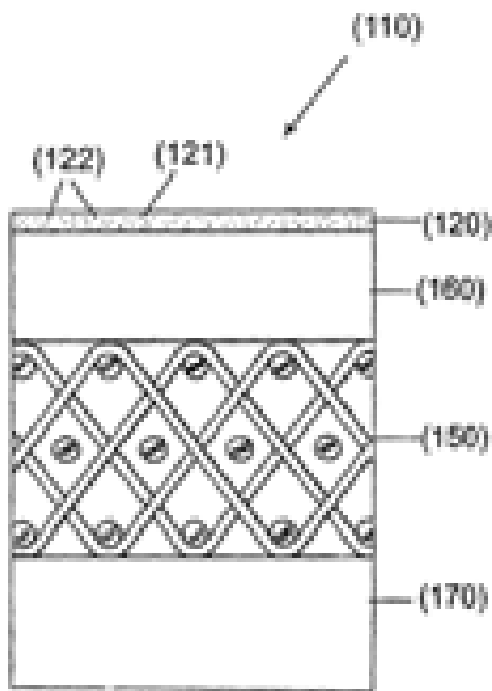
- (11) **16286**  
 (21) 1-2007-02336 (51)<sup>7</sup> **H02K 13/04**  
 (22) 10.04.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/GB2006/001295 10.04.2006 (87) WO2006/109030 19.10.2006  
 (30) 2005110334 11.04.2005 RU  
 160/DEL/2006 20.01.2006 IN

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 31.12.2007

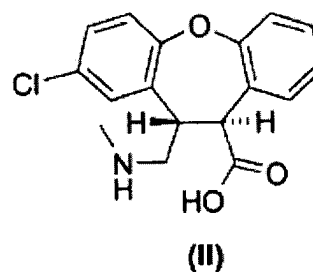
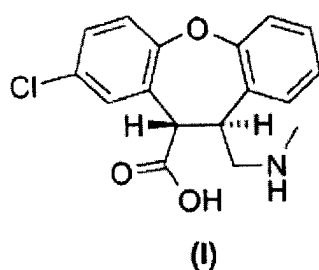
- (71) ULTRA MOTOR COMPANY LIMITED (GB)  
 P.O. Box 903, 52 Mount Pleasant, Liverpool, L69 3FT, Great Britain  
 (72) SHKONDIN, Vasily, Vasilievich (RU)  
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Quyến (INVENCO)  
 (54) **ĐỘNG CƠ ĐIỆN QUÁN TÍNH KIỂU XUNG**  
 (57) Sáng chế đề cập tới động cơ điện quán tính kiểu xung bao gồm: stato với bộ phận dẫn từ hình khuyên trên đó một số chấn nam châm vĩnh cửu được bố trí đồng đều với khoảng cách định trước, rôto được bố trí tách rời ra khỏi stato bởi một khe không khí và đỡ một số chấn nam châm điện, từng nam châm điện này bao gồm các cuộn dây thứ nhất và thứ hai với chiều quấn dây ngược nhau, các cuộn dây được nối nối tiếp, bộ phân phối góp dòng điện (bộ góp) được lắp trên stato, các tấm mang điện được tách rời bởi các đệm cách điện và được nối với cực tính xen kẽ với một nguồn điện một chiều, và các bộ góp điện lắp trên rôto và có khả năng tiếp xúc với các tấm mang điện của bộ phân phối góp dòng điện.



- (11) **16287**  
(21) 1-2007-02339 (51)<sup>7</sup> **D21F 1/00**, 3/02  
(22) 24.03.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/US2006/010822 24.03.2006 (87) WO2006/113046 26.10.2006  
(30) 11/104,859 13.04.2005 US  
(71) ALBANY INTERNATIONAL CORP. (US)  
1373 Broadway, Albany, New York 12204, United States of America  
(72) Joseph SALITSKY (US), Bo-Christer ABERG (SE)  
(74) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)  
(54) **VẢI CÔNG NGHIỆP CÓ LỚP PHUN PHỦ NÓNG BẢO VỆ**  
(57) Sáng chế đề cập đến vải hoặc băng đai (110) và phương pháp chế tạo vải hoặc băng đai này, bao gồm cấu trúc đỡ cơ bản (150) và ít nhất một lớp phủ (120) với lớp phủ được phủ bằng quy trình phun nóng.

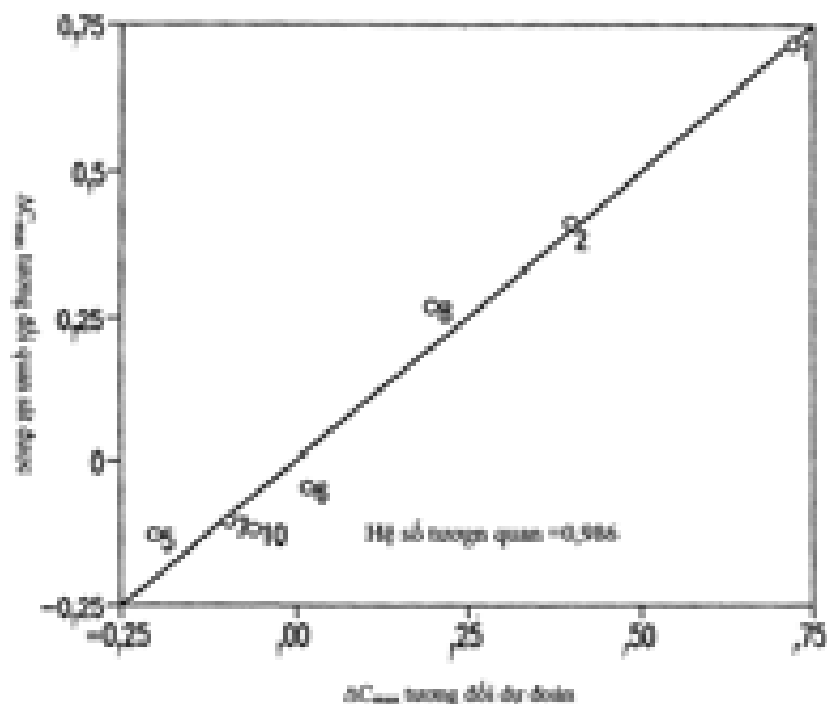


- (11) **16288**  
 (21) 1-2007-02354 (51)<sup>7</sup> **C07D 313/14**, 491/04  
 (22) 06.04.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/EP2006/061409 06.04.2006 (87) WO2006/106136 12.10.2006  
 (30) 05102742.3 07.04.2005 EP  
 (71) N.V. ORGANON (NL)  
 Kloosterstraat 6, NL-5349 AB Oss, the Netherlands  
 (72) Kemperman, Gerardus, Johannes (NL), Van Der Linden, Jacobus, Johannes, Maria (NL), Reeder, Michael, R. (US)  
 (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)  
 (54) CÁC HỢP CHẤT TRUNG GIAN ĐỂ ĐIỀU CHẾ TRANS-5-CLO-2-METYL-2,3,3A,12B-TETRAHYDRO-1H-DIBENZ[2,3:6,7]OXEPINO[4,5-C]PYROL  
 (57) Sáng chế đề cập đến các dẫn xuất axit amin mới có công thức (I) và (II),



các quy trình điều chế chúng, và phương pháp sử dụng chúng để điều chế trans-5-clo-2-metyl- 2,3,3a,12b-tetrahydro-1H-dibenz[2,3:6,7]oxepino- 5[4,5-e]pyrol.

- (11) **16289**
- (21) 1-2007-02361 (51)<sup>7</sup> **A61K 9/48**, 31/192, 9/20, 9/28, 9/00, 9/50
- (22) 07.04.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2006/013121 07.04.2006 (87) WO2006/135480 21.12.2006
- (30) 60/669,699 08.04.2005 US
- (71) ABBOTT LABORATORIES (US)  
Dept. 377 Bldg AP6A-1, 100 Abbott Park Road, Abbott Park, Illinois 60064-6008, United States of America
- (72) ZHU, Tong (CN), JU, Tzuchi, R. (US), DAVILA, Claudia, M. (US), ENGH, Kevin, R. (US), GAO, Yi (US), GUSTAVSON, Linda, E. (US), JAYARAMAN, Shyamala, C. (US), LEBLOND, David (US), LEE, Dennis, Y. (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **DUỐC PHẨM DẠNG LIỀU RẮN**
- (57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm dùng qua đường miệng chứa hoạt chất chứa ít nhất là một trong các axit 2-[4-(4-clobenzoyl)phenoxy]-2-metyl-propanoic, muối của axit 2-[4-(4-clobenzoyl)phenoxy]-2-metyl-propanoic hoặc axit 2-[4-(4-clobenzoyl)phenoxy]-2-metyl-propanoic được đệm.



(11) **16290**

(21) 1-2007-02384

(51)<sup>7</sup> **A61C 17/16, A46B 5/00**

(22) 11.04.2006

(43) 25.01.2008

(86) PCT/US2006/013901 11.04.2006

(87) WO2006/110880

19.10.2006

(30) 11/104,158 12.04.2005 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 12.11.2007

(71) COLGATE-PALMOLIVE COMPANY (US)

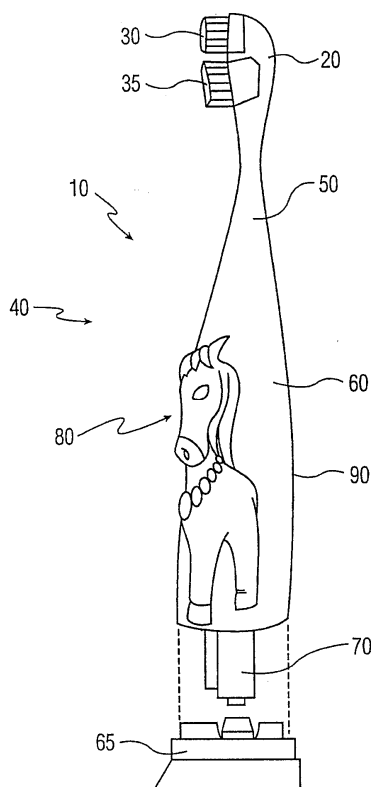
300 Park Avenue, New York, New York 10022, United States of America

(72) JIMENEZ Eduardo (US), MANTILLA Alberto (US), BAXTER Tony (GB), SIERRA Diana (US)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

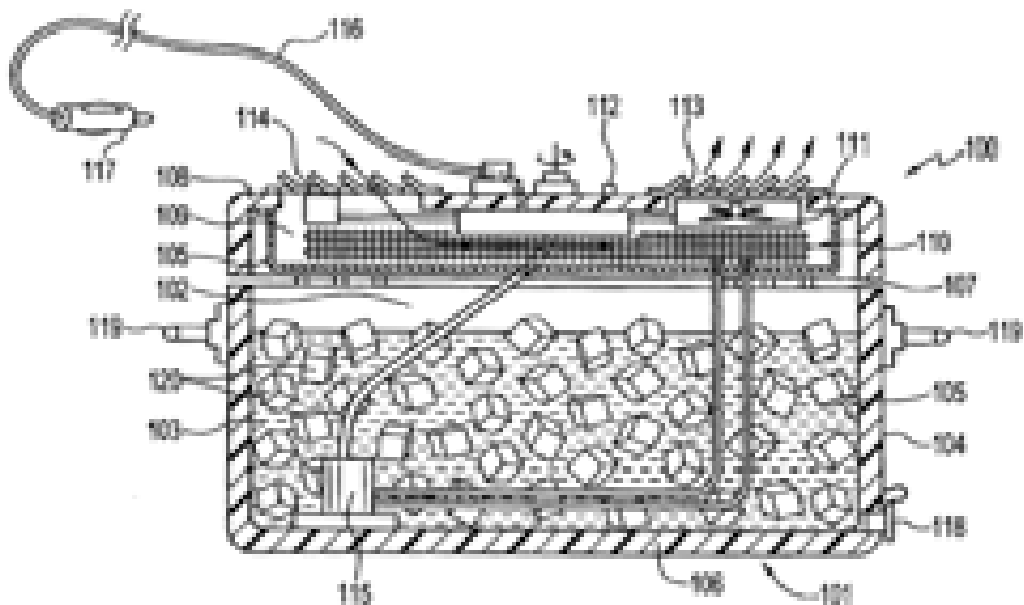
(54) DỤNG CỤ CHĂM SÓC MIỆNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TRANG TRÍ THÂN DỤNG CỤ NÀY

(57) Sáng chế đề xuất dụng cụ chăm sóc miệng bao gồm đầu (20) và thân (40) có phần biểu thị đặc trưng bề mặt kích thước ba chiều trên thân về cơ bản không được trang trí. Vỏ (100) được lắp với thân và bao gồm phần trang trí (110) kết hợp với phần biểu thị đặc trưng bề mặt kích thước ba chiều, sao cho bề ngoài của thân thân có lắp vỏ có phần biểu thị đặc trưng bề mặt kích thước ba chiều trang trí.



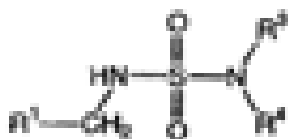


- (11) **16291**  
(21) 1-2007-02386 (51)<sup>7</sup> **F25D 3/08**  
(22) 12.04.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/IB2006/051120 12.04.2006 (87) WO2006/109257 19.10.2006  
(30) 10/907,703 12.04.2005 US  
(71) E-Z COOL, LLC (US)  
9822 Shoe Creek Drive, Baton Rouge, LA 70810, United States of America  
(72) MARTELLO, Russell, A. (US)  
(74) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)  
(54) MÁY ĐIỀU HOÀ KHÔNG KHÍ XÁCH TAY  
(57) Sáng chế đề xuất máy điều hoà không khí xách tay sử dụng các bộ phận tiêu thụ ít điện năng, có kết cấu đơn giản và hiệu quả, và sử dụng nước đá thông thường làm môi chất trao đổi nhiệt.

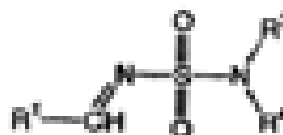


- (11) **16292**
- (21) 1-2007-02420 (51)<sup>7</sup> **D01F 6/82**, A41D 31/00, D01F 6/90, 8/12
- (22) 17.04.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/JP2006/308043 17.04.2006 (87) WO/2006/112437 26.10.2006
- (30) 2005-119383 18.04.2005 JP  
2005-185183 24.06.2005 JP  
2005-221042 29.07.2005 JP
- (71) GUNZE LIMITED (JP)  
1, Zeze, Aono-cho, Ayabe-shi, Kyoto, 6238511, Japan
- (72) SUETO, Soichi (JP), TANAKA, Yoshimi (JP), SATO, Akihiro (JP), MITA, Tomoyuki (JP), YANAGIZAWA, Hirofumi (JP), NOMURA, Hiroki (JP), OZAKI, Kazuhito (JP), OZAWA, Nanami (JP)
- (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) SỢI TẠO CẢM GIÁC DỄ CHỊU KHI TIẾP XÚC
- (57) Sáng chế đề xuất sợi tạo cảm giác dễ chịu khi tiếp xúc dễ chịu khi sờ tay và chạm vào da và có khả năng ngăn được cảm giác khó chịu khi bị ướt và đề xuất vải, quần áo, và đồ lót dệt tạo cảm giác dễ chịu khi tiếp xúc được sản xuất từ sợi tạo cảm giác dễ chịu khi tiếp xúc này.  
Sáng chế đề xuất sợi tạo cảm giác dễ chịu khi tiếp xúc, có chứa chất đàn hồi dẻo nhiệt và chất độn vô cơ.

- (11) **16293**  
 (21) 1-2007-02429 (51)<sup>7</sup> **C07C 303/34**, 307/06, C07D  
 209/14, 211/96, 307/81, 333/58,  
 409/12, C07H 1/00  
 (22) 19.04.2006 (43) 25.01.2008  
 (86) PCT/US2006/014766 19.04.2006 (87) WO2006/127184 30.11.2006  
 (30) 60/683151 20.05.2005 US  
 (71) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)  
 J&J Patent Law Department Beerse, Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse, Belgium  
 (72) ABDEL-MAGID, Ahmed F. (US), MEHRMAN, Steven J. (US)  
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)  
 (54) QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ CÁC HỢP CHẤT SULFAMIT  
 (57) Sáng chế đề cập đến quy trình điều chế các dẫn xuất sulphonylimin [cụ thể là các hợp chất có công thức (XII)] và các dẫn xuất sulphamit [cụ thể là hợp chất có công thức (I)]. Quy trình bao gồm cho aldehyt phản ứng với sulphamit được thể hoặc không được thể, với sự có mặt của axit hoặc clotrimetylsilan (TMSC1) để thu được sulphonylimin tương ứng và tùy ý khử hoặc hydro hoá sulphonylimin để thu được dẫn xuất sulphamit tương ứng.



(I)



(XII)

(11) **16294**

(21) 1-2007-02432

(51)<sup>7</sup> **G07B 13/00**

(22) 19.11.2007

(43) 25.01.2008

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 19.11.2007

(71) **CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN HÌNH CẤP TÂY NGUYÊN (VN)**

198 Phan Đình Phùng, thị xã Kon Tum, tỉnh Kon Tum

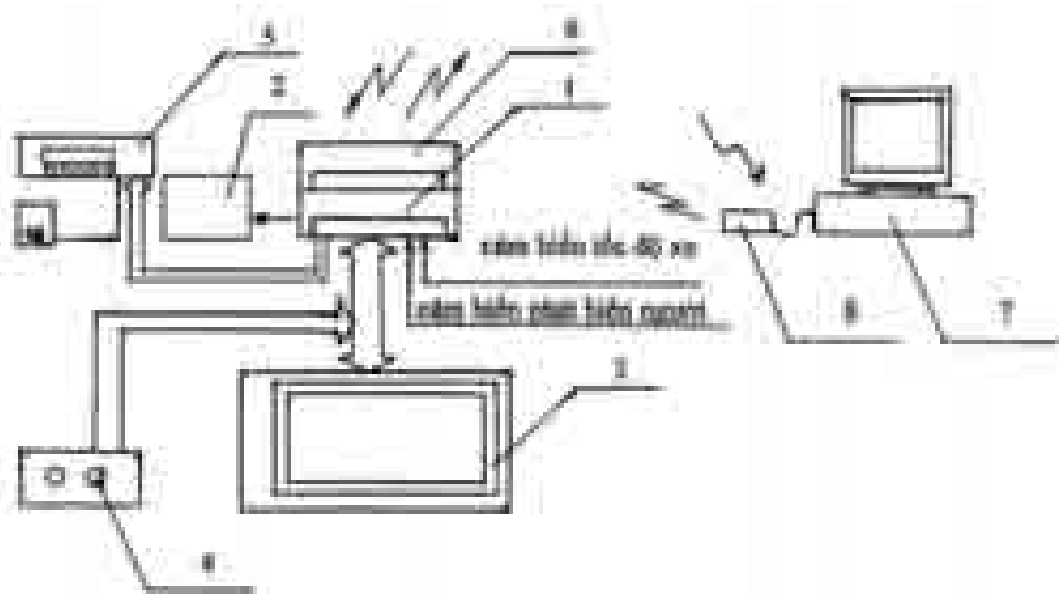
(72) Phan Chánh Hiền (VN)

(54) **HỆ THỐNG QUẢN LÝ TAXI**

(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống quản lý taxi bao gồm:

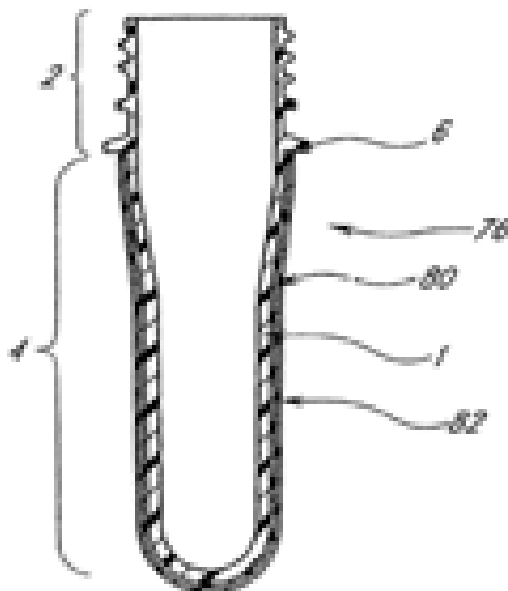
khối xử lý trung tâm có nhiệm vụ nhận thông tin từ cảm biến tốc độ xe, cảm biến phát hiện người trong xe, để tính ra quãng đường và giá trị tiền cước, từ đó xuất ra tín hiệu điều khiển cho khối hiển thị là màn hình LCD và tự động cắt âm thanh máy bộ đàm khi đang phục vụ khách, khối điều khiển phát giọng nói, khối truyền nhận dữ liệu qua sóng để giao tiếp với trung tâm điều hành từ xa khi có yêu cầu truyền dữ liệu,

khối điều khiển phát giọng nói có nhiệm vụ phát thông tin của dịch vụ đến xe, khối truyền nhận dữ liệu qua sóng gồm môđun thu phát sóng có chức năng mã hoá dữ liệu đưa vào và phát ra sóng điện từ, giải mã dữ liệu nhận qua sóng điện từ, khối xử lý trung tâm giao tiếp với trung tâm điều hành phải thông qua khối truyền nhận dữ liệu này để thực hiện lấy dữ liệu từ đồng hồ, xoá dữ liệu cũ.

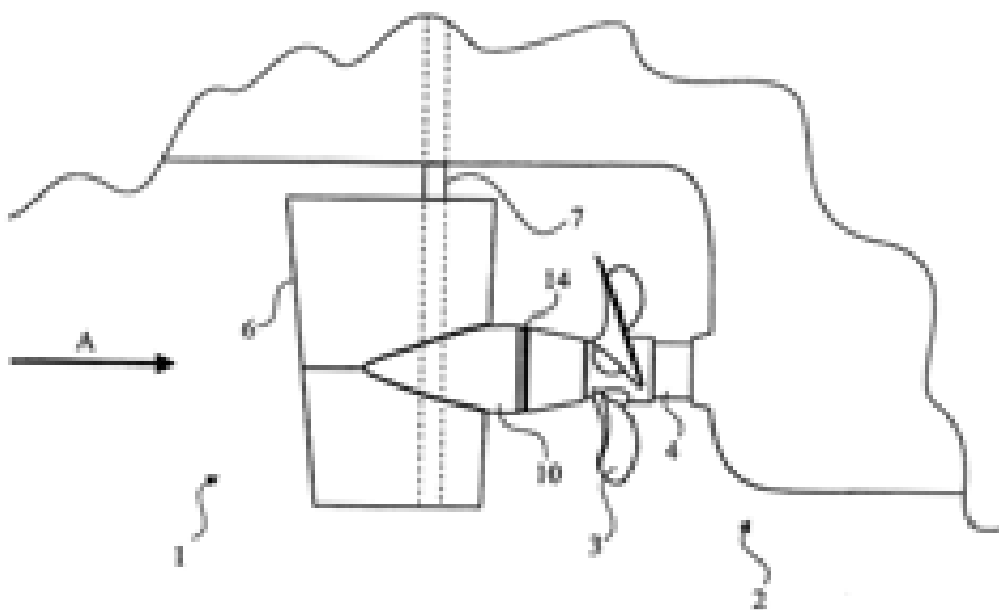


- (11) **16295**
- (21) 1-2007-02434 (51)<sup>7</sup> **A01N 25/04**, 25/30, 51/00, 7/04
- (22) 07.04.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2006/003202 07.04.2006 (87) WO2006/111279 26.10.2006
- (30) 10 2005 018 262.3 20.04.2005 DE
- (71) BAYER CROPSCIENCE AG (DE)  
Alfred-Nobel Strasse 50, 40789 Monheim, Germany
- (72) VERMEER Ronald (NZ), BAUR Peter (DE)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) **CHẾ PHẨM CÔ ĐẶC DẠNG HUYỀN PHÙ NỀN DẦU VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT**
- (57) Sáng chế đề xuất chế phẩm cô đặc dạng huyền phù nền dầu mới chứa hoạt chất nông hoá, tới quy trình sản xuất các chế phẩm này và tới ứng dụng của chúng để áp dụng hoạt chất có mặt trong đó.

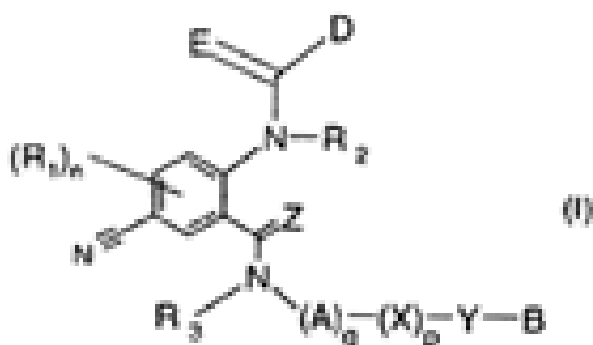
- (11) **16296**
- (21) 1-2007-02447 (51)<sup>7</sup> **B05D 7/00, C08J 7/04**
- (22) 17.04.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2006/014300 17.04.2006 (87) WO2006/113561 26.10.2006
- (30) 60/672,321 18.04.2005 US  
 60/695,023 29.06.2005 US  
 60/726,973 14.10.2005 US  
 60/737,536 17.11.2005 US  
 60/761,667 24.01.2006 US
- (71) ADVANCED PLASTICS TECHNOLOGIES LUXEMBOURG S.A. (LU)  
 82 Route d'Arlon, L-1150 Luxembourg, Grand-Duchy of Luxembourg (LU)
- (72) Lee, Robert, A (GB), Hutchinson, Gerard, A. (US), Farha, Said (US), Tharmapuram, Sriram (IN)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) **VẬT PHẨM ĐƯỢC BỌC CHỊU NƯỚC VÀ PHƯƠNG PHÁP CHẾ TẠO CHÚNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến các vật phẩm được bọc có thể bao gồm một hoặc nhiều lớp bọc, bao gồm các lớp bọc chịu nước. Phương pháp bao gồm việc ứng dụng các lớp bọc như vậy bằng cách bọc nhúng, phun hoặc chảy. Các phương pháp này có thể tạo ra các chai được bọc, tốt hơn nếu bao gồm polyetylen terephthalat, từ các khuôn không bọc. Theo một số phương pháp, các dung dịch có nước, các thể phân tán, hoặc các nhũ tương là gần như hoặc hoàn toàn không có các VOC.



- (11) **16297**  
(21) 1-2007-02452 (51)<sup>7</sup> **B63H 1/28**, 25/38  
(22) 29.03.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/SE2006/050048 29.03.2006 (87) WO2006/112787 26.10.2006  
(30) 0500895-8 20.04.2005 SE  
0502423-7 31.10.2005 SE  
(71) ROLLS-ROYCE AKTIEBOLAG (SE)  
P.O. Box 1010, SE-681 29 Kristinehamn, Sweden  
(72) PETTERSSON Goran (SE), Kare KROVEL NERLAND (NO)  
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
(54) CƠ CẤU LÁI VÀ ĐẨY TÀU VÀ TÀU CÓ TRANG BỊ CƠ CẤU NÀY  
(57) Sáng chế đề cập tới cơ cấu lái và đẩy dùng cho tàu. Cơ cấu lái và đẩy theo sáng chế bao gồm chân vịt tàu thủy (3) và tấm lái (6). Phần bầu đẩy dạng khí động học (10) được làm liền khối với hoặc lắp cố định với tấm lái. Sáng chế cũng đề cập tới tàu (2) có trang bị cơ cấu theo sáng chế.

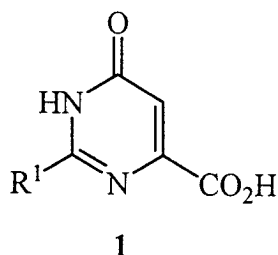


- (11) **16298**
- (21) 1-2007-02458 (51)<sup>7</sup> **C07D 401/04**, A01N 43/56
- (22) 18.04.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/EP2006/003504 18.04.2006 (87) WO2006/111341 26.10.2006
- (30) 0507989.2 20.04.2005 GB  
0525060.0 08.12.2005 GB
- (71) SYNGENTA PARTICIPATIONS AG (CH)  
Schwarzwaldallee 215, CH-4058 Basel (CH)
- (72) JEANGUENAT, Andre (CH), O'SULLIVAN, Anthony (GB), MUEHLEBACH, Michel (CH), TRAH, Stephan (DE), HALL, Roger, Graham (GB)
- (74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)
- (54) THUỐC DIỆT CÔN TRÙNG XYANO ANTHRANILAMIT
- (57) Hợp chất có công thức (I) trong đó các phần tử thế là như được định nghĩa trong điểm 1 yêu cầu bảo hộ, và các muối có thể chấp nhận nông hoá và tất cả các dạng đồng phân lập thể và tautome của hợp chất có công thức I có thể được sử dụng làm thành phần hoạt tính nông hoá và có thể được điều chế theo cách đã biết chi tiết.



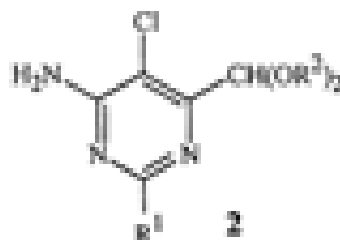
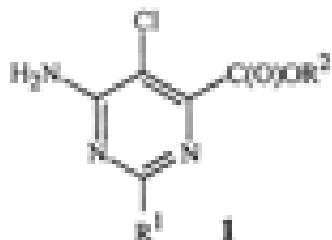


- (11) **16299**  
(21) 1-2007-02593 (51)<sup>7</sup> **C07D 239/28**, A61K 31/505  
(22) 28.04.2006 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/US2006/016340 28.04.2006 (87) WO2006/121648 16.11.2006  
(30) 60/678,264 06.05.2005 US  
(71) E. I. DUPONT DE NEMOURS AND COMPANY (US)  
1007 Market Street, Wilmington, Delaware 19898, United States of America  
(72) SHAPIRO Rafael (US)  
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)  
(54) PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ HỢP CHẤT AXIT 1,6-ĐIHYĐRO-6-OXO-4-PYRIMIDINCARBOXYLIC TÙY Ý ĐƯỢC THỂ Ở VỊ TRÍ 2  
(57) Sáng chế đề cập tới phương pháp điều chế hợp chất axit 1,6-đihydro-6-oxo 4-pyrimidincarboxylic tùy ý được thể tại vị trí 2 có công thức 1



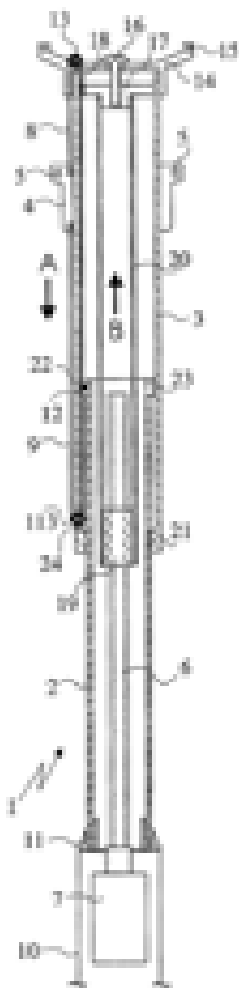
trong đó R1 là H hoặc gốc cacbon tùy ý được thể. Sáng chế cũng đề cập tới phương pháp bao gồm các bước bổ sung để điều chế các axit 4-pyrimidin carboxylic tùy ý được thể và các este bằng cách sử dụng hợp chất trung gian có công thức 1.

- (11) **16300**
- (21) 1-2007-02607 (51)<sup>7</sup> **C07D 239/30**, 239/36, 239/42
- (22) 12.05.2006 (43) 25.01.2008
- (86) PCT/US2006/018522 12.05.2006 (87) WO2006/124657 23.11.2006
- (30) 60/681,298 16.05.2005 US
- (71) E. I. DUPONT DE NEMOURS AND COMPANY (US)  
1007 Market Street, Wilmington, Delaware 19898, United States of America
- (72) ANNIS Gary David (US)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) HỢP CHẤT PYRIMIDIN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ HỢP CHẤT PYRIMIDIN ĐƯỢC THỂ
- (57) Sáng chế đề cập tới phương pháp điều chế hợp chất este (có công thức 1),



trong đó R<sup>1</sup> là xyclopropyl, 4-clophenyl hoặc 4-bromphenyl; và R<sup>2</sup> là C<sub>1</sub>-C<sub>14</sub> alkyl; bao gồm bước cho hợp chất axetal (có công thức 2) tiếp xúc với chất oxy hóa persulfat với sự có mặt của axit vô cơ mạnh chứa lưu huỳnh hoặc phospho và dung môi chống oxy hóa.

- (11) **16301**  
(21) 1-2007-02612 (51)<sup>7</sup> **A45B 25/16**  
(22) 01.12.2005 (43) 25.01.2008  
(86) PCT/IL2005/001293 01.12.2005 (87) WO2006/059334 08.06.2006  
(30) 165541 02.12.2004 IL  
(75) AMSEL, CHAIM SIMCHA (IL)  
5 Ha'Admor Me'viznitz Street, 97707 Jerusalem, Israel  
(74) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)  
(54) **Ô GẤP CÓ CƠ CẤU MỞ VÀ ĐÓNG BẰNG ĐIỆN**  
(57) Sáng chế đề cập đến ô điện. Ô bao gồm tán gấp, cán ô theo kiểu ống lồng và động cơ điện. Ô được cấu hình để cho phép đồng thời mở hoặc đóng tán gấp và ống lồng bằng động cơ điện.



PHẦN II

**ĐƠN YÊU CẦU CẤP BẰNG ĐỘC QUYỀN GIẢI PHÁP HỮU ÍCH**

(11) **1101**

(21) 2-2007-00098

(51)<sup>7</sup> **B29C 45/70**

(22) 26.06.2007

(43) 25.01.2008

(30) 200620124226.3 27.06.2006 CN

(71) NG, WUN HUNG (HK)

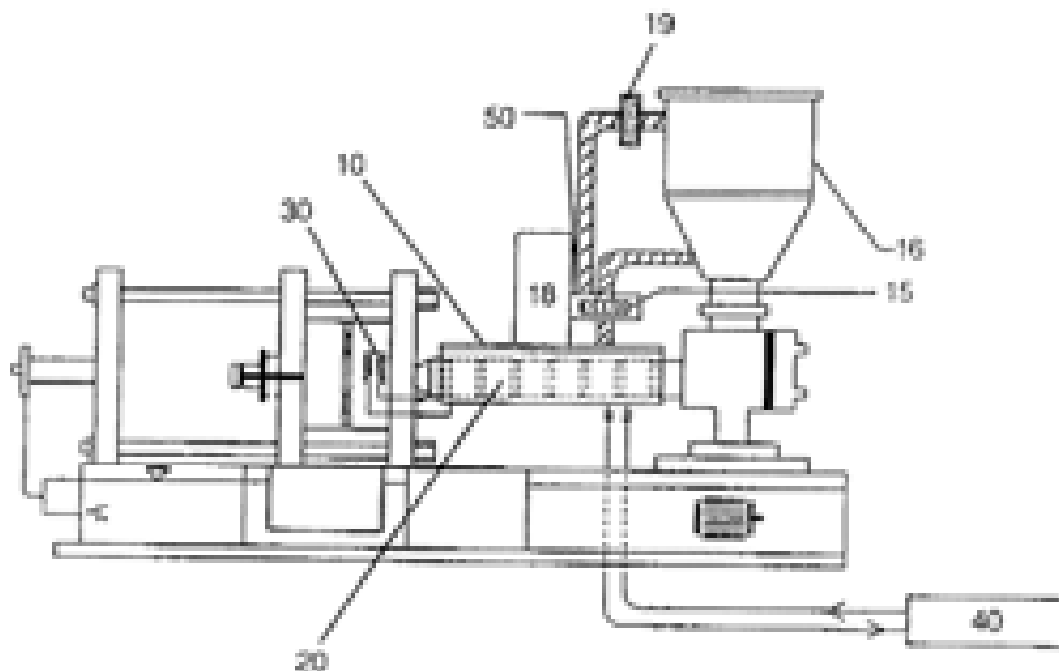
Flat 5, 2/F., Shing Yip Ind. Bldg., 19-21 Shing Yip Street, Kwun Tong, Kowloon, HONG KONG

(72) NG, WUN HUNG (HK)

(74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(54) **THIẾT BỊ THU HỒI NHIỆT THẢI DÙNG CHO MÁY ĐÚC ÁP LỰC**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị thu hồi nhiệt thải dùng cho máy đúc áp lực bao gồm vỏ trong tách rời và cách nhiệt, vỏ ngoài, lớp cách nhiệt và nhiều ống dẫn nhiệt được lắp song song với nhau ở giữa lớp cách nhiệt và vỏ trong. Thiết bị thu hồi nhiệt thải được lắp theo chu vi vào vùng nhiệt của xi lanh của máy đúc áp lực. Do kết cấu đơn giản, nên dễ dàng sản xuất và lắp đặt, đồng thời giá thành giảm. Năng lượng được tiết kiệm đáng kể.



(11) **1102**

(21) 2-2007-00109

(51)<sup>7</sup> **F21V 21/00**

(22) 19.07.2007

(43) 25.01.2008

(30) 095212908 21.07.2006 TW

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 19.07.2007

(71) LIN, YUNG-CHUAN (TW)

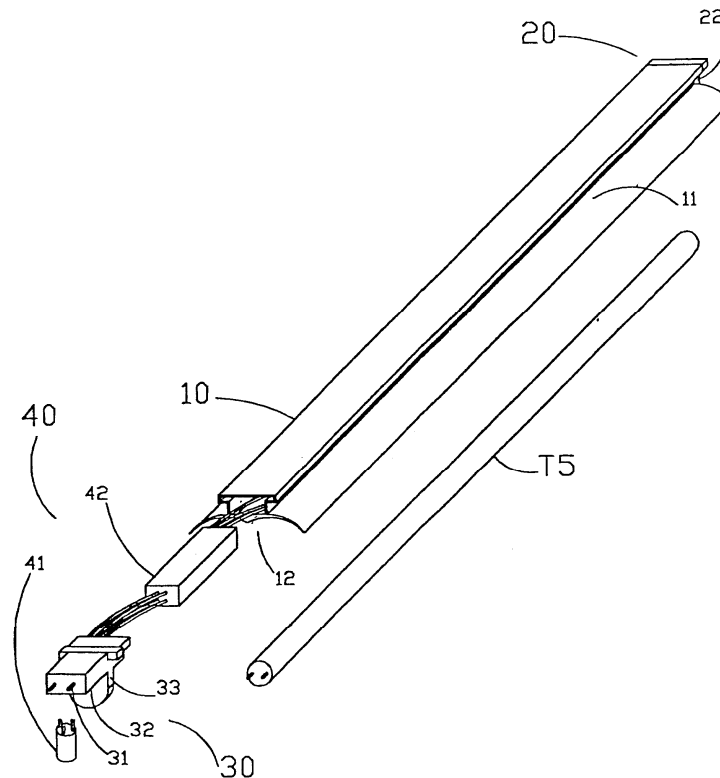
3F., No. 46, Lane 327, Yuen Shan Road, Chunghe City, Taipei Hsien, Taiwan

(72) LIN, Yung-Chuan (TW)

(74) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(54) **KẾT CẤU MÁNG ĐÈN HUỖNH QUANG**

(57) Sáng chế đề xuất kết cấu máng đèn đèn huỳnh quang được cấu thành bởi một kết cấu ống rỗng mặt phản quang, kết cấu đui cắm ống đèn đặc thù, kết cấu đui cắm ống đèn đặc thù kiêm để cắm sửa chữa mạch điện nhanh và một mạch điện thấp đèn kiểu điện tử đèn huỳnh quang được phân bố thành đơn nguyên mạch điện cắm ngoài và đơn nguyên mạch điện bố trí bên trong, đặc biệt để cắm mạch điện sửa chữa nhanh dùng để thay thế nhanh, bảo vệ đơn nguyên mạch điện cắm ngoài, sáng chế này ngoài có thể độc lập sử dụng ra còn có thể trong trường hợp sử dụng kết cấu đui đèn huỳnh quang của ống đèn T8 truyền thống và mạch điện khởi động kiểu cảm ứng điện, sau khi xoáy tụ điện khởi động, trực tiếp đưa kết cấu của sáng chế này cài lên trên kết cấu đui cắm ống đèn của máng đèn huỳnh quang T8 truyền thống, thì có thể nâng cấp sử dụng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường của ống đèn huỳnh quang T5 và mạch điện thấp đèn kiểu điện tử đèn huỳnh quang.



(11) **1103**

(21) 2-2007-00110

(51)<sup>7</sup> **B62K 15/00**

(22) 24.07.2007

(43) 25.01.2008

(30) 200620062021.7 24.07.2006 CN

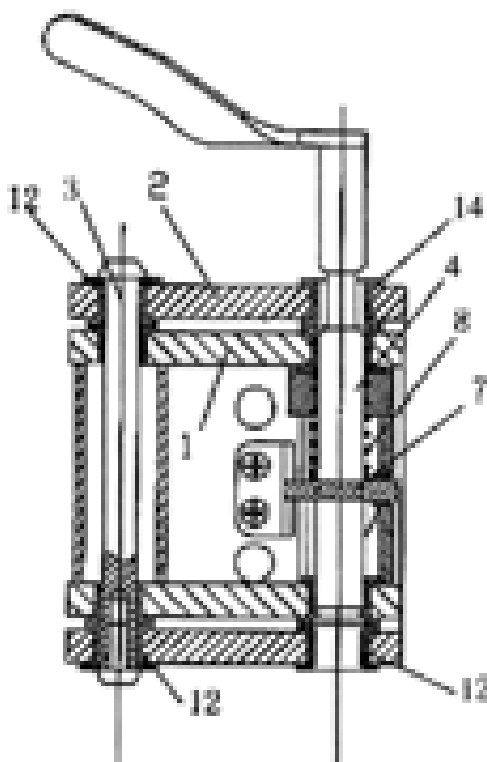
(75) DAVID TAK-WEI, HON (US)

Bldg. DA HON, Furong Industrial Zone, Furong 6th Road, Shajing Town, Bao An, Shenzhen, 518125, P.R. China

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) KHỚP NỐI GẤP ĐƯỢC GIA CƯỜNG

(57) Sáng chế đề cập đến khớp nối gấp được gia cường bao gồm hai tấm nối được làm bằng vật liệu kim loại nhẹ, hai tấm nối này được nối bản lề với nhau ở một phía của chúng với trục bản lề bằng thép, đòn khoá bằng thép được bố trí ở phía còn lại của một trong số các tấm nối, và ống lót trục chịu mài mòn được lắp tương ứng vào các lỗ của các tấm nối, các lỗ này được bố trí để tiếp nhận trục bản lề hoặc đòn khoá nêu trên. Khi hoạt động gấp hoặc mở khớp nối gấp này, ma sát giữa trục bản lề bằng thép và ống lót trục hoặc ma sát giữa đòn khoá bằng thép và ống lót trục sẽ được giảm bớt đáng kể so với ma sát giữa trục thép và vật liệu kim loại nhẹ như nhôm, do đó, tuổi thọ của khớp nối gấp được kéo dài và độ cứng của khớp nối gấp được bảo đảm.



(11) **1104**

(21) 2-2007-00111

(51)<sup>7</sup> **B62K 15/00**

(22) 24.07.2007

(43) 25.01.2008

(30) 200620062022.1 24.07.2006 CN

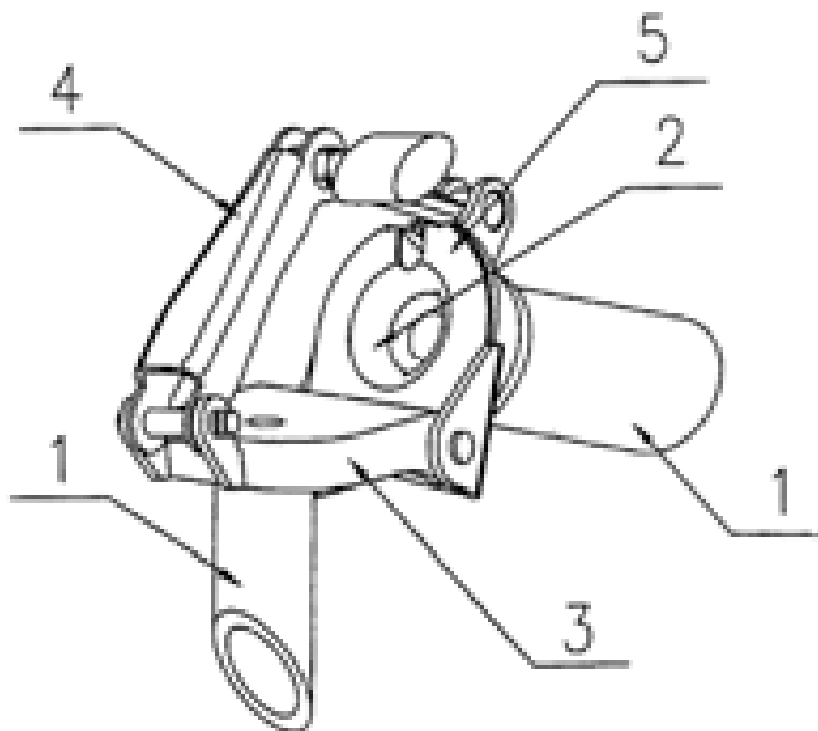
(75) DAVID TAK-WEI, HON (US)

Bldg. DA HON, Furong Industrial Zone, Furong 6th Road, Shajing Town, Bao An, Shenzhen, 518125, P.R. China

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) KHỚP NỐI GẤP ĐỘT LỖ

(57) Sáng chế đề cập đến khớp nối gấp đột lỗ bao gồm hai tấm nối, mỗi tấm nối được cố định tương ứng với đòn gấp, trong đó hai tấm nối được nối bản lề với nhau ở một phía của chúng, phía kia của mỗi tấm nối được nối bản lề một cách tương ứng với một đầu của đòn nối, và các đầu còn lại của hai đòn nối được nối bản lề với nhau, khác biệt ở chỗ, một tấm được bố trí trên tấm nối có diện tích tiếp xúc nhỏ hơn. Sáng chế còn ngăn ngừa một cách hiệu quả không cho lớp sơn trên diện tích tiếp xúc bị tróc sau một thời gian dài sử dụng, tạo ra khớp nối gấp đột lỗ đẹp hơn và bền hơn.



(11) **1105**

(21) 2-2007-00136

(51)<sup>7</sup> **C10G 7/00**

(22) 29.08.2007

(43) 25.01.2008

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 29.08.2007

(71) **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀO QUANG (VN)**

Khu Cầu Kiền, xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng

(72) Đoàn Văn Tiến (VN)

(74) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(54) **QUY TRÌNH TÁI CHẾ DẦU ĐIÊZEN**

(57) Sáng chế đề cập đến quy trình tái chế dầu điêzen bao gồm các công đoạn đun tách tạp chất ra khỏi dầu điêzen thải có sử dụng chất xúc tác; hoá hơi dầu điêzen; và tách dầu điêzen thành phẩm bằng nước.

